TAM ĐỀ THIỆN VỚI DUYÊN HỆ
PHẦN I

Bài 1:

KHÁI LƯỢC

Paṭṭhāna là bộ thứ bảy của Tạng Thắng Pháp (Abhidhamma). Các vị Luận Sư có giải thích: "Khi Đức Thế Tôn quán xét đến bộ Paṭṭhāna này, hào quang sáu màu: xanh (nīla), vàng (pīta), đỏ (lohita), trắng (odāta), cam (mañjiṭṭhāna) và màu chói sáng (pabhassarā) từ thân tỏa ra.

Hào quang xanh (nīla) tỏa ra từ những bộ phận trong cơ thể có màu đen như: tóc (kesā), lông (lomā) và tròng đen của mắt.

Hào quang vàng (pīta) tỏa ra từ da (taco).

Hào quang đỏ tỏa ra từ máu (lohita) hay từ thịt (maṃsa).

Hào quang trắng tỏa ra từ xương, răng, móng.

Hào quang màu cam và màu chói sáng tỏa ra từ khắp châu thân.

Hào quang sáu màu này phún ra từ kim thân Phật lan rộng về phía trên, lần lượt xuyên qua cõi Tứ Đại Vương, cõi Ba Mươi Ba, cõi Dạ ma (yāma), cõi Đẩu Suất, cõi Hóa lạc thiên, cõi Tha hóa tự tại, rồi vượt qua cõi Dục, xuyên qua các tầng Phạm thiên hữu sắc cho đến cõi Sắc cứu cánh.

Hào quang sáu màu này phún tận đến thượng tầng hư không thế giới. Không nơi nào hào quang sáu màu này không chiếu đến, hào quang Chư thiên, hào quang Phạm thiên không ngăn cản được hào quang sáu màu của Đức Thế Tôn.

Hào quang sáu màu này chiếu rọi xuống bên dưới, xuyên qua lớp đất dày 240 ngàn do tuần, xuyên qua lớp nước dày 480 ngàn do tuần nâng đỡ lớp đất, rồi hào quang sáu màu xuyên qua lớp nước dày 960 ngàn do tuần nâng đỡ nước, rồi xuyên thấu đến tận cùng hạ tầng hư không.

Hào quang này không thành tựu từ chú nguyện, không thành tựu do tu tiến, hào quang này thành tựu từ trí toàn giác suy sét pháp vi tế vi diệu và thâm sâu rộng lớn.

Do đó, từ Paṭṭhāna này khác với từ Paṭṭhāna trong Satipaṭṭhāna (thiết lập niệm).

1. Ý nghĩa chữ Paṭṭhāna:

Chữ Paṭṭhāna = Pa + $\sqrt{ṭhā}$ có 2 cách giải thích từ Paṭṭhāna.

a. Xuất phát từ động từ **Paṭṭhāhati**; Paṭṭhāna có nghĩa là "vị trí, nơi chốn". Như Satipaṭṭhāna "nơi ghi nhận, nơi chú ý"

Trong tạng kinh được dùng theo ý nghĩa này.

b. Xuất phát từ động từ **Paṭṭhāpeti**. *Paṭṭhāpeti* = Pa + $\sqrt{ṭhā}$ (đứng) + ape *Paṭṭhāpeti* là "thành lập, khởi sự, bắt đầu".

Paṭṭhāna nghĩa là: "Sự khởi điểm, sự thành lập, sự dẫn ra".

Paṭṭhāna trong bộ thứ bảy của Tạng Thắng Pháp được dùng theo nghĩa này.

Tiếp đầu ngữ PA, "*theo các bản sớ giải Tích Lan là* **khác biệt** *(mānappakāra);*

Ngài Ledi Sayadaw giải thích là "**chánh yếu**"

Chữ *ṭhāna* nghĩa đen là "chỗ, *nơi chốn*", *ṭhāna* ở đây được dùng với ý nghĩa là duyên (Paccaya).

Paṭṭhāna được dịch là duyên hệ. Chữ *Paccaya = Pati* + $\sqrt{i}$.

Pati là "*hướng về, liên quan*"; $\sqrt{i}$ là "*dī*"

Paccaya là "*liên quan đến hoạt động*", được dịch là **"duyên"**.

Sách Thanh tịnh đạo (visuddhimagga) (Vsm.chương 17.395), Ngài Buddhaghosa có giải thích:

- Paṭicca etasmātīti Paccayo: "*Nương nhờ nhau để diễn tiến, gọi là duyên*".

- Yo hidhammo yaṃ dhammaṃ apaccakkhāya tiṭṭhati và upajjhati và so tassa paccayoti vuttaṃ hoti. *"Pháp nào được sinh ra, nương nhờ, không lìa bỏ pháp sinh ra, chúng được gọi là duyên"*.

2. Duyên có trạng thái như thế nào?

Duyên (paccaya) có rất nhiều ý nghĩa; nhưng chung quy có hai *ý nghĩa chính.*

a. Duyên với ý nghĩa là "**nguyên nhân**", là chỉ cho sự trợ giúp sinh ra, gọi là "**trợ sinh**". Như: sắc pháp sinh khởi do bốn nhân (catubbidho) là: nghiệp (kamma), tâm (citta), thời tiết (utu) và vật thực (āhārarūpa). Ví như người mẹ sinh ra đứa con.

b. Duyên với ý nghĩa **"hỗ trợ"** được vững mạnh như Pāli có giải thích.

Paṭicca phalaṃ eti gacchāti pavattati etasmāti.

"Ủng hộ trợ giúp được vững mạnh gọi là duyên". Như nhũ mẫu giúp hài tử được tăng trưởng.

3. Thành phần của duyên

Trong một duyên có ba thành phần là:

a. Năng duyên (paccaya)

Là pháp có năng lực giúp pháp khác sinh ra, hoặc trợ giúp cho các pháp khác được vững mạnh, được gọi là năng duyên hay **pháp nhân**. Như:

i. Nghiệp sinh ra một loại sắc gọi là sắc nghiệp; hay tâm sinh ra loại sắc gọi là sắc tâm. Đây là mãnh lực **trợ sinh** và tâm hay nghiệp là pháp nhân, là năng duyên.

ii. Trong tâm thiện có trí, tâm sở vô si trợ giúp cho tâm sở vô tham khi thực hiện pháp bố thí…

Hoặc: "Vị Tỳ Khưu có định, sự thấy và biết như thật".[1]

Đây là mãnh lực hỗ trợ; tâm sở tư hay tâm sở định là năng duyên.

Pāli có giải thích.

- **Paṭicca phalaṃ ayati etasmāti paccayo**: *"Pháp của hiện khởi,* **tồn tại do nương vào pháp nhân; nên pháp nhân được gọi là năng duyên** *(paccaya)*

Hay là:

- *Paṭicca phalaṃ eti gacchati pavattati etasmāti* **paccayo:**

"Nương vào pháp nhân, pháp quả sinh lên, được tồn tại: Pháp nhân ấy được gọi là **năng duyên** *(paccaya).*

b. Sở duyên (paccayuppanna)

Là pháp được trợ giúp để **"sinh lên"**, hay được trợ giúp để **"vững mạnh"**, gọi là *Pháp quả* hay **Sở duyên** (paccayuppanna). Như: Bốn pháp chánh cần (sammappadhāna) giúp cho pháp thiện chưa sinh được sinh lên, pháp thiện đã sinh lên được tăng trưởng".

Như vậy pháp chánh cần là **năng duyên**; pháp thiện là **sở duyên**.

Pāli có giải thích như sau:

Paccayato uppannam paccayuppannaṃ[2]**:**

"Pháp sinh lên từ năng duyên, là **sở duyên***"*

c. Phi sở duyên (paccanika)

Là pháp không sinh ra từ năng duyên; còn gọi là *"nghịch duyên"*

Pāli có giải thích.

i. **Paccayuppannalla Pativiruddhaṃ anīkaṃ paccanikam:**

"Pháp đối lập với sở duyên là **phi sở duyên** *(nghịch duyên).*

Hay là:

ii. **Paccayuppannana Pacccati virujjhatīti Paccaniko:**

"Pháp đối lập sở duyên là **phi sở duyên** *(nghịch duyên).*

---

[1] S.V,414.

[2] Siêu lý cao học. ĐTL Tịnh Sự (biên soạn)

4. Giải thích thành phần của duyên:

Duyên tuy có ba thành phần như vậy, nhưng khi xem xét kỹ thì.

a. Có pháp thuần là năng duyên.

Đó là Níp bàn và chế định (Sammuti). Vì Níp bàn (nibbāna) và chế định không sinh ra hay được trợ giúp từ một duyên nào cả. Trái lại Níp bàn hay chế định trợ giúp cho tâm sinh lên. Tâm sinh lên do có bốn nhân:

- Có nghiệp trong quá khứ
- Có tâm sở
- Có cảnh
- Có vật nương

Níp bàn là cảnh giúp cho tâm Thánh Đạo và tâm Thánh quả sinh lên.

Chế định là cảnh của thiền chỉ tịnh (Samatha), giúp cho những tâm thiền sinh lên.

Níp bàn không sinh lên do nhân nào cả. Níp bàn là pháp vô nhân theo hai ý nghĩa:

- Không có nhân tương ưng là tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si phối hợp.
- Không sinh lên do nương vào một nguyên nhân nào?
- Nhưng có câu hỏi: "chẳng phải Níp bàn do bát chánh đạo sinh ra sao?"

Đáp: Không phải, tuy bát chánh đạo dẫn đến chứng đắc Níp bàn; nhưng Níp bàn không sinh ra từ bát chánh đạo; đồng thời bát chánh đạo cũng không hỗ trợ làm tăng trưởng Níp bàn. Có ví dụ minh họa như sau: Một người lạc vào một khu rừng âm u, đầy hiểm họa, muốn vượt ra khỏi khu rừng nhiều tai họa ấy, chỉ có con đường duy nhất, người ấy tìm thấy con đường duy nhất này, đi theo con đường một thời gian, thoát ra khu rừng nhiều tai họa, đến vùng đất an toàn.

Khu rừng ví cho dòng luân hồi chứa nhiều khổ lụy; con đường duy nhất vượt qua khu rừng ví cho Bát chánh đạo, vùng an toàn ví cho Níp bàn.

Rõ ràng "vùng đất an toàn" không do "con đường duy nhất" sinh ra. Cũng vậy Níp bàn không do bát chánh đạo sinh ra.

Lại nữa, Níp bàn là sự chấm dứt khổ; Níp bàn chỉ có một: Níp bàn không có sự thay đổi. Nếu cho rằng: "Níp bàn được tăng trưởng thì đồng nghĩa "cho Níp bàn" thay đổi. Điều này không đúng với lời dạy của Đức Thế Tôn. "Sabbe Sankhārā aniccāti" (Dhp). "Các pháp hữu vi là vô thường".

Níp bàn là pháp vô vi (asaṅkhārā), nên Níp bàn là "thường" là "không thay đổi".

Về pháp chế định.

Pháp chế định cũng có hai đặc tính như Níp bàn.

- Không có nhân tương ưng hòa hợp.
- Chế định là pháp phi thực tính (na sabhāva) nên không do nhân sinh.

Pháp chế định là những ngôn từ cùng ý nghĩa do nương theo pháp thực tính để định đặt, nhằm mục đích thông tri ý nghĩa với nhau. Chính ngay cả pháp chế định cũng không có pháp thực tính.

Pháp chế định có khi do nương theo sự kiện mà định ra danh từ. Như do chúng sinh ở cõi đó không có tâm thức nên định danh là "cõi vô tưởng" hay do nơi đó không có sắc pháp, nên được gọi là "cõi vô sắc"…

Pháp chế định có khi không do nương theo sự kiện mà do nương theo ý muốn. Như cha mẹ đặt tên con theo ý thích của mình.

Pháp chế định không có pháp thực tính nên có thể thay đổi tên gọi bất cứ lúc nào, thời điểm nào. Còn nhân sinh pháp thực tính thì không thể thay đổi. Như nhân sinh chất đất là có ba chất là: chất nước, chất lửa và chất gió. Nhân sinh cần thiết của chất đất không hề thay đổi, cho dù người ta có thể thay đổi tên gọi ba chất còn lại bằng danh từ khác, nhưng không thể thay đổi tính chất của ba chất ấy.

Do vậy Níp bàn và chế định là pháp **thuần chất là năng duyên**.

b. Về phi sở duyên hay nghịch duyên

Theo định nghĩa:

Paccayuppannena paccati virujjhātīti paccaniko: "Đối lập với sở duyên là phi sở duyên"

Theo định nghĩa này thì *"Pháp nào không sinh ra từ năng duyên được gọi là **phi sở duyên**"*.

i. Như vậy: Níp bàn là chế định không sinh ra từ duyên nào cả, do vậy Níp bàn và chế định là **phi sở duyên thuần túy, nhất định**.

ii. Trong một duyên, một pháp có thể vừa là năng duyên, vừa là sở duyên. Như trong tâm sân, nhân sân trợ giúp cho nhân si; nhân si trợ giúp cho nhân sân. Như vậy, nhân sân vừa là năng duyên, vừa là sở duyên.

Lại có một pháp chỉ là năng duyên, không là sở duyên, như trong nhân duyên, xét **tâm si**, trong tâm si chỉ có một nhân si nên nhân si là nhân duyên; các pháp còn lại là sở duyên. Trong tâm si, nhân si không là sở duyên cho nhân nào khác (đối với nhân duyên) và nhân si trong trường hợp này thuần nhất là năng duyên. Do vậy, trong trường hợp này *năng duyên cũng chính là phi sở duyên hay nghịch duyên.*

Lại nữa, **phi sở duyên** là pháp không phải là năng duyên lẫn sở duyên. Như trường hợp: Trong nhân duyên, tâm vô nhân không là năng duyên cũng không là sở duyên. Như vậy tâm vô nhân là *phi sở duyên hay nghịch duyên.*

Tóm lại: **Phi sở duyên** (nghịch duyên) có thể là năng duyên, có thể không phải là năng duyên. Như:

Trong cảnh duyên, sắc pháp trợ giúp cho tâm sinh lên bằng cách làm cảnh cho tâm; sắc pháp là năng duyên; nhưng trong cảnh duyên, sắc pháp không là sở duyên. Do vậy, sắc pháp là phi sở duyên trong cảnh duyên.

Hoặc không là năng duyên như: Tâm vô nhân trong nhân duyên, đó là phi sở duyên, lẫn phi năng duyên.

5. Hai mươi bốn duyên chính.

Hai mươi bốn duyên chính đó là:

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
3. Trưởng duyên (Adhipatipaccaya)
4. Vô gián duyên (Anantarapaccaya)
5. Đẳng vô gián duyên (Samantarapaccaya)
6. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
7. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
8. Y duyên (Nissayapaccaya)
9. Cận y duyên (Upanissayapaccaya)
10. Tiền sinh duyên (Purejātapaccaya)
11. Hậu sinh duyên (Pacchājātapaccaya)
12. Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)
13. Nghiệp duyên (Kammapaccaya)
14. Quả duyên (Vipākapaccaya)
15. Vật thực duyên (Āhārapaccaya)
16. Quyền duyên (Indriyapaccaya)
17. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
18. Đạo duyên (Maggapaccaya)
19. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
20. Bất tương ưng duyên (Vippayuttapaccaya)
21. Hiện hữu duyên (Atthipaccaya)
22. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
23. Ly duyên (Vigatapaccaya)
24. Bất ly duyên (Avigatapaccaya)

a. Duyên chia và duyên không chia.

Trong 24 duyên có 14 duyên không chia, 10 duyên chia ra thành 33 duyên. Tổng cộng có 47 duyên.

i. Mười bốn duyên không chia đó là:

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
3. Vô gián duyên (Anantarapaccaya)
4. Đẳng vô gián duyên (Samanantarapaccaya)
5. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
6. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
7. Hậu sinh duyên (Pacchājātapaccaya)
8. Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)
9. Quả duyên (Vipākapaccaya)
10. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
11. Đạo duyên (Maggapaccaya)
12. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
13. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
14. Ly duyên (Vigatapaccaya)

ii. Mười duyên phân chia thành ba mươi ba duyên đó là:

1/ Trưởng duyên *(Adhipatipaccaya)*. Trưởng duyên chia thành hai duyên là:

a. Cảnh trưởng duyên (Ārammanādhipatipaccaya)

b. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)

2/ Tiền sinh duyên *(Purejātapaccaya)* chia thành hai duyên là:

a. Vật tiền sinh duyên (Vatthupurejātapaccaya)

b. Cảnh tiền sinh duyên (Ārammaṇapurejātapaccaya)

3/ Nghiệp duyên *(Kammapaccaya)* chia làm ba duyên là:

a. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)

b. Vô gián nghiệp duyên (Anantarakammapaccaya)

c. Dị thời nghiệp duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya)

4/ Vật thực duyên *(Āhārapaccaya)* chia làm hai duyên là:

a. Sắc vật thực duyên (Rūpa-āhārapaccaya)

b. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)

5/ Y duyên *(Nissayapaccaya)* chia thành hai hay ba duyên là:

a. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)

b. Tiền sinh y duyên (Purejātanissayapaccaya)

Tiền sinh y duyên chia thành hai duyên:

- *Vật tiền sinh y duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)*
- *Vật cảnh tiền sinh y duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya)*

6/ Cận y duyên *(Upanisaya paccaya)* chia làm 3 duyên:

a. Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)

b. Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccaya)

c. Thường cận y duyên (Pakatūpanissayapaccaya)

7/ Quyền duyên *(Indriyapaccaya)* chia thành 3 duyên:

a. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)

b. Tiền sinh quyền duyên (Purejātindriyapaccaya)

c. Sắc mạng quyền duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya)

8/ Bất tương ưng duyên *(Vippayuttapaccaya)* chia thành bốn duyên.

a. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)

b. Vật tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya)

c. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya)

d. Hậu sinh bất tương ưng duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya)

9/ Hiện hữu duyên *(Atthipaccaya)* chia thành năm hay sáu duyên:

a. Đồng sinh hiện hữu duyên *(Sahajātatthipaccaya)*

b. Tiền sinh hiện hữu duyên *(Purejātatthipaccaya)*

Tiền sinh hiện hữu duyên chia thành hai duyên:

- *Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (Ārammaṇapurejātatthipaccaya)*
- *Vật tiền sinh hiện hữu duyên (Vatthupurejātatthipaccaya)*

c. Hậu sinh hiện hữu duyên (Pacchājātatthipaccaya)

d. Vật thực hiện hữu duyên (Āhāratthipaccaya)

e. Quyền hiện hữu duyên (Indriyatthipaccaya)

10/ Bất ly duyên *(Avigatapaccaya)* chia thành năm hoặc sáu duyên:

a. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

b. **Tiền sinh bất ly duyên** *(Purejāta-avigatapaccaya)*

Tiền sinh bất ly duyên chia thành hai duyên:

- *Cảnh tiền sinh bất ly duyên (Ārammaṇapurejāta-avigatapaccaya)*
- **Vật tiền sinh bất ly duyên** *(Vatthupurejāta-avigatapaccaya)*

c. Hậu sinh bất ly duyên (Pacchājāta-avigatapaccaya)

d. Vật thực bất ly duyên (Āhāra-avigatapaccaya)

e. Quyền bất ly duyên (Indriya-avigatapaccaya)

Mười duyên được chia trở thành 33 duyên.

Tổng cộng có 10 duyên + 33 duyên = 47 duyên.

BIỂU ĐỒ 24 DUYÊN PHÂN THÀNH 47 DUYÊN

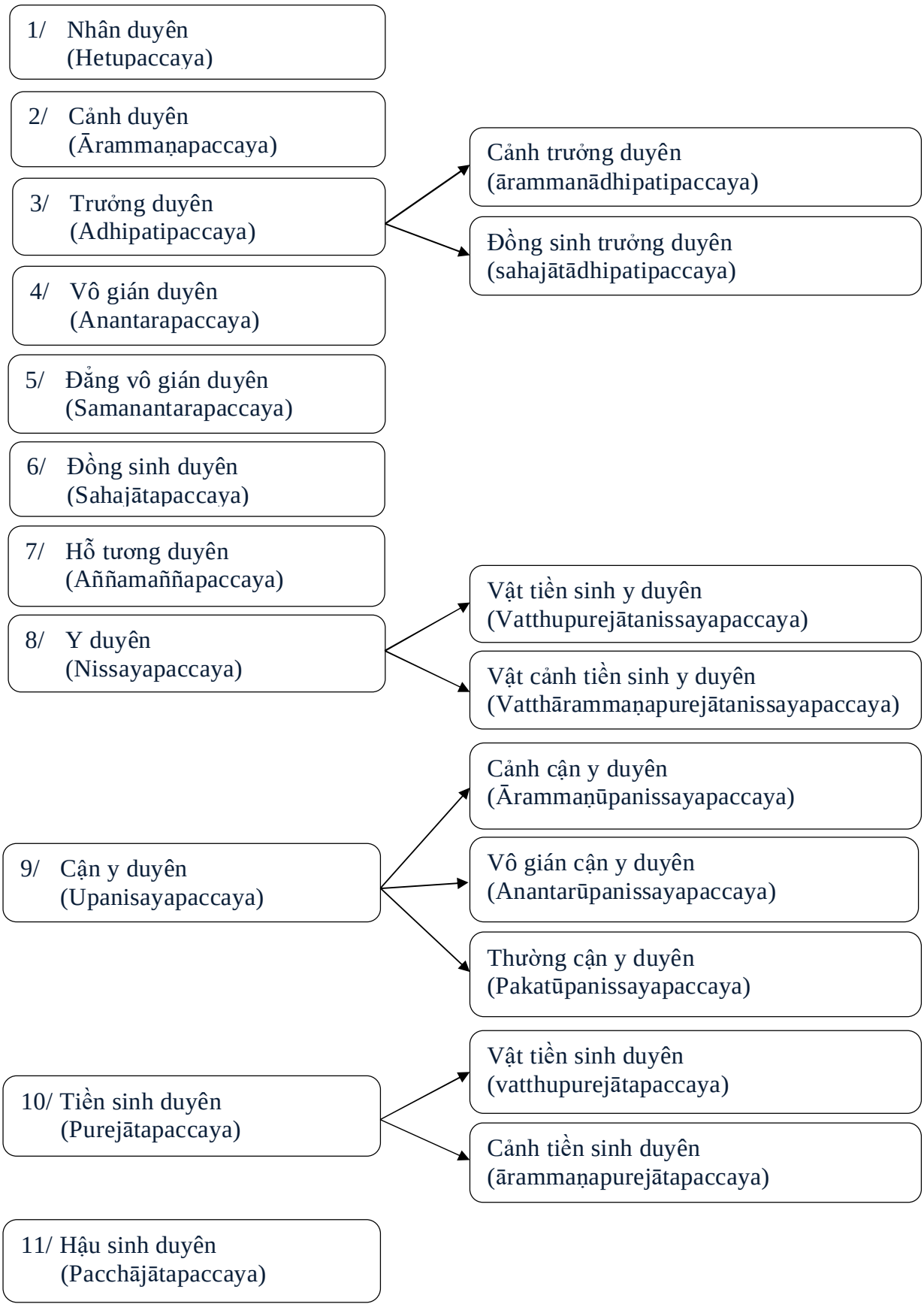

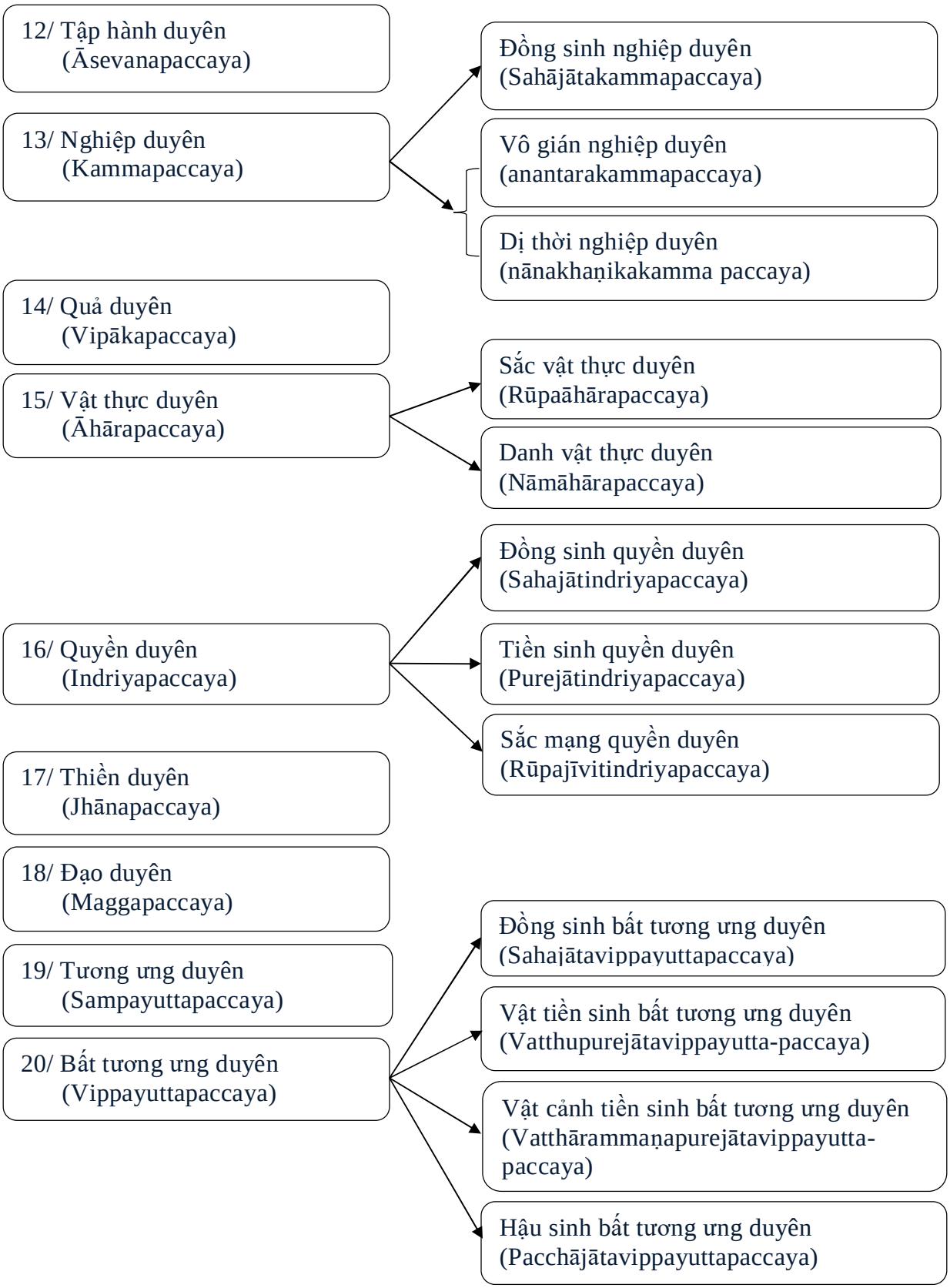
12/ Tập hành duyên
(Āsevanapaccaya)
13/ Nghiệp duyên
(Kammapaccaya)
Đồng sinh nghiệp duyên
(Sahājātakammapaccaya)
Vô gián nghiệp duyên
(anantarakammapaccaya)
Dị thời nghiệp duyên
(nānakhaṇikakamma paccaya)
14/ Quả duyên
(Vipākapaccaya)
15/ Vật thực duyên
(Āhārapaccaya)
Sắc vật thực duyên
(Rūpaāhārapaccaya)
Danh vật thực duyên
(Nāmāhārapaccaya)
16/ Quyền duyên
(Indriyapaccaya)
Đồng sinh quyền duyên
(Sahajātindriyapaccaya)
Tiền sinh quyền duyên
(Purejātindriyapaccaya)
Sắc mạng quyền duyên
(Rūpajīvitindriyapaccaya)
17/ Thiền duyên
(Jhānapaccaya)
18/ Đạo duyên
(Maggapaccaya)
19/ Tương ưng duyên
(Sampayuttapaccaya)
20/ Bất tương ưng duyên
(Vippayuttapaccaya)
Đồng sinh bất tương ưng duyên
(Sahajātavippayuttapaccaya)
Vật tiền sinh bất tương ưng duyên
(Vatthupurejātavippayutta-paccaya)
Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên
(Vatthārammaṇapurejātavippayutta-paccaya)
Hậu sinh bất tương ưng duyên
(Pacchājātavippayuttapaccaya)

21/ Hiện hữu duyên
(Atthi paccaya)
Đồng sinh hiện hữu duyên
(Sahajātatthipaccaya)
Tiền sinh hiện hữu duyên
(Purejātatthipaccaya)
Hậu sinh hiện hữu duyên
(Pacchājātatthipaccaya)
Vật thực hiện hữu duyên
(Āhāratthipaccaya)
Quyền hiện hữu duyên
(Indriyatthipaccaya)
22/ Vô hữu duyên
(Natthipaccaya)
23/ Ly duyên
(Vigatapaccaya)
24/ Bất ly duyên
(Avigatapaccaya)

Dứt bài 1.

Bài 2:

Khái Lược 47 Duyên

I. Định nghĩa và chi pháp:

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)

a. Định nghĩa:

Là mãnh lực trợ sinh và ủng hộ bằng nhân tương ưng đó là tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si.

Trong Tăng chi bộ kinh, chương ba pháp, Phẩm vii – Phần lớn (mahāvagga), kinh gốc rễ bất thiện (akusalamūlasuttaṃ) (A.i,201). Đức Thế Tôn dạy:

- Tīṇimāni, bhikkhave, akusalamūlāni. Katamānitīṇi? "Này các Tỳ Khưu, có ba gốc rễ bất thiện này. Thế nào là ba"?
- Lobho akusalamūlaṃ, doso akusalamūlaṃ, moho akusalamūlaṃ

"Tham là gốc rễ bất thiện, sân là gốc rễ bất thiện, si là gốc rễ bất thiện".

Và

- Tīṇimāni, bhikkhave, kusalamūlāni. Katamānitīṇi? "Này các Tỳ Khưu, có ba gốc rễ thiện này. Thế nào là ba"?
- Alobho kusalamūlaṃ, adoso kusalamūlaṃ, amoho kusalamūlaṃ.

"Vô tham là gốc rễ của thiện, vô sân là gốc rễ của thiện, vô si là gốc rễ của thiện."

b. Chi pháp.

- **Năng duyên**. Là sáu nhân: Tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si.
- **Sở duyên** *(Paccayuppanna).* 71 tâm hữu nhân, 52 tấm sở hợp (trừ tâm sở si trong hai tâm si), sắc nghiệp tục sinh hữu nhân, sắc tâm hữu nhân.
- **Phi sở duyên** *(Paccanika).* Là 18 tâm vô nhân, 12 tâm sở hợp; sắc tục sinh vô nhân, sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp thời bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng, sắc thời tiết (utujarūpa) và sắc vật thực (āhārajarūpa); tâm sở si trong 2 tâm si.

2. Cảnh duyên (ārammaṇapaccaya)

a. Định nghĩa

Cảnh duyên là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ giúp cho tâm và tâm sở sinh lên, bằng cách làm thành cảnh cho tâm.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên**. Là tất cả pháp khi làm thành cảnh cho tâm và tâm sở nhận biết; đó là: Tâm, tâm sở, sắc pháp, Níp bàn và chế định.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna)*

Tâm và tâm sở khi biết cảnh.

- **Phi sở duyên** *(paccanika)*

Là sắc pháp, Níp bàn và chế định

3. Trưởng duyên (adhipatipaccaya)

a. Định nghĩa.

Trưởng duyên là mãnh lực trợ sinh và ủng hộ bằng cách *"vượt trội"*.

Chữ **adhipati** = *adhi + pati*

Adhi là "*cao tột*"; *Pati* là "*chủ nhân*"

Nghĩa đen của *adhipati* là "*người chủ cao nhất*", ở đây được hiểu là "*trưởng*".

Trưởng duyên được phân tích thành hai duyên phụ

A. Cảnh trưởng duyên. (ārammaṇādhipatipaccaya)

a. Định nghĩa.

Cảnh trưởng duyên là mãnh lực trợ sinh hay ủng hộ bằng cách làm thành cảnh lớn trội hay làm thành cảnh tốt cho tâm và tâm sở.

b. Chi pháp

- **Năng duyên.** Là Níp bàn, 18 sắc thành tựu là cảnh tốt theo ba thời, 84 tâm, 47 tâm sở hợp.

⁕ **18 sắc thành tựu** là: Tứ đại + sáu sắc vật + 4 sắc cảnh + 2 sắc tính + sắc mạng quyền + sắc vật thực.

⁕ **84 tâm** = 89 tâm – (2 tâm sân + 2 tâm si + thân thức thọ khổ)

⁕ **47 tâm sở** = 52 tâm sở - (tâm sở sân phần + tâm sở hoài nghi)

- **Sở duyên.** Tâm siêu thế, tâm tham, tâm đại thiện có trí, tâm đại hạnh có trí, 45 tâm sở hợp với các tâm ấy.

⁕ **45 tâm sở hợp** = 52 tâm sở - (vô lượng phần, tâm sở sân phần và tâm sở hoài nghi)

- **Phi sở duyên** *(paccanika)*. Là Níp bàn, chế định, sắc pháp, 81 tâm hiệp thế, 52 tâm sở hợp, không nương sinh từ cảnh trưởng.

B. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)

a. Định nghĩa

Đồng sinh trưởng duyên là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ tâm và tâm sở sinh lên được vững mạnh, bằng cách "vượt trội".

b. Chi pháp

- **Năng duyên.** Là một trong bốn pháp trưởng: Dục, cần, tâm và trí.
- **Sở duyên.** Là 52 tâm đổng lực (javanacitta) hai nhân hay ba nhân, 52 tâm sở hợp hay 51 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng); sắc tâm trưởng.

⁕ **52 tâm đổng lực** = 10 tâm bất thiện (trừ 2 tâm si), 8 đại thiện, 8 đại tố, 9 thiện đáo đại, 9 duy tác đáo đại, 8 tâm siêu thế.

⁕ **Sắc tâm trưởng**. Khi tâm có pháp đang làm trưởng, tâm ấy tạo ra sắc tâm. Sắc tâm này được gọi là sắc tâm trưởng.

- **Phi sở duyên** *(paccanika)*

⁕ **Về danh pháp**: 54 tâm dục giới và tâm sở hợp không là sở duyên, 9 tâm quả đáo đại.

⁕ **Về sắc pháp**: Sắc tâm phi trưởng, sắc nghiệp, sắc thời tiết, sắc vật thực.

4. Vô gián duyên (anantarapaccaya)

a. Định nghĩa:

Vô gián duyên là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ theo cách "*không gián đoạn*" hay "*không có kẻ hở*".

Chữ **anantara** = *na* (không có) + *antara* (khoảng cách)

Tức là: "Tâm và tâm sở vừa diệt đi giúp cho tâm và tâm sở sau sinh lên ngay lập tức.

b. Chi pháp

- **Năng duyên**. Tâm và tâm sở sinh trước đó (trừ tâm tử của vị Thánh A La Hán)
- **Sở duyên**. Tâm và tâm sở sinh ngay sau đó.
- **Phi sở duyên**. Là sắc pháp, Níp bàn và chế định.

5. Đẳng vô gián duyên (samantarapaccaya)

a. Định nghĩa.

Chữ samantara = sama (giống như) + antara (không gián đoạn)

Samantara: giống như không có kẽ hở.

Đẳng vô gián duyên *(samantarapaccaya)* là cách trợ sinh giống như *vô gián duyên (anantarapaccaya).*

Theo bản sớ giải Mahāpaṭṭhāna. Khi Đức Thế Tôn thuyết Vô gián duyên, có một số chư thiên, Phạm thiên chưa nắm rõ, chưa thông đạt. Đức Thế Tôn thuyết thêm *samantarapaccaya* để nhấn mạnh, tuy trùng chi pháp nhưng củng cố thêm cho vô gián duyên, chỉ có sự khác biệt như sau: Danh uẩn ở sát na diệt của tâm trước trợ sinh cho danh uẩn sau sinh lên kế tiếp gọi là vô gián duyên.

Còn sát na diệt của tâm trước trợ cho sát na sinh của tâm kế cận hiện bày, không có kẻ hở, đó là Đẳng vô gián duyên.

b. Chi pháp

- **Năng duyên***:* Tâm và tâm sở ở sát na diệt phía trước.
- **Sở duyên***:* Tâm và tâm sở sinh lên vào sát na sinh tiếp theo tâm và tâm sở vừa diệt.
- **Phi sở duyên***:* là sắc pháp, Níp bàn và chế định

6. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)

a. Định nghĩa:

Chữ Sahajāta = Saha(cùng) + jāta(sinh lên)

Đồng sinh duyên *(Sahajātapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh bằng cách "*cùng sinh lên*".

Ví như ngọn lửa và ánh sáng của ngọn lửa cùng sinh lên.

b. Chi pháp

- **Năng duyên** *và* **sở duyên** của đồng sinh duyên, nói chung là pháp hữu vi.

Vì không một pháp hữu vi nào đi đơn lẻ cả, chí ít cũng phải có 8 pháp cùng sinh lên.

Danh pháp có ít nhất là **8 pháp**. Đó là một trong năm đôi thức + 7 tâm sở biến hành (sabbacittasādhāraṇa cetasika) = 8 pháp.

Sắc pháp có ít nhất là 8 pháp. Đó là đoàn bất ly (avinibbhoga kalāpa) tám pháp.

- **Phi sở duyên***:* là Níp bàn, chế định

7. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)

a. Định nghĩa:

Chữ **aññamaññ**a nghĩa là "*lẫn nhau*", "*một cách qua lại*".

Aññamaññapaccaya *(hỗ tương duyên)* nghĩa là: Mãnh lực trợ sinh, hỗ trợ bằng cách giúp qua giúp lại. Nghĩa là năng duyên trợ giúp sở duyên; sở duyên cũng trợ giúp trở lại cho năng duyên.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *và* **sở duyên**. Là bốn danh uẩn, sắc tứ đại, sắc ý vật thời tục sinh.
- **Phi sở duyên** *(paccanika)*

Ngoại trừ sắc ý vật là phi sở duyên bất định; các sắc y sinh là phi sở duyên nhất định.

8. Y duyên (Nissayapaccaya)

a. Định nghĩa:

Y duyên (Nissayapaccaya) là mãnh lực trợ giúp bằng cách: "**làm chỗ nương nhờ**" cho pháp khác.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya)*

Là bốn danh uẩn, sáu sắc vật (chavatthurūpa)

⁕ *Sáu sắc vật* là: năm sắc uẩn thần kinh và sắc ý vật.

- **Sở duyên***:* là bốn danh uẩn
- **Phi sở duyên** *(paccanika)*. Là sắc pháp.

Y duyên được phân tích thành 2 duyên là:

A. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)

Đồng sinh y duyên **trùng** với đồng sinh duyên.

B. Tiền sinh y duyên (Purejātanissayapaccaya)

Tiền sinh y duyên lại phân tích thành hai duyên

B1. Vật tiền sinh y duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)

a. Định nghĩa:

Là sắc vật sinh trước làm chỗ nương nhờ cho tâm sinh lên sau. Được gọi là "**vật sinh tiền duyên**".

b. Chi pháp:

- **Năng duyên**. Là sáu vật sinh lên trước.
- **Sở duyên**. Tâm nương vật sinh sau.
- **Phi sở duyên**. Là sắc pháp và tâm không nương vật.

Trong **vật tiền sinh y duyên**, có các cách như sau.

⁕ Sáu vật là chỉ cho 5 sắc thần kinh và sắc ý vật.

Năng duyên trợ giúp cho sở duyên, có bốn cách:

i. Sáu sắc vật vào thời trụ

ii. Năm sắc vật là: năm sắc thần kinh sinh lên với tâm hữu phần vừa qua (atītabhavaṅgacitta) thứ nhất trong lộ ngũ môn; hay sắc ý vật đồng sinh với tâm Phán đoán (voṭṭhapana) trong lộ ngũ môn, hay đồng sinh với tâm khai ý môn (manodvārāvajjanacitta) trong lộ ý môn; hoặc sắc ý vật sinh vào tâm trước đó, như tâm tái tục…

iii. Sắc ý vật sinh khi vị Thánh xuất thiền diệt (nirodhasamāpatti)

iv. Sáu sắc vật đồng sinh với tâm trước tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở về trước.

B2. Vật cảnh tiền sinh y duyên (Vattārammaṇapurejātanissayapaccaya)

a. Định nghĩa:

Vật cảnh tiền sinh y duyên *(Vattārammaṇapurejātanissayapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách là "**vật nương**, đồng thời là **cảnh**" giúp cho tâm sinh lên sau được vững mạnh.

b. Chi pháp

- **Năng duyên.**

Là sắc ý vật sinh vào tiểu sát na sinh của tâm thứ 17 kể từ tâm tử trở về trước, sắc ý vật này làm thành cảnh cho tâm.

- **Sở duyên** *(paccayuppanna)*

Có 32 tâm khách trong lộ tử; đó là: Tâm hướng ý môn (manodvārāvajina citta), 29 đổng lực dục giới (javanakāmavacara) (là: 12 tâm bất thiện, 8 đại thiện, 8 đại tố và tâm sinh tiếu), hai tâm thông (iddhipādacitta), 44 tâm sở hợp (trừ tật, lận, hối, giới phần và vô lượng phần).

- **Phi sở duyên** *(paccanika)*

⁕ *Nhất định*: Sắc pháp, 5 đôi thức, ý giới, tâm siêu thế, tâm đáo đại, 38 tâm sở hợp.

⁕ *Bất định*: Là 41 tâm dục giới = 54 tâm dục giới (5 đôi thức, ý giới), 52 tâm sở hợp.

9. Cận y duyên (Upanissayapaccaya)

a. Định nghĩa:

Chữ upanissaya = Upa(gần bên, cạnh bên) + nissaya

Nissaya = $\sqrt{ni}$ (đến) + $\sqrt{si}$ (giao thiệp, phục vụ)

Tiếp đầu ngữ **upa** có mục đích "nhấn mạnh" như nói: "Tôi quen **thân** anh B" so với khi nói " Tôi quen với anh B".

Cận y duyên *(Upanissayapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách "làm chỗ nương tựa vững chắc".

Ví như con nương tựa cha mẹ tốt hơn nương tựa vào quyến thuộc.

Trong Dhammapada câu số 140. Đức Phật dạy.

- Attā hi attano nātho: "Ta là nơi nương chính ta". Ko hi nātho paro siya: "Người khác, ai là nơi nương".

Theo ý nghĩa này: "Ta chính là nơi nương tốt nhất cho mình".

Cận y duyên được chia thành ba duyên phụ là:

A. Cảnh cận y duyên (ārammaṇūpanissayapaccayo)

a. Định nghĩa:

Cảnh cận y duyên *(Ārammaṇūpanissayapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách làm thành cảnh vững mạnh cho tâm và tâm sở.

b. Chi pháp:

Chi pháp của cảnh cận y duyên **trùng** với chi pháp của cảnh trưởng duyên.

B. Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccaya)

a. Định nghĩa:

Vô gián cận y duyên *(Anantarūpanissayapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ theo cách "không có gián đoạn" vững chắc.

b. Chi pháp:

Vô gián cận y duyên có chi pháp **trùng** với *vô gián duyên*, nhưng có sự khác biệt là:

- *Vô gián duyên* làm sinh khởi một tâm kế tục.
- *Vô gián cận y duyên* là làm sinh khởi một tâm kế tục tiếp theo được vững mạnh hơn. (Chỉ cho những tâm trong lộ đồng lực – Javana cittavithī)

C. Thường cận y duyên (Pakatūpanissayapaccaya)

a. Định nghĩa:

Chữ **Pakati** <dt, nữ> = tự nhiên, thường nhiên.

Thường cận y duyên *(Pakatūpanissayapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ vững mạnh theo cách "tự nhiên", hay trở thành thói quen.

Vì sao trở thành thói quen? Vì thường làm, thường thực hiện.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên***:* tâm, tâm sở, sắc pháp, chế định có sức mạnh (trừ chế định nghiệp xứ).
- **Sở duyên** *(paccayuppanna).* Là tâm, tâm sở sinh sau.
- **Phi sở duyên** *(paccanika).* Là sắc pháp.

10. Tiền sinh duyên (Purejātapaccaya)

a. Định nghĩa

Tiền sinh duyên *(Purejātapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ được vững mạnh, bằng cách sinh ra trước.

Nghĩa là năng duyên sinh ra trước ủng hộ sở duyên sinh ra sau được vững mạnh.

Tiền sinh duyên được phân tích thành ba duyên phụ là:

A. Vật tiền sinh duyên (vatthupurejātapaccaya)

Vật tiền sinh duyên **trùng** với *vật tiền sinh y duyên*

B. Vật cảnh tiền sinh duyên (vatthārammaṇapurejātapaccaya)

Vật cảnh tiền sinh duyên **trùng** với *vật cảnh tiền sinh y duyên.*

C. Cảnh tiền sinh duyên (ārammaṇapurejātapaccaya)

a. Định nghĩa:

Cảnh tiền sinh duyên *(ārammaṇapurejātapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách sinh ra trước, đồng thời là cảnh để tâm sinh lên sau nhận lấy.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya)*. Là 18 sắc thành tựu (nipphannarūpa) sinh trước, đang làm cảnh.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna)*

⁕ *Nhất định*. Năm đôi thức, ý giới, tâm sở hợp.

⁕ *Bất định*: 41 tâm dục giới còn lại, 2 tâm thông, 50 tâm sở (trừ vô lượng phần)

- **Phi sở duyên** *(paccanika)*

⁕ *Nhất định:* Sắc pháp, 27 tâm đáo đại, 8 tâm siêu thế, 38 tâm sở hợp.

⁕ *Bất định:* 41 tâm dục giới trừ (5 đôi thức + ý giới); 52 tâm sở khi không nhận 18 hiển sắc làm cảnh.

⁕ 18 sắc thành tựu hay 18 hiển sắc là: Tứ đại, 6 sắc vật, 4 sắc cảnh, 2 sắc tính, sắc mạng quyền và sắc vật thực.

⁕ Mười tâm sở hợp = 13 tâm sở tợ tha trừ (tâm sở cần, tâm sở hỷ và tâm sở dục).

11. Hậu sinh duyên (Pacchājātapaccaya)

a. Định nghĩa:

Hậu sinh duyên *(Pacchājātapaccaya);* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách sinh sau, giúp cho các pháp sinh trước được vững mạnh.

Ví như lễ hội sắp được khai mở, mọi người nhộn nhịp trang hoàng thành phố cho được xinh đẹp khang trang. Lễ hội sinh sau đã trợ giúp thành phố sinh trước được khang trang sinh đẹp.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên***:* là 85 tâm (trừ 4 tâm quả vô sắc, vì 4 tâm này không tạo sắc pháp, không trợ giúp cho sắc pháp) sinh sau, kể từ tâm hữu phần thứ I sau tâm tái tục trở đi, tâm sở hợp.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna)*

⁕ *Nhất định:* 2 tâm sân, 5 đôi thức, ý giới, 11 tâm Na cảnh (tadālambana citta), tâm sinh tiếu, 15 tâm sắc giới, tâm sơ đạo + 48 tâm sở hợp (trừ tham phần, hoài nghi)

⁕ *Bất định:* Có 8 tâm tham, 2 tâm si, tâm hướng ý môn, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 8 đồng lực vô sắc giới, 7 tâm siêu thế (trừ tâm sơ đạo), 48 tâm sở hợp (trừ sân phần).

- **Về sắc pháp**. Là sắc pháp thuộc nhóm 3 nhân tạo hay nhóm sắc pháp bốn nhân tạo ở **vào thời trụ.**
- **Phi sở duyên** *(paccanika)*

Là tâm, tâm sở, các sắc pháp ở tại sát na sinh và diệt của tâm sinh trước đó.

Các sắc pháp sinh ra sau đó; Níp bàn và chế định.

12. Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)

a. Định nghĩa:

Chữ **āsevana** nghĩa là "*lập đi lập lại như vậy*", nên gọi là "**tập hành**".

Tập hành duyên *(Āsevanapaccaya)* là mãnh lực trợ giúp bằng cách "*lập đi lập lại*"

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya):* Là 47 tâm đổng lực hiệp thế (trừ sát na đổng lực cuối cùng trong lộ đổng lực), 52 tâm sở hợp.

⁕ 47 tâm đổng lực hiệp thế là: 12 tâm bất thiện, tâm sinh tiếu, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm duy tác đáo đại.

- **Sở duyên** *(paccayuppanna):* Là 51 tâm đổng lực sinh nối tiếp (trừ sát na đổng lực thứ I trong lộ đổng lực), 52 tâm sở hợp.

⁕ 51 tâm đổng lực đó là: 12 tâm bất thiện, tâm sinh tiếu, 8 tâm đại thiện, 8 tâm đại tố, 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm tố đáo đại, 4 tâm đạo.

- **Phi sở duyên** *(paccanika)*

Sát na I đổng lực dục giới trong lộ đổng lực (javanavithī); 2 tâm hướng môn (dvāravajjana citta), 36 tâm quả, 52 tâm sở hợp, sắc pháp.

13. Nghiệp duyên (Kammapaccaya)

a. Định nghĩa:

Nghiệp duyên *(Kammapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách "*tạo tác*".

Nghiệp duyên được phân tích thành ba duyên phụ.

A. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)

a. Định nghĩa:

Nghiệp đồng sinh *(sahājātakamma)* là chỉ cho tâm sở cố ý (cetanācetasika) cùng sinh với tâm và các tâm sở khác.

Đồng sinh nghiệp duyên *(sahājātakammapaccaya)* là mãnh lực trợ giúp bằng cách "cùng tạo tác" với các pháp đồng sinh.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya):* Tâm sở tư có trong tất cả tâm.
- **Sở duyên:** Tâm, 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở tư), sắc tâm, sắc nghiệp tục sinh.
- **Phi sở duyên** *(paccanika)*

Tâm sở tư trong tất cả tâm, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng, sắc vật thực (āhārarūpa), sắc thời tiết (utujarūpa), sắc ngoại.

B. Vô gián nghiệp duyên (anantarakammapaccaya)

a. Định nghĩa:

Vô gián nghiệp duyên *(anantarakammapaccaya)* là mãnh lực trợ giúp bằng tâm sở tư theo cách "*không gián đoạn*"

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya):* Là tâm sở tư trong tâm đạo
- **Sở duyên** *(paccayuppanna):* Là tâm Thánh quả và 36 (hay 35) tâm sở hợp sinh liên tiếp sau tâm Thánh đạo vừa diệt trong lộ đắc đạo.
- **Phi sở duyên** *(paccanika).* Tâm sở tư trong tâm đạo những tâm ngoài tâm Thánh quả sinh kế tiếp tâm Thánh đạo, sắc pháp.

Giải thích:

Vô gián nghiệp duyên cũng là mô hình của **vô gián duyên**, chỉ khác chi tiết là:

- Năng duyên là tâm sở Tư trong tâm Thánh đạo, tức là chỉ cô đọng trong lộ đắc đạo mà thôi.

Vì sao? Vì tâm quả siêu thế là kết quả của tâm đạo, kết quả này do tâm sở Tư tạo tác. Tâm nhân và tâm quả hiện hữu không có gián đoạn là điều đặc biệt, nên được gọi là *vô gián nghiệp duyên.*

Còn tâm sở Tư trong tâm thiện hiệp thế hay trong tâm bất thiện cùng cho kết quả, khác biệt rất xa thời gian, có đôi khi trải qua hàng trăm kiếp trái đất, nên được gọi là "Dị thời nghiệp duyên".

Còn tâm sở Tư trong tâm quả hay trong tâm duy tác, khi tâm nhân diệt thì kết quả do tâm sở Tư cố quyết làm cùng chấm dứt, được gọi là "Đồng sinh nghiệp duyên".

C. Dị thời nghiệp duyên (nānakhaṇikakammapaccaya)

a. Định nghĩa:

Chữ *nānakhaṇika* = nāna(khác biệt, sai khác) + *khaṇika* (một chập tư tưởng)

Chữ *nānakhaṇika* là "khác biệt thời kỳ, khác biệt sát na".

Dị thời nghiệp duyên *(nānakhaṇikakammapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ khác biệt sát na (Khaṇika) với thời gian dài.

Ví như lời di chúc của cha mẹ, được người con thực hiện sau này.

Chữ *Nānakkhaṇikacetanā* (tâm sở Tư khác biệt Sát na) là chỉ cho tâm sở Tư tạo tác khác biệt với tâm sở Tư có trong kết quả.

Vô gián nghiệp duyên cũng là Dị thời nghiệp duyên; chỉ có sự đặc biệt là kế liền sau đó.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya):* Tâm sở Tư hợp trong tâm thiện hay tâm bất thiện ở quá khứ.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna):* Sắc nghiệp, tâm quả và tâm sở hợp (trừ tâm sở tư) trong hiện tại.
- **Phi sở duyên** *(paccanika):* Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm duy tác, sắc tâm, sắc ngoại, sắc thời tiết, sắc vật thực.

14. Quả duyên (Vipākapaccaya)

a. Định nghĩa:

Chữ Vipāka = Vi (sai khác) + pāka (sự nấu chín)

Vipāka được dịch là "dị thục", nghĩa là "sự chín muồi sai khác thời kỳ".

Quả duyên *(Vipākapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh ủng hộ bằng "kết quả của nghiệp".

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya):* Là 36 tâm quả (15 tâm quả vô nhân, 8 tâm đại quả, 9 tâm quả đáo đại, 4 tâm quả siêu thế), 38 tâm sở hợp.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna):* Là 36 tâm quả, 38 tâm sở hợp khi không là năng duyên, sắc nghiệp tục sinh, sắc tâm quả (trừ hai sắc biểu tri (viññattirūpa)).
- **Phi sở duyên** *(paccanika):* Tâm thiện, tâm bất thiện, tâm duy tác, 52 tâm sở hợp, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng, sắc tâm bất thiện, sắc tâm thiện, sắc tâm duy tác, sắc vật thực, sắc thời tiết, sắc ngoại.

15. Vật thực duyên (Āhārapaccaya)

a. Định nghĩa:

Vật thực duyên *(Āhārapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách mang vật thực vào.

Vật thực duyên được phân tích thành hai duyên.

A. Sắc vật thực duyên (Rūpaāhārapaccaya)

a. Định nghĩa:

Sắc vật thực duyên *(Rūpaāhārapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách mang dưỡng tố (ojā) vào trong thân.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên**. Sắc vật thực, sắc vật thực ngoại chưa được tiếp nhận.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna):* Sắc do vật thực tạo, các sắc cùng đoàn với sắc vật thực.
- **Phi sở duyên** *(paccanika):* Tâm, tâm sở, sắc tâm, sắc nghiệp.

B. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)

a. Định nghĩa:

Danh vật thực duyên *(Nāmāhārapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách thu bắt cảnh giúp cho các danh pháp đồng sinh thêm vững mạnh. Ý nghĩa của "**vật thực**" là "*làm cho tồn tại chắc chắn*" được nổi bật trong *danh vật thực duyên*.

b. Chi pháp.

- **Năng duyên** *(paccaya).* Là ba danh vật thực: Xúc thực, tư niệm thực, thức thực.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna)* là tâm, tâm sở (trừ pháp đang làm năng duyên), sắc tâm tạo, sắc nghiệp tục sinh.
- **Phi sở duyên** *(paccanika).* Các sắc pháp ngoài ra và pháp vật thực (āhāradhamma) đang làm năng duyên.

16. Quyền duyên (Indriyapaccaya)

a. Định nghĩa:

Quyền duyên *(Indriyapaccaya)* là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách "*cai quản*", "*kiểm soát*", "*điều hành*"

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya).* Hai mươi quyền (trừ nữ quyền và nam quyền)

Từ chi pháp của năng duyên là: 20 quyền.

Quyền duyên được phân tích thành ba duyên.

A. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)

a. Định nghĩa:

Đồng sinh quyền duyên *(Sahajātindriyapaccaya)* là các danh quyền trợ sinh, ủng hộ các pháp đồng sinh bằng cách "*cai quản*", "*kiểm soát*".

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya).* Là tám danh quyền = tâm, tâm sở thọ, tâm sở mạng quyền, 5 tâm sở giác phần (tín, tấn, niệm, định, tuệ)
- **Sở duyên** *(paccayuppanna):* Tâm, tâm sở hợp, sắc nghiệp tục sinh, sắc tâm.
- **Phi sở duyên** *(paccanika).* Sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng, sắc thời tiết, sắc vật thực, sắc ngoại.

B. Quyền tiền sinh duyên (Purejātindriyapaccaya)

a. Định nghĩa:

Quyền tiền sinh duyên *(Purejātindriyapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách "*sinh ra trước và cai quản*".

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya).* Là năm sắc thần kinh ở sát na thứ 26
- **Sở duyên** *(paccayuppanna).* Năm đôi thức, bảy tâm sở hợp.
- **Phi sở duyên** *(paccanika).* 79 tâm (trừ năm đôi thức), 52 tâm sở hợp, sắc pháp.

C. Sắc mạng quyền duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya)

a. Định nghĩa:

Sắc mạng quyền duyên *(Rūpajīvitindriyapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ các sắc pháp duy trì tròn đủ tuổi thọ, bằng cách "kiểm soát" các sắc pháp ấy.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya).* Sắc mạng quyền có trong các đoàn sắc nghiệp.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna).* Các sắc pháp trong đoàn sắc nghiệp sinh chung với sắc mạng quyền.
- **Phi sở duyên** *(paccanika):* Tâm, tâm sở, sắc mạng quyền, sắc tâm, sắc vật thực, sắc thời tiết.

17. Thiền duyên (Jhānapaccaya)

a. Định nghĩa:

Thiền là âm từ chữ *Jhāna* (thiền na)

Jhāna từ ngữ căn **Jhe** nghĩa là "*chói sáng*"

Thiền là làm những gì tâm chú ý, những cái đó được "chói sáng".

Jhāna từ ngữ căn **Jhā** nghĩa là "thiêu đốt". **Thiền** là pháp "*thiêu đốt*" pháp đối nghịch.

Thiền duyên *(Jhānapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ pháp khác bằng cách làm "chói sáng" hay "thiêu đốt" các pháp đối nghịch.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya)*. Là năm hay bảy chi thiền có trong 71 tâm hữu nhân (trừ 18 tâm vô nhân), 52 tâm sở hợp.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna)*. 71 tâm hữu nhân, 52 tâm sở (trừ pháp đang làm năng duyên), sắc nghiệp tục sinh, sắc tâm.
- **Phi sở duyên** *(paccanika)*. 18 tâm vô nhân, 12 tâm sở hợp (trừ tâm sở dục), sắc nghiệp bình nhật, sắc thời tiết, sắc vật thực, sắc ngoại.

18. Đạo duyên (Maggapaccaya)

a. Định nghĩa:

Đạo duyên *(Maggapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách thông suốt như con đường.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya)*. Giới phần, tầm, tấn, niệm, định, trí, tà kiến, có trong 71 tâm hữu nhân.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna)*. 71 tâm hữu nhân, 51 tâm sở hợp, sắc tâm hữu nhân, sắc nghiệp tục sinh với tâm hữu nhân.
- **Phi sở duyên** *(paccanika)*. 18 tâm vô nhân, 12 tâm sở hợp, sắc nghiệp bình nhật, sắc tâm vô nhân, sắc nghiệp vô tưởng, sắc thời tiết, sắc vật thực, sắc ngoại.

19. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)

a. Định nghĩa:

Tương ưng duyên *(Sampayuttapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách hòa hợp (Sampayutta), tức là năng duyên và sở duyên hòa hợp với nhau.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya)*. Tất cả tâm và tâm sở đồng sinh với nhau.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna):* Tâm và tâm sở đồng sinh với nhau.
- **Phi sở duyên** *(paccanika)*. Sắc pháp.

20. Bất tương ưng duyên (Vippayuttapaccaya)

a. Định nghĩa:

Bất tương ưng duyên *(Vippayuttapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách "không hòa hợp" với nhau. Ví như nước lăn trên lá sen.

Bất tương ưng duyên được phân tích thành bốn duyên.

A. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)

a. Định nghĩa:

Đồng sinh bất tương ưng duyên *(Sahajātavippayuttapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách "cùng sinh lên" nhưng không hòa hợp nhau.

b. Chi pháp:

- **Năng duyên** *(paccaya):* là 75 tâm (trừ năm đôi thức, bốn tâm quả vô sắc), 52 tâm sở hợp.
- **Sở duyên** *(paccayuppanna):* Là sắc nghiệp tục sinh, sắc tâm tạo.
- **Phi sở duyên** *(paccanika):* Là 89 tâm, 52 tâm sở, sắc nghiệp bình nhật, sắc nghiệp vô tưởng, sắc vật thực, sắc thời tiết, sắc ngoại.

Giải thích:

Đây là mô thức năng duyên là danh; sở duyên là sắc. Lại nữa, mô thức này cũng được tìm thấy khi năng duyên là danh pháp sinh sau trợ giúp cho sắc pháp sinh trước, các này được gọi là **Hậu sinh bất tương ưng duyên** *(Pacchājātavippayuttapaccaya)*. Hậu sinh bất tương ưng duyên chính là **hậu sinh duyên**.

Còn mô thức, năng duyên là sắc pháp trợ giúp cho sở duyên là danh. Khi ấy sắc pháp có ba vai trò đối sở duyên là danh pháp là:

i. Là cảnh để cho tâm nhận biết, sắc phải sinh trước tâm, được gọi là **Cảnh tiền sinh duyên** *(ārammaṇapurejātapaccaya)*. **Cảnh tiền sinh duyên** tương tự như *cảnh duyên* (Ārammaṇapaccaya).

ii. Khi sắc là vật, là chỗ nương cho tâm, sắc vật phải sinh trước tâm ít nhất là một sát na tiểu.

Như vậy cách trợ sinh này được gọi là **Vật tiền sinh bất tương ưng duyên** *(Vatthupurejātavippayuttapaccaya)*. *Vật tiền sinh bất tương ưng duyên* tương tự như **vật sinh tiền duyên** *(vatthupurejātapaccaya)*.

iii. Sắc pháp vừa là vật nương của tâm, vừa là cảnh để tâm nhận biết, được gọi là **vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên** *(Vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccaya)*. *Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên* tương tự như **"Vật cảnh tiền sinh duyên".**

21. Hiện hữu duyên (Atthipaccaya)

a. Định nghĩa:

Hiện hữu duyên *(Atthipaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách "đang tồn tại".

Nghĩa là năng duyên và sở duyên cùng tồn tại. Có 7 trường hợp năng duyên và sở duyên cùng tồn tại.

i. Bốn vô sắc uẩn hiện hữu với nhau

ii. Bốn sắc đại hiển: Đất, nước, lửa, gió hiện hữu với nhau

iii. Vào lúc chúng sinh nhập thai bào, danh pháp và sắc pháp hiện hữu với nhau.

iv. Tâm và tâm sở cùng hiện khởi với sắc tâm tạo.

v. Sắc tứ đại hiện hữu với sắc y sinh.

vi. Năm sắc thần kinh đang làm chỗ nương nhờ cho năm đôi thức, nên hiện hữu với năm đôi thức.

vii. Sắc ý vật đang làm chỗ nương cho ý giới và ý thức giới, nên hiện hữu với ý giới hay ý thức giới.

Như vậy **hiện hữu duyên** được phân tích thành sáu duyên.

1. **Đồng sinh hiện hữu duyên** (Sahajātatthipaccya) tương tự như "*đồng sinh duyên*".
2. **Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên** (Ārammaṇapurejātatthipaccaya) tương tự như "*tiền sinh duyên*".
3. **Vật tiền sinh hiện hữu duyên** (Vatthupurejātatthipaccaya) tương tự như "*vật tiền sinh y duyên*".
4. **Hậu sinh hiện hữu duyên** (Pacchājātatthipaccaya) tương tự như "*hậu sinh duyên*".
5. **Vật thực hiện hữu duyên** (Āhāratthipaccaya) tương tự như "*sắc vật thực duyên*".
6. **Quyền hiện hữu duyên** (Indriyatthipaccaya) tương tự như "*sắc mạng quyền duyên*".

22. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)

a. Định nghĩa:

Vô hữu duyên *(Natthipaccaya)*, là mãnh lực trợ giúp bằng cách *"vắng mặt"*.

Theo như định nghĩa thì năng duyên và sở duyên không cùng có mặt. Và như thế **vô hữu duyên** cũng chính là *"Vô gián duyên"* hay *"Đẳng vô gián duyên"*.

Ba duyên này có cùng chi pháp, chỉ là khác biệt về ý nghĩa.

"Vô gián duyên" với ý nghĩa *"trợ sinh không gián đoạn"*

"Đẳng vô gián duyên" với ý nghĩa *"trợ sinh liên tiếp"*

"Vô hữu duyên" với ý nghĩa *"trợ sinh bằng cách vắng mặt"*.

Mặt khác, **hiện hữu** (atthi) và **vô hữu** (natthi) là Đức Thế Tôn chỉ ra hai quan điểm sai lầm là "thường còn" và "đoạn diệt". Cái cho rằng "thường còn (atthi)" cái đó là vô thường. Cái cho rằng "đoạn diệt (natthi)" cái đó vẫn còn trợ giúp cho pháp khác sinh lên.

Thật ra "thường còn" hay "đoạn diệt" là quan điểm cho rằng "có một tự ngã"; nhưng "tự ngã vốn không có, thì làm sao gọi là "*còn hay mất*".

Để nhấn mạnh điều này, Đức Thế Tôn thuyết tiếp hai duyên là "Ly duyên" và "Bất ly duyên".

23. Ly duyên (Vigatapaccaya)

a. Định nghĩa:

Ly duyên *(Vigatapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ bằng cách "xa lìa nhau".

b. Chi pháp:

Tương tự như vô hữu duyên.

24. Bất ly duyên (Avigatapaccaya)

a. Định nghĩa:

Bất ly duyên *(Avigatapaccaya)*, là mãnh lực trợ sinh, ủng hộ theo cách *"không xa lìa nhau"*.

b. Chi pháp:

Tương tự như *"hiện hữu duyên"*.

Dứt tóm lược 24 hay 47 duyên.

Bài 3:

Đặc tính của duyên

I. Duyên chia theo đôi.

Trong 24 duyên, rút ra được năm đôi. Nghĩa là Đức Thế Tôn thuyết thành từng đôi với nhau. Có 5 đôi:

1. **Đôi nghĩa lý đồng nhau** *(atthayuga)*

Là chỉ cho hai duyên có cùng ý nghĩa, được Đức Thế Tôn thuyết lên, đó là: Vô gián duyên (Anantarapaccaya) và Đẳng vô gián duyên (Samanantarapaccaya).

2. **Đôi đồng âm** *(Saddayuga)*

Là chỉ cho hai duyên có cùng âm vận, được Đức Thế Tôn nêu ra thành đôi theo cách phát âm, đó là: Y duyên (Nissayapaccaya) và Cận y duyên (Upanissayapaccaya).

3. **Đôi nghịch thời điểm** *(Kalapati pakkhayuga)*

Là chỉ cho hai duyên được Đức Thế Tôn nêu ra có tính đối lập nhau theo thời điểm, đó là: Tiền sinh duyên (Purejātapaccaya) và Hậu sinh duyên (Pacchājātapaccaya).

4. **Đôi nghịch tính chất** *(Aññoñña paṭipakkhayuga)*

Là chỉ cho hai duyên được Đức Thế Tôn thuyết lên để chỉ ra đặc tính đối lập nhau theo cách trợ giúp, đó là: Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya) và Bất tương ưng duyên (Vippayuttapaccaya); hay Hiện hữu duyên (Atthipaccaya) và Vô hữu duyên (Natthipaccaya); hoặc Ly duyên (Vigatapaccaya) và Bất ly duyên (Avigatapaccaya).

5. **Đôi nhân và quả** *(Hetupphalayuga)*

Là hai duyên được Đức Thế Tôn nêu lên tính nhân quả, như Nghiệp duyên (Kammapaccaya) và Quả duyên (Vipākapaccaya)

II. Duyên chia theo cõi.

a. **Cõi Ngũ uẩn.**

Có đủ 24 hay 47 duyên.

b. **Cõi Tứ uẩn.**

Có 21 hoặc 25 duyên

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
3. Trưởng duyên (Adhipatipaccaya)
   - Trưởng duyên phân tích thành hai duyên
4. Vô gián duyên (Anantarapaccaya)
5. Đẳng vô gián duyên (Samantarapaccaya)
6. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
7. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
8. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
9. Cận y duyên (Upanissayapaccaya)
   - Cận y duyên được phân làm ba duyên
10. Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)
11. Nghiệp duyên (Kammapaccaya)
    - Nghiệp duyên phân tích thành hai duyên
12. Quả duyên (Vipākapaccaya)

13. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
14. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
15. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
16. Đạo duyên (Maggapaccaya)
17. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
18. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
19. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
20. Ly duyên (Vigatapaccaya)
21. Đồng sanh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

c. **Cõi Nhất uẩn.**

Có 7 duyên là.

1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
3. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
4. Nghiệp khác thời duyên (Nānakhaṇikakammapaccaya)
5. Sắc mạng quyền duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya)
6. Quyền hiện hữu duyên (Indriyatthipaccaya)
7. Quyền bất ly duyên (Indriya-avigatapaccaya)

d. **Vật vô thức.**

Là chỉ cho sắc pháp ngoài thân chúng sinh như: Rừng, núi, đồng ruộng, sông, suối, biển, nhà cửa…

Vật vô thức có 5 duyên.

1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
3. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
4. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
5. Đồng sanh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

e. **Bốn duyên có cho tất cả cõi.**

Bốn duyên này là nhân, là cứ điểm của pháp hành (sasaṅkhātadhamma) là danh sắc, được gọi là **duyên biến hành** (sabbaṭṭhānika paccayo). Nghĩa là trong pháp hành thế gian (Saṅkhāraloka), tất cả đối tượng dù là hữu thức (chỉ cho chúng sinh) hay vô thức cũng đều được 4 duyên này trợ giúp. Bốn duyên đó là:

1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Y duyên (Nissayapaccaya)
3. Hiện hữu duyên (Atthipaccaya)
4. Bất ly duyên (Avigatapaccaya)

Đối với 20 duyên còn lại, được gọi là **duyên phi biến hành**, vì không là nhân, là cứ điểm cho tất cả pháp hành, chỉ là duyên phối hợp riêng biệt khi có liên quan đến duyên ấy.

III. Duyên chia theo thời

a. Thời hiện tại.

Có 17 duyên hoặc 36 duyên.

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)

2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
4. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
5. Y duyên (Nissayapaccaya)

Y duyên được phân tích thành ba duyên là:

- Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
- Vật tiền sinh y duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)
- Vật cảnh tiền sinh y duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya)

6. Tiền sinh duyên (Purejātapaccaya)

Tiền sinh duyên phân tích thành hai duyên

- Vật tiền sinh duyên (Vatthupurejātapaccaya)
- Cảnh tiền sinh duyên (Ārammaṇapurejātapaccaya)

7. Hậu sinh duyên (Pacchājātapaccaya)
8. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
9. Quả duyên (Vipākapaccaya)
10. Vật thực duyên (Āhārapaccaya)

Vật thực duyên phân tích thành hai duyên

- Sắc vật thực duyên (Rūpa-āhārapaccaya)
- Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)

11. Quyền duyên (Indriyapaccaya)

Quyền duyên phân tích thành ba duyên

- Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
- Tiền sinh quyền duyên (Purejātindriyapaccaya)
- Sắc mạng quyền duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya)

12. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
13. Đạo duyên (Maggapaccaya)
14. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
15. Bất tương ưng duyên (Vippayuttapaccaya)

Bất tương ưng duyên phân tích thành 4 duyên

- Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)
- Vật tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya)
- Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya)
- Hậu sinh bất tương ưng duyên (Pacchājātavippayutta paccaya)

16. Hiện hữu duyên (Atthipaccaya)

Hiện hữu duyên phân tích thành 6 duyên.

- Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
- Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (Ārammaṇapurejātatthipaccaya)
- Vật tiền sinh hiện hữu duyên (Vatthupurejātatthipaccaya)
- Hậu sinh hiện hữu duyên (Pacchājātatthipaccaya)
- Vật thực hiện hữu duyên (Āhāratthipaccaya)

- Quyền hiện hữu duyên (Indriyatthipaccaya)

17. Bất ly duyên (Avigatapaccaya)

Bất ly duyên phân tích thành 6 duyên.

- Đồng sanh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)
- Vật tiền sinh bất ly duyên (Vatthupurejāta-avigatapaccaya)
- Hậu sinh bất ly duyên (Pacchājāta-avigatapaccaya)
- Vật thực bất ly duyên (Āhāra-avigatapaccaya)
- Cảnh tiền sinh bất ly duyên (Ārammaṇapurejāta-avigatapaccaya)
- Sắc mạng quyền bất ly duyên (Rūpajīvitindriya-avigatapaccaya)

b. Thời quá khứ và vị lai. Có hai duyên

- Cảnh trưởng duyên (Ārammanādhipatipaccaya)
- Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)

c. Thời quá khứ - vị lai và ngoại thời.

Có hai duyên

- Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
- Thường cận y duyên (Pakatūpa nissayapaccaya)

IV. Duyên phân theo danh sắc

a. Danh trợ danh.

Là năng duyên và sở duyên đều là danh pháp. Có 7 duyên là:

1. Vô gián duyên (Anantarapaccaya)
2. Đẳng vô gián duyên (Samantarapaccaya)
3. Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccaya)
4. Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)
5. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
6. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
7. Ly duyên (Vigatapaccaya)

b. Danh trợ sắc.

Là năng duyên là danh pháp trợ giúp cho sở duyên là sắc pháp. Có 4 duyên.

1. Hậu sinh duyên (Pacchājātapaccaya)
2. Hậu sinh bất tương ưng duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya)
3. Hậu sinh hiện hữu duyên (Pacchājātatthipaccaya)
4. Hậu sinh bất ly duyên (Pacchājāta-avigatapaccaya)

c. Danh trợ danh sắc.

Là năng duyên là danh pháp trợ giúp cho sở duyên là danh pháp lẫn sắc pháp. Có 9 duyên.

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
4. Dị thời nghiệp duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya)
5. Quả duyên (Vipākapaccaya)

6. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
7. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
8. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
9. Đạo duyên (Maggapaccaya)

d. Sắc trợ giúp sắc.

Là năng duyên là sắc pháp trợ giúp cho sở duyên cũng là sắc pháp. Có 6 duyên.

1. Sắc vật thực duyên (Rūpa-āhārapaccaya)
2. Sắc mạng quyền duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya)
3. Vật thực hiện hữu duyên (Āhāratthipaccaya)
4. Sắc mạng quyền hiện hữu duyên (Rūpajīvitindriyatthipaccaya)
5. Vật thực bất ly duyên (Āhāra-avigatapaccaya)
6. Sắc mạng quyền bất ly duyên (Rūpajīvitindriya-avigatapaccaya)

e. Sắc trợ danh.

Là năng duyên là sắc pháp trợ giúp cho sở duyên là danh pháp sinh lên. Có 11 duyên

1. Vật tiền sinh y duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)
2. Vật cảnh tiền sinh y duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya)
3. Vật tiền sinh duyên (Vatthupurejātapaccaya)
4. Cảnh tiền sinh duyên (Ārammaṇapurejātapaccaya)
5. Tiền sinh quyền duyên (Purejātindriyapaccaya)
6. Vật tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya)
7. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya)
8. Vật tiền sinh hiện hữu duyên (Vatthupurejātatthipaccaya)
9. Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (Ārammaṇapurejātatthipaccaya)
10. Vật tiền sinh bất ly duyên (Vatthupurejāta-avigatapaccaya)
11. Cảnh tiền sinh bất ly duyên (Ārammaṇapurejāta-avigatapaccaya)

f. Sắc trợ cho danh sắc.

Năng duyên là sắc pháp, trợ giúp cho sở duyên, là danh pháp lẫn sắc pháp.

Không có duyên nào.

g. Danh sắc trợ cho danh.

Nghĩa là: năng duyên là danh pháp lẫn sắc pháp, trợ giúp cho sở duyên là danh pháp. Có 2 duyên

1. Cảnh trưởng duyên (Ārammanādhipatipaccaya)
2. Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)

h. Danh sắc trợ sắc. Không có duyên nào.

i. Danh sắc trợ cho danh sắc.

Năng duyên là danh pháp lẫn sắc pháp trợ giúp cho sở duyên cùng là danh pháp lẫn sắc pháp. Có được 6 duyên.

1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
3. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
4. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)
5. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
6. Đồng sanh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

j. Chế định và danh sắc trợ cho danh

Năng duyên là chế định cùng với danh sắc trợ giúp cho sở duyên là danh pháp.
Có được hai duyên.

i. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
ii. Thường cận y duyên (Pakatūpanissayapaccaya)

k. Chế định và danh sắc trợ cho sắc

Năng duyên là chế định và danh sắc trợ giúp cho sở duyên là sắc pháp.
Không có duyên nào.

V. Duyên phân theo mãnh lực

Năng duyên trợ giúp cho sở duyên có hai mãnh lực là: mãnh lực **trợ sinh** (giúp cho sở duyên sinh lên) và mãnh lực **ủng hộ** (là giúp cho sở duyên được vững mạnh).

a. Về mãnh lực trợ sinh. Có 8 duyên

1. Vô gián duyên (Anantarapaccaya)
2. Đẳng vô gián duyên (Samantarapaccaya)
3. Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccaya)
4. Thường cận y duyên (Pakatūpanissayapaccaya)
5. Dị thời nghiệp duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya)
6. Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)
7. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
8. Ly duyên (Vigatapaccaya)

b. Về mãnh lực ủng hộ. Có 4 duyên

1. Hậu sinh duyên (Pacchājātapaccaya)
2. Hậu sinh bất tương ưng duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya)
3. Hậu sinh hiện hữu duyên (Pacchājātatthipaccaya)
4. Hậu sinh bất ly duyên (Pacchājāta-avigatapaccaya)

c. Mãnh lực trợ sinh và ủng hộ.

Ngoại trừ 12 duyên kể trên; 35 duyên còn lại có cả hai mãnh lực trợ sinh và ủng hộ.

Dứt bài 3

Bài 4:

Duyên phân theo giống

Giống (jāti) là chỉ cho những duyên có cùng một đặc tính.
24 hoặc 47 duyên được phân thành 9 giống.

I. Giống đồng sinh (Sahajātajāti)

Là chỉ cho những duyên có năng duyên và sở duyên cùng sinh lên. Có 15 duyên là:

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
4. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
5. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
6. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
7. Dị thục quả duyên (Vipākapaccaya)
8. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
9. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
10. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
11. Đạo duyên (Maggapaccaya)
12. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
13. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)
14. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
15. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Trong 15 duyên thuộc giống đồng sinh có:

1, Nhóm đồng sinh rộng. Có 4 duyên.

Gọi là nhóm **đồng sinh rộng**, vì 4 duyên này phối hợp được tất cả duyên trong nhóm đồng sinh. Đó là:

a. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
b. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
c. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
d. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

2. Nhóm đồng sinh trung bình. Có 4 duyên.

Nhóm đồng sinh này có khi phối hợp có khi không phối hợp. Đó là:

a. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
b. Quả duyên (Vipākapaccaya)
c. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
d. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

3. Nhóm đồng sinh đặc biệt. Có 7 duyên.

Đây là nhóm có chi pháp năng duyên ít và đặc biệt. Khi có cùng chi pháp đặc biệt với nhau mới có sự phối hợp. Đó là:

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
4. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
5. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
6. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
7. Đạo duyên (Maggapaccaya)

II. Giống cảnh.

Là những duyên có năng duyên làm cảnh trợ giúp cho sở duyên sinh lên. Giống cảnh có 8 duyên:

1. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
2. Cảnh trưởng duyên (Ārammanādhipatipaccaya)
3. Vật cảnh tiền sinh y duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya)
4. Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)
5. Cảnh tiền sinh duyên (Ārammaṇapurejātapaccaya)
6. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthārammaṇa purejātavippayuttapaccaya)
7. Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (Ārammaṇapurejātatthipaccaya)
8. Cảnh tiền sinh bất ly duyên (Ārammaṇapurejāta-avigatapaccaya)

III. Giống vô gián (anantarajāti).

Là những duyên có tính chất năng duyên trợ giúp cho sở duyên theo cách không có sự gián đoạn. Năng duyên diệt đi lập tức sở duyên sinh lên.

Giống vô gián có 7 duyên, đó là:

1. Vô gián duyên (Anantarapaccaya)
2. Đẳng vô gián duyên (Samantarapaccaya)
3. Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccaya)
4. Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)
5. Dị thời nghiệp duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya)
6. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
7. Ly duyên (Vigatapaccaya)

IV. Giống vật tiền sinh (vatthupurejātajāti).

Là những duyên có năng duyên là sắc vật sinh trước, làm chỗ nương cho sở duyên là tâm sinh sau có chỗ trú. Có 6 duyên, đó là:

1. Vật tiền sinh duyên (Vatthupurejātapaccaya)
2. Vật tiền sinh y duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)
3. Tiền sinh quyền duyên (Purejātindriyapaccaya)
4. Vật tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya)
5. Vật tiền sinh hiện hữu duyên (Vatthupurejātatthipaccaya)
6. Vật tiền sinh bất ly duyên (Vatthupurejāta-avigatapaccaya)

I. Giống hậu sinh *(pacchājātajāti).*

Là những duyên có năng duyên sinh sau, trợ giúp cho sở duyên sinh trước được vững mạnh.

Giống hậu sinh có 4 duyên, đó là:

1. Hậu sinh duyên (Pacchājātapaccaya)
2. Hậu sinh bất tương ưng duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya)
3. Hậu sinh hiện hữu duyên (Pacchājātatthipaccaya)
4. Hậu sinh bất ly duyên (Pacchājāta-avigatapaccaya)

II. Giống vật thực *(āhārajāti).*

Là những duyên có năng duyên là sắc vật thực trợ giúp cho sở duyên.

Giống vật thực có ba duyên, đó là:

1. Sắc vật thực duyên (Rūpa-āhārapaccaya)
2. Vật thực hiện hữu duyên (Āhāratthipaccaya)
3. Vật thực bất ly duyên (Āhāra-avigatapaccaya)

III. Giống sắc mạng quyền *(Rūpajīvitindriyajāti).*

Giống sắc mạng quyền là những duyên có đặc tính là: Năng duyên là sắc mạng quyền.

Giống sắc mạng quyền có ba duyên, đó là:

1. Sắc mạng quyền duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya)
2. Sắc mạng quyền hiện hữu duyên (Rūpajīvitindriyatthi paccaya)
3. Sắc mạng quyền bất ly duyên (Rūpajīvitindriya-avigatapaccaya)

IV. Giống thường cận y *(pakātūpanissaya).*

Giống thường cận y là chỉ cho những duyên có đặc tính năng duyên là chỗ nương vững mạnh cho sở duyên do thường làm (hay thói quen).

Giống thường cận y có hai duyên, đó là:

1. Thường cận y duyên (Pakatūpa nissayapaccaya)
2. Hỗn hợp thường cận y – nghiệp khác thời duyên (Nissakapakatūpanissayanānakkhaṇikakammapaccaya). Đây là chỉ cho tâm sở Tư (cetanā) là nghiệp có sức mạnh, có thể trợ giúp cho danh uẩn quả (trừ tâm sở tư hợp trong tâm Thánh đạo)

V. Giống nghiệp dị thời *(nānakkhaṇikakammajāti).*

Là chỉ cho năng duyên là tâm sở Tư trợ giúp sở duyên khác thời điểm.

Giống nghiệp dị thời có một duyên, đó là:

- Dị thời nghiệp duyên. (*Nānakkhaṇikakammapaccaya).*

Dứt bài 4

Bài 5:

Duyên Phối Hợp (Paccayaghaṭanā)

Gọi là duyên phối hợp hay duyên hợp trợ *(ghaṭanā)* là chỉ cho những duyên có cùng đặc tính phối hợp với nhau.

Các duyên phối hợp với nhau cần phải hội đủ 2 điều kiện: Cùng trong một giống *(jāti)* và chi pháp năng duyên trùng nhau ít nhất là một chi pháp.

1. Nhân duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 11 duyên phối hợp.

Trong giống đồng sinh có 4 duyên được xem là duyên biến hành *(sabbaṭṭhānikapaccaya)*, có mặt trong tất cả các duyên trong giống đồng sinh, đó là:

1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
3. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
4. Đồng sanh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Ngoài ra còn có:

5. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
6. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
7. Quả duyên (Vipākapaccaya)
8. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
9. Đạo duyên (Maggapaccaya)
10. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
11. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)

2. Cảnh duyên. Thuộc giống cảnh, có 7 duyên hợp trợ, đó là:

1. Cảnh trưởng duyên (Ārammanādhipatipaccaya)
2. Vật cảnh tiền sinh y duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya)
3. Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)
4. Cảnh tiền sinh duyên (Ārammaṇapurejātapaccaya)
5. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya)
6. Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (Ārammaṇapurejātatthipaccaya)
7. Cảnh tiền sinh bất ly duyên (Ārammaṇapurejāta-avigatapaccaya)

3. Cảnh trưởng duyên. Thuộc giống cảnh, có 7 duyên phối hợp, đó là:

1. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
2. Vật cảnh tiền sinh y duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya)
3. Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)
4. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya)
5. Cảnh tiền sinh duyên (Ārammaṇapurejātapaccaya)
6. Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (Vatthupurejātatthipaccaya)
7. Cảnh tiền sinh bất ly duyên (Ārammaṇapurejāta-avigatapaccaya)

4. Đồng sinh trưởng duyên. Thuộc giống đồng sinh, có 12 duyên phối hợp.

Trước tiên là 4 duyên biến hành.

1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
3. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
4. Đồng sanh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Ngoài ra còn có 8 duyên khác là:

5. Nhân duyên (Hetupaccaya)
6. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
7. Quả duyên (Vipākapaccaya)
8. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
9. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
10. Đạo duyên (Maggapaccaya)
11. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
12. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)

5. Vô gián duyên. Thuộc giống vô gián, có 6 duyên phối hợp, đó là:

1. Đẳng vô gián duyên (Samanantarapaccaya)
2. Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccaya)
3. Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)
4. Dị thời nghiệp duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya)
5. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
6. Ly duyên (Vigatapaccaya)

6. Đồng sinh duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 7 duyên phối hợp.

Trước tiên là 3 duyên biến hành.

1. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
2. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
3. Đồng sanh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Ngoài ra còn có.

4. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
5. Quả duyên (Vipākapaccaya)
6. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
7. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)

7. Hỗ tương duyên. Thuộc giống đồng sinh, có 7 duyên phối hợp.

Trước tiên là 4 duyên biến hành.

1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
3. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
4. Đồng sanh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Ngoài ra còn có.

5. Quả duyên (Vipākapaccaya)
6. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
7. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)

8. Vật tiền sinh y duyên. Thuộc giống vật tiền sinh lẫn với giống cảnh. Năng duyên của vật tiền sinh y duyên là sáu sắc vật; sắc ý vật có khi là vật cảnh tiền sinh y duyên.

Do đó, vật tiền sinh y duyên là duyên thuộc giống tiền sinh lẫn giống cảnh. Có 8 duyên phối hợp là:

1. Cảnh tiền sinh y duyên (Ārammaṇapurejātanissayapaccaya)
2. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
3. Cảnh trưởng duyên (Ārammanādhipatipaccaya)
4. Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)
5. Vật tiền sinh duyên (Vatthupurejātapaccaya)
6. Vật tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya)
7. Vật tiền sinh hiện hữu duyên (Vatthupurejātatthipaccaya)
8. Vật tiền sinh bất ly duyên (Vatthupurejāta-avigatapaccaya)

9. Vật cảnh tiền sinh y duyên. Thuộc giống vật sinh trước, cũng thuộc giống cảnh. Có 7 duyên phối hợp, đó là:

1. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
2. Cảnh trưởng duyên (Ārammanādhipatipaccaya)
3. Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)
4. Cảnh tiền sinh duyên (Ārammaṇapurejātapaccaya)
5. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya)
6. Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (Ārammaṇapurejātatthipaccaya)
7. Cảnh tiền sinh bất ly duyên (Ārammaṇapurejāta-avigatapaccaya)

10. Thường cận y duyên. Thuộc giống thường cận y, có một duyên phối hợp.

1. Dị thời nghiệp duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya)

11. Cảnh tiền sinh duyên. Thuộc giống cảnh lẫn giống vật tiền sinh, có 7 duyên phối hợp.

1. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
2. Cảnh trưởng duyên (Ārammanādhipatipaccaya)
3. Vật cảnh tiền sinh y duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya)
4. Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)
5. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya)
6. Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (Ārammaṇapurejātatthipaccaya)
7. Cảnh tiền sinh bất ly duyên (Ārammaṇapurejāta-avigatapaccaya)

12. Hậu sinh duyên. Thuộc giống hậu sinh. Có ba duyên phối hợp.

1. Hậu sinh bất tương ưng duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya)
2. Hậu sinh hiện hữu duyên (Pacchājātatthipaccaya)
3. Hậu sinh bất ly duyên (Pacchājāta-avigatapaccaya)

13. Tập hành duyên. Thuộc giống vô gián. Có 5 duyên phối hợp.

1. Vô gián duyên (Anantarapaccaya)
2. Đẳng vô gián duyên (Samantarapaccaya)
3. Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccaya)
4. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)

5. Ly duyên (Vigatapaccaya)

Có một duyên không phối hợp là: Thường cận y duyên (Pakatūpanissayapaccaya)

14. Đồng sinh nghiệp duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 9 duyên phối hợp, đó là:

1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
3. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
4. Quả duyên (Vipākapaccaya)
5. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
6. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
7. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)
8. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
9. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Có 5 duyên không phối hợp là:

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
4. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
5. Đạo duyên (Maggapaccaya)

15. Dị thời nghiệp duyên. Thuộc giống vô gián. Có 6 duyên phối hợp.

1. Vô gián duyên (Anantarapaccaya)
2. Đẳng vô gián duyên (Samanantarapaccaya)
3. Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccaya)
4. Thường cận y duyên (Pakatūpanissayapaccaya)
5. Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
6. Ly duyên (Vigatapaccaya)

Có một duyên không phối hợp là: Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)

16. Quả duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 7 duyên phối hợp.

1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
3. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
4. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
5. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)
6. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
7. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Có 7 duyên không phối hợp là:

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
4. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
5. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)

6. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
7. Đạo duyên (Maggapaccaya)

17. Sắc vật thực duyên. Thuộc giống vật thực. Có 2 duyên phối hợp.
1. Sắc vật thực hiện hữu duyên (Āhāratthipaccaya)
2. Sắc vật thực bất ly duyên (Āhāra-avigatapaccaya)

18. Danh vật thực duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 11 duyên phối hợp.
1. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
2. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
3. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
4. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
5. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
6. Quả duyên (Vipākapaccaya)
7. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
8. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
9. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)
10. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
11. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Có ba duyên không phối hợp là:
1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
3. Đạo duyên (Maggapaccaya)

19. Đồng sinh quyền duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 13 duyên phối hợp.
1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
4. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
5. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
6. Quả duyên (Vipākapaccaya)
7. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
8. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
9. Đạo duyên (Maggapaccaya)
10. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
11. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)
12. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
13. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Có một duyên không phối hợp là: Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)

20. Tiền sinh quyền duyên. Thuộc giống tiền sinh. Có 5 duyên phối hợp.
1. Vật tiền sinh y duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)
2. Vật tiền sinh duyên (Vatthupurejātapaccaya)
3. Vật tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya)
4. Vật tiền sinh hiện hữu duyên (Vatthupurejātatthipaccaya)
5. Vật tiền sinh bất ly duyên (Vatthupurejāta-avigatapaccaya)

21. Sắc mạng quyền duyên. Thuộc giống sắc mạng quyền. Có hai duyên phối hợp.
1. Sắc mạng quyền hiện hữu duyên (Indriyatthipaccaya)
2. Sắc mạng quyền bất ly duyên (Indriya-avigatapaccaya)

22. Thiền duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 10 duyên phối hợp.
1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
3. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
4. Quả duyên (Vipākapaccaya)
5. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
6. Đạo duyên (Maggapaccaya)
7. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
8. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)
9. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
10. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Có 4 duyên không phối hợp.
1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
4. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)

23. Đạo duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 12 duyên phối hợp.
1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
4. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
5. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
6. Quả duyên (Vipākapaccaya)
7. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
8. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
9. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
10. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)
11. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
12. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Có hai duyên không phối hợp là.
1. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
2. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)

24. Tương ưng duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 6 duyên phối hợp.
1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
3. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
4. Quả duyên (Vipākapaccaya)
5. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)

6. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Có 8 duyên không phối hợp là.
1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
4. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
5. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
6. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
7. Đạo duyên (Maggapaccaya)
8. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)

25. Đồng sinh bất tương ưng duyên. Thuộc giống đồng sinh. Có 6 duyên phối hợp.
1. Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
2. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
3. Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
4. Quả duyên (Vipākapaccaya)
5. Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
6. Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

Có 8 duyên không phối hợp.
1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
3. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
4. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
5. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
6. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
7. Đạo duyên (Maggapaccaya)
8. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)

Dứt bài 5

Bài 6:

Duyên trùng và duyên không trùng

Gọi là **duyên trùng** là chỉ cho những duyên tuy khác tên gọi, nhưng có chi pháp (Năng duyên – Sở duyên và Phi Sở duyên) giống nhau. Như Vô gián duyên trùng với Đẳng vô gián duyên.

Duyên không trùng. Là chỉ cho những duyên có chi pháp độc lập

A. Duyên không trùng. Có 16 duyên là

1. Nhân duyên (Hetupaccaya)
2. Cảnh duyên (Ārammaṇapaccaya)
3. Đồng sinh trưởng duyên (Sahajātādhipatipaccaya)
4. Hỗ tương duyên (Aññamaññapaccaya)
5. Thường cận y duyên (Pakatūpanissayapaccaya)
6. Tập hành duyên (Āsevanapaccaya)
7. Đồng sinh nghiệp duyên (Sahājātakammapaccaya)
8. Dị thời nghiệp duyên (Nānakkhaṇikakammapaccaya)
9. Quả duyên (Vipākapaccaya)
10. Danh vật thực duyên (Nāmāhārapaccaya)
11. Đồng sinh quyền duyên (Sahajātindriyapaccaya)
12. Tiền sinh quyền duyên (Purejātindriyapaccaya)
13. Thiền duyên (Jhānapaccaya)
14. Đạo duyên (Maggapaccaya)
15. Tương ưng duyên (Sampayuttapaccaya)
16. Đồng sinh bất tương ưng duyên (Sahajātavippayuttapaccaya)

Đây là 16 duyên không trùng chi pháp.

B. Duyên trùng. Được phân ra theo nhiều cách.

a. Hai duyên trùng chi pháp. Có 2 nhóm

i. Nhóm hai thứ nhất là:

- Vật cảnh tiền sinh y duyên (Vatthārammaṇapurejātanissayapaccaya)
- Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya)

ii. Nhóm hai thứ hai là:

- Cảnh trưởng duyên (Ārammanādhipatipaccaya)
- Cảnh cận y duyên (Ārammaṇūpanissayapaccaya)

b. Ba duyên trùng chi pháp. Có ba nhóm

i. Nhóm ba thứ nhất

- Cảnh tiền sinh duyên (Ārammaṇapurejātapaccaya)
- Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (Ārammaṇapurejātatthipaccaya)
- Cảnh tiền sinh bất ly duyên (Ārammaṇapurejāta-avigatapaccaya)

ii. Nhóm ba thứ hai:

- Sắc vật thực duyên (Rūpa-āhārapaccaya)
- Vật thực hiện hữu duyên (Āhāratthipaccaya)
- Vật thực bất ly duyên (Āhāra-avigatapaccaya)

iii. *Nhóm ba thứ ba*
- Sắc mạng quyền duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya)
- Sắc mạng quyền hiện hữu duyên (Rūpajīvitindriyatthipaccaya)
- Sắc mạng quyền bất ly duyên (Rūpajīvitindriya-avigatapaccaya)

c. Bốn duyên trùng chi pháp. Có hai nhóm

i. *Nhóm bốn thứ nhất*
- Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya)
- Đồng sinh y duyên (Sahajātanissayapaccaya)
- Đồng sinh hiện hữu duyên (Sahajātatthipaccaya)
- Đồng sinh bất ly duyên (Sahajāta-avigatapaccaya)

ii. *Nhóm bốn thứ hai*
- Hậu sinh duyên (Pacchājātapaccaya)
- Hậu sinh bất tương ưng duyên (Pacchājātavippayuttapaccaya)
- Hậu sinh hiện hữu duyên (Pacchājātatthipaccaya)
- Hậu sinh bất ly duyên (Pacchājāta-avigatapaccaya)

d. Năm duyên trùng chi pháp. Có hai nhóm

i. *Nhóm năm thứ nhất:*
- Vật tiền sinh y duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya)
- Vật tiền sinh duyên (Vatthupurejātapaccaya)
- Vật tiền sinh bất tương ưng duyên (Vatthupurejātavippayuttapaccaya)
- Vật tiền sinh hiện hữu duyên (Vatthupurejātatthipaccaya)
- Vật tiền sinh bất ly duyên (Vatthupurejāta-avigatapaccaya)

ii. *Nhóm năm thứ hai*
- Vô gián duyên (Anantarapaccaya)
- Đẳng vô gián duyên (Samanantarapaccaya)
- Vô gián cận y duyên (Anantarūpanissayapaccaya)
- Vô hữu duyên (Natthipaccaya)
- Ly duyên (Vigatapaccaya)

Như vậy duyên trùng gồm có 9 phần:

- Hai duyên trùng. Có hai nhóm
- Ba duyên trùng. Có ba nhóm
- Bốn duyên trùng. Có hai nhóm
- Năm duyên trùng. Có hai nhóm

Tổng cộng có 31 duyên trùng chi pháp + 16 duyên không trùng chi pháp = 47 duyên

Dứt bài 6

PHẦN II.
Bài 1:

GIẢI THÍCH TÓM LƯỢC VỀ NHÂN DUYÊN

Trong **nhân duyên**, 6 nhân thuộc về danh pháp, tạo điều kiện **trợ sinh** và **ủng hộ** cho danh pháp lẫn sắc pháp sinh lên trong cơ tính của chúng sinh có mạng quyền (Jīvitindriya). Tất cả chúng sinh hiện khởi trong thế gian này, đều phải nương vào **nhân**. Nếu **không có nhân** thì chúng sinh không thể sinh lên, nên **nhân** (Hetu) là pháp trọng yếu nhất. Do vậy, Đức Thế Tôn thuyết **nhân duyên** (Hetupaccaya) trước tiên.

Nhân ở đây là chỉ nhân thực tính, đó là: Tham, sân, si, vô tham, vô sân và vô si. Sáu nhân này cũng được xem gốc rễ (mūla) của các pháp, chủ yếu là pháp bất thiện và pháp thiện.

Trong tăng chi bộ kinh, chương ba pháp, phẩm vii-Phẩm lớn (Mahāvagga), Kinh gốc rễ bất thiện (Akusalamūlasuttaṃ)(số 8a),(A.i,201), Đức Thế Tôn có dạy.

- Tiṇimāni, bhikkhave, akusalamūlāni. Katamāni tīṇi?

"Này các tỳ khưu, có ba gốc rễ bất thiện này. Thế nào là ba?"

- Lobho akusalamūlaṃ: "Tham là gốc rễ bất thiện"
- Doso akusalamūlaṃ: "Sân là gốc rễ bất thiện"
- Moho akusalamūlaṃ: "Si là gốc rễ bất thiện"

Và

- Tiṇimāni, bhikkhave, kusalamūlāni. Katamāni tīṇi?

"Này các tỳ khưu, có ba gốc rễ thiện. Thế nào là ba?"

- Alobho kusalamūlaṃ: "Vô tham là gốc rễ thiện"
- Adoso kusalamūlaṃ: "Vô sân là gốc rễ thiện"
- Amoho kusalamūlaṃ: "Vô si là gốc rễ thiện"

Nhân phân theo giống (Jāti)

- Ba nhân: Tham, sân, si chỉ đồng sinh với tâm bất thiện, nên thuộc giống bất thiện, gọi là *nhân bất thiện*.
- Riêng ba nhân: Vô tham, vô sân, vô si. Khi:

- Khi đồng sinh với tâm thiện là giống thiện được gọi là *nhân thiện*.
- Khi đồng sinh với tâm quả hữu nhân, là giống quả, được gọi là *nhân vô ký quả*.
- Khi đồng sinh với tâm duy tác hữu nhân, là giống duy tác, được gọi là *nhân vô ký duy tác*.

Sáu nhân thực tính này có mãnh lực trợ sinh lẫn ủng hộ cho các pháp tương ưng là tâm và tâm sở cùng sinh khởi với pháp nhân, đồng thời tâm và các tâm sở khác được vững mạnh đó là nhờ mãnh lực ủng hộ của nhân. Ngoài tâm và tâm sở, còn có *sắc tâm* và *sắc nghiệp tục sinh.*

Như cây cổ thụ, nương vào gốc rễ cắm sâu vào lòng đất được vững mạnh, dù cho gió mạnh có từ hướng nào thổi đến, cũng không làm cho xiêu ngã. Cây được vững mạnh phát triển cành nhánh sum suê, trổ hoa kết trái cũng do nương vào gốc rễ trợ giúp ủng hộ.

Cũng vậy, khi *nhân tham* hiện khởi, thì các pháp tương ưng với nhân tham như: Tâm tham và tâm sở cùng sắc tâm bất thiện tham cùng sinh khởi.

Khi tâm tham đã hiện khởi thì khó loại trừ, ví như thân cây nương vào rễ cây để tồn tại vững chắc.

Ngay cả thân biểu tri cũng dựa vào tâm tham, thực hiện những hành động bất thiện như trộm cắp, tà hạnh trong các dục.

Hoặc ngữ biểu tri cũng do nhân tham điều sử thực hiện bốn ngữ ác hạnh như: Nói dối, nói vu khống, nói ác, nói vô ích.

Các nhân khác cũng nên hiểu như vậy.

Cho dù đó là nhân thiện hay nhân bất thiện khi chúng làm thành gốc rễ (mūla), chúng sẽ ủng hộ các pháp đồng sinh cùng với sắc tâm được vững mạnh.

TAM ĐỀ THIỆN VỚI NHÂN DUYÊN 7 CÂU LỌC

Đức Thế Tôn nêu ra một tam đề làm căn bản như Tam đề thiện đối với một trong 24 duyên hay 47 duyên như nhân duyên... câu tam đề chỉ cho pháp năng duyên. Tam đề thiện chỉ cho pháp năng duyên là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký.

Có 7 câu lọc.

A. Pháp thiện.

Câu 1: Câu thiện

Câu chính.

Kusalo dhammo kusalassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ pháp pháp thiện bằng nhân duyên"

Câu phụ.

Kusalā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.

"Nhân thiện trợ cho danh uẩn thiện bằng nhân duyên"

a. Phân tích câu.

Câu chính.

Kusalo dhammo là chủ cách, là *câu chủ từ (kattupada)*, cho biết thiện năng duyên là 3 nhân thiện: vô tham, vô sân và vô si.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc cách, *là câu liên hệ (sampadāṇapada)*, cho biết thiện sở duyên là 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện (karaṇapada)*, cho biết mãnh lực đặc biệt của nhân duyên.

Nếu tâm thiện có đầy đủ ba nhân thiện, có 10 duyên cùng tính chất phối hợp

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)*, cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b. Chi pháp

Thiện năng duyên. Là một hay cả 3 nhân thiện: vô tham, vô sân, vô si.

Thiện sở duyên. Là 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp.

c. Giải thích.

Câu này chỉ đề cập đến những pháp có trong một tâm thiện.

Trong một tâm thiện có tối thiểu là hai nhân, như tâm thiện ly trí có hai nhân là vô tham và vô sân, còn trong tâm thiện có trí có đầy đủ 3 nhân: vô tham, vô sân, vô si.

Nhân thiện trợ giúp cho pháp thiện có 2 mô thức.

i. Nhân thiện trợ cho nhân thiện.

Như trong tâm thiện 2 nhân có: vô tham trợ cho vô sân hay vô sân trợ cho vô tham.

Trong tâm thiện ba nhân:

- Nhân vô tham trợ cho nhân vô sân và nhân vô si.
- Nhân vô sân trợ cho nhân tham và nhân vô si.
- Nhân vô si trợ cho nhân vô tham và nhân vô sân.
- Nhân vô si và vô sân trợ cho nhân vô tham.
- Nhân vô si và vô tham trợ cho nhân vô sân.
- Nhân vô tham và vô sân trợ cho nhân vô si.

Đây là mô thức nhân thiện trợ cho nhân thiện.

ii. Nhân thiện trợ cho pháp thiện ngoài nhân thiện

Như nhân vô tham trợ cho 21 tâm thiện cùng với 35 tâm sở (trừ 3 nhân thiện) sinh lên.

Hay: nhân vô tham, nhân vô sân, nhân vô si trợ cho 21 tâm thiện cùng 35 tâm sở (trừ 3 nhân thiện) sinh lên.

Đây là nhân thiện trợ cho pháp thiện trừ nhân thiện, được sinh lên.

Sở duyên có 38 tâm sở hợp do mãnh lực của nhân thiện trợ cho nhân thiện cùng pháp thiện sinh lên.

d. Câu này đối với.

i. Thời: Thời bình nhật

ii. Người: 4 Phàm, 7 Thánh Hữu học

iii. Cõi: 30 cõi hữu tâm

iv. Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đổng lực thiện, tâm lộ đắc đạo…

v. Giống: Giống Đồng sinh.

Giải thích:

- Vị Thánh A La Hán quả không còn tâm bất thiện lẫn tâm thiện, nên trong câu lọc này không đề cập đến bậc Thánh quả A La Hán.
- 4 tâm Thánh đạo là giống thiện, nên thuộc người thiện.

Các câu còn lại cũng dễ hiểu.

e. Duyên hợp trợ và duyên không hợp trợ.

i. Duyên hợp trợ

Trong một tâm thiện có 3 nhân thiện, có 10 duyên có cùng tính chất phối hợp.

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có 4 duyên căn bản của giống đồng sinh là:

1. Đồng sinh duyên
2. Đồng sinh y duyên
3. Đồng sinh hiện hữu duyên
4. Đồng sinh bất ly duyên

- Năng duyên là 3 nhân thiện, nên có.

5. Nhân duyên phối hợp

- Năng duyên có tâm sở trí, nên có.

6. Đồng sinh trưởng duyên phối hợp
7. Đồng sinh quyền duyên phối hợp
8. Đạo duyên phối hợp

- Năng duyên và sở duyên là 3 nhân thiện, nên có.

9. Hỗ tương duyên phối hợp

- Năng duyên và sở duyên đều là danh pháp, nên có:

10. Tương ưng duyên phối hợp

Như vậy câu lọc này có 10 duyên phối hợp.

ii. Duyên không phối hợp.

- Năng duyên không có tâm sở tư, nên không có.

1. Đồng sinh nghiệp duyên phối hợp

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có.

2. Quả duyên phối hợp

- Năng duyên không có tâm sở tư, tâm quả, nên không có.

3. Danh vật thực duyên phối hợp.

- Năng duyên là duyên không có chi thiền, nên không có.

4. Thiền duyên phối hợp.

- Năng duyên và sở duyên đều là danh pháp, nên không có.

5. Đồng sinh bất tương ưng duyên phối hợp.

Như vậy có năm duyên không phối hợp.

Nếu là tâm thiện nhị nhân. Năng duyên không có tâm sở trí là vô si; trong 10 duyên phối hợp với tâm tam nhân không có 3 duyên phối hợp là:

1. Đồng sinh trưởng duyên
2. Đồng sinh quyền duyên
3. Đạo duyên

Như vậy có 7 duyên phối hợp và có 8 duyên không phối hợp.

Câu phụ:

Kusalā hetū là chủ cách, là *câu chủ từ (kattupada)*, cho biết thiện năng duyên là 2 hay 3 nhân thiện: vô tham, vô sân và vô si có trong tam thiện hai hay ba nhân.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ là *câu liên hệ (Sampadāṇapada)*, chỉ cho thiện sở duyên là 4 danh uẩn thiện là: 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện (Karaṇapada)*, cho biết mãnh lực trợ giúp của nhân duyên.

Năng duyên là 3 nhân thiện, có 10 duyên phối hợp.

Paccayo là *câu thuật từ* , cho biết đặc tính vô ngã của pháp

Nói về chi pháp, thời, người, cõi, tâm lộ, giống, duyên trùng và không trùng, giống câu chính.

Dứt câu số 1.

Câu 2: Câu Vô Ký

Câu chính:

Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng nhân duyên"

Câu phụ:

Kusalā hetū cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

"Nhân thiện trợ sắc tâm bằng nhân duyên"

a. Phân tích câu:

Câu chính:

Kusalo dhammo là chủ cách, là *câu chủ từ (Kattupada)* cho biết thiện năng duyên là ba nhân thiện: vô tham, vô sân và vô si.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc cách, là *câu liên hệ (Sampadāṇapada)*, cho biết vô ký sở duyên là 17 sắc tâm.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện (karaṇapada)*, cho biết mãnh lực trợ giúp của nhân duyên.

Nếu hội đủ 3 nhân, có được 9 duyên có cùng tính chất phối hợp.

Paccayo là *câu thuật từ (Kiriyāpada)*, cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b. Chi pháp:

- *Thiện năng duyên.* Là ba nhân thiện: vô tham, vô sân, vô si.
- *Vô ký sở duyên.* Là 17 sắc tâm

c. Giải thích:

Ba nhân thiện này trợ cho sắc do tâm sinh lên để tạo công hạnh tốt đẹp.

- Khi vô tham là năng duyên cùng sinh lên với bốn danh uẩn thiện khác (ngoài vô tham), rồi trợ giúp sắc tâm sinh lên.

Khi tâm muốn bố thí, cúng dường, khi ấy sắc thân biểu tri do tâm tạo sinh ra, giúp vị ấy thực hiện hành động xả thí.

Hoặc nhân vô tham trợ giúp ngữ biểu tri sinh lên nói lời cung thỉnh Đức Thế Tôn hay vị trưởng lão nhận lời thỉnh cầu thọ thực nơi tư gia vào ngày mai…

- Khi vô sân là năng duyên trợ giúp cho thân biểu tri xa lánh sự sát sinh, từ bỏ sự làm hại kẻ khác; hoặc dùng thân giúp đỡ, che chở cho người khác.

Như nàng Uttarā dùng thân che chở cho nàng Sirimā.

Hay do nhân vô sân trợ giúp cho ngữ biểu tri, khiến người ấy nói lên lời ôn hòa, dịu ngọt.

- Khi vô si là năng duyên giúp thân biểu tri sinh lên ngồi yên tịnh, trú tâm vào trong thiền tịnh hay đi kinh hành với trí quán.

Hoặc trợ giúp cho ngữ biểu tri sinh lên để đàm luận pháp, giảng pháp…

d. Câu này đối với:

i. Thời: Thời bình nhật.

ii. Người: 4 Phàm, 7 bậc Thánh Hữu học

iii. Cõi: 26 cõi năm uẩn

iv. Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, tâm lộ đắc thiền, tâm lộ nhập thiền, tâm lộ đắc đạo.

v. Giống: Giống đồng sinh

e. Duyên phối hợp và duyên không phối hợp.

i. Duyên phối hợp

Câu lọc này nếu có đủ 3 nhân thiện là năng duyên, có 9 duyên cùng tính chất phối hợp.

Câu lọc này thuộc giống đồng sinh, nên có 4 duyên biến hành phối hợp là:

1. Đồng sinh duyên
2. Đồng sinh y duyên
3. Đồng sinh hiện hữu duyên
4. Đồng sinh bất ly duyên

- Năng duyên là pháp nhân, nên có:

5. Nhân duyên

- Năng duyên có tâm sở trí là pháp nhân, nên có.

6. Đồng sinh trưởng duyên
7. Đồng sinh quyền duyên
8. Đạo duyên

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên có.

9. Đồng sinh bất tương ưng duyên

Như vậy có 9 duyên phối hợp

ii. Duyên không phối hợp.

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên không có.

1. Hỗ tương duyên

- Năng duyên không có tâm sở Tư, nên không có.

2. Đồng sinh nghiệp duyên phối hợp

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có.

3. Quả duyên phối hợp

- Năng duyên không có chi thiền, nên không có.

4. Thiền duyên phối hợp

- Năng duyên là nhân thiện, nên không có.

5. Danh vật thực duyên phối hợp

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên không có.

6. Tương ưng duyên

Như vậy có 6 duyên không phối hợp trong câu lọc này.

Câu phụ.

Kusalā hetū là *câu chủ từ (Kattupada)* cho biết "các nhân thiện".

- Nếu là tâm thiện hai nhân trong cõi năm uẩn, thiện năng duyên là vô tham, vô sân.
- Nếu là tâm thiện ba nhân trong cõi năm uẩn, thiện năng duyên là vô tham, vô sân và vô si.

Cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ là sở thuộc từ, là *câu liên hệ (Sampadāṇapada),* cho biết vô ký sở duyên là 17 sắc do tâm tạo.

Hetupaccayena là sở dụng từ, là *câu thực hiện (karaṇapada),* chỉ cho mãnh lực trợ giúp của nhân duyên.

Nếu năng duyên hội đủ 3 nhân thì có 9 duyên cùng tính chất phối hợp.

Paccayo là *câu thuật từ (Kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

a. Chi pháp:

- Thiện năng duyên là ba nhân thiện: vô tham, vô sân, vô si.
- Vô ký sở duyên. 17 sắc do tâm tạo

b. Câu này đối với

i. *Thời:* Thời bình nhật.

ii. *Người:* 4 Phàm, 7 bậc Thánh Hữu học

iii. *Cõi:* 26 cõi ngũ uẩn

iv. *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn với đổng lực thiện, tâm lộ đắc thiền, tâm lộ nhập thiền, tâm lộ đắc đạo.

v. *Giống:* Giống cảnh

c. Duyên phối hợp và duyên không phối hợp

Giống như câu chính

Dứt câu lọc thứ hai.

Câu 3: Câu Thiện và Vô Ký

Câu chính:

Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetupaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng nhân duyên"

Câu phụ:

Kusalā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

"Nhân thiện trợ cho danh uẩn và sắc tâm thiện đồng sinh bằng nhân duyên".

a. Phân tích câu và chi pháp.

Câu chính:

Kusalo dhammo là chủ cách, là *câu chủ từ (Kattupada),* chỉ cho năng duyên là ba nhân thiện.

Kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa là sở thuộc cách, là *câu liên hệ (Sampadāṇapada),* cho biết sở duyên là: 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp và 17 sắc tâm thiện.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện (karaṇapada),* cho biết mãnh lực trợ giúp của nhân duyên.

Paccayo là *câu thuật từ (Kiriyāpada),* chỉ ra tính vô ngã.

Câu phụ:

Kusalā hetū là *câu chủ từ (kattupada),* chỉ năng duyên là nhân thiện.

- Là tâm thiện nhị nhân trong cõi ngũ uẩn, năng duyên là vô tham, vô sân.
- Là tâm thiện tam nhân trong cõi ngũ uẩn, năng duyên là: vô tham, vô sân, vô si.

Hetupaccayena là sở dụng cách là *câu thực hiện (karaṇapada),* chỉ cho mãnh lực của nhân duyên.

Nếu hội đủ ba nhân thiện thì có 8 duyên phối hợp với cây này là:

1. Nhân duyên
2. Đồng sinh trưởng duyên
3. Đồng sinh duyên
4. Đồng sinh y duyên
5. Đồng sinh quyền duyên
6. Đạo duyên
7. Đồng sinh hiện hữu duyên
8. Đồng sinh bất ly duyên

Paccayo là *câu thuật từ (Kiriyāpada),* trình bày cho biết pháp vô ngã.

b. Chi pháp:

- *Năng duyên.* Là hai hay ba nhân thiện
- *Sở duyên:* 21 tâm thiện, 38 tâm sở, 17 sắc tâm thiện.

c. Giải thích:

i. Một Phật tử khởi lên tâm cúng dường (năng duyên là nhân vô tham) nhưng không cúng dường. Đây là trường hợp danh thiện trợ cho pháp thiện. Như Bà la môn Cūḷekasāṭaka, đầu hôm ông khởi ý cúng dường Đức Thế Tôn tấm y choàng, nhưng ông không thực hiện (Dhp câu 116).

ii. Một Phật tử khởi lên tâm cúng dường (năng duyên là nhân vô tham), nhưng khi cúng dường chỉ thực hiện hời hợt. Đây là trường hợp danh thiện trợ cho sắc.

iii. Một Phật tử khởi lên tâm cúng dường (năng duyên là nhân vô tham), khi cúng dường thực hiện rất chu đáo và thận trọng. Đây là danh thiện trợ cho pháp thiện và sắc tâm.

Hoặc là: Một Phật tử muốn đi nghe pháp (năng duyên là nhân vô si), khi đi nghe pháp vị ấy nghe một cách lơ là không ghi nhớ được pháp. Đây là danh trợ cho sắc tâm.

Một Phật tử khi nghe pháp chăm chú, cố gắng ghi nhớ pháp. Danh là danh thiện là nhân vô si trợ giúp cho pháp thiện và sắc tâm. Như thanh niên Kāla con trai gia chủ Anāthapiṇḍika nghe pháp từ Đức Thế Tôn (Dhp.câu 178).

d. Câu này đối với.

i. *Thời:* Thời bình nhật.
ii. *Người:* 4 Phàm, 7 bậc Thánh Hữu học
iii. *Cõi:* Cõi ngũ uẩn
iv. *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn với đổng lực thiện
v. *Giống:* Giống đồng sinh.

e. Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Duyên hợp trợ

Hợp trợ trong câu lọc này có 8 duyên phối hợp
Trước tiên là bốn duyên phổ thông, đó là:

1. Đồng sinh duyên
2. Đồng sinh y duyên
3. Đồng sinh hiện hữu duyên
4. Đồng sinh bất ly duyên

- Câu lọc này đối với năng duyên, nên có:

5. Nhân duyên

- Năng duyên có nhân vô si là tâm sở trí, nên có:

6. Đồng sinh trưởng duyên
7. Đồng sinh quyền duyên
8. Đạo duyên

Như vậy có 8 duyên phối hợp

Duyên không hợp trợ

- Năng duyên là ba nhân thiện, sở duyên là pháp thiện lẫn sắc tâm thiện, nên không có *tương ưng duyên lẫn đồng sinh bất tương ưng duyên.*
- Năng duyên là danh pháp, sở duyên có sắc pháp nên không có *Hỗ tương duyên*
- Năng duyên là ba nhân thiện, nên không có *"Đồng sinh nghiệp duyên", "thiền duyên", "danh vật thực duyên", "quả duyên".*

Như vậy có 7 duyên không phối hợp.

Dứt câu thiện (có 3 câu) với nhân duyên.

B. Pháp bất thiện với nhân duyên có ba câu.

Câu 4: Câu Bất Thiện

Câu chính:

Akusalo dhammo akusalassa dhammassa hetupaccayena paccayo.
"Pháp bất thiện trợ giúp pháp bất thiện bằng nhân duyên"

Câu phụ:

Akusalā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ hetupaccayena paccayo.

a. Phân tích câu:

Câu chính:

Akusalo dhammo là chủ cách, là *câu chủ từ (kattupada)*, cho biết năng duyên là ba nhân bất thiện: tham, sân, si.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc cách là *câu liên hệ (Sampadāṇapada),* cho biết sở duyên là pháp bất thiện: 12 tâm bất thiện, 17 tâm sở hợp (trừ tâm sở si trong 2 tâm si).

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện (karaṇapada),* cho biết mãnh lực của nhân duyên. Có 7 duyên có cùng tính chất phối hợp với nhau:

1. Nhân duyên
2. Đồng sinh duyên
3. Hỗ tương duyên
4. Đồng sinh y duyên
5. Tương ưng duyên
6. Đồng sinh hiện hữu duyên
7. Đồng sinh bất ly duyên

Paccayo là *câu thuật từ (Kiriyāpada),* cho biết đến pháp vô ngã.

Câu phụ:

Akusalā hetū là *câu chủ từ,* cho biết năng duyên là nhân bất thiện.

- Nếu là tâm tham thì có 2 nhân bất thiện: tham và si.
- Nếu là tâm sân, có hai nhân bất thiện là sân, si.
- Nếu là tâm si, có nhân bất thiện là si

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ là sở thuộc cách, cho biết sở duyên là bốn danh uẩn bất thiện: 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở si hợp trong hai tâm si)

Hetupaccayena là sở dụng cách cho biết năng lực trợ giúp với nhân duyên.

Có 7 duyên cùng tính chất phối hợp với nhau là: Nhân duyên, đồng sinh duyên…Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là *câu thuật từ,* cho biết đến pháp vô ngã.

b. Chi pháp:

- *Năng duyên.* Là ba nhân bất thiện: tham, sân và si.
- *Sở duyên.* Là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở si trong tâm si).

c. Giải thích:

Trong câu này năng duyên trợ giúp cho sở duyên có hai mô thức.

i. Nhân bất thiện trợ cho nhân bất thiện.

- Trong tâm bất thiện tham, có hai nhân là: nhân tham và nhân si.

Nhân tham trợ giúp cho nhân si, hay

Nhân si trợ giúp cho nhân tham.

- Tương tự như vậy, trong tâm bất thiện sân có hai nhân bất thiện là: nhân sân và nhân si

Nhân sân trợ giúp cho nhân si, hay

Nhân si trợ giúp cho nhân sân.

Đây là mô thức nhân bất thiện trợ giúp cho nhân bất thiện.

ii. Nhân bất thiện trợ giúp pháp bất thiện (trừ nhân bất thiện), như:

- Tâm sở si trong hai tâm si trợ giúp cho hai tâm si, 14 tâm sở hợp.
- Trong tâm bất thiện tham, nhân tham hay nhân si hoặc cả hai nhân tham dùng nhân si trợ giúp cho 8 tâm tham, 20 tâm sở hợp (trừ nhân tham và nhân si)
- Trong tâm bất thiện sân, nhân sân hay nhân si hoặc cả nhân sân lẫn nhân si trợ giúp cho hai tâm sân, 20 tâm sở hợp (trừ nhân sân và nhân si).

d. Câu này đối với.

i. Thời: Thời bình nhật.

ii. Người: 4 Phàm, 3 Thánh quả hữu học

iii. Cõi: 30 cõi hữu tâm

iv. Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn với đồng lực bất thiện
v. Giống: Giống đồng sinh.

e. Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Duyên hợp trợ

Trong câu này có được 7 duyên phối hợp, đó là:

1. Năng duyên trợ giúp sở duyên bằng nhân, nên có *"Nhân duyên"*
2. Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có *"Đồng sinh duyên"*
3. Sở duyên được vững mạnh, nhờ năng duyên, nên có *"Đồng sinh y duyên"*
4. Năng duyên và sở duyên hỗ trợ lẫn nhau, nên có *"Hỗ tương duyên"*
5. Năng duyên và sở duyên hòa hợp nhau, nên có *"Tương ưng duyên"*
6. Năng duyên và sở duyên cùng có mặt, nên có *"Đồng sinh hiện hữu duyên"*, *"Đồng sinh bất ly duyên"*

Như vậy có 7 duyên phối hợp với câu này.

Duyên không hợp trợ

Có 8 duyên không hợp trợ

1. Năng duyên không có pháp trưởng, nên không có *"Đồng sinh trưởng duyên"*
2. Năng duyên là nhân bất thiện, nên không có *"Đồng sinh nghiệp duyên", "Quả duyên", "Thiền duyên", Danh vật thực duyên", "Đồng sinh quyền duyên", "Đạo duyên".*
3. Năng duyên và sở duyên hòa hợp nhau, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên".*

Như vậy có 8 duyên không phối hợp trong câu lọc này.

Dứt câu lọc số 4.

Câu 5: Câu Vô Ký

Câu chính:

Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo

"Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng nhân duyên"

Câu phụ:

Akusalā cittasamuṭṭhānānaṃ rūpanaṃ hetupaccayena paccayo.

"Nhân bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện bằng nhân duyên"

a. Phân tích câu:

Câu chính:

Akusalo dhammo là chủ cách, là *câu chủ từ* cho biết năng duyên là "nhân bất thiện".

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc cách, là *câu liên hệ*, cho biết sở duyên là pháp vô ký, là 17 sắc tâm bất thiện.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện,* chỉ ra năng lực các duyên phối hợp.

Có sáu duyên có cùng tính chất phối hợp với nhau là:

1. Nhân duyên
2. Đồng sinh duyên
3. Đồng sinh y duyên
4. Đồng sinh bất tương ưng duyên
5. Đồng sinh hiện hữu duyên
6. Đồng sinh bất ly duyên

Paccayo là câu thuật từ, chỉ ra tính vô ngã của pháp.

b. Chi pháp

- *Năng duyên.* Là ba nhân bất thiện
- *Sở duyên.* Là sắc tâm bất thiện

c. Giải thích:

- Khi nhân tham làm năng duyên, sẽ tạo ra sắc tâm có sắc thân biểu tri, để thực hiện các việc phù hợp với tâm sở tham như lấy của không cho, tà hạnh trong dục lạc…

Hay tạo ra sắc tâm thiện có sắc ngữ biểu tri để nói lên những lời có liên hệ đến tham muốn, liên hệ đến hưởng thụ dục lạc hoặc nói lời nịnh hót, bợ đỡ theo khuynh hướng tham.

- Khi nhân sân làm năng duyên, sẽ tạo ra sắc tâm, có sắc thân biểu tri để thực hiện những việc hung bạo như đánh đập, sát hại chúng sinh khác.

Hoặc tạo ra sắc tâm có sắc ngữ biểu tri để la rầy, chửi mắng, lời lẽ cộc cằn thô lỗ.

- Khi nhân si làm năng duyên, sẽ tạo ra sắc tâm có sắc thân biểu tri không linh hoạt như đờ đẫn, đi không có mục tiêu…

Hoặc tạo ra sắc tâm có sắc ngữ biểu tri như nói không mạch lạc, nói lảm nhảm…

d. Câu này đối với

i. *Thời:* Thời bình nhật.
ii. *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học
iii. *Cõi:* Cõi ngũ uẩn
iv. *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn với đổng lực bất thiện
v. *Giống:* Giống đồng sinh.

Giải thích:

Ở cõi phạm thiên sắc giới không có tâm sân nhưng có tâm tham và tâm si.

Khi tâm tham khởi lên, vị phạm thiên không có trộm cắp hay tà hạnh trong dục lạc, nhưng sắc tâm bất thiện có thân biểu tri thực hiện những hành động phù hợp với tham. Như trong Trường bộ kinh III, kinh Khởi thế nhân bổn (Aggañña Sutta)(Số 27),(D.iii,80). Có mô tả.

Khi trái đất này vừa hình thành, có mật đất bao phủ màu vàng óng ánh, có những vị Phạm thiên từ Quang âm thiên đi đến, thấy mật đất xinh đẹp, tâm thích thú dùng tay quẹt mật đất đưa vào miệng nếm, lập tức bị hoại thiền, chết rồi tái sinh với chính nơi ấy theo cách hóa sinh.

Khi tham sinh khởi, các vị ấy hỏi:

- "Kìa xem, vật này là vật gì vậy?"

Đây là sắc tâm bất thiện có sắc ngữ biểu tri.

Vị Phạm thiên khi tâm sở si sinh khởi vị ấy có thể khởi lên tà kiến hay phóng dật, khi ấy vị Phạm thiên nói lên những lời tà kiến như Phạm thiên Baka (S.i,142)

e. Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

i. Duyên hợp trợ

Câu này có 6 duyên cùng tính chất phối hợp là:

1. Có 4 duyên đồng sinh phổ thông là: *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên", "Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

2. Có *"nhân duyên"* phối hợp; vì năng duyên là pháp nhân.

3. Năng duyên và sở duyên không hòa hợp, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Như vậy có 6 duyên phối hợp.

ii. Không hợp trợ

Có 9 duyên không phối hợp là

- Năng duyên không có pháp trưởng, nên không có *"Đồng sinh trưởng duyên"*.
- Năng duyên và sở duyên không hỗ trợ lẫn nhau nên không có *"Hỗ tương duyên"*.
- Năng duyên là pháp nhân, nên không có *"Đồng sinh nghiệp duyên", "Quả duyên", "Đồng sinh quyền duyên", "Thiền duyên", "Danh vật thực duyên", "Đạo duyên"*.

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*.

Như vậy có 9 duyên không phối hợp.

Dứt câu lọc số năm

Câu 6: Pháp Bất Thiện và Vô Ký

Câu chính:

Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetupaccayena paccayo

"Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng nhân duyên"

Câu phụ:

Akusalā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

"Nhân bất thiện trợ giúp cho danh uẩn bất thiện đồng sinh với tâm bất thiện bằng nhân duyên"

a. Phân tích câu:

Câu chánh:

Akusalo dhammo là chủ cách, là *câu chủ từ*, cho biết năng duyên là: Ba nhân bất thiện.

Akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa là sở thuộc cách, là *câu liên hệ*, cho biết sở duyên là pháp bất thiện và pháp vô ký là: 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở si trong hai tâm si), 17 sắc tâm bất thiện.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện*, cho biết mãnh lực nhân duyên.

Có năm duyên có cùng tính chất phối hợp là:

Bốn duyên phổ thông là: *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên", "Đồng sinh hiện hữu duyên" và "Đồng sinh bất ly duyên"*.

Và nhân duyên cùng phối hợp.

Paccayo là câu thuật từ, cho biết tính vô ngã của pháp.

Câu phụ:

Akusalā hetū là *câu chủ từ*, cho biết năng duyên là nhân bất thiện.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là pháp bất thiện (trừ tâm sở si trong hai tâm si) và sắc tâm bất thiện.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện*, cho biết năng lực của năng duyên.

Có năm duyên cùng tính chất phối hợp với nhau, đó là nhân duyên và bốn duyên đồng sinh phổ thông.

b. Chi pháp.

- Năng duyên. Là ba nhân bất thiện
- Sở duyên. Là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp (trừ tâm sở si trong hai tâm si), 17 sắc tâm bất thiện

c. Giải thích.

- Có người khởi lên ý nghĩ "trộm cắp" hay có ý nghĩ "muốn sát hại kẻ thù", nhưng y không thực hành. Đây là danh bất thiện tham hay sân trợ giúp cho danh bất thiện bằng nhân duyên.
- Có người không cố ý, do vô ý làm chết chúng sinh, hay do vô ý lấy vật chưa được cho. Đây là danh bất thiện si trợ giúp cho sắc tâm bất thiện.
- Có người chủ ý lấy của không cho hoặc sát hại chúng sinh khác, thực hiện bằng thân hay bằng lời nói. Đây là danh bất thiện trợ giúp danh sắc bất thiện.

d. Câu này đối với.

i. Thời: Thời bình nhật.

ii. *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học
iii. *Cõi:* Cõi ngũ uẩn
iv. *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn với đổng lực bất thiện
v. *Giống:* Giống đồng sinh.

e. Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

i. Duyên hợp trợ

Có năm duyên phối hợp với câu lọc này

1. Năng duyên là pháp nhân, nên có *"Nhân duyên"*

2. Năng duyên và sở duyên thuộc giống đồng sinh, nên có bốn duyên phổ thông phối hợp là *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên", "Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên".*

Đây là 5 duyên phối hợp với câu lọc.

ii. Duyên không hợp trợ

Có 10 duyên không hợp trợ

1. Năng duyên không có pháp trưởng, nên không có *"Đồng sinh trưởng duyên".*

2. Sở duyên không hỗ trợ cho năng duyên được, nên không có *"Hỗ tương duyên"*

3. Năng duyên là ba nhân bất thiện, nên không có *"Đồng sinh nghiệp duyên", "Quả duyên", "Đồng sinh quyền duyên", "Danh vật thực duyên", "Thiền duyên", "Đạo duyên".*

4. Sở duyên có danh pháp lẫn sắc pháp, nên không có *"Tương ưng duyên"* (do có sắc pháp là sở duyên); không có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"* (do sở duyên có danh pháp)

Đây là 10 duyên không phối hợp với câu lọc

Dứt câu lọc số sáu
Dứt pháp bất thiện

C. Pháp vô ký với nhân duyên

Có một câu lọc

Câu 7:

Câu chính:

Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ giúp pháp vô ký bằng nhân duyên"

Câu phụ:

1. Vipākabyākatā kiriyabyākatā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

"Nhân vô ký quả và nhân vô ký duy tác, trợ giúp cho danh uẩn quả hữu nhân và danh uẩn duy tác hữu nhân, với sắc tâm quả hữu nhân và sắc tâm duy tác hữu nhân bằng nhân duyên"

2. Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākatā hetū sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ hetupaccayena paccayo.

"Trong sát na tục sinh, nhân vô ký quả trợ giúp cho danh uẩn tục sinh hữu nhân và sắc nghiệp tục sinh hữu nhân bằng nhân duyên"

a. Phân tích câu:

Abyākato dhammo là chủ cách, là *câu chủ từ,* chỉ cho năng duyên là nhân vô ký. Vô tham, vô sân, vô si hợp trong tâm quả và tâm duy tác (Kiriyā citta) hữu nhân.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc cách là *câu liên hệ* cho biết sở duyên là pháp vô ký hữu nhân, đó là: 21 tâm quả hữu nhân (8 tâm đại quả, 9 tâm quả đáo đại, 4 tâm quả siêu thế), 17 tâm duy tác hữu nhân (8 tâm đại tố, 9 tâm tố đáo đại), 38 tâm sở hợp; sắc tâm quả hữu nhân, sắc tâm duy tác hữu nhân, sắc nghiệp tục sinh hữu nhân.

Nếu trong cõi Tứ uẩn thì trừ sắc uẩn.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện*, cho biết mãnh lực trợ giúp với nhân duyên.

Nếu đủ ba nhân vô ký, có được 12 duyên phối hợp với câu này là:

1. Nhân duyên
2. Đồng sinh trưởng duyên
3. Đồng sinh duyên
4. Đồng sinh y duyên
5. Hỗ tương duyên
6. Quả duyên
7. Đồng sinh quyền duyên
8. Đạo duyên
9. Tương ưng duyên
10. Đồng sinh bất tương ưng duyên
11. Đồng sinh hiện hữu duyên
12. Đồng sinh bất ly duyên

Lưu ý: Có tương ưng duyên là chỉ cho cõi vô sắc.

Trong thời tục sinh thì không có đồng sinh trưởng duyên.

Paccayo là *câu thuật từ* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 1:

Vipākabyākatā kiriyabyākatā hetū là *câu chủ từ*, cho biết năng duyên là nhân vô ký trong tâm quả tam nhân và tâm duy tác tam nhân.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ là sở thuộc cho biết sở duyên là danh uẩn quả hữu nhân và danh uẩn duy tác hữu nhân: 21 tâm quả hữu nhân, 17 tâm duy tác hữu nhân, 38 tâm sở hợp; sắc tâm quả hữu nhân, sắc tâm duy tác hữu nhân.

Nếu trong cõi vô sắc thì không có sắc pháp.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện*, cho biết mãnh lực trợ giúp với nhân duyên.

Nếu hội đủ ba nhân vô ký, thì có 12 duyên có cùng tính chất phối hợp với nhau là: Nhân duyên, …Đồng sinh bất ly duyên.

Paccayo là *câu thuật từ*, cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 2:

Paṭisandhikkhaṇe vipākābyākatā hetū là *câu chủ từ*, cho biết năng duyên là: vô tham, vô sân trong tâm tâm quả nhị nhân.

Hoặc: vô tham, vô sân, vô si trong tâm quả tam nhân.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ kaṭattā ca rūpānaṃ là sở thuộc từ, cho biết sở duyên là bốn danh uẩn tục sinh hữu nhân: 17 tâm tục sinh hữu nhân, 35 tâm sở hợp, sắc nghiệp tục sinh hữu nhân.

Nếu trong cõi tứ uẩn thì trừ sắc pháp.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện*, cho biết mãnh lực trợ giúp với nhân duyên.

Nếu hội đủ ba nhân thì có 11 duyên cùng phối hợp (trừ đồng sinh trưởng duyên) là: nhân duyên….Đồng sinh bất ly duyên.

b. Chi pháp.

- *Vô ký năng duyên.* Là vô tham, vô sân, vô si có trong tâm vô ký hữu nhân.

- *Vô ký sở duyên.* 38 tâm vô ký hữu nhân (8 tâm đại quả, 8 tâm đại tố, 9 tâm quả đáo đại, 9 tâm duy tác đáo đại, 4 tâm quả siêu thế), 38 tâm sở; sắc tâm quả hữu nhân, sắc tâm duy tác hữu nhân, sắc nghiệp tục sinh hữu nhân.

c. Giải thích:

i. Vào thời điểm tục sinh

Với chúng sinh tục sinh bởi tâm quả nhị nhân, khi ấy năng duyên là hai nhân vô ký, quả là: vô tham và vô sân trợ giúp cho 4 danh uẩn quả tục sinh (4 tâm quả tục sinh hai nhân, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần và vô lượng phần), sắc nghiệp tục sinh hai nhân.

Với chúng sinh

- Với chúng sinh tục sinh bằng tâm quả tam nhân, năng duyên là ba nhân vô ký quả là: vô tham, vô sân, vô si; sở duyên là 4 danh uẩn quả và sắc tục sinh tam nhân.

ii. Vào thời bình nhật

- Với tâm quả nhị nhân, năng duyên là hai nhân vô ký, quả (vô tham, vô sân) trợ giúp cho 4 danh uẩn quả nhị nhân (4 tâm quả nhị nhân, 35 tâm sở) và sắc tâm quả hai nhân.
- Với tâm quả ba nhân, năng duyên là ba nhân vô ký quả, trợ giúp 4 danh uẩn quả tam nhân (17 tâm quả tam nhân = 4 quả dục giới tam nhân, 9 tâm quả đáo đại, 4 thánh quả siêu thế, 36 tâm sở hợp), sắc tâm quả tam nhân.

Tương tự như thế với tam nhân duy tác hữu nhân.

- Với 4 tâm duy tác dục giới hai nhân, năng duyên là hai nhân vô ký duy tác vô tham, vô sân trợ giúp cho 4 tâm tố ly trí, 36 tâm sở hợp, cùng với sắc tâm duy tác hai nhân.
- Với 13 tâm tố tam nhân (4 đại tố có trí, 9 tâm tố đáo đại), năng duyên là ba nhân vô ký tố: vô tham, vô sân và vô si trợ giúp cho 4 danh uẩn tố (13 tâm tố tam nhân, 35 tâm sở hợp) và sắc tâm tố ba nhân.

d. Câu này đối với:

i. Thời: Thời tục sinh và thời bình nhật.

ii. Người: 7 hạng người: Người lạc vô nhân, người nhị nhân, người tam nhân và 4 Thánh quả.

(Trong đời sống bình nhật, người lạc vô nhân có được 41 tâm, trong đó có 4 tâm quả ly trí khi làm việc Na cảnh (tadālambanakicca))

iii. Cõi: 26 cõi vui hữu tâm (trừ 4 cõi khổ, cõi vô tưởng)

iv. Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn.

v. Giống: Giống đồng sinh.

e. Duyên hợp trợ và duyên không hợp trợ

i. Duyên hợp trợ

Có 12 duyên hợp trợ trong câu lọc này.

1. Năng duyên là ba nhân vô tham, vô sân và vô si, nên có *"Nhân duyên"*

2. Năng duyên có tâm sở trí, nên có *"Đồng sinh trưởng duyên"*, nhưng trong thời tục sinh không có đồng sinh trưởng duyên.

3. Vào thời điểm tục sinh, sở duyên là sắc ý vật (sắc nghiệp tục sinh) trợ giúp cho tâm tục sinh, làm chỗ nương nhờ cho tâm tục sinh. Do vậy có *"Hỗ tương duyên"*

4. Đây thuộc giống đồng sinh, nên có bốn duyên phổ thông phối hợp là: *"Đồng sinh duyên", "Đồng sinh y duyên", "Đồng sinh hiện hữu duyên", "Đồng sinh bất ly duyên"*.

5. Năng duyên là nhân vô ký quả, nên có *"Quả duyên"*

6. Năng duyên có nhân vô ký là vô si, nên có *"Đồng sinh quyền duyên", "Đạo duyên"*.

7. Năng duyên và sở duyên ở cõi vô sắc hòa hợp với nhau, nên có *"Tương ưng duyên"*

8. Ở cõi năm uẩn, năng duyên và sở duyên không hòa hợp nhau, nên có *"Đồng sinh bất tương ưng duyên"*

Như vậy có 12 duyên hợp trợ với câu lọc này

ii. Duyên không hợp trợ

Có ba duyên không hợp trợ là:

Năng duyên là ba nhân vô ký, nên không có "Đồng sinh nghiệp duyên", "Thiền duyên", "Danh vật thực duyên".

Như vậy có ba duyên không phối hợp.

Dứt câu lọc số bảy

Dứt tam đề thiện đối với nhân duyên.

TỔNG KẾT.

Số lượng câu thuần nhất *(Subhasankhayā vāra)*

Trong *phần yếu tri (panhavara) nhân duyên*, thuần nhất có 7 câu được trình bày là:

1. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ pháp pháp thiện bằng nhân duyên"

2. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng nhân duyên"

3. Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetupaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng nhân duyên"

4. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ giúp pháp bất thiện bằng nhân duyên"

5. Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo

"Pháp bất thiện trợ pháp vô ký bằng nhân duyên

6. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa hetupaccayena paccayo

"Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng nhân duyên"

7. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa hetupaccayena paccayo.

"Vô ký trợ vô ký bằng nhân duyên"

Nhân duyên hợp lực (Hetupaccaya Sabhā vara)

Hợp lực với nhân duyên có 11 duyên:

1. Đồng sinh trưởng duyên
2. Đồng sinh duyên
3. Hỗ tương duyên
4. Đồng sinh y duyên
5. Quả duyên
6. Đồng sinh quyền duyên
7. Đạo duyên
8. Tương ưng duyên
9. Đồng sinh bất tương ưng duyên
10. Đồng sinh hiện hữu duyên
11. Đồng sinh bất ly duyên

Dứt "yếu tri nhân duyên"

PHẦN II.

Bài 2:

TAM ĐỀ THIỆN VỚI CẢNH DUYÊN

A. Pháp thiện.

Pháp thiện đối với cảnh duyên có 3 câu.

Câu 1: Câu thiện

Câu chính: Kusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng cảnh duyên".

Câu phụ: *(anuvāda)*

1. **Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā taṃ paccavekkhati.**

"Bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới; rồi nhớ lại sự bố thí, giữ 5 giới, giữ 8 giới bằng tâm thiện thanh tịnh".

2. **Pubbe suciṃṇāni paccavekkhati.**

" Nhớ lại việc bố thí, thọ trì 5 giới, 8 giới đã làm hoàn thành khi trước".

3. **Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ paccavekkhati.**

"Khi xuất thiền, xem xét lại thiền".

4. **Sekkhā gotrabhuṃ paccavekkhanti vodānaṃ paccavekkhanti.**

"Bậc Thánh hữu học xem xét lại tâm chuyển tộc (gotrabhū) và tâm Tiến bậc (vodāna).

5. **Sekkhā maggā vuṭṭhahitvā maggaṃ paccavekkhanti.**

"Bậc Thánh hữu học đắc đạo, rồi xem xét đạo đã chứng đắc".

6. **Sekkhā vā puthujjanā vā kusalaṃ aniccato dukkhato anattato vipassanti.**

"Bậc Thánh hữu học hay phàm nhân quán xét thiện bằng vô thường, khổ, vô ngã".

7. **Cetopariyañāṇena kusalacittasamaṅgissa cittaṃ jānāti.**

"Bậc Thánh hữu học, phàm tam nhân quán xét biết được tâm thiện người khác bằng tha tâm thông".

8. **Ākāsānañcayatana kusalaṃ viññāṇañcāyata kusalassa ārammaṇapaccayena paccayo.**

"Thiện vô biên xứ trợ cho thiện thức vô biên xứ bằng cảnh duyên".

9. **Ākiñcañāyatana kusalaṃ nevasaññānā-saññāyutanakusalassa ārammaṇapaccayena paccayo.**

"Thiện vô sở hữu xứ trợ cho thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng cảnh duyên".

10. **Kusalā khandhā iddhividhañāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.**

"Những uẩn thiện (tứ danh uẩn thiện), trợ sinh ủng hộ Thiền túc thông bằng cảnh duyên".

11. **Kusalā khandhā cetopariyañāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.**

"Các danh uẩn thiện trợ giúp tha tâm thông bằng cảnh duyên".

12. **Kusalā khandhā pubbenivāsānussatiñāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.**

"Các uẩn thiện trợ giúp túc mạng thông bằng cảnh duyên".

13. **Kusalā khandhā yathākammūpagañāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.**

"Các danh uẩn thiện trợ giúp Tùy nghiệp thông bằng cảnh duyên".

14. **Kusalā dhammā anāgataṁsañāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.**

"Các danh uẩn thiện trợ giúp vị lai trí bằng cảnh duyên"

a. Phân tích câu:

Câu chính:

Kusalo dhammo là chủ cách, là *câu chủ từ,* cho biết năng duyên là 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo), 38 tâm sở hợp làm cảnh.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là *câu liên hệ,* cho biết sở duyên là pháp thiện: 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện có liên hệ đến thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, tùy nghiệp thông, vị lai thông, tâm thiện thức vô biên, tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Hoặc chi pháp của *chủ từ* và *câu liên hệ* như sau:

i. - *Năng duyên:* 17 tâm thiện hiệp thế.

- *Sở duyên:* 4 tâm thiện ly trí.

ii. - *Năng duyên:* 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo)

- *Sở duyên:* 4 tâm đại thiện có trí

iii. - *Năng duyên:* Tâm thiện không vô biên xứ, từng sinh với vị ấy trong kiếp quá khứ hay trong kiếp hiện tại.

- *Sở duyên:* Tâm thiện thức vô biên xứ.

iv. - *Năng duyên:* Tâm thiện vô sở hữu xứ

- *Sở duyên:* Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ.

v. - *Năng duyên:* Tâm thiện ngũ thiền cơ bản. Sắc giới.

- *Sở duyên:* Tâm thiện thần túc thông.

vi. - *Năng duyên:* 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) của vị ấy hiện hành cả ba thời: Đã sinh được 7 ngày, đang hiện hành, sẽ sinh sau 7 ngày.

- *Sở duyên:* Tha tâm thông thiện.

vii. - *Năng duyên:* 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) đã từng sinh nơi tự bản tính và của người khác (pubbenivuttha: tiền kiếp).

- *Sở duyên:* Tâm túc mạng thông thiện.

viii. - *Năng duyên:* 17 tâm thiện hiệp thế từng sinh.

- *Sở duyên:* Tâm thiện tùy nghiệp thông.

ix. - *Năng duyên:* 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) sẽ sinh trong nội phần của mình hay của người khác.

- *Sở duyên:* Tâm thiện vị lai trí.

Ārammaṇapaccayena là sở thuộc cách, là *câu thực hiện*, cho biết năng lực của cảnh duyên.

Có ba duyên có cùng tính chất phối hợp với nhau là:

1. Cảnh duyên
2. Cảnh trưởng duyên
3. Cảnh cận y duyên

Paccayo là *câu thuật từ*, cho biết tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 1:

Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā. *Là câu túc từ (kammapada)* lẫn *bất biến quá khứ phân từ (kiriyāvisesanapada)*, cho biết năng duyên thuộc quá khứ.

Chi pháp là 8 tâm đại thiện liên quan đến bố thí, giữ 5 giới, 8 giới.

Taṃ là *túc từ (kammapada)* thay thế cho:

Dānaṃ, sīlaṃ uposathakammaṃ, cho biết năng duyên là 8 tâm đại thiện có liên quan đến bố thí, giữ 5 giới, 8 giới.

Paccavekkhati là *thuật động từ (kiriyā-ākhyātapada)* cho biết sở duyên là 8 tâm đại thiện khi quán xét tâm có liên hệ đến bố thí, giữ 5 giới hay 8 giới.

Câu phụ 2:

Pubbe là trạng từ chỉ thời gian *(kālādhāra)*; **suciṃṇāni** là túc từ *(kammapada).* **Pubbe suciṃṇāni** cho biết năng duyên là 8 tâm đại thiện đã thực hiện hoàn thành việc bố thí, giữ giới trước đó.

Paccavekkhati là *thuật động từ (kiriyā-ākhyātapada)* cho biết sở duyên là 8 tâm đại thiện khởi lên khi suy xét.

Câu phụ 3:

Jhānā là *câu xuất xứ (apādānapada)*

Vutthahitvā là *bất biến quá khứ phân từ (kiriyāvisesanapada)*; **jhānaṃ** là túc từ.

Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ cho biết năng duyên là 9 tâm thiện đáo đại.

Paccavekkhati là *câu thực hiện (kiriyā-ākhyātapada)*, cho biết sở duyên là 8 tâm đại thiện khởi lên khi quán xét thiền.

Câu phụ 4:

Sekkhā là *câu chủ từ* cho biết vị quán xét là bậc Thánh quả Hữu học.

Gotrabhuṃ là túc từ cho biết năng duyên là 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần và vô lượng phần) khởi hiện trong lộ đắc sơ đạo.

Paccavekkhati là thuật động từ, cho biết sở duyên là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp khởi lên khi quán xét tâm Gotrabhū (chuyển tộc).

Vodānaṃ là túc từ cho biết năng duyên là 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp, hiện khởi trong tâm lộ đắc từ thánh đạo thứ hai trở đi.

Paccavekkhati là thuật động từ cho biết sở duyên là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp khi quán xét tâm vodāna (tiến bậc).

Câu phụ 5:

Sekkhā là *câu chủ từ (kattupada)*, cho biết vị quán xét là bậc Thánh quả Hữu học.

Maggā là *câu xuất xứ (apādānapada), bất biến quá khứ phân từ (kiriyāvisesanapada).*

Maggaṃ là túc từ.

Sekkhā maggā maggaṃ cho biết năng duyên là tâm sơ đạo, tâm nhị đạo, tâm tam đạo.

Paccavekkhati là thuật động từ cho biết sở duyên là 4 tâm đại thiện có trí khi quán xét tâm Thánh đạo.

Ghi chú: Chữ jhānāvuṭṭhahitvā và maggāvuṭṭhahitvā là chỉ cho tâm hữu phần xuất hiện sau tâm lộ chứng thiền hay xuất thiền; hoặc ngay sau khi tâm lộ đắc đạo diệt đi.

Câu phụ 6:

Sekkhā vā puthujjanā là *câu chủ từ (kattupada)*, cho biết người đang tu tiến minh sát là phàm nhân hay bậc Thánh quả Hữu học.

Kusalaṃ là túc từ cho biết năng duyên là 17 tâm thiện hiệp thế.

Aniccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ, là từ làm cho động từ trở thành đặc biệt.

Vipassanti là thuật động từ.

Aniccato dukkhato anattato vipassanti cho biết sở duyên là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp lúc tu tiến minh sát.

Câu phụ 7:

Cetopariyañāṇena là sở dụng cách, **jānāti** là thuật động từ.

Cetopariyañāṇena jānāti cho biết sở duyên là tha tâm thông thiện.

Kusalacittasamaṅgissa là câu hợp từ (sanūbandhapada). **Cittaṃ** là túc từ.

Kusalacittasamaṅgissa cittaṃ cho biết năng duyên là 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) của người khác.

Ghi chú: Trong các câu phụ 1,2,3,4,5,6 mỗi câu phụ có 3 duyên phối hợp là: *Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên và Cảnh cận y duyên.* Còn câu phụ số 7 chỉ có 1 duyên phối hợp đó là *Cảnh duyên*.

Câu phụ 8:

Ākāsānañcayatana kusalaṃ là câu chủ từ, cho biết năng duyên là tâm thiện không vô biên xứ sinh lên trong cơ tính của mình trong kiếp này lẫn kiếp quá khứ.

Viññāṇañcāyata kusalassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết sở duyên là tâm Thức vô biên xứ hiện khởi.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện* cho biết mãnh lực thuần nhất chỉ một duyên là *Cảnh duyên.*

Câu phụ 9:

Ākiñcañāyatana kusalaṃ là chủ từ cho biết năng duyên là tâm thiện vô sở hữu xứ từng sinh trong cơ tánh của mình trong kiếp này lẫn kiếp quá khứ.

Nevasaññānā saññāyutanakusalassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết sở duyên là tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ đang khởi hiện.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện cho biết mãnh lực trợ sinh, ủng hộ thuần nhất là cảnh duyên.

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 10:

Kusalā khandhā là câu chủ từ, cho biết năng duyên là tâm thiện ngũ thiền sắc giới trong tâm lộ thiền cơ bản.

Iddhividhañāṇassa là câu liên hệ, chỉ cho sở duyên là tâm thiện hóa hiện thông.

Ārammaṇapaccayena là *câu thực hiện (Karaṇapada)* chỉ cho mãnh lực phối hợp có một duyên là *Cảnh duyên.*

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 11:

Kusalā khandh là *câu chủ từ (kattupada)* cho biết năng duyên là 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) hiện khởi cả ba thời.

Cetopariyañāṇassa là câu liên hệ (sampad*ānapada)* chỉ cho sở duyên là tâm thiện tha tâm trí.

Ārammaṇapaccayena là *câu thực hiện* chỉ cho mãnh lực trợ giúp duy nhất là *Cảnh duyên.*

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 12:

Kusalā khandhā là *câu chủ từ (kattupada)* cho biết năng duyên là 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) hiện khởi trong tiền kiếp (pubbeniyuttha).

Pubbenivāsānussatiñāṇassa là *câu liên hệ* chỉ cho sở duyên là tâm thiện Túc mạng thông.

Ārammaṇapaccayena là *câu thực hiện* chỉ cho mãnh lực trợ giúp duy nhất là *Cảnh duyên.*

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 13:

Kusalā khandhā là *câu chủ từ* chỉ năng duyên là 17 tâm thiện hiệp thế của mình hay của người trong quá khứ.

Yathākammūpagañāṇassa là *câu liên hệ* chỉ cho sở duyên là tâm thiện Tùy nghiệp thông.

Ārammaṇapaccayena là *câu thực hiện* chỉ cho mãnh lực trợ giúp duy nhất là *Cảnh duyên.*

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 14:

Kusalā dhammā là *câu chủ từ* chỉ cho năng duyên là 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) của vị ấy và của người khác.

Anāgataṁsañāṇassa là *câu liên hệ* chỉ cho sở duyên là tâm thiện vị lai trí.

Ārammaṇapaccayena là *câu thực hiện* chỉ cho mãnh lực trợ giúp duy nhất là *Cảnh duyên.*

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b. Chi pháp:

- Năng duyên. Tổng quát có 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo), 38 tâm sở hợp khi làm thành cảnh.
- Sở duyên. 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 33 tâm sở hợp khi nhận cảnh là tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo) cùng tâm sở hợp có trước đó.

* *Phi sở duyên.* Những tâm còn lại trừ 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện. Sắc pháp; tâm sở giới phần và tâm sở vô lượng phần.

c. Giải thích:

Câu lọc này có các trường hợp như sau:

1. Người bố thí, giữ giới, cung kỉnh…bằng tâm thiện dục giới, khi nhớ lại phát sinh tâm thiện dục giới.

Như trong Tạng Luật, bộ Đại Phẩm (Mahāvagga), chương viii-Chương y phục (Cīvarakkhandhakaṃ), có ghi nhận. Bà Visākhā có xin Đức Thế Tôn ban cho bà 8 đặc ân là.

1. Dâng y choàng tắm mưa đến chư Tăng trọn đời.
2. Cúng dường vật thực đến vị Tỳ Khưu mới đến.
3. Cúng dường vật thực đến vị Tỳ Khưu sắp ra đi.

4. Cúng dường vật thực đến vị Tỳ Khưu bịnh.
5. Cúng dường vật thực đến vị Tỳ Khưu nuôi bịnh.
6. Cúng dường thuốc đến vị Tỳ Khưu bịnh
7. Dâng cháo sáng đến hai hội chúng Tăng và Chư Ni.
8. Cúng dường y tắm mưa đến Chư Ni.

Đức Thế Tôn hỏi:

- Này Visākhā, bà thấy lợi ích gì mà xin Đấng Như Lai tám điều này?

Bà Visākhā đáp rằng: "Khi bà nhớ lại bà có cúng dường đến vị Tỳ Khưu đến thành Sāvatthi này, tâm bà phát sinh sự hân hoan".

Hoặc trong sớ giải Dhammapada câu số 40, có ghi nhận. Trưởng lão Tissa quán xét lại giới hạnh của mình, Ngài chứng đạt Thánh quả A La Hán.

2. Vị Tỳ Khưu thực hành pháp "niệm tâm Tứ niệm xứ", nhớ lại tâm thiện trước đó của mình.

- *Thiện năng duyên*. 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp khi làm cảnh.
- *Thiện sở duyên.* 8 tâm thiện, 38 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

3. Người quy y Tam bảo, khi nhớ lại phát sinh hoan hỷ thiện.

- *Thiện năng duyên.* Tâm sở tín
- *Thiện sở duyên.* 4 tâm thiện thọ hỷ dục giới, 33 tâm sở hợp.

4. Người giữ giới, khi nhớ lại phát sinh tâm thiện hoan hỷ.

- *Thiện năng duyên.* Tâm sở giới phần
- *Thiện sở duyên.* 4 tâm đại thiện thọ hỷ

5. Phàm tam nhân, ba Thánh quả Hữu học quán xét các tâm thiện hiệp thế là vô thường, khổ và vô ngã.

- *Thiện năng duyên.* 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp.
- *Thiện sở duyên.* 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp.

6. Hành giả chứng thiền hay nhập thiền, khi xuất thiền quán xét tâm thiền hay các chi thiền.

- *Thiện năng duyên.* 9 tâm thiền đáo đại, 35 tâm sở hợp (trừ giới phần).
- *Thiện sở duyên.* 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp.

7. Bậc chứng đạo (trừ tâm Tứ đạo), khi xuất khỏi lộ đắc đạo, nhớ lại Thánh đạo đã đắc.

- *Thiện năng duyên.* 3 tâm Thánh đạo (từ tâm Tứ đạo), 36 tâm sở hợp.
- *Thiện sở duyên.* 4 đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp.

Chú thích: Sở dĩ năng duyên không có tâm Tứ đạo, vì tâm Tứ đạo là tâm Tứ quả, vị ấy trở thành bậc Thánh A La Hán. Vị Thánh A La Hán khi quán xét Thánh đạo, Tứ đạo, phải dùng tâm tố dục giới có trí. Do vậy năng duyên là tâm đạo không thể làm cảnh cho tâm thiện được.

8. Bậc Thánh quả Hữu học khi nhớ lại tâm Chuyển tộc (Gotrabhū) hay tâm Tiến bậc (Vodāna) bằng 4 tâm đại thiện có trí.

- *Thiện năng duyên.* 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp.
- *Thiện sở duyên.* 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp.

9. Phàm tam nhân có thắng trí biết được tâm người khác trừ tâm Thánh đạo và tâm Thánh quả bằng tha tâm thông thiện.

- *Thiện năng duyên.* 4 tâm đại thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp.
- *Thiện sở duyên.* Tâm thông thiện, 30 tâm sở hợp.

10. Bậc thánh quả Hữu học đắc được tha tâm thông có thể biết được tâm của vị khác (ngoài bậc A La Hán) bằng tâm thông thiện.

- *Thiện năng duyên.* 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo), 38 tâm sở hợp.
- *Thiện sở duyên.* Tâm thông thiện, 30 tâm sở hợp (trừ tâm sở Tầm, tâm sở Tứ, tâm sở Hỷ, Giới phần và Vô lượng phần).

Đức Phật có dạy Bà la môn Vassakāra

- Người không phải là bậc chân nhân (asappurisa) (chỉ cho phàm nhân) không thể biết được.

i. Đây là phàm nhân

ii. Đây là bậc Thánh

- Người chân nhân (Sappurisa) (chỉ cho bậc Thánh) có thể biết được.

i. Đây là phàm nhân

ii. Đây là bậc Thánh (A.ii, 17a)

11. Tâm không vô biên xứ (ākāsānañcāyatanakusala) là cảnh cho vị tu tiến chứng đắc thức vô biên xứ (viññāṇañcāyatanakusala).

- *Thiện năng duyên.* Tâm không vô biên xứ, 30 tâm sở hợp.
- *Thiện sở duyên.* Tâm thức vô biên xứ, 30 tâm sở hợp.

12. Tâm thiện vô sở hữu xứ (akincanayatanakusala) là đề mục cho vị tu tập và chứng đắc thiền phi tưởng phi phi tưởng (nevasaññānāsaññāyatanakusala)

- *Thiện năng duyên.* Tâm thiện vô sở hữu xứ.
- *Thiện sở duyên.* Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ.

13. Tâm thiện ngũ thiền sắc giới trong tâm lộ thiền cơ bản (pādakajhānavithī) để ủng hộ tâm thần thông thiện sinh lên.

- *Thiện năng duyên.* Tâm thiện ngũ thiền sắc giới, 30 tâm sở hợp.
- *Thiện sở duyên.* Tâm thần thông thiện, 30 tâm sở hợp.

14. Các tâm thiện trong quá khứ trợ giúp ủng hộ tâm thông thiện túc mạng thông.

- *Thiện năng duyên.* 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo), 36 tâm sở hợp.
- *Thiện sở duyên.* Tâm thông thiện Túc mạng thông (pubbenivāsañāṇa), 30 tâm sở hợp.

15. Các tâm thiện trợ giúp ủng hộ tâm thiện Tùy nghiệp thông (yathākammamaggañāṇa)

- *Thiện năng duyên.* 17 Tư (cetanā) trong 17 tâm thiện hiệp thế, sinh khởi trong những kiếp quá khứ.
- *Thiện sở duyên.* Tâm thông thiện Tùy nghiệp trí, 30 tâm sở hợp.

16. Các tâm thiện trợ giúp, ủng hộ tâm thiện vị lai trí (anāgatamsañāṇa).

- *Thiện năng duyên.* 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo), 38 tâm sở hợp.
- *Thiện sở duyên.* Tâm thiện vị lai trí, 30 tâm sở hợp.

d. Câu lọc này đối với:

- Thời: Thời bình nhật.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm (trừ cõi Vô tưởng).
- Người: 4 phàm, 3 Thánh quả hữu học.
- Tâm lộ: Lộ ý có đổng lực thiện, lộ ý môn kiên cố (appanāvithī) có đổng lực thiện (trừ lộ đắc Tứ đạo)

Các pháp sở duyên có trong tâm lộ ý môn có đổng lực thiện dục giới, tâm lộ thiền chuẩn bị (ādikammikajhānavithī), lộ nhập định (jhānasamāpattivithī); tâm lộ thắng trí (abhiññāvithī).

- Giống: giống cảnh

e. Duyên hợp trợ và duyên không hợp trợ.

i. *Duyên hợp trợ.*

Cảnh duyên thuộc giống cảnh; giống cảnh có 8 duyên phối hợp.

Trong câu lọc này có 3 duyên hợp trợ.

- *Năng duyên* là pháp thiện làm cảnh giúp sở duyên sinh khởi nên có cảnh duyên phối hợp.
- *Năng duyên* có pháp trưởng, nên có cảnh trưởng duyên phối hợp.
- *Năng duyên* là nơi nưởng của sở duyên, nên có cảnh cận y duyên.

Đây là 3 duyên phối hợp với câu lọc này.

ii. Duyên không hợp trợ

- *Năng duyên* là pháp thiện làm thành cảnh là danh pháp không là sắc pháp, nên không có năm duyên phối hợp, đó là:

1. Cảnh vật sinh tiền duyên
2. Cảnh tiền sinh duyên
3. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên
4. Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên
5. Cảnh tiền sinh bất ly duyên

Đây là 5 duyên không phối hợp.

Dứt câu lọc: Thiện trợ giúp thiền bằng cảnh duyên.

Câu 2: Pháp bất thiện

Câu chính: Kusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa paccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng cảnh duyên"

Câu phụ: (anupada)

Câu phụ 1: Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā taṃ assādeti abhinandati taṃ ārabbha rāgo uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati, domanassaṃ uppajjati.

"Bố thí, giữ năm giới, tám giới rồi hân hoan với các việc thiện đó. Khi nghĩ đến bố thí, giữ năm giới, tám giới thì tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền sinh khởi".

Câu phụ 2: Pubbe suciṇṇāni assādeti abhinandati taṃ ārabbha rāgo uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati, domanassaṃ uppajjati.

"Hân hoan thích thú với việc thiện bố thí, giữ năm giới, tám giới đã làm hoàn thành khi trước, khi nghĩ đến các việc thiện ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền khởi lên".

Trong 2 câu phụ này. Câu thứ nhất chỉ cho các việc thiện đang thực hành hay vừa thực hành xong.

Câu thứ hai chỉ cho việc thiện đã hoàn thành. Thiện năng duyên của hai câu phụ là: 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên là:

- Khi khởi sinh lên tà kiến là: 4 tâm tham đồng sinh với tà kiến, 21 tâm sở hợp.
- Khi khởi sinh tham ái có sự vui thích là: 4 tâm tham thọ hỷ, 20 tâm sở hợp.
- Khi nghĩ đến những việc thiện ấy với sự tham ái có sự thản nhiên là: 4 tâm tham thọ xả, 19 tâm sở hợp.
- Khi khởi sinh nghi hoặc, năng duyên là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp, sở duyên là tâm si hợp hoài nghi, 15 tâm sở hợp.
- Khi khởi sinh phóng dật, năng duyên là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp; sở duyên là tâm si hợp phóng dật, 15 tâm sở hợp.
- Khi có ưu phiền sinh khởi; sở duyên là 2 tâm sân, 22 tâm sở hợp.

Câu phụ 3: Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ assādeti abhinandati taṃ ārabbha rāgo uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati jhāne parihīne vippaṭisārissa domanassaṃ uppajjati.

"Khi xuất thiền có sự vui thích với thiền. Khi nhớ đến thiền đó, tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật sinh lên. Khi bị hoại thiền, ưu phiền sinh lên làm cho tâm nóng nảy"

Thiện năng duyên là 9 thiện Đáo đại, 35 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên là: 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

a. Phân tích câu:

Câu chính: Kusalo dhammo là câu chủ từ, cho biết năng duyên là 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là *câu liên hệ (sampadānapada)*, cho biết sở duyên là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

Ārammaṇa paccayena là sở dụng cách, là *câu thực hiện (karaṇapada)*, cho biết mãnh lực đặc biệt trợ giúp của cảnh duyên.

Phối hợp trong câu lọc này có 3 duyên:

1. Cảnh duyên
2. Cảnh trưởng duyên
3. Cảnh cận y duyên

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ thứ nhất:

Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā taṃ là câu *túc từ (kammapada)* và *bất biến quá khứ phân từ (kiriyāvisesanapada),* cho biết thiện năng duyên là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp khi thực hiện bố thí, giữ giới, giữ giới thanh tịnh đang làm cảnh.

Assādeti abhinandati là động từ, cho biết sở duyên là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp.

Taṃ ārabbha là túc từ và bất biến quá khứ phân từ, 8 tâm đại thiện đang hay vừa thực hành việc thiện bố thí, giữ giới.

Rāgo uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là nhân tham, có sự dính mắc.

Diṭṭhi uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là 4 tâm tham hợp tà kiến, chủ yếu là có sự hiểu sai.

Vicikicchā uppajjati. Là chủ từ và thuật động từ cho biết sở duyên là tâm si hợp hoài nghi, chủ yếu là có sự ngờ vực.

Uddhaccaṃ uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là tâm si hợp phóng dật, chủ yếu là có sự tán loạn.

Domanassaṃ uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là hai tâm sân, 22 tâm sở hợp, chủ yếu là có sự không hài lòng.

Câu phụ thứ hai:

Pubbe suciṇṇāni; Pubbe là câu trạng từ chỉ thời gian *(kālādhārapada),* **suciṇṇāni** là câu túc từ *(kammapada).*

Pubbe suciṇṇāni cho biết năng duyên là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp đã hoàn thành việc thiện như bố thí, giữ 5 giới, 8 giới ở trước đó.

Assādeti abhinandati là thuật động từ, cho biết sở duyên là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp, chủ yếu là có sự dính mắc.

Taṃ ārabbha; Taṃ là câu túc từ (kammapada), **ārabbha** là câu bất biến quá khứ phân từ *(kiriyāvisesanapada)*; **Taṃ ārabbha** cho biết thiện năng duyên là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp đã hoàn thành việc thiện bố thí, giữ 5 giới, 8 giới có trước đó.

Rāgo uppajjati là chủ từ và thuật động từ, chỉ cho 8 tâm tham, 20 tâm sở hợp, chủ yếu là sự dính mắc.

Diṭṭhi uppajjati là chủ từ và thuật động từ, chỉ cho 4 tâm tham hợp tà kiến, chủ yếu có sự hiểu sai.

Vicikicchā uppajjati. Là chủ từ và thuật động từ chỉ cho tâm si hợp hoài nghi, chủ yếu có sự ngờ vực.

Uddhaccaṃ uppajjati là chủ từ và thuật động từ chỉ cho tâm si hợp phóng dật, chủ yếu là sự tán loạn của tâm.

Domanassaṃ uppajjati là chủ từ và thuật động từ chỉ cho 2 tâm sân, 22 tâm sở hợp, chủ yếu là "sự không hài lòng".

Câu phụ thứ ba:

Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ. Jhānā là câu xuất xứ cách (*apādānapada)* cho biết sự tách lìa, sự ra khỏi. **Vuṭṭhahitvā** là bất biến quá khứ phân từ.

Jhānaṃ là đối cách, là câu túc từ *(kammapada).* **Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ** cho biết thiện năng duyên là 9 tâm thiện đáo đại, 35 tâm sở hợp.

Assādeti abhinandati là bất biến quá khứ phân từ cho biết sở duyên là 8 tâm tham, chủ yếu là "có sự dính mắc".

Taṃ ārabbha; Taṃ là câu túc từ (kammapada), **ārabbha** là câu bất biến quá khứ phân từ *(kiriyāvisesanapada)*; **Taṃ ārabbha** cho biết thiện năng duyên là 9 tâm thiện đáo đại, 35 tâm sở hợp.

Rāgo uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là 8 tâm tham, 20 tâm sở hợp, chủ yếu là "sự dính mắc".

Diṭṭhi uppajjati là chủ từ và thuật động từ, cho biết sở duyên là 4 tâm tham hợp tà, 21 tâm sở hợp, chủ yếu là "sự hiểu sai".

Vicikicchā uppajjati. Là chủ từ và thuật động từ chỉ cho sở duyên là tâm si hợp hoài nghi, chủ yếu là "sự nghi hoặc".

Uddhaccaṃ uppajjati là chủ từ và thuật động từ chỉ cho sở duyên là tâm si hợp phóng dật, chủ yếu là sự "tán loạn tâm".

Jhāne parihīne; Jhāne là câu *danh trạng từ (lakkhaṇavantakhattupada)* là chủ từ cho biết đến việc xem xét. **Parihīne** là *câu động trạng từ thuật từ (lakkhaṇa vantakiriyāpada)* trình bày đến việc có việc để hành động. **Jhāne parihīne** cho biết năng duyên là 9 tâm thiện đáo đại, 35 tâm sở hợp.

Vippaṭisārissa domanassaṃ uppajjati với **Vippaṭisārissa** là câu liên hệ (sampad*ānapada);* **Domanassaṃ** là câu chủ từ (kittipada); **Uppajjati** là câu bất biến quá khứ phân từ *(kiriyā-ākhayātapada).*

Vippaṭisārissa domanassaṃ uppajjati cho biết sở duyên là hai tâm sân, 22 tâm sở hợp.

Câu lọc 2: *Pháp thiện trợ pháp bất thiện bằng cảnh duyên.* Chỉ có ba duyên phối hợp (ghatanā).

1. Cảnh duyên
2. Cảnh trưởng duyên
3. Cảnh cận y duyên.

b. Chi pháp:

- *Thiện năng duyên.* 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp.
- *Bất thiện sở duyên.* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

c. Giải thích:

Thiện trợ bất thiện bằng cảnh duyên, có các cách như sau:

1. Người thực hành những việc lành như bố thí, giữ giới, cung kỉnh, phục vụ…khi nhớ lại có thể phát sinh "sự tự hào". Đây là sự ngã mạn.

Hoặc thích thú, hài lòng về việc thiện ấy. Đây là sự ái luyến sinh khởi.

Hoặc cho rằng "việc phước ấy còn hoài", đây là "tà kiến" sinh khởi.

Hay có sự nghi hoặc rằng: "Phước thiện này có thật cho quả an lạc hay không cho quả an lạc". Đây là nghi hoặc sinh khởi.

Hay tâm miên man suy nghĩ về việc thiện ấy, như là: "Thiện nghiệp này sẽ cho quả như thế này, như thế này…". Đây là phóng dật sinh khởi.

Hoặc là khi nhớ lại việc thiện thấy không hài lòng vì còn thiếu sót, hoặc thấy không đúng đối tượng đáng hài lòng…Đây là thọ ưu sinh khởi.

Thiện năng duyên là. 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp.

2. Người đắc thiền hay nhập thiền, khi xuất ra khỏi trạng thái thiền, hồi tưởng lại những tầng thiền mình chứng đắc, có khi:

- Khởi lên sự thích thú, dính mắc với thiền chứng ấy. Đây là tham ái sinh khởi.
- Hoặc là sinh khởi tà kiến, cho rằng là đã được giải thoát. Đây là tà kiến sinh khởi.
- Hoặc là sinh khởi nghi hoặc: "có thật là đã chứng đạt thiền hay chưa chứng đạt". Đây là nghi hoặc sinh khởi.
- Hay là miên man suy nghĩ về trạng thái của thiền chứng. Đây là phóng dật sinh khởi.
- Hay khi mất trạng thái, mất ấn tướng của thiền, tâm buồn phiền, chán nản, khó chịu. Đây là thọ ưu sinh khởi.

Thiện năng duyên. Là 9 tâm thiện đáo đại, 35 tâm sở hợp (trừ giới phần).

Bất thiện sở duyên. Là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

d. Câu lọc này đối với:

- Thời: Thời bình nhật

- Người: 4 phàm, 3 Thánh quả Hữu học.
- Cõi: 30 cõi hữu tâm.
- Tâm lộ: Tâm lộ ý có đổng lực bất thiện.
- Giống: Giống cảnh.

e. Duyên hợp trợ và duyên không hợp trợ.

i. Duyên hợp trợ:

Giống cảnh có tổng quát là 8 duyên phối hợp với nhau. Trong câu lọc này có ba duyên phối hợp.

1. Năng duyên làm cảnh giúp sở duyên sinh khởi, nên có cảnh duyên phối hợp.
2. Năng duyên có pháp trưởng nên có cảnh trưởng duyên.
3. Năng duyên là nơi nương cho sở duyên, nên có cảnh cận y duyên.

ii. Duyên không hợp trợ

Năng duyên và sở duyên đều là danh pháp, nên không có sắc pháp. Do vậy có năm duyên không trợ là:

1. Vật cảnh tiền sinh y duyên
2. Cảnh tiền sinh duyên
3. Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên
4. Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên
5. Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Dứt câu lọc thứ 2.

Câu 3: Pháp vô ký

Câu chính: Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng cảnh duyên"

Câu phụ (anupada):

1. Arahā maggā vuṭṭhahitvā maggaṃ paccavekkhati.

"Bậc A La Hán, khi xuất ra khỏi Tứ đạo, quán xét lại tâm Tứ đạo"

2. Pubbe suciṇṇāni paccavekkhati.

"Bậc Thánh A La Hán quán xét lại các việc thiện như bố thí, giữ giới…đã hoàn thành khi trước".

3. Kusalaṃ aniccato dukkhato anattato vippassati.

"Bậc Thánh A La Hán quán xét việc thiện của mình đã tạo, của người khác bằng vô thường, khổ, vô ngã".

4. Cetopariyañāṇena kusalacittasamaṅgissa cittaṃ jānāti.

"Bậc A La Hán biết tâm thiện người khác bằng tha tâm thông".

5. Sekkhā vā puthujjanā vā kusalaṃ aniccato dukkhato anattato vipassanti, kusale niruddhe vipāko tadārammaṇatā uppajjati.

"Bậc Thánh quả Hữu học hay phàm nhân, quán xét tâm thiện bằng vô thường, khổ, vô ngã. Khi tâm đổng lực thiện diệt đi, tâm Na cảnh sinh lên".

6. Kusalaṃ assādeti abhinandati taṃ ārabbha rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati akusale niruddhe vipāko tadārammaṇatā uppajjati

"Bậc Thánh quả Hữu học hay phàm nhân thỏa thích với việc thiện. Khi nhớ đến việc thiện đó, sinh khởi tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật và ưu phiền. Khi đổng lực bất thiện diệt đi thi tâm Na cảnh sinh lên".

7. Ākāsānañcāyatanakusalaṃ viññāṇañcāyatanavipākassa ca kiriyassa ca ārammaṇapaccayena paccayo.

"Thiện không vô biên xứ trợ cho quả và duy tác thức vô biên xứ bằng cảnh duyên".

8. Ākiñcaññāyatanakusalaṃ nevasaññānāsaññāyatanavipākassa ca kiriyassa ca ārammaṇapaccayena paccayo.

"Thiện vô sở hữu xứ trợ cho quả và duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng cảnh duyên".

9. Kusalā khandhā cetopariyañāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Các uẩn thiện trợ cho tâm thông tố tha tâm bằng cảnh duyên".

10. Kusalā khandhā pubbenivāsānussatiñāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Các danh uẩn thiện trợ giúp tâm thông tố Túc mạng trí bằng cảnh duyên".

11. Kusalā khandhā yathākammūpagañāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Các uẩn thiện trợ cho tâm thông tố Tùy nghiệp trí bằng cảnh duyên".

12. Kusalā khandhā anāgataṃsañāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Các uẩn thiện trợ giúp cho tâm thông tố Vị lai trí bằng cảnh duyên"

13. Kusalā khandhā āvajjanāya ārammaṇapaccayena paccayo.

"Các uẩn thiện trợ giúp cho tâm hướng môn bằng cảnh duyên".

a. Phân tích câu:

Câu chính:

Kusalo dhammo là chủ cách, là câu chủ từ *(kittipada),* cho biết thiện năng duyên là 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp đang làm cảnh.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ *(sampadānapada)* cho biết vô ký sở duyên là: Tâm hướng ý môn, 9 tâm đồng lực duy tác dục giới, 11 tâm Na cảnh, tâm thông duy tá, tâm quả và tâm duy tác thức vô biên xứ, tâm quả và tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần và vô lượng phần.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, là *câu thực hiện(karaṇapada),* cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh duyên.

Có 3 duyên phối hợp (ghatanā) với câu lọc này:

1. Cảnh duyên
2. Cảnh trưởng duyên
3. Cảnh cận y duyên

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 1:

Arahā là chủ từ, cho biết Bậc A La Hán đang quán xét.

Maggā là xuất xứ cách; cho biết sự thoát ra đạo; **Vuṭṭhahitvā** là bất biến quá khứ phân từ, **Maggā** *là đối cách,* là câu túc từ (kammapada)

Maggā vuṭṭhahitvā maggaṃ cho biết thiện năng duyên là tâm tứ đạo, 36 tâm sở hợp đang làm cảnh.

Paccavekkhati là thuật động từ cho biết vô ký sở duyên là 4 tâm duy tác dục giới có trí sinh lên làm phận sự suy xét tâm Tứ đạo.

Có ba duyên cùng tính chất phối hợp là:

Cảnh duyên, cảnh trưởng duyên và cảnh cận y duyên.

Câu phụ 2:

Pubbe là câu trạng từ chỉ thời gian **suciṇṇāni** là túc từ.

Pubbe suciṇṇāni cho biết thiện năng duyên là 8 tâm đại thiện đã hoàn thành việc thiện như bố thí, giữ giới…từ trước.

Paccavekkhati là thuật động từ cho biết vô ký sở duyên là 4 tâm duy tác dục giới sinh lên để quán xét. Có được duy nhất một duyên phối hợp là cảnh duyên.

Từ câu phụ số 2 đến câu phụ số 13 chỉ có một duyên phối hợp (ghatanā) là cảnh duyên.

Câu phụ 3:

Kusalaṃ là đối cách, là câu túc từ, cho biết năng duyên là 17 tâm thiện hiệp thế đã từng sinh lên trong cơ tính của mình hoặc đã hay đang sinh của người khác.

Aniccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ, là từ làm động từ trở thành đặc biệt. **Vippassati** là thuật động từ.

Aniccato dukkhato anattato vippassati cho biết vô ký sở duyên là 8 tâm duy tác dục giới đang làm phận sự quán xét tâm thiện.

Câu phụ 4:

Cetopariyañāṇena là sở dụng cách; **jānāti** là thuật động từ.

Cetopariyañāṇena jānāti cho biết vô ký sở duyên là **tha tâm thông duy tác.**

Kusalacittasamaṅgissa là hợp từ; **cittaṃ** là túc từ. **kusalacittasamaṅgissa cittaṃ** cho biết thiện năng duyên là 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp của người khác.

Câu phụ 5:

Sekkhā vā puthujjanā vā là chủ từ, cho biết bậc đang tu quán mình và Thánh quả Hữu học hay phàm nhân (3 Thánh quả Hữu học hay 4 phàm nhân).

Kusalaṃ là túc từ cho biết thiện năng duyên là 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp, đã sinh hay sẽ sinh của mình hoặc của người khác.

Aniccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ; **vipassanti** là thuật động từ. **Aniccato dukkhato anattato vipassanti** cho biết sở duyên là tâm thiện đã từng sinh khi quán sát các tâm thiện làm năng duyên.

Kusale là chủ từ thể trạng thái (*lakkhaṇavantakhattupada);* **niruddhe** là quá khứ phân từ thể trạng thái (*lakkhaṇa vantakiriyāpada).*

Aniccato dukkhato anattato vipassanti kusale niruddhe cho biết 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp đang làm cảnh.

Vipāko là chủ từ; **tadārammaṇatā** là sở dụng cách; **uppajjati** là thuật động từ. **Vipāko tadārammaṇatā uppajjati** cho biết vô ký sở duyên là 11 tâm Na cảnh.

Câu phụ 6:

Kusalaṃ là đối cách, là *câu túc từ* cho biết thiện năng duyên là 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp.

Assādeti abhinandati taṃ ārabbha rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati akusale niruddhe nhóm cụm từ này cho biết diễn tiến theo tuần tự của tâm lộ, gom vào câu **kusalo akusulassa** *(thiện trợ cho bất thiện).* Trong câu **kusalo abyākatassa** *(thiện trợ vô ký)* này, Đức Thế Tôn không thuyết đó là sở duyên **vipāko tadārammaṇatā uppajjati** là chủ từ, sở dụng từ, thuật động từ cho biết sở duyên là 11 tâm Na cảnh, 33 tâm sở hợp.

Câu phụ 7:

Ākāsānañcāyatanakusalaṃ là *câu chủ từ* cho biết thiện năng duyên là tâm không vô biên xứ, 30 tâm sở hợp đã từng sinh cho mình trong kiếp trước.

Viññāṇañcāyatanavipākassa là sở thuộc cách, là *câu liên hệ* cho biết sở duyên là tâm quả thức vô biên xứ hay tâm duy tác thức vô biên xứ, 30 tâm sở hợp.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, là câu thực hiện cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh duyên.

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 8:

Ākiñcaññāyatanakusalaṃ là câu chủ từ, cho biết thiện năng duyên là tâm vô sở hữu xứ, 30 tâm sở hợp đã từng sinh cho mình trong kiếp trước.

Nevasaññānāsaññāyatanavipākassa ca là sở thuộc cách, là câu liên hệ cho biết vô ký sở duyên là tâm tục sinh hay tâm hữu phần phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ, 30 tâm sở hợp.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, là câu thực hiện cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh duyên.

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 9:

Kusalā khandhā là câu chủ từ cho biết thiện năng duyên là 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp có trong ba thời.

Cetopariyañāṇassa là *câu liên hệ* cho biết vô ký sở duyên là Tha tâm thông duy tác, 30 tâm sở hợp.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, là câu thực hiện cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh duyên.

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 10:

Kusalā khandhā là *câu chủ từ* cho biết thiện năng duyên là 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp hiện hành trong đời trước.

Pubbenivāsānussatiñāṇassa là *câu liên hệ* cho biết vô ký sở duyên là tâm duy tác Túc mạng trí sinh lên.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, là câu thực hiện cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh duyên.

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 11:

Kusalā khandhā là *câu chủ từ (kattupada)* cho biết thiện năng duyên là 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp trong quá khứ đang làm cảnh.

Yathākammūpagañāṇassa là câu liên hệ (sampadānapada), cho biết vô ký sở duyên là tâm thông duy tác Tùy nghiệp trí.

Ārammaṇapaccayena là *câu thực hiện (karaṇapada)* trình bày cho biết mãnh lực trợ giúp của một duyên là cảnh duyên.

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 12:

Kusalā khandhā là *câu chủ từ* cho biết thiện năng duyên là 21 tâm thiện của người khác trong thời vị lai.

Anāgataṃsañāṇassa là *câu liên hệ*, cho biết vô ký sở duyên là tâm thông duy tác vị lai trí.

Ārammaṇapaccayena là *câu thực hiện (karaṇapada)* trình bày cho biết mãnh lực trợ giúp của duy nhất là cảnh duyên.

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 13:

Kusalā khandhā là *câu chủ từ* cho biết thiện năng duyên là 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp của tự bản thân hay của người khác.

Āvajjanāya là *câu liên hệ* cho biết vô ký sở duyên là tâm hướng ý môn, 11 tâm sở hợp.

Ārammaṇapaccayena là *câu thực hiện (karaṇapada)* trình bày cho biết mãnh lực trợ giúp của duy nhất là cảnh duyên.

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

a. Chi pháp:

- *Thiện năng duyên:* 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp khi làm cảnh.
- *Vô ký sở duyên* là 26 tâm vô ký = tâm hướng ý môn, 11 tâm Na cảnh, 8 tâm đại tố, tâm sinh tiếu, tâm thông duy tác, tâm quả và tâm duy tác thức vô biên xứ, tâm quả và tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần và vô lượng phần).

b. Giải thích:

Trong câu lọc này có các cách thức như sau:

i. Người làm việc thiện, khi nhớ lại việc thiện ấy có thể phát sinh tâm thiện hoặc phát sinh tâm bất thiện, sau 7 sát na đồng lực thiện hay đồng lực bất thiện, tiếp theo là hai sát na tâm Na cảnh.

Trong trường hợp này.

Thiện năng duyên là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp đang làm cảnh.

Vô ký sở duyên. Là tâm hướng ý môn, 11 tâm Na cảnh, 38 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần)

ii. Vị Thánh A La Hán nhớ lại các thiện nghiệp của mình đã tạo, nên hoan hỷ mỉm cười.

Thiện năng duyên là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp làm cảnh.

Vô ký sở duyên. Tâm hướng ý môn, tâm sinh tiếu, 4 tâm đại tố thọ hỷ, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

iii. Vị đắc thiền hay nhập định, khi xuất thiền, xem xét lại chi thiền đã thành tựu.

Thiện năng duyên. Là năm chi thiền thiện.

Vô ký sở duyên. Là tâm hướng ý môn, 11 tâm sở hợp.

iv. Vị Thánh A La Hán nhớ lại các tầng thiền hay chi thiền đã chứng đắc, trước khi chứng Thánh đạo A La Hán.

Thiện năng duyên. Là 9 tâm thiện đáo đại, 35 tâm sở hợp (trừ giới phần).

Vô ký sở duyên. Là tâm hướng ý môn, 8 tâm đại hạnh, 33 tâm sở hợp.

v. Vị Thánh quả Hữu học khi vừa chứng đắc Thánh Đạo, tiếp theo là quán xét lại Thánh Đạo đã đắc.

Thiện năng duyên. Là ba Thánh đạo hữu học đang làm cảnh cho tâm quán sát.

Vô ký sở duyên. Là tâm hướng ý môn, 11 tâm sở hợp.

vi. Vị vừa chứng được Thánh đạo A La Hán. Sau đó quán xét lại tâm Thánh đạo A La Hán.

Thiện năng duyên. Thánh đạo A La Hán, 36 tâm sở hợp làm cảnh.

Vô ký sở duyên. Tâm hướng ý môn, 4 đại tố có trí, 33 tâm sở hợp.

vii. Bậc thánhh A La Hán quán xét tâm thiện của mình có trước đó, hay của người khác đang có.

Thiện năng duyên. Là tám tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp đang làm thành cảnh.

Vô ký sở duyên. Là tám tâm đại tố, 33 tâm sở hợp

viii. Vị thánh A La Hán quán xét tâm thiện của mình có trước đó, hay tâm thiện của người khác bằng vô thường, khổ, vô ngã.

Thiện năng duyên. Là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp hợp đang làm thành cảnh.

Vô ký sở duyên. Tâm hướng ý môn, 8 tâm đại tố, 33 tâm sở hợp.

ix. Vị thánh A La Hán biết được tâm người khác bằng Tha tâm thông.

Thiện năng duyên. Là 8 tâm đại thiện, 8 thiện đáo đại, 4 tâm Thánh đạo, 38 tâm sở hợp hợp đang làm thành cảnh.

Vô ký sở duyên. Là tâm thông duy tác Tha tâm trí, 30 tâm sở hợp.

x. Vị thánh A La Hán nhớ lại những thiện pháp của mình trong quá khứ bằng Túc mạng trí.

Thiện năng duyên. Là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp đang làm thành cảnh.

Vô ký sở duyên. Là tâm hướng ý môn, tâm thông duy tác túc mạng trí, 30 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần, tâm sở tầm, tâm sở tứ, tâm sở hỷ).

xi. Vị chứng thiền "không vô biên xứ" trước khi chứng Thánh quả A La Hán. Sau khi chứng Thánh quả A La Hán vị Thánh tu tập thiền vô sắc chứng đắc thiền Thức vô biên xứ.

Thiện năng duyên. Là tâm thiện không vô biên xứ, 30 tâm sở hợp làm cảnh.

Vô ký sở duyên. Tâm hướng ý môn, tâm duy tác thức vô biên xứ, 30 tâm sở hợp.

xii. Vị chứng thiền vô sở hữu xứ trước khi chứng Thánh quả A La Hán. Sau khi chứng Thánh quả A La Hán vị Thánh tu tập thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Thiện năng duyên. Là tâm thiện vô sở hữu xứ, 30 tâm sở hợp đang làm cảnh.

Vô ký sở duyên. Là tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ, 30 tâm sở hợp.

Vào thời tục sinh:

Với vị chứng thiền thức vô biên xứ hay thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ, không bị hoại thiền. Vào thời điểm tục sinh tâm quả Thức vô biên xứ làm phận sự tục sinh, dẫn tái sinh về cõi Thức vô biên xứ, cõi này có tuổi thọ là 60 ngàn kiếp trái đất. Trong trường hợp này, tâm quả thức vô biên xứ có cảnh là tâm thiện không vô biên xứ có trước đó.

Thiện năng duyên. Là tâm thiện không vô biên xứ, 30 tâm sở hợp hiện đang làm cảnh.

Vô ký sở duyên. Tâm quả Thức vô biên xứ, 30 tâm sở hợp.

Tương tự như thế với vị phàm nhân hay Thánh quả Hữu học, chứng đạt thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ không bị hoại thiền.

Vào thời điểm tục sinh, tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ làm phận sự tục sinh cho tái sinh về cõi phi tưởng phi phi tưởng có tuổi thọ nơi cõi này là 84 ngàn kiếp trái đất.

Thiện năng duyên. Là tâm thiện vô sở hữu xứ, 30 tâm sở hợp hiện đang làm cảnh.

Vô ký sở duyên. Là tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ, 30 tâm sở hợp.

Lưu ý: Trong phần sở duyên của câu lọc này không có tâm hướng ngũ môn, hai tâm tiếp thu, và 5 đôi thức cùng 10 tâm sở hợp, vì đây là cảnh danh pháp. Các tâm vô ký nên trên chỉ nhận cảnh thuần là sắc pháp.

c. Câu này đối với:

- *Thời:* thời tục sinh và thời bình nhật.
- *Người:* 4 phàm, 4 Thánh quả
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
- *Tâm lộ:* nói chung tóm gọn là Lộ ý môn và lộ Kiên cố (appanāvithī) có đổng lực thiện.

Thiện năng duyên. Có trong tâm lộ ý môn, tâm lộ kiên cố.

Vô ký sở duyên hiện khởi trong tâm là ý môn có đổng lực thiện hoặc bất thiện (chỉ cho lộ ý môn có Na cảnh).

Còn trong tâm lộ kiên cố thì các tâm lộ có đổng lực duy tác.

- Tâm lộ chứng thiền (ādikammikajhāna vithī)
- Tâm lộ nhập định (jhānasamāpattivithī)
- Tâm lộ thắng trí (Abhiññāvithī)
- Tâm lộ đắc Tứ đạo.

Vào thời tục sinh:

Có tâm lộ tục sinh thiện nhân

- Giống : giống cảnh.

d. Duyên hợp trợ và duyên không hợp trợ.

i. Duyên hợp trợ.

Giống cảnh có 8 duyên. Trong câu lọc này có 3 duyện hợp trợ (ghatanā):

- Năng duyên là pháp làm thành cảnh, nên có Cảnh duyên
- Năng duyên có pháp trưởng là tâm làm cảnh, nên có Cảnh trưởng duyên.
- Năng duyên là nơi nương của sở duyên, nên có Cảnh cận y duyên.

Đây là ba duyên hợp trợ.

ii. Duyên không hợp trợ.

Năng duyên là danh pháp, nên không có năm duyên phối hợp là:

Vật cảnh tiền sinh duyên

Cảnh tiền sinh duyên

Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên

Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên

Cảnh tiền sinh bất ly duyên

Đây là năm duyên không phối hợp

Dứt câu lọc thứ ba.

B. Pháp bất thiện

Pháp bất thiện đối với cảnh duyên có 3 câu.

Câu 1: Pháp bất thiện.

Câu chính:

Akusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo

"Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng cảnh duyên".

Câu phụ 1:

Rāgaṃ assādeti abhinandati taṃ ārabbha rāgo uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati, domanassaṃ uppajjati .

"Hân hoan thích thú với tham ái, khi nhớ lại tham ái thì tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền sinh khởi".

Câu phụ 2:

Diṭṭhiṃ assādeti abhinandati taṃ ārabbha rāgo uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati, domanassaṃ uppajjati.

"Hân hoan thích thú với tà kiến, khi nhớ lại tà kiến ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền sinh khởi".

Câu phụ 3:

Vicikicchaṃ ārabbha vicikicchā uppajjati, diṭṭhi uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati, domanassaṃ uppajjati.

"Khi nhớ đến nghi hoặc, thì hoài nghi, tà kiến, phóng dật, ưu phiền sinh khởi".

Câu phụ 4:

Uddhaccaṃ ārabbha uddhaccaṃ uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, domanassaṃ uppajjati.

"Khi nhớ đến phóng dật, thì phóng dật, tà kiến, hoài nghi, ưu phiền sinh khởi".

Câu phụ 5:

Domanassaṃ ārabbha domanassaṃ uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati.

" Khi nhớ đến ưu phiền thì ưu phiền, tà kiến, hoài nghi, phóng dật sinh khởi".

a. Phân tích câu:

Câu chính:

Akusalo dhammo là câu chủ cách, là câu chủ từ, cho biết năng duyên là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

Kusalassa dhammassa là câu sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết sở duyên là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh duyên. Có 3 duyên cùng tính chất phối hợp.

1. Cảnh duyên
2. Cảnh trưởng duyên
3. Cảnh cận y duyên

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 1:

Rāgaṃ là đối cách, là câu túc từ, cho biết năng duyên là 8 tâm có gốc rễ tham (lobhamūla) là chủ yếu

Assādeti là thuật động từ chỉ cho tâm tham thọ hỷ.

Abhinandati là thuật động từ, chỉ cho tâm tham có sự hân hoan là chủ yếu.

Taṃ là túc từ, chỉ cho tâm có gốc rễ tham là chủ yếu.

Ārabbha là bất biến quá khứ phân từ, cho biết các phiền não như tham ái…sinh khởi.

Ārabbha ← ārabbhati = ā (hướng về) + $\sqrt{\text{rabha}}$ (khởi sự, bắt đầu) + a = *khởi sự*

Rāgo uppajjati chỉ cho tham ái là chủ yếu

Diṭṭhi uppajjati chỉ cho tà kiến là chủ yếu, là tâm tham hợp với tà kiến.

Vicikicchā uppajjati chỉ cho tâm si, có nghi hoặc là chủ yếu.

Uddhaccaṃ uppajjati chỉ cho tâm si, có phóng dật là chủ yếu.

Câu phụ 2:

Diṭṭhiṃ chỉ cho tâm tham có tà kiến là chủ yếu

Assādeti chỉ cho thọ hỷ, là tâm tham có tà kiến đi chung với thọ hỷ.

Abhinandati là sự thỏa thích, chỉ cho tâm tham thọ hỷ, có sự hân hoan là chủ yếu.

Taṃ là chỉ cho tâm tham hợp với tà kiến.

Ārabbha chỉ cho các phiền não bắt đầu sinh lên, có tà kiến…chỉ cho năng duyên là tà kiến.

Câu phụ 3:

Vicikicchaṃ chỉ cho tâm si hợp hoài nghi, có hoài nghi là chủ yếu.

Ārabbha vicikicchā uppajjati, diṭṭhi uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati, domanassaṃ uppajjati.

Câu phụ 4:

Uddhaccaṃ chỉ cho tâm si có phóng dật là chủ yếu.

Ārabbha uddhaccaṃ uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, domanassaṃ uppajjati.

Câu phụ 5:

Domanassaṃ chỉ cho tâm sân, có thọ ưu là chủ yếu.

Ārabbha domanassaṃ uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati.

b. Chi pháp:

- *Bất thiện năng duyên.* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp làm thành cảnh cho tâm.
- *Bất thiện sở duyên.* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp khi nhận cảnh là pháp bất thiện.

c. Giải thích:

Câu lọc này có các cách như sau:

i. Người có khuynh hướng tham ái, khi nhớ lại:

1. *Tham ái sinh lên.* Như người tà hạnh trong dục lạc, khi nhớ lại tham ái sinh lên.

Người lấy của không cho, khi nhớ lại tham ái lại khởi lên.

2. *Sân hận sinh lên.* Như người đang bị tham ái chi phối, xâm chiếm, không được thỏa mãn sân hận sinh lên.

Hoặc người thích hưởng thụ, nhưng không được toại nguyện, khi nhớ lại, sự bất bình, khó chịu, phiền muộn sinh lên.

3. *Tà kiến sinh lên*. Như cho rằng: "Tham ái này là vô tội".

4. *Hoài nghi sinh lên.* Như khi trộm cắp của chung, có hay không có phạm tội.

5. *Phóng dật sinh lên.* Như miên man suy nghĩ về tham ái…

Bất thiện năng duyên. Là 4 tâm tham ly tà, 21 tâm sở hợp khi làm thành cảnh.

Bất thiện sở duyên. Là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

ii. *Người có khuynh hướng tà kiến*, khi nhớ lại có thể sinh khởi tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền…

Bất thiện năng duyên. Là 4 tâm tham hợp tà kiến, 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở ngã mạn)

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

iii. *Người khi nhớ đến hoài nghi*, cũng có thể giúp hoài nghi hay phóng dật sinh khởi.

Bất thiện năng duyên. Là tâm si hợp hoài nghi, 15 tâm sở hợp.

Bất thiện sở duyên. Là 4 tâm tham ly tà, 2 tâm sân, 2 tâm si, 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở tà kiến)

iv. *Khi nhớ lại việc buồn,* có thể làm sinh khởi phiền muộn hoặc tà kiến, hoài nghi, phóng dật sinh khởi.

Bất thiện năng duyên. Là hai tâm sân, 22 tâm sở hợp đang làm thành cảnh.

Bất thiện sở duyên. 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

d. Câu lọc này đối với:

- *Thời:* Thời bình nhật
- *Người:* 4 phàm, 3 thánh quả hữu học
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ý môn đồng lực bất thiện.
- *Giống:* Giống cảnh.

e. Duyên hợp trợ và duyên không hợp trợ.

i. *Duyên hợp trợ.*

Câu lọc này có 3 duyên cùng tính chất phối hợp.

1. Năng duyên làm cảnh giúp sở duyên sinh lên nên có cảnh duyên phối hợp.
2. Năng duyên có pháp trưởng nên có cảnh trưởng duyên.
3. Năng duyên là nơi nương nhờ cho sở duyên nên có cảnh cận y duyên.

ii. *Duyên không phối hợp.*

Có năm duyên không phối hợp.

Năng duyên là danh pháp làm cảnh trợ giúp sở duyên sinh lên. Nên không có "vật cảnh tiền sinh y duyên", "cảnh tiền sinh duyên", "Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên", "cảnh tiền sinh hiện hữu duyên" và "cảnh tiền sinh bất ly duyên"

Dứt câu số 1

Câu 2: Câu thiện

Câu chính:

Akusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo

"Pháp bất thiện trợ cho pháp thiện bằng cảnh duyên".

Câu phụ 1:

Sekkhā pahīne kilese paccavekkhanti paccavekkhanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học quán xét lại phiền não đã sát trừ".

Câu phụ 2:

Sekkhā vikkhambhite kilese paccavekkhanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học xem xét lại phiền não đang áp chế".

Trong câu phụ 1 và 2, nên hiểu.

Phiền não có 10 là: Tà kiến, hoài nghi đã bị Thánh đạo Dự Lưu sát trừ.

Các phiền não tham dục và sân hận thuộc phần thô (ở thân và ngữ) đã bị Thánh đạo Nhất Lai sát trừ.

Các phiền não tham dục và sân vi tế (ở vùng ngủ ngầm) đã bị Thánh đạo Bất Lai sát trừ.

Các phiền não còn lại là: Tham, si, ngã mạn, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô quý bị Thánh đạo A La Hán sát trừ.

Thiện sở duyên. 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Câu phụ 3:

Pubbe samudāciṇṇe kilese jānanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học, thấu hiểu phiền não đã từng sinh lên nơi vị ấy".

Câu phụ 4:

Sekkhā vā puthujjanā vā akusalaṃ aniccato dukkhato anattato vipassanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học hay phàm nhân quán xét pháp bất thiện là vô thường, khổ, vô ngã".

Câu phụ 5:

Cetopariyañāṇena akusalacittasamaṅgissa cittaṃ jānanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học hay phàm nhân, biết tâm bất thiện người khác bằng Tha tâm thông".

Câu phụ 6:

Akusalā khandhā cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa, yathākammūpagañāṇassa anāgataṃsañāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Bốn danh uẩn bất thiện trợ cho Tha tâm thông thiện, Túc mạng thông thiện, Tùy nghiệp thông thiện bằng cảnh duyên".

a. Phân tích câu:

Câu chính:

Akusalo dhammo là câu chủ từ, cho biết năng duyên là: 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp làm thành cảnh.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết sở duyên là: 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Ārammaṇapaccayena là *sở dụng cách, là câu liên hệ,* cho biết mãnh lực trợ giúp thuần nhất là *Cảnh duyên.*

Paccayo là *câu thuật từ (kiriyāpada)* cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 1:

Sekkhā paccavekkhanti, chi pháp là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) sinh khởi cho ba bậc Thánh quả Hữu học khi xem xét lại phiền não.

Pahīne kilese: chi pháp là 11 tâm bất thiện (trừ tâm si hợp phóng dật), 27 tâm sở hợp.

Hoặc là:

*Với bậc Thánh Dự Lưu quả:

- **Sekkhā paccavekkhanti** là: 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp làm việc xem xét.

- **Pahīne kilesev** (năng duyên) là: 4 tâm tham hợp tà, tâm si hợp hoài nghi, 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở ngã mạn).

*Với bậc Thánh Nhất Lai quả:

- **Sekkhā paccavekkhanti** (thiện sở duyên) là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp.

- **Pahīne kilesev** (bất thiện năng duyên) là: Tâm tham dục, 2 tâm sân, 25 tâm sở hợp (trừ tâm sở tà kiến, tâm sở hoài nghi) ở thân và ngữ bị trừ diệt.

* Đối với bậc Thánh quả Bất Lai:

- **Sekkhā paccavekkhanti** (thiện sở duyên) là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp làm phận sự xem xét.

- **Pahīne kilesev** (bất thiện năng duyên) là tâm tham dục, 2 tâm sân, 25 tâm sở hợp bị diệt trừ hoàn toàn.

Câu phụ 2:

Sekkhā paccavekkhanti (thiện sở duyên) là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp của ba bậcc Thánh quả Hữu học khi làm phận sự xem xét lại phiền não chưa sát trừ.

Vikkhambhite kilese (bất thiện năng duyên), là 8 tâm phiền não được áp chế nhưng chưa được sắt trừ (tùy trường hợp) là: Tham, sân, si, ngã mạn, phóng dật, hôn trầm, vô tàm, vô quý.

Hoặc là:

*Với bậc Thánh Dự Lưu quả:

- *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp khi xem xét lại các phiền não.

- *Bất thiện năng duyên*. Là 8 loại tâm phiền não dẫn đến 4 khổ cảnh đã bị sát trừ.

*Với bậc Thánh Nhất Lai quả:

- *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp khi xem xét lại phiền não.

- *Bất thiện năng duyên*. Là phiền não tham, sân được giảm nhẹ.

* Đối với bậc Thánh quả Bất Lai:

- *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp khi xem xét các phiền não đang áp chế.

- *Bất thiện năng duyên*. Là các phiền não. Ái sắc, ái vô sắc, si, ngã mạn, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô quý được giảm nhẹ.

Câu phụ 3:

Pubbe samudāciṇṇe kilese. Là chỉ cho bất thiện năng duyên là 10 phiền não đã từng sinh của ba bậc Thánh quả Hữu học.

Jānanti chỉ cho thiện sở duyên là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp đang làm phận sự xem xét các phiền não.

Câu phụ 4:

Sekkhā vā puthujjanā là câu chủ từ, cho biết ba bậc Thánh quả Hữu học và Phàm nhân đang tu quán (Ba bậc Thánh quả Hữu học, bốn phàm nhân).

Akusalaṃ là túc từ, cho biết năng duyên là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

Aniccato dukkhato anattato vipassanti cho biết thiện sở duyên là 8 tâm đại thiện 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) đang tu tiến minh quán.

Câu phụ 5:

Cetopariyañāṇena là sở dụng cách, **jānanti** là câu thuật động từ.

Cetopariyañāṇena jānanti cho biết thiện sở duyên là Tha tâm thông thiện, 30 tâm sở hợp.

Akusalacittasamaṅgissa là hợp từ, **cittaṃ** là túc từ. Cả hai từ cho biết bất thiện năng duyên là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp của người khác.

Câu phụ 6:

Akusalā khandhā là câu chủ từ cho biết bất thiện năng duyên là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

Cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa yathākammūpagañāṇassa anāgataṃsañāṇassa là sở thuộc cách là câu liên hệ, cho biết thiện sở duyên là tâm thông thiện ngũ thiền sắc giới.

Khi phân tích bất thiện năng duyên là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp làm cảnh cho tâm thông thiện, có các cách như sau:

i. *Bất thiện năng duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp **đang diễn tiến.**

Thiện sở duyên là thiện tha tâm thông

ii. *Bất thiện năng duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp **đã diễn tiến** trong kiếp sống trước.

Thiện sở duyên là tâm thiện Túc mạng thông, 30 tâm sở hợp.

iii. *Bất thiện năng duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp của người khác trong quá khứ.

Thiện sở duyên là tâm thiện Tùy nghiệp thông, 30 tâm sở hợp.

iv. *Bất thiện năng duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp của mình hay của người khác sẽ diễn tiến.

Thiện sở duyên là tâm thiện Vị lai thông.

b. Chi pháp

- *Bất thiện năng duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp làm thành cảnh.
- *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần), tâm thông thiện.

c. Giải thích

Trong câu lọc "Bất thiện trợ thiện bằng cảnh duyên" có các cách như sau:

i. Người biết tham, sân, si là phiền não, muốn diệt trừ nhưng chưa thể **đoạn trừ** (samucchedapahāna), chỉ có thể **tạm trừ** (tadaṅgapahāna). Là dùng tâm thiện đẩy lùi tâm bất thiện. Như hành giả thực hành pháp niệm tâm tứ niệm xứ.

- *Bất thiện năng duyên.* Pháp bất thiện làm thành cảnh để tâm thiện xem xét.
- *Thiện sở duyên.* 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp khi làm phận sự xem xét.

ii. Bậc Thánh quả Hữu học quán xét lại phiền não đã sát trừ hay phiền não còn tồn lại.

- *Bất thiện năng duyên.* Pháp bất thiện làm thành cảnh để tâm thiện xem xét.
- *Thiện sở duyên.* 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp đang làm phận sự xem xét.

iii. Hành giả thực hành quán Pháp tứ niệm xứ, quán sát Pháp bất thiện.

- *Bất thiện năng duyên.* Pháp bất thiện làm thành cảnh.
- *Thiện sở duyên.* 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) đang xem xét.

iv. Tha tâm thông thiện biết tâm bất thiện của người khác.

- *Bất thiện năng duyên.* Là những tâm bất thiện của người khác sinh ra trong 3 thời, 7 ngày trước đó, ngay trong hiện tại và 7 ngày sau đó.
- *Thiện sở duyên.* Là tâm thiện Tha tâm thông, 30 tâm sở hợp.

v. Bậc Thánh quả hữu học hay phàm nhân, quán xét pháp bất thiện theo tam tướng.

- *Bất thiện năng duyên.* Là Pháp bất thiện đang làm thành cảnh.
- *Thiện sở duyên.* Là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) đang làm việc quán xét/

vi. Những quả bất thiện làm thành cảnh trợ giúp cho tâm thông thiện như: Thiện túc mạng thông, thiện tha tâm thông, thiện tùy nghiệp thông, thiện vị lai thông (tùy theo trường hợp).

- *Bất thiện năng duyên.* Là Pháp bất thiện làm thành cảnh.

- *Thiện sở duyên.* Tâm thông thiện, 30 tâm sở hợp.

d. Câu lọc này đối với:

- *Thời:* Thời bình nhật
- *Người:* 3 Thánh quả Hữu học, 4 phàm.
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm.
- *Tâm lộ:* Lộ ý môn, lộ phản khán, lộ quan sát, lộ hiện thông tùy theo từng trường hợp.
- *Giống:* Giống cảnh.

e. Duyên hợp trợ và duyên không hợp trợ.

i. Duyên hợp trợ. Không có

Dứt câu lọc số 2

Câu 3: Câu vô ký.

Câu chính:

Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo

"Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng cảnh duyên".

Câu phụ 1:

Arahā pahīne kilese paccavekkhati

"Bậc A La Hán xem xét phiền não đã đoạn trừ".

Câu phụ 2:

Pubbe samudāciṇṇe kilese jānāti

"Bậc A La Hán biết phiền não đã từng sinh"

Câu phụ 3:

Akusalaṃ aniccato dukkhato anattato vipassati

"Bậc A La Hán quán sát phiền não bằng vô thường, khổ, vô ngã".

Câu phụ 4:

Cetopariyañāṇena akusalacittasamaṅgissa cittaṃ jānāti.

"Bậc A La Hán biết tâm bất thiện của người khác bằng Tha tâm thông"

Câu phụ 5:

Sekkhā vā puthujjanā vā akusalaṃ aniccato dukkhato anattato vipassanti , kusale niruddhe vipāko tadārammaṇatā uppajjati.

"Bậc Thánh quả Hữu học hay phàm nhân, quán xét bất thiện pháp bằng vô thường, khổ, vô ngã. Khi đổng lực thiện diệt đi thì tâm Na cảnh sinh lên".

Câu phụ 6:

Akusalaṃ assādeti abhinandati; taṃ ārabbha rāgo uppajjati, diṭṭhi uppajjati, vicikicchā uppajjati, uddhaccaṃ uppajjati, domanassaṃ uppajjati. Akusale niruddhe vipāko tadārammaṇatā uppajjati.

"Bậc Thánh quả Hữu học hay phàm nhân hân hoan vui thích với bất thiện. khi nghĩ đến bất thiện thì tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền sinh khởi. Khi đổng lực bất thiện diệt đi thì tâm Na cảnh sinh lên".

Câu phụ 7:

Akusalā khandhā cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa yathākammūpagañāṇassa anāgataṃsañāṇassa āvajjanāya ārammaṇapaccayena paccayo.

"Bốn danh uẩn bất thiện trợ giúp cho Tha tâm thông, Túc mạng thông, Tùy nghiệp thông, Vị lai thông và tâm hướng ý môn bằng cảnh duyên".

a. Phân tích câu:

Trong phần phân tích câu lọc này tương tự như phần phân tích trong câu lọc **Kusalo abyākatassa** *(thiện trợ vô ký),* chỉ có sự khác biệt là: Trong câu **"thiện trợ cho vô ký",** chi pháp

năng duyên là **"Pháp thiện"** làm cảnh; còn trong câu **"bất thiện trợ cho vô ký**", chi pháp năng duyên là **"Pháp bất thiện"** làm thành cảnh.

Lưu ý: Câu lọc **Kusalo abyākatassa** *(bất thiện trợ vô ký);* câu chính lẫn 7 câu phụ chỉ có duy nhất cảnh duyên hợp trợ.

b. Chi pháp:

- *Bất thiện năng duyên.* Là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp khi làm cảnh.
- *Vô ký sở duyên.* Là 22 tâm vô ký = 11 tâm Na cảnh, 10 tâm duy tác dục giới (trừ tâm Hướng ngũ môn), tâm thông duy tác, 33 tâm sở hợp.

c. Giải thích:

Có các cách như sau:

i. Sau lộ chứng Tứ đạo, tiếp theo là những lộ xem xét (paccavekkhati). Vị Thánh A La Hán xem xét lại các phiền não đã sát trừ.

Hoặc trong thời bình nhật, vị Thánh A La Hán xem xét (paccavekkhati) lại tất cả các pháp bất thiện đã sát trừ.

- *Bất thiện năng duyên.* Là 10 phiền não: Tham, sân, si, ngã mạn, tà kiến, hoài nghi, hôn trầm, phóng dật, vô tàm, vô quý là thành cảnh.
- *Vô ký sở duyên.* Tâm hướng ý môn, 8 tâm đại tố, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

Hay là:

- *Bất thiện năng duyên.* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp làm thành cảnh.
- *Vô ký sở duyên.* Tâm hướng ý môn, 8 tâm đại tố, 33 tâm sở hợp.

ii. Vị Thánh A La Hán với Tha tâm thông duy tác biết được tâm bất thiện của chúng sinh khác.

- *Bất thiện năng duyên.* Pháp bất thiện của chúng sinh khác đang làm cảnh.
- *Vô ký sở duyên.* Tâm hướng ý môn, Tha tâm thông duy tác, 30 tâm sở hợp.

iii. Bậc thánh quả Hữu học, quán phaps bất thiện bằng mãnh lực vô thường, khổ, vô ngã. Sau 7 sát na đồng lực thiện, tiếp theo là 2 tâm Na cảnh (trong lộ tâm ý môn chót Na cảnh).

- *Bất thiện năng duyên.* Pháp bất thiện đang làm cảnh.
- *Vô ký sở duyên.* Tâm hướng ý môn, 11 tâm Na cảnh, 33 tâm sở hợp.

iv. Người có khuynh hướng bất thiện, khi nhớ đến bất thiện có thể phát sinh bất thiện như tham, ngã mạn, phóng dật, hoài nghi…khi tâm đồng lực diệt thì tâm Na cảnh sinh lên.

- *Bất thiện năng duyên.* Pháp bất thiện đang làm cảnh.
- *Vô ký sở duyên.* Tâm hướng ý môn, tâm quan sát xả thọ quả bất thiện, 10 tâm sở hợp.

v. Vị Thánh A La Hán khi nhớ đến các phiền não đã bị sát trừ, hoan hỷ mỉm cười.

- *Bất thiện năng duyên.* Pháp bất thiện đang làm cảnh.
- *Vô ký sở duyên.* Tâm hướng ý môn, 5 tâm tố thọ hỷ dục giới, 33 tâm sở hợp.

vi. Những uẩn bất thiện trợ cho tâm thông duy tác như sinh tử thông, túc mạng thông, tiền nghiệp thông…của vị Thánh A La Hán.

- *Bất thiện năng duyên.* Pháp bất thiện làm cảnh.
- *Vô ký sở duyên.* Tâm hướng ý môn, tâm thông duy tác, 30 tâm sở hợp.

Trong câu lọc này năng duyên là danh pháp nên không có tâm khán ngũ môn, năm đôi thức và hai tâm tiếp thu.

d. Câu lọc này đối với:

- *Thời :* Thời bình nhật
- *Người:* 4 Phàm, 4 Thánh quả
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
- *Tâm lộ:* Lộ ý, lộ phản khán phiền não, lộ ý chót Na cảnh, lộ hiện thông tùy theo trường hợp.
- *Giống:* Giống cảnh.

e. Duyên hợp trợ và không hợp trợ.

Không có.

Dứt câu lọc số 3

C. Pháp vô ký

Pháp vô ký đối với cảnh duyên có 3 câu.

Câu 1: Câu vô ký

Câu chính: Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng cảnh duyên".

Câu phụ 1:

Arahā phalaṃ paccavekkhati.

"Bậc A La Hán xem xét tâm tứ quả".

Câu phụ 2:

Nibbānaṃ paccavekkhati.

"Bậc A La Hán xem xét Níp Bàn".

Câu phụ 3.

Nibbānaṃ phalassa āvajjanāya ārammaṇa-paccayena paccayo.

"Níp Bàn trợ cho tâm quả và tâm hướng ý môn bằng cảnh duyên".

Câu phụ 4.

Arahā cakkhuṃ aniccato dukkhato anattato vipassati sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe aniccato dukkhato anattato vipassati.

"Bậc A La Hán quán xét: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, hương, vị, xúc, sắc ý vật và vô ký uẩn quả, vô ký uẩn duy tác bằng vô thường, khổ, vô ngã".

Câu phụ 5.

Dibbena cakkhunā rūpaṃ passati.

"Bậc A La Hán thấy sắc bằng Thiên nhãn thông".

Câu phụ 6.

Dibbena sotadhātuyā saddaṃ suṇāti.

"Bậc A La Hán nghe các âm thanh bằng Thiên nhĩ thông".

Câu phụ 7.

Cetopariyañāṇena vipākābyākatakiriyābyā-katacittasamaṅgissa cittaṃ jānāti.

"Bậc A La Hán biết tâm quả hay tâm duy tác của người khác bằng Tha tâm thông".

Câu phụ 8.

Ākāsānañcāyatanakiriyaṃ viññāṇañcāyatana-kiriyassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Tâm duy tác không vô biên xứ trợ cho tâm duy tác thức vô biên xứ bằng cảnh duyên".

Câu phụ 9.

Ākiñcaññāyatanakiriyaṃ nevasaññānāsaññāya-tanakiriyassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Tâm duy tác vô sở hữu xứ trợ cho tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng cảnh duyên".

Câu phụ 10.

Rūpāyatanaṃ cakkhuviññāṇassa ārammaṇa-paccayena paccayo.

"Sắc xứ trợ cho nhãn thức bằng cảnh duyên".

Câu phụ 11.

Saddāyatanaṃ sotaviññāṇassa ārammaṇa-paccayena paccayo.

"Thinh xứ trợ cho nhĩ thức bằng cảnh duyên".

Câu phụ 12.

Gandhāyatanaṃ ghānaviññāṇassa ārammaṇa-paccayena paccayo.

"Hương xứ trợ cho tỷ thức bằng cảnh duyên".

Câu phụ 13.

Rasāyatanaṃ jivhāviññāṇassa ārammaṇa-paccayena paccayo.

"Vị xứ trợ cho thiệt thức bằng cảnh duyên".

Câu phụ 14.

Phoṭṭhabbāyatanaṃ kāyaviññāṇassa āram-maṇapaccayena paccayo.

"Xúc xứ trợ cho thân thức bằng cảnh duyên".

Câu phụ 15.

Abyākatā khandhā iddhividhañāṇassa cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa anāgataṃ-sañāṇassa āvajjanāya ārammaṇapaccayena paccayo.

"Các uẩn vô ký trợ cho thần thông, tha tâm thông, túc mạng thông, vị lai thông và tâm hướng ý môn bằng cảnh duyên".

a. Phân tích câu

Câu chính:

Abyākato dhammo là câu chủ từ, cho biết vô ký năng duyên là **sáu cảnh**: 28 sắc pháp, 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, Níp Bàn; 38 tâm sở hợp làm thành cảnh cho tâm.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết vô ký sở duyên: 23 tâm quả dục giới, 11 tâm duy tác dục giới, tâm duy tác thức vô biên xứ, tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm thông duy tác, 4 tâm quả siêu thế, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần).

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực phối hợp trợ giúp cảnh duyên. Có 8 duyên phối hợp trong câu lọc này, là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên và Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo là câu thuật từ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 1:

Arahā là câu chủ từ, cho biết sự xem xét lại (paccavekkhati) của bậc A La Hán.

Phalaṃ là đối cách, là túc từ, cho biết vô ký năng duyên là tâm Tứ quả, 36 tâm sở hợp.

Paccavekkhati là câu thuật động từ, cho biết vô ký sở duyên là 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp sinh lên để vị Thánh A La Hán quả xem xét lại tâm A La Hán quả, 36 tâm sở hợp.

Câu phụ 2:

Nibbānaṃ là đối cách, là câu túc từ, cho biết vô ký năng duyên là Níp Bàn đang làm cảnh.

Paccavekkhati là câu thuật động từ, cho biết vô ký sở duyên là 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp sinh lên để vị Thánh A La Hán xem xét lại Níp Bàn đã chứng ngộ.

Câu phụ 3:

Nibbānaṃ là đối cách, là câu túc từ, cho biết vô ký năng duyên là Níp Bàn đang làm cảnh.

Phalassa, āvajjanāya là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết vô ký sở duyên là 4 tâm quả siêu thế, 36 tâm sở hợp; tâm khai ý môn, 11 tâm sở hợp (trừ tâm sở hỷ, tâm sở dục).

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh duyên. Có ba duyên cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này, đó là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo là câu thuật từ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 4:

Arahā là câu chủ từ, cho biết vị xem xét lại là bậc A La Hán.

Cakkhuṃ sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe.

Tất cả là túc từ, cho biết vô ký năng duyên là: 5 sắc thần kinh: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân; 5 sắc cảnh: sắc, thinh, hương, vị, xúc; sắc ý vật; 4 danh uẩn quả hiệp thế; bốn danh uẩn duy tác; sinh lên cho mình hay cho người.

Aniccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ, cho biết việc quán xét của vị thánh A La Hán theo ba tướng: vô thường, khổ, vô ngã.

Vipassati là thuật động từ, cho biết vô ký sở duyên là 8 tâm duy tác dục giới, 33 tâm sở hợp sinh để quán xét.

Câu phụ 5:

Rūpaṃ là túc từ, cho biết vô ký năng duyên là "sắc" hiện tại thuộc xa (dūra), kín đáo (paṭicchanna), nhẹ (saṇha), vi tế (sukhuma).

Dibbena cakkhunā là sở dụng cách; **passati** là thuật động từ. Các từ này cho biết vô ký sở duyên là tâm duy tác thiên nhãn thông, 30 tâm sở hợp, thấy các sắc.

Câu phụ 6:

Saddaṃ là túc từ cho biết vô ký năng duyên là "âm thanh" hiện tại, thuộc xa, kín đáo, nhẹ nhàng, vi tế.

Dibbena sotadhātuyā là sở dụng cách; **suṇāti** là thuật động từ. Các từ này cho biết vô ký sở duyên là tâm duy tác Thiên nhĩ thông đang nghe các tiếng.

Câu phụ 7:

Vipākābyākatakiriyābyākatacittasamaṅgissa là hợp từ *(sāmīsambandhapada)*; **cittaṃ** là túc từ. Các này từ cho biết vô ký năng duyên là 36 tâm quả, 20 tâm duy tác sinh lên cho người khác trong 3 thời.

Cetopariyañāṇena là sở dụng cách; **jānāti** là thuật động từ. Hai từ này cho biết vô ký sở duyên là Tha tâm thông duy tác, 30 tâm sở hợp.

Câu phụ 8:

Ākāsānañcāyatanakiriyaṃ là chủ từ, cho biết vô ký năng duyên là tâm duy tác không vô biên xứ, 30 tâm sở hợp đã từng sinh cho vị Thánh A La Hán trong kiếp này.

Viññāṇañcāyatanakiriyassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết vô ký sở duyên là tâm duy tác thức vô biên xứ, sinh khởi cho bậc A La Hán.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp duy nhất là cảnh duyên.

Câu phụ 9:

Ākiñcaññāyatanakiriyaṃ là câu chủ từ, cho biết vô ký năng duyên là tâm duy tác vô sở hữu xứ, 30 tâm sở hợp đã từng sinh cho vị thánh A La Hán trong kiếp này.

Nevasaññānāsaññāyatanakiriyassa là sở thuộc cách, cho biết vô ký sở duyên là tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ, 30 tâm sở hợp sinh khởi cho vị Thánh A La Hán.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp duy nhất là cảnh duyên.

Paccayo là câu thuật từ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Từ câu phụ 10 đến câu phụ 14.

Rūpāyatanaṃ saddāyatanaṃ gandhāyatanaṃ rasāyatanaṃ phoṭṭhabbāyatanaṃ là chủ từ, cho biết vô ký năng duyên, lần lượt là: sắc xứ, thinh xứ, hương xứ, vị xứ và xúc xứ, theo tương ứng với nội phần và ngoại phần.

Cakkhuviññāṇassa sotaviññāṇassa ghānaviññāṇassa jivhā-viññāṇassa kāyaviññāṇassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết vô ký sở duyên là: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức, 7 tâm sở hợp, theo tương ứng; của Phàm nhân và bốn bậc Thánh quả.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh duyên. Có 4 duyên cùng tính chất phối hợp với nhau là: Cảnh duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo là câu thuật từ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 15:

Abyākatā khandhā là chủ từ, cho biết vô ký năng duyên là 28 sắc pháp, 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp và Níp Bàn.

Iddhividhañāṇassa cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussati-ñāṇassa anāgataṃsañāṇassa āvajjanāya là sở thuộc cách, là câu liên hệ cho biết vô ký sở duyên là tâm

thông duy tác: Biến hoá thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Vị lai thông và tâm hướng ý môn; 30 tâm sở hợp.

Hoặc phân tích theo lý khác

Khi phân tích năm uẩn vô ký, có 4 tâm thông duy tác theo tương ứng.

i. **Abyākatā khandhā** – Vô ký năng duyên là tâm duy tác ngũ thiền trong lộ nhập thiền cơ bản (pādakajhānavīthi) và cảnh sắc thuộc sắc hoá hiện sai biệt.

Iddhividhañāṇassa – Vô ký sở duyên là tâm hoá hiện thông duy tác, 30 tâm sở hợp.

ii. **Abyākatā khandhā** – Vô ký năng duyên là 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp của người khác diễn tiến trong 3 thời là: Đang sinh, đã sinh trong vòng 7 ngày và sẽ sinh lên trong vòng 7 ngày.

Cetopariyañāṇassa – Vô ký sở duyên là tâm duy tác Tha tâm thông, 30 tâm sở hợp.

iii. **Abyākatā khandhā** – Vô ký năng duyên là 5 uẩn vô ký trong những kiếp sống trước. Gồm có 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp, 28 sắc pháp, Níp Bàn của người khác, của mình (trừ tâm Tứ quả).

Pubbenivāsānussatiñāṇassa – Vô ký sở duyên là tâm duy tác Túc mạng thông, 30 tâm sở hợp.

iv. **Abyākatā khandhā** – Vô ký năng duyên là 5 uẩn vô ký vị lai, tức là sẽ hiện hữu. Gồm 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp, 28 sắc pháp, Níp Bàn của người khác hay của mình.

Anāgataṃsañāṇassa – Vô ký sở duyên là tâm duy tác vị lai thông, 30 tâm sở hợp.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp duy nhất là cảnh duyên. Trong câu lọc này có 4 duyên cùng tính chất phối hợp, đó là: Cảnh duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên và Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo là câu thuật từ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

a. Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* Tâm vô ký, 38 tâm sở hợp, 28 sắp pháp, Níp Bàn.
- *Vô ký sở duyên:* 36 tâm vô ký dục giới, tâm quả và tâm duy tác thức vô biên xứ; tâm quả và tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ, tâm quả siêu thế, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần). (34 tâm vô ký dục giới = 18 tâm vô nhân, 8 tâm đại quả, 8 tâm đại tố).

b. Giải thích

Câu lọc này có các cách như sau:

i. Vị thánh A La Hán xem xét lại (paccavekkhati) tâm Thánh quả A La Hán; trong lộ xem xét lại.

- *Vô ký năng duyên:* Tâm Thánh quả A La Hán, 36 tâm sở hợp.
- *Vô ký sở duyên:* Tâm hướng ý môn, 4 đại tố có trí, 33 tâm sở hợp.

ii. Níp Bàn trợ cho tâm hướng ý môn, 4 tâm quả siêu thế, 36 tâm sở hợp.

iii. Vị thánh A La Hán xem xét lại Níp Bàn đã chứng ngộ trong lộ xem xét lại Níp Bàn.

- *Vô ký năng duyên:* Níp Bàn đang làm cảnh.
- *Vô ký sở duyên:* Tâm hướng ý môn, 4 đại tố có trí, 36 tâm sở hợp.

iv. Vị Thánh A La Hán quán sát sáu sắc vật: Nhãn vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật, ý vật; bảy sắc cảnh là: sắc, thinh, hương, vị và xúc theo vô thường, khổ, vô ngã.

- *Vô ký năng duyên:* 6 sắc vật, 7 sắc cảnh.
- *Vô ký sở duyên:* Tâm hướng ý môn, 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

v. Vị Thánh A La Hán thấy sắc bằng thiên nhãn.

- *Vô ký năng duyên*: Sắc xa, sắc gần, sắc thô, sắc tế, sắc bên ngoài, sắc bên trong đều bị thấy, tức là sắc pháp làm thành cảnh.
- *Vô ký sở duyên:* Tâm duy tác thiên nhãn thông.

Hay là vị Thánh A La Hán thấy sắc.

- *Vô ký năng duyên* là cảnh sắc.

- *Vô ký sở duyên*: 2 tâm nhãn thức, ý giới, 3 quan sát, tâm hướng ý môn, 9 đổng lực duy tác dục giới (8 đại tố, tâm sinh tiếu), 8 tâm đại quả, 33 tâm sở hợp.

vi. Vị Thánh A La Hán nghe âm thanh bằng tâm duy tác thiên nhĩ thông hay nghe âm thanh theo cách thông thường.

vii. Vị Thánh A La Hán biết tâm vô ký (luôn cả những tâm quả tục sinh) của người khác bằng Tha tâm thông duy tác.

Những uẩn vô ký trợ cho các tâm thông duy tác như: Túc mạng thông, sinh tử thông, tuỳ nghiệp thông, vị lai thông… và tâm hướng ý môn.

viii. Tâm duy tác Không vô biên xứ trợ cho tâm duy tác Thức vô biên xứ.

Tâm hạnh Vô sở hữu xứ trợ cho tâm hạnh Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

ix. Bảy sắc cảnh trợ cho các giới thức tương ứng, như cảnh sắc trợ cho 2 tâm nhãn thức…

Vô ký năng duyên: 7 sắc cảnh.

Vô ký sở duyên: 2 tâm hướng ý môn, 5 đôi thức, 2 tâm tiếp thu, 3 tâm quan sát, 8 tâm đại quả, 9 tâm tố dục giới, 33 tâm sở hợp.

c. Câu lọc này đối với

- *Thời:* Năng duyên có trong thời bình nhật. Sở duyên trong thời bình nhật, thời tục sinh và thời tử.
- *Người:* 4 Phàm, 4 Thánh quả
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, tâm lộ phản kháng (paccavekkhana vīthi), tâm lộ quán xét (vipassanavīthi), tâm lộ kiên cố…
- *Giống:* Giống cảnh

d. Duyên hợp trợ và không hợp trợ

i. Duyên hợp trợ

Trong câu lọc này có 8 duyên hỗ trợ phối hợp:

- Năng duyên làm thành cảnh trợ giúp cho sở duyên nên có cảnh duyên phối hợp.
- Năng duyên có pháp trưởng nên có cảnh trưởng duyên.
- Năng duyên là pháp nương tựa của sở duyên nên có cảnh cận y duyên phối hợp.
- Năng duyên có sắc vật làm cảnh nên có 5 duyên phối hợp là:

Cảnh tiền sinh duyên; Cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên; Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên.

Tổng hợp có 8 duyên phối hợp.

ii- Duyên không phối hợp

Không có.

Dứt câu lọc 1.

Câu 2. Câu thiện.

Câu chính.

Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇapacca-yena paccayo.

"Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng cảnh duyên".

Câu phụ 1.

Sekkhā phalaṃ paccavekkhanti.

"Các bậc Thánh quả Hữu học xem xét lại Thánh quả siêu thế của mình".

Câu phụ 2.

Sekkhā nibbānaṃ paccavekkhanti.

"Các bậc Thánh quả Hữu học xem xét lại Níp Bàn".

Câu phụ 3.

Nibbānaṃ gotrabhussa vodānassa maggassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Níp Bàn trợ cho tâm chuyển tộc, tâm Tiến bậc, tâm đạo bằng cảnh duyên".

Câu phụ 4.

Sekkhā vā puthujjanā vā cakkhuṃ aniccato dukkhato anattato vippassanti sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe aniccato dukkhato anattato vipassanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học hay Phàm nhân quán xét nhãn theo vô thường, khổ, vô ngã. Và quán xét nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, mùi, vị, xúc, ý vật và uẩn quả vô ký, uẩn duy tác vô ký theo vô thường, khổ, vô ngã".

Câu phụ 5.

Dibbena cakkhunā rūpaṃ passanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học hay Phàm nhân thấy sắc bằng Thiên nhãn thông thiện".

Câu phụ 6.

Dibbāya sotadhātuyā saddaṃ suṇanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học hay Phàm nhân nghe các tiếng bằng Thiên nhĩ thông thiện".

Câu phụ 7.

Cetopariyañāṇena vipākābyākatakiriyābyāka-tacittasamaṅgissa cittaṃ jānanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học hay Phàm tam nhân đắc thông biết tâm quả, tâm duy tác của người khác bằng Tha tâm thông thiện".

Câu phụ 8.

Abyākatā khandhā iddhividhañāṇassa cetopari-yañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇassa anāgataṃsañāṇassa ārammaṇapaccayena paccayo.

"Tất cả uẩn vô ký trợ cho Biến hoá thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông và Vị lai thông bằng cảnh duyên".

a. Phân tích câu

Câu chính.

Abyākato dhammo là chủ cách, là câu chủ từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là 6 cảnh: 28 sắc pháp, 35 tâm quả (trừ tâm Tứ quả), 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp, Níp Bàn.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, tâm thông thiện, 4 tâm đạo, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần).

Ārammaṇapaccayena là sở dụng từ, là câu thực hiện (karaṇapada), cho biết mãnh lực trợ giúp cảnh duyên. Có 8 duyên có cùng tính chất phối hợp (ghaṭāna) trong câu lọc này là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên và Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo là câu thuật từ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 1.

Sekkhā là câu chủ từ, cho biết bậc xem xét lại (paccavekkhati) là bậc Thánh Hữu học.

Phalaṃ là túc từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là 3 tâm siêu thế (trừ tâm Tứ quả), 36 tâm sở hợp.

Paccavekkhanti là câu thuật động từ, cho biết *Thiện sở duyên* là 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) của bậc Thánh quả Hữu học khi xem xét lại tâm Thánh quả đã thành tựu.

Câu phụ 2.

Sekkhā là câu chủ từ, cho biết bậc xem xét lại (paccavekkhati) là bậc Thánh Hữu học.

Nibbānaṃ là túc từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là Níp Bàn đang làm cảnh.

Paccavekkhanti là câu thuật động từ, cho biết *Thiện sở duyên* là: 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) của bậc Thánh quả Hữu học khi xem xét lại tâm Níp Bàn đã chứng ngộ.

Câu phụ 3.

Nibbānaṃ là câu chủ từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là Níp Bàn.

Gotrabhussa vodānassa maggassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *Thiện sở duyên* là 1 trong 4 tâm đại thiện có trí, làm phận sự chuyển tánh của Phàm tam nhân và phận sự tiến bậc của bậc Thánh quả Hữu học cùng với 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp.

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh duyên. Phối hợp trong câu lọc này có ba duyên là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo là câu thuật từ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ 4.

Sekkhā vā puthujjanā vā là câu chủ từ, cho biết cho biết bậc quán xét là bậc Thánh quả Hữu học hay 4 Phàm nhân.

Cakkhuṃ sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe. Các từ này đều là túc từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là: 5 sắc thần kinh: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân; 7 sắc cảnh: sắc, thinh, mùi, vị, đất, lửa, gió; sắc ý vật; 4 danh uẩn quả hiệp thế; 4 danh uẩn duy tác của mình hay của người, tuỳ theo việc quán xét.

Aniccato dukkhato anattato là bất biến quá khứ phân từ, cho bậc Thánh quả Hữu học hay 4 Phàm nhân đang quán sát.

Vipassanti là thuật động từ, cho biết *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp của bậc Thánh Hữu học và của 4 Phàm nhân.

Câu phụ 5.

Rūpaṃ là câu túc từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là sắc hiện tại, thuộc xa, kín đáo, nhỏ, vi tế.

Dibbena cakkhunā là sở dụng cách; **passanti** là thuật động từ. Hai từ này cho biết *Thiện sở duyên* là tâm thiện Thiên nhãn thông, 30 tâm sở hợp của bậc Thánh Hữu học và của Phàm tam nhân.

Câu phụ 6.

Saddaṃ là túc từ cho biết *Vô ký năng duyên* là các âm thanh hiện tại, thuộc xa, kín đáo, nhẹ nhàng, vi tế.

Dibbāya sotadhātuyā là sở dụng cách; **suṇanti** là thuật động từ. Những từ này cho biết *Thiện sở duyên* là tâm thiện Thiên nhĩ thông, 30 tâm sở hợp của bậc Thánh Hữu học và của Phàm tam nhân.

Câu phụ 7.

Vipākābyākatakiriyābyākatacittasamaṅgissa là hợp từ (Sāmīsambandhapada); **cittaṃ** là túc từ. Các này từ cho biết *Vô ký năng duyên* là 35 tâm quả (trừ tâm Tứ quả), 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp của người khác trong 3 thời.

Cetopariyañāṇena là sở dụng cách; **jānanti** là câu thuật động từ. Các từ này cho biết *Thiện sở duyên* là tâm thiện Tha tâm thông, 30 tâm sở hợp của bậc Thánh quả Hữu học hay của Phàm tam nhân.

Câu phụ 8.

Abyākatā khandhā là câu chủ từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là 28 sắc pháp, 35 tâm quả (trừ tâm Tứ quả), 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp, Níp Bàn.

Iddhividhañāṇassa cetopariyañāṇassa pubbenivāsānussati-ñāṇassa anāgataṃsañāṇassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *Thiện sở duyên* là tâm thông thiện: Biến hoá thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Vị lai thông, 30 tâm sở hợp.

Một cách phân tích khác là: Phân tích 5 uẩn vô ký làm cảnh cho 4 tâm thông: giống như câu "**Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng cảnh duyên"** chỉ khác là: Tâm thông duy tác được thay thế bằng tâm thông thiện mà thôi.

b. Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* 45 tâm vô ký (20 tâm duy tác + 35 tâm quả (trừ tâm Tứ quả)), 38 tâm sở hợp, 28 sắp pháp, Níp Bàn.

- *Thiện sở duyên:* 13 tâm thiện (8 tâm đại thiện, 4 tâm đạo, tâm thông thiện), 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

c. Giải thích

Câu lọc "Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng cảnh duyên", có các cách như sau:

i. Bậc Thánh quả Hữu học xem xét lại Thánh quả đã chứng đạt bằng tâm đại thiện có trí.

Vô ký năng duyên: 3 tâm Thánh quả Hữu học, 36 tâm sở hợp làm cảnh.

Thiện sở duyên: 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

ii. Bậc Thánh quả Hữu học xem xét lại Níp Bàn đã chứng ngộ bằng tâm Đại thiện có trí.

Vô ký năng duyên: Níp Bàn làm cảnh.

Thiện sở duyên: 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp.

iii. Níp Bàn trợ giúp cho tâm chuyển tánh, tâm Tiến bậc, tâm Thánh đạo.

Vô ký năng duyên: Níp Bàn làm cảnh.

Thiện sở duyên: 4 tâm đại thiện có trí, 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần).

iv. Bậc Thánh quả Hữu học hay Phàm nhân quán xét 6 sắc vật, 7 sắc cảnh, 4 danh uẩn vô ký theo vô thường, khổ và vô ngã.

Vô ký năng duyên là 6 sắc vật: nhãn vật, nhĩ vật, tỷ vật, thiệt vật, thân vật và sắc ý vật.

Bảy sắc cảnh: sắc cảnh sắc, sắc cảnh thinh, sắc cảnh mùi, sắc cảnh vị, sắc đất, sắc lửa, sắc gió.

55 tâm vô ký: 35 tâm quả (trừ tâm Tứ quả), 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp.

Thiện sở duyên: 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp.

v. Bậc Thánh quả Hữu học hay Phàm nhân đắc Thiên nhãn thông, thấy các sắc là tâm thiện Thiên nhãn thông.

- Bậc Thánh quả Hữu học hay Phàm nhân đắc Thiên nhĩ thông, nghe các âm thanh bằng tâm thiện Thiên nhĩ thông.
- Bậc Thánh quả Hữu học hay Phàm nhân đắc Tha tâm thông, biết tâm vô ký của người khác bằng Tha tâm thông thiện.
- Những uẩn vô ký trợ giúp Túc mạng thông thiện bằng cảnh duyên.
- Những uẩn vô ký trợ giúp thiện Vị lai thông bằng cảnh duyên.
- Những uẩn vô ký trợ giúp thiện Tiền nghiệp thông bằng cảnh duyên.

Tổng quát

Vô ký năng duyên: Tâm vô ký (trừ tâm Tứ quả), 38 tâm sở hợp; 28 sắc pháp làm cảnh tuỳ theo từng trường hợp.

Thiện sở duyên: Tâm thông thiện, 30 tâm sở hợp.

d. Câu lọc này đối với

- *Thời:* Thời bình nhật
- *Người:* 4 phàm, 7 bậc Thánh Hữu học (trừ bậc A La Hán quả)
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
- *Tâm lộ:*

Câu chính. Năng duyên và sở duyên diễn tiến trong lộ ngũ môn hay lộ ý môn có đồng lực thiện. Hoặc trong tâm lộ ý kiên cố (appanāvīthi) có đồng lực kiên cố tuỳ theo trường hợp.

Câu phụ 1 và 2. Năng duyên diễn tiến trong tâm lộ chứng ba Thánh đạo thấp, lộ nhập thiền 3 Thánh quả thấp; và lúc xuất khỏi lộ nhập thiền diệt.

Sở duyên diễn tiếng trong lộ phản khán.

Câu phụ 3. Năng duyên và sở duyên diễn tiến trong cả 4 tâm lộ đắc Thánh đạo.

Câu phụ 4. Năng duyên và sở duyên diễn tiến trong lộ ngũ môn khi sắc pháp làm cảnh, trong lộ ý môn khi sắc pháp hay danh pháp là tâm quả hiệp thế và tâm duy tác của mình hay của người làm cảnh để quán xét.

Sở duyên diễn tiến trong lộ minh quán, tức là lộ ý có đồng lực thiện.

Câu phụ 5 và câu phụ 6. Năng duyên và sở duyên diễn tiến trong lộ ý Thiên nhãn thông thiện, lộ ý Thiên nhĩ thông thiện.

Câu phụ 7. Năng duyên và sở duyên diễn tiến trong lộ ngũ, lộ ý, lộ thiền quả, lộ đắc đạo, lộ thiện hiện thông.

Sở duyên diễn tiến trong lộ thiện Tha tâm thông.

Câu phụ 8. Năng duyên diễn tiến trong lộ ngũ môn, lộ ý môn, lộ nhập thiền cơ bản, lộ nhập thiền, lộ nhập thiền quả; lộ sắc.

Sở duyên diễn tiến trong lộ tâm thông thiện, lộ có đổng lực thiện dục giới nối tiếp theo sau lộ thông thiện.

- *Giống:* Giống cảnh

∗Sở dĩ có 4 người đạo là vì Sở duyên có 4 tâm Thánh đạo.

e. Duyên hợp trợ và không hợp trợ

i. Duyên hợp trợ

Có 8 duyên hợp trợ trong câu lọc này:

- Năng duyên là cảnh trợ giúp cho sở duyên nên có cảnh duyên phối hợp.
- Năng duyên có pháp trưởng nên có cảnh trưởng duyên phối hợp.
- Năng duyên là pháp nương tựa của sở duyên nên có cảnh cận y duyên phối hợp.
- Năng duyên có sắc vật làm cảnh nên có 5 duyên phối hợp là:

Cảnh tiền sinh duyên, Cảnh tiền sinh y duyên, Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Như vậy, có 8 duyên phối hợp.

ii- Duyên không phối hợp

Không có.

Dứt câu lọc 2.

Câu 3. Câu bất thiện

Câu chính.

Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇa-paccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng cảnh duyên".

Câu phụ.

Cakkhuṃ assādeti abhinandati taṃ ārabbha rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe assādeti abhinandati taṃ ārabbha rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati vicikicchā uppajjati uddhaccaṃ uppajjati domanassaṃ uppajjati.

"Phàm nhân hay bậc Thánh quả Hữu học hài lòng, thoả mãn đối với Nhãn, nương vào nhãn làm cảnh, nên tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền sinh lên.

Hoặc hài lòng, thoả mãn với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, mùi, vị, xúc, sắc ý vật, uẩn vô ký quả, uẩn vô ký duy tác nương vào nhĩ… làm cảnh, nên tham ái, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền sinh lên".

a. Phân tích câu

Câu chính.

Abyākato dhammo là chủ cách, là câu chủ từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là **6 cảnh**: 28 sắc pháp, 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm duy tác, 35 tâm sở hợp (trừ giới phần).

Akusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *bất thiện sở duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

Nói về:

- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật. Nghĩa là: "Pháp vô ký trợ cho pháp bất thiện" diễn tiến duy nhất trong thời bình nhật.
- *Cõi:* Cõi hữu tâm

- *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đồng lực dục giới, tâm lộ thắng trí, tâm lộ nhập thiền tuỳ theo trường hợp

Ārammaṇapaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp với cảnh duyên. Có 8 duyên có cùng tính chất phối hợp với câu này là: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Vật cảnh tiền sinh y duyên, Cảnh cận y duyên, Cảnh tiền sinh duyên, Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên, Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên và Cảnh tiền sinh bất ly duyên.

Paccayo là câu thuật từ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Câu phụ.

Cakkhuṃ sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe là câu túc từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là: 5 sắc thần kinh: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân; 7 sắc cảnh: sắc, thinh, mùi, vị, đất, lửa, gió; sắc ý vật; 4 danh uẩn quả hiệp thế; 4 danh uẩn duy tác của người hay của chính mình tuỳ theo trường hợp.

Assādeti abhinandati là thuật động từ, cho biết *Bất thiện sở duyên* là tâm tham.

Taṃ là câu túc từ, cho biết *Vô ký năng duyên* là: 5 sắc thần kinh: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân; 7 sắc cảnh: sắc, thinh, mùi, vị, đất lửa, gió; sắc ý vật; 4 danh uẩn quả hiệp thế; 4 danh uẩn duy tác.

Ārabbha là bất biến quá khứ phân từ, cho biết bất thiện như tham ái, tà kiến… sinh lên. Nhóm bất thiện pháp này nương vào thần kinh nhãn… làm cảnh.

Rāgo diṭṭhi vicikicchā uddhaccaṃ domanassaṃ - Các từ này là chủ từ. **Uppajjati** là thuật động từ. Những từ này cho biết *Bất thiện sở duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp, có tham, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền dẫn đầu.

Năng duyên và sở duyên trong câu này, khi nói về:

- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật
- *Cõi:* Cõi tứ uẩn, cõi ngũ uẩn theo tương ứng
- *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học theo tương ứng
- *Tâm lộ:* Lộ ngũ môn, lộ ý môn đồng lực dục giới, lộ hiện thông, lộ nhập thiền theo tương ứng

b. Chi pháp

Vô ký năng duyên: 32 tâm quả hiệp thế, 20 tâm duy tác, 35 tâm sở hợp, 28 sắp pháp làm thành cảnh.

Bất thiện sở duyên: 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

c. Giải thích

Câu lọc này có các cách như sau:

i. Người nhớ lại sắc, thinh, hương, vị, xúc; hay nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc ý vật, thân biểu tri, ngữ biểu tri… phát sinh tham, sân, si, tà kiến, hoài nghi, phóng dật.

Vô ký năng duyên: Sắc pháp đang làm cảnh.

Bất thiện sở duyên: 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

ii. Người nhớ lại sự thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng; có thể phát sinh tham, sân, si, tà kiến, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền…

Vô ký năng duyên: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, 7 tâm sở hợp đang làm thành cảnh.

Bất thiện sở duyên: Pháp bất thiện.

iii. Người nghĩ đến quả lành của thiện nghiệp có thể làm sinh khởi tham ái, ngã mạn, hoài nghi, phóng dật, ưu phiền.

Vô ký năng duyên: Các tâm quả thiện dục giới, 33 tâm sở hợp đang làm cảnh.

Bất thiện sở duyên: Tâm bất thiện, tâm sở hợp.

Hoặc là:

Khi nghĩ đến những quả bất lạc của bất thiện nghiệp, có thể phát sinh bất thiện pháp.

iv. Phàm nhân khi nghĩ đến những tâm duy tác của vị Thánh A La Hán, có thể phát sinh tham ái, hoài nghi, phóng dật, tà kiến…

Vô ký năng duyên: Tâm duy tác hữu nhân, tâm sở hợp.
Bất thiện sở duyên: Tâm bất thiện, tâm sở hợp.

d. Câu này đối với

- *Thời:* Thời bình nhật
- *Người:* 4 Phàm, 3 bậc Thánh quả Hữu học
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đồng lực bất thiện
- *Giống:* Giống cảnh

e. Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

Tương tự như câu: "Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng cảnh duyên".
Tức là có 8 duyên hợp trợ.

Dứt câu số 3.

Tổng kết

Tam đề thiện đối với cảnh duyên có được 9 câu:

A- Pháp thiện đối với cảnh duyên. Có 3 câu:

1- Kusalo kusalassa ārammaṇapaccayena paccayo.
"Thiện trợ giúp thiện bằng cảnh duyên".

2- Kusalo akusalassa ārammaṇapaccayena paccayo.
"Thiện trợ bất thiện bằng cảnh duyên".

3- Kusalo abyākatassa ārammaṇapaccayena paccayo.
"Thiện trợ cho vô ký bằng cảnh duyên".

B- Pháp bất thiện đối với cảnh duyên. Có 3 câu:

1- Akusalo akusalassa ārammaṇapaccayena paccayo.
"Bất thiện trợ bất thiện bằng cảnh duyên".

2- Akusalo kusalassa ārammaṇapaccayena paccayo.
"Bất thiện trợ thiện bằng cảnh duyên".

3- Akusalo abyākatassa ārammaṇapaccayena paccayo.
"Bất thiện trợ cho vô ký bằng cảnh duyên".

C- Pháp vô ký đối với cảnh duyên. Có 3 câu:

1- Abyākato abyākatassa ārammaṇapaccayena paccayo.
"Vô ký trợ cho vô ký bằng cảnh duyên".

2- Abyākato kusalassa ārammaṇapaccayena paccayo.
"Vô ký trợ cho thiện bằng cảnh duyên".

3- Abyākato akusalassa ārammaṇapaccayena paccayo.
"Vô ký trợ cho bất thiện bằng cảnh duyên".

Giải thích đặc biệt

Theo Ṭīka Kinh Tự hoan hỷ (Sampasādanīyasuttaṃ) (số 28) (D.iii, 9a)

- *Atītānāgate sattāhe eva pavattaṃ cittaṃ cetopariyañāṇassa visayo.*

"Tha tâm trí là trí biết quá khứ và vị lai trong vòng 7 ngày".

- Nayidaṃ cetopariyañāṇakiccavasena vuttaṃ, atha kho pubbe-nivāsānāgataṃsañāṇavasena vuttaṃ.

"Còn lại là lãnh vực của Túc mạng trí và Vị lai trí, không thuộc lĩnh vực Tha tâm trí".

Nghĩa là:

Biết tâm người khác trong vòng 7 ngày trước đó và sau đó 7 ngày, đó là lĩnh vực Tha tâm trí.

Biết tâm người khác từ 7 ngày trước đó, trở về trước, đó là lãnh vực của Túc mạng trí.

Biết tâm người khác, sau thời hiện tại 7 ngày, từ 7 ngày trở về sau là lãnh vực của Vị lai trí.

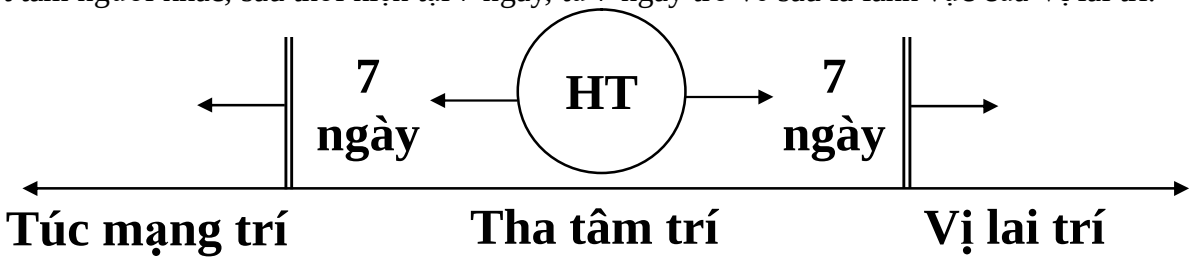

Về Thiên nhãn trí (dibbacakkhunañāṇa) và Tuỳ nghiệp trí (yathākammūpagañāṇa)

Chức năng:

- *Thiên nhãn trí* thấy được tất cả chúng sinh đang hiện hữu.
- *Tuỳ nghiệp trí* biết được hạnh nghiệp đã tạo và kết quả của nghiệp đó đang diễn tiến.

Thời điểm:

- *Thiên nhãn trí* thuộc thời hiện tại.
- *Tuỳ nghiệp trí* thuộc thời quá khứ.

Cảnh:

- *Thiên nhãn trí* biết cảnh sắc.
- *Tuỳ nghiệp trí* biết cảnh pháp.

Lại nữa, vị chứng đạt thông (abhiññālābhīpuggalā), khi thi triển Thiên nhãn trí, tiếp theo muốn thi triển Tuỳ nghiệp trí, không cần trở lại sát na chuẩn bị (parikamma), chỉ cần dùng sát na chuẩn bị của Thiên nhãn trí là được.

1- Diṭṭhasaccoyeva hi pubbenivāsānussatiñāṇena nibbānaṃ vibhāveti na adiṭṭhasacco taṃ pana ñāṇaṃ khandhe viya khandhapaṭibaddhepi vibhāvetīti nibbānārammaṇa-khandhavibhāvane nibbānampi vibhāvetīti sakkā viññā-tuṃ.

"Bậc thánh có thể biết Níp-bàn bằng Túc mạng trí.

Phàm nhân không biết Níp-bàn bằng Túc mạng trí.

Túc mạng trí biết được Níp-bàn và chế định, luôn cả năm uẩn" (trích trong Paṭṭhāna Anuṭīkā).

2- Atītaṃsañāṇaṃ nāma paresaṃ paccuppannabhave yāva paṭisandhipariyosānaṃ pavattacittārammaṇaṃ ñāṇaṃ.

"Trí quá khứ có thể biết tâm người khác đang sống trong hiện tại, trở lui lại cho sát na tâm tục sinh của người ấy" (trích trong Abhidhammatthavibhāvinīṭīkā).

3- Atītaṃsañāṇassa pubbenivāsānussatiñāṇe manomaya-ñāṇassa iddhividhañāṇe antogadhattā vuttaṃ.

"Thông quá khứ được quy vào Túc mạng thông. Hoá tâm thông được quy vào Biến hoá thông" (trích trong Abhidhammāvatāra-ṭīkā).

PHẦN II.
Bài 3:

TRƯỞNG DUYÊN
(Adhipatipaccaya)

Trưởng duyên (adhipatipaccaya) khi phân tích thì được hai duyên là:

I- Cảnh trưởng duyên (ārammaṇādhipatipaccaya)

II- Đồng sinh trưởng duyên (sahajatādhipatipaccaya)

Trong cảnh trưởng duyên có thể phân tích một duyên phụ khác, đó là Vật cảnh tiền sinh trưởng duyên (vatthārammaṇaurejātādhipatipaccaya).

Những duyên chia không có trong chánh tạng.

Về **Trưởng duyên** *(adhipatipaccaya)*, có Pāli giải thích ngắn gọn như sau:

- **Adhināṇaṃ pati adhipati**: *"Pháp thực tính lớn mạnh hơn pháp tương ưng, gọi là **trưởng**".*

- **Adhipati ca so paccayo cāti adhipatipaccayo**: "*Chính pháp thực tính lớn trội làm duyên, gọi là **trưởng duyên***".

- **Jeṭṭhakaṭṭhena upakārako dhammo adhipatipaccayo**: "*Pháp trợ giúp ủng hộ lẫn nhau bằng cách làm **trưởng**, gọi là **trưởng duyên** ".*

I – TAM ĐỀ THIỆN VỚI CẢNH TRƯỞNG DUYÊN
CẢNH TRƯỞNG DUYÊN

Cảnh trưởng duyên có chi pháp trùng với Cảnh cận y duyên.

Pāli có giải thích như sau:

- Ārammaṇañca taṃ adhipati cāti ārammaṇādhipati:

"*Chính cảnh đó **lớn trội** nên gọi là **cảnh trưởng***".

1- Thích giải tóm gọn

Sáu cảnh là: cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh mùi, cảnh vị, cảnh xúc và cảnh pháp, làm duyên cho tâm và tâm sở sinh lên. Tất cả cảnh này có hai loại:

1- Cảnh thông thường

2- Cảnh **lớn trội**

Cảnh trưởng duyên là chỉ cho **cảnh lớn trội**, là cảnh đặc biệt, có hấp lực mạnh, làm cho danh pháp (là tâm và tâm sở) hướng đến cảnh và bám víu khắn khít vào cảnh mãnh liệt.

Cảnh trưởng là chỉ cho loại cảnh **lớn trội đặc biệt**. **Cảnh lớn trội** này có hai loại:

a- *Cảnh tốt theo thực tính* (sabhāva iṭṭhārammaṇa)

b- **Cảnh tốt hợp ý** (parikappa iṭṭhārammaṇa)

Cảnh tốt theo thực tính (sabhāva iṭṭhārammaṇa)

Chữ iṭṭhārammaṇa = iṭṭha + ārammaṇa

Iṭṭha là "vui thích, dễ chịu".

Cảnh tốt theo thực tính: Là chỉ cho loại cảnh tốt phần đông đều hài lòng, thích ý như sắc đẹp, âm thanh du dương, mùi thơm, vị ngon ngọt… chẳng hạn.

Cảnh tốt hợp ý *(parikappa iṭṭhārammaṇa)*

Chữ *parikappa* là "sự cố ý, sự chủ ý".

Đây là loại cảnh chỉ thích hợp với một số người và không thích hợp với một số người.

Cảnh hợp ý có thể là *cảnh tốt thực tính*, có thể không là cảnh tốt thực tính.

Như 32 đại nhân tướng của Đức Thế Tôn là cảnh tốt theo thực tính, nhưng không là cảnh tốt hợp ý của ngoại giáo đồ. Khi cảnh tốt theo thực tính không là cảnh tốt hợp ý. Cảnh tốt thực tính ấy không là cảnh trưởng cho người ấy.

Cảnh tốt hợp ý có thể là cảnh xấu theo thực tính, nhưng hợp ý với một số chúng sinh, như xác chết hôi thối là cảnh xấu nhưng là cảnh hợp ý đối với chó nhà, chó rừng, kên kên, diều hâu… hay là cảnh tốt hợp ý đối với hành giả đang thực hành án xứ tử thi.

Cảnh xấu theo thực tính nhưng là cảnh tốt hợp ý, đó là cảnh trưởng duyên đối với một số người.

Chi pháp tổng quát

- ***Năng duyên:*** Là Níp Bàn, 84 tâm (trừ 2 tâm sân, 2 tâm si, tâm thân thức thọ khổ), 47 tâm sở hợp (trừ sân phần, tâm sở hoài nghi), 18 hiển sắc là sắc thành tựu (nipphannarūpa) làm thành cảnh tốt trong 3 thời.
- ***Sở duyên:*** 28 tâm = 8 tâm tham, 8 tâm đại thiện, 4 tâm đại tố có trí, 8 tâm siêu thế, 45 tâm sở hợp (trừ 4 sân phần, tâm sở hoài nghi, vô lượng phần).
- ***Phi sở duyên:*** Là Níp Bàn, chế định, tất cả sắc pháp, 81 tâm hiệp thế và tâm sở hợp khi không nhận cảnh là cảnh trưởng.

2- Giải thích

Hai tâm sân là trạng thái không hài lòng đối với đối tượng, do đó hai tâm sân chỉ là năng duyên cho cảnh duyên, không là năng duyên cho cảnh trưởng.

Tâm si là tâm có một nhân, lại có trạng thái mê muội nên không thể làm cảnh trưởng.

Còn *tâm thân thức thọ khổ* có liên hệ đến ưu thọ và khổ thọ, đó là pháp thực tính hứng chịu nhiều khổ thọ, nó không hấp dẫn tâm, nên không thành cảnh trưởng.

Về 10 sắc phi thành tựu (anipphannarūpa), đó là sắc hư không hay sắc giao giới (paricchedarūpa), 5 sắc kỳ dị (vikārarūpa), 4 sắc trạng thái (lakkhaṇarūpa). Mười sắc này không hiển lộ rõ ràng nên không thành cảnh trưởng.

Khi không đề cập đến tâm sân và tâm si thì tâm sở sân phần và tâm sở hoài nghi cũng loại trừ; nên tổng quát chỉ có 45 tâm sở hợp.

Tam đề thiện đối với cảnh trưởng duyên có **bảy câu lọc.**

A. Pháp thiện

Pháp thiện đối với cảnh trưởng duyên có 3 câu lọc.

Câu 1: Câu thiện

Câu chính.

Kusalo dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇādhipatiaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ giúp pháp thiện bằng cảnh trưởng duyên".

Câu phụ 1. Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā taṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

"Người bố thí, giữ 5 giới, 8 giới, rồi suy xét về các thiện sự ấy, bằng sự lưu tâm đến mạnh mẽ".

Câu phụ 2. Pubbe suciṇṇāni garuṃ katvā paccavekkhati.

"Người suy xét về bố thí, giữ 5 giới, 8 giới đã tạo khi trước, bằng tâm hân hoan mạnh mẽ".

Câu phụ 3. Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

"Phàm nhân hay Thánh quả Hữu học, khi xuất thiền, xem xét chi thiền bằng tâm phấn chấn mạnh mẽ".

Câu phụ 4. Sekkhā gotrabhuṃ garuṃ katvā paccavekkhanti.

*"Bậc Thánh quả Hữu học xem xét **tâm chuyển tộc** bằng tâm phấn chấn mạnh mẽ".*

Câu phụ 5. Sekkhā vodānaṃ garuṃ katvā paccavekkhanti.

*"Bậc Thánh quả Hữu học xem xét **tâm Tiến bậc** bằng tâm phấn chấn mạnh mẽ".*

Câu phụ 6. Sekkhā maggā vuṭṭhahitvā maggaṃ garuṃ katvā paccavekkhanti.

"Bậc Thánh quả Hữu học, khi xuất khỏi lộ đắc đạo thấp, xem xét lại Thánh đạo bằng tâm phấn chấn mạnh mẽ".

a- Phân tích câu

Câu chính. Kusalo dhammo là chủ cách, câu chủ từ, cho biết *thiện năng duyên* là 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo), 38 tâm sở hợp là cảnh trưởng.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) có sức mạnh.

Ārammaṇādhipatipaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh trưởng duyên. Có ba duyên trợ giúp trong câu lọc này là: Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên và cảnh duyên.

Paccayo là câu thuật từ, cho biết tính vô ngã của pháp.

Hoặc là:

a_1- *Thiện năng duyên:* 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp thích ý (hợp ý) làm cảnh trưởng.

Thiện sở duyên: 4 đại thiện ly trí, 32 tâm sở hợp (trừ tâm sở trí, giới phần, vô lượng phần) có sức mạnh.

a_2- *Thiện năng duyên:* 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo), 38 tâm sở hợp thích ý làm cảnh trưởng.

Thiện sở duyên: 4 đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp có sức mạnh.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên*: 20 tâm thiện (trừ tâm Tứ đạo), 38 tâm sở hợp làm cảnh trưởng.
- *Thiện sở duyên:* 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) có sức mạnh.

c- Giải thích: Có các cách như sau:

i- Người bố thí, giữ giới, khi nhớ lại tâm hoan hỷ tốt đẹp.

- *Thiện năng duyên:* 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp làm cảnh trưởng.
- *Thiện sở duyên:* 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp có sức mạnh.

ii- Người nhớ lại việc thiện như bố thí, giữ 5 giới, 8 giới, tu thiền đã làm trước đây phát sinh tâm thiện tốt đẹp.

- *Thiện năng duyên:* 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp làm cảnh trưởng.
- *Thiện sở duyên:* 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) có sức mạnh.

iii- Khi xuất khỏi thiền, xem xét lại tâm thiền mình đã đắc, sinh khởi tâm thiện hân hoan.

- *Thiện năng duyên:* 9 tâm thiện Đáo đại, 35 tâm sở hợp (trừ giới phần) làm cảnh trưởng.
- *Thiện sở duyên:* 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp có sức mạnh.

iv- Bậc Thánh quả Hữu học, xem xét lại tâm chuyển tộc *(gotrabhūcitta)* hay tâm Tiến bậc (vodānacitta).

- *Thiện năng duyên:* 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) làm cảnh trưởng.
- *Thiện sở duyên:* 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp có sức mạnh.

v- Vị Thánh quả Hữu học, xem xét lại Thánh đạo vừa chứng đắc trong lộ tâm phản khán đạo.

- *Thiện năng duyên:* 3 tâm Thánh đạo (trừ tâm Tứ đạo), 36 tâm sở hợp làm cảnh trưởng.
- *Thiện sở duyên:* 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp có sức mạnh.

d- Câu này đối với

i- Thời: Diễn tiến trong thời bình nhật

ii- Người: 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học, 3 Thánh đạo (trừ Tứ đạo)

iii- Cõi: Cõi hữu tâm

iv- Tâm lộ: Lộ ý có đổng lực thiện, lộ nhập thiền, lộ đắc 3 đạo thấp

v- Giống: Giống cảnh

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

Duyên không hợp trợ

Câu lọc này thuộc giống cảnh. Cảnh trưởng duyên có 7 duyên hợp trợ, nhưng trong câu lọc này chỉ có 3 duyên hợp trợ, đó là:

- Năng duyên làm thành cảnh cho sở duyên sinh khởi nên có cảnh duyên.
- Năng duyên là cảnh lớn mạnh của sở duyên, nên có cảnh trưởng duyên, cảnh cận y duyên.

Tổng cộng có 3 duyên hợp trợ.

Duyên không hợp trợ

Có 5 duyên không hợp trợ là:

Năng duyên là danh pháp nên không có 5 duyên phối hợp, đó là: *Vật cảnh tiền sinh y duyên; Cảnh tiền sinh duyên; Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên; Vật cảnh tiền sinh hiện hữu duyên; Vật cảnh tiền sinh bất ly duyên.*

Như vậy có 5 duyên không phối hợp.

Về những câu phụ

Câu phụ 1. Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā là *câu túc từ*, là *bất biến quá khứ phân từ*, cho biết thiện năng duyên là những thiện sự như bố thí, giữ 5 giới, giữ 8 giới đã làm.

Thiện năng duyên là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp có liên quan đến bố thí, giữ 5 giới, 8 giới.

Taṃ là câu túc từ *(kammapada)*, thay thế cho **dānaṃ sīlaṃ uposathakammaṃ**, cho biết *Thiện năng duyên* (giống như trên) là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp liên quan đến bố thí, giữ 5 giới, 8 giới.

Garuṃ katvā là *bất biến quá khứ phân từ*. **Paccavekkhati** là thuật động từ. Cả hai từ này cho biết *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp khi xem xét lại thiện sự đã làm.

i- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật

ii- *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học

iii- *Cõi:* Cõi dục giới

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ phản khán có đồng lực thiện

Câu phụ 2. Pubbe là trạng từ chỉ thời gian. **Suciṇṇāti** là túc từ. Cả hai từ này cho biết *Thiện năng duyên* là 8 tâm đại thiện đã hoàn thành thiện sự bố thí, giữ 5 giới, 8 giới khi trước.

Garuṃ katvā là *bất biến quá khứ phân từ*. **Paccavekkhati** là thuật động từ. Cả hai từ này cho biết *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp khi xem xét lại thiện sự đã làm với sự thích ý.

i- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật

ii- *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học theo tương ứng

iii- *Cõi:* Cõi dục giới

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ phản khán có đồng lực thiện dục giới

Câu phụ 3. Jhānā là câu xuất xứ *(apādānapada)*, **vuṭṭhahitvā** là *bất biến quá khứ phân từ*, **jhānaṃ** là câu túc từ. Cả ba từ này cho biết *Thiện năng duyên* là 9 tâm thiện đáo đại, 35 tâm sở hợp làm thành cảnh trưởng.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Paccavekkhati** là thuật động từ. Cả hai từ này cho biết *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp khi xem xét các chi thiền với sự phấn chấn.

i- *Thời:* Thời bình nhật

ii- *Người:* Phàm tam nhân, 3 Thánh quả Hữu học

iii- *Cõi:* Cõi vui ngũ uẩn, cõi tứ uẩn

iv- *Tâm lộ: Thiện năng duyên* diễn tiến trong lộ đắc thiền, lộ nhập thiền.

Thiện sở duyên diễn tiến trong lộ "xem xét lại" các chi thiền.

Câu phụ 4 – 5. Sekkhā là câu chủ từ, cho biết "xem xét lại *(paccavekkhati)*" là bậc Thánh quả Hữu học.

Gotrabhuṃ vodānaṃ là câu túc từ, cho biết *Thiện năng duyên* là 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp đang làm cảnh trưởng, sinh lên trong lộ đắc 3 đạo thấp.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Paccavekkhanti** là thuật động từ. Cả hai từ này cho biết *Thiện sở duyên* là 8 tâm đại thiện, 33 tâm sở hợp sinh lên khi xem xét lại tâm chuyển tộc, tâm Tiến bậc.

i- *Thời:* Thời bình nhật
ii- *Người:* Bậc Thánh quả Hữu học
iii- *Cõi:* Cõi vui ngũ uẩn, cõi tứ uẩn
iv- *Tâm lộ:* Thiện năng duyên diễn tiến trong lộ đắc ba Thánh đạo thấp.

Thiện sở duyên diễn tiến trong lộ "xem xét lại".

Câu phụ 6. Sekkhā là câu chủ từ, cho biết bậc Thánh quả Hữu học xem xét lại Thánh đạo.

Maggā là câu xuất xứ *(apādānapada).* **Vuṭṭhahitvā** là bất biến quá khứ phân từ. **Maggaṃ** là câu túc từ. Cả ba từ này cho biết *Thiện năng duyên* là 3 tâm Thánh đạo thấp.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Paccavekkhanti** là thuật động từ. Cả hai từ này cho biết *Thiện sở duyên* là 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp sinh khởi để xem xét lại Thánh đạo đã chứng đạt.

i- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật
ii- *Người:* Ba Thánh quả Hữu học
iii- *Cõi:* Cõi vui hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Năng duyên diễn tiến trong lộ đắc ba Thánh đạo thấp.

Thiện sở duyên diễn tiến trong lộ tâm xem xét lại Thánh đạo chứng đắc.

Dứt câu thiện với cảnh trưởng duyên.

Câu 2. Câu bất thiện.

Câu chính.

Kusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇādhipatiaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ cho pháp bất thiện bằng cảnh trưởng duyên".

Câu phụ 1. Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā taṃ garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

"Người bố thí, giữ 5 giới, 8 giới, thoả thích hài lòng về thiện sự ấy bằng tâm hân hoan mạnh mẽ. Nương vào tâm hân hoan đến các thiện sự đang làm cảnh lớn mạnh ấy; tham ái, tà kiến phát sinh lên".

Câu phụ 2. Pubbe suciṇṇāni garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

"Người thoả mãn hài lòng về bố thí, giữ 5 giới, 8 giới đã làm khi trước. Nương vào tâm hân hoan thích ý về các thiện sự đã làm, tham ái, tà kiến sinh khởi".

Câu phụ 3. Jhānā vuṭṭhahitvā jhānaṃ garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

"Phàm nhân hay Thánh quả Hữu học, khi xuất khỏi thiền, thoả thích hài lòng đối với thiền ấy bằng tâm phấn chấn mạnh mẽ. Khi tâm phấn chấn mạnh với thiền chứng làm cảnh tham ái, tà kiến sinh khởi".

a- Phân tích câu

Câu chính. Kusalo dhammo là chủ cách, là câu chủ từ, cho biết thiện năng duyên là 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp thích ý hài lòng.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết bất thiện sở duyên là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp.

Ārammaṇādhipatipaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh trưởng duyên. Có 3 duyên có cùng đặc tính phối hợp trong câu này là: Cảnh trưởng duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo là câu thuật từ, cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên*: 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp làm cảnh lớn mạnh.
- *Bất thiện sở duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp.

c- Giải thích

Câu lọc này có các cách như sau:

i- Người bố thí, giữ giới, cung kính… khi nhớ lại phát sinh tham ái, ngã mạn, tà kiến.

- *Thiện năng duyên:* 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp làm thành cảnh trưởng.
- *Bất thiện sở duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp.

ii- Khi xuất khỏi thiền, xem xét lại thiền chứng, phát sinh tham ái, ngã mạn, tà kiến.

- *Thiện năng duyên:* 9 tâm thiền thiện Đáo đại, 35 tâm sở hợp làm cảnh trưởng.
- *Bất thiện sở duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp.

d- Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật

ii- *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học

iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ý môn có đồng lực tham

v- *Giống:* Giống cảnh

e- Duyên hợp trợ và không hợp trợ

i- **Duyên hợp trợ**

Hợp trợ trong câu lọc này có 3 duyên.

Năng duyên là danh pháp làm cảnh trưởng nên có: Cảnh trưởng duyên, Cảnh duyên và Cảnh cận y duyên.

ii- **Duyên không hợp trợ**

Năng duyên là danh pháp làm cảnh trưởng, nên không có 5 duyên hợp trợ, đó là: *Vật cảnh tiền sinh y duyên; Cảnh tiền sinh duyên; Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên; Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên; Cảnh tiền sinh bất ly duyên.*

Về những câu phụ

Câu phụ 1. Dānaṃ datvā sīlaṃ samādiyitvā uposathakammaṃ katvā là câu túc từ, là bất biến quá khứ phân từ, cho biết *thiện năng duyên* là pháp đã làm.

Thiện năng duyên là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp có liên quan đến bố thí, giữ 5 giới, 8 giới đã làm.

Garuṃ katvā assādeti abhinandati là bất biến quá khứ phân từ, là thuật động từ, các từ này cho biết *bất thiện sở duyên* là 4 tâm tham thọ hỷ có sức mạnh.

Taṃ là túc từ thay thế cho **dānaṃ sīlaṃ uposathakammaṃ**, chỉ cho *thiện năng duyên* là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp liên quan đến bố thí, giữ giới…

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ; **rāgo diṭṭhi** là câu chủ từ; **uppajjati** là câu thuật động từ. Các từ này cho biết *bất thiện sở duyên* là 8 tâm tham, có tham ái, tà kiến dẫn đầu.

i- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật

ii- *Người:* 4 Phàm, 2 Thánh quả Hữu học thấp

iii- *Cõi:* Cõi dục giới

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ý môn, đồng lực bất thiện tham

Câu phụ 2. Pubbe là câu trạng từ chỉ thời gian *(kālādhārapada)*. **Suciṇṇāti** là câu túc từ. Cả hai từ này cho biết *thiện năng duyên* là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp đã hoàn thành các thiện sự bố thí, giữ giới… khi trước.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Assādeti abhinandati** là thuật động từ. Các từ này cho biết *bất thiện sở duyên* là 4 tâm tham, 22 tâm sở hợp có sức mạnh.

Taṃ là túc từ thay thế cho **dānaṃ sīlaṃ uposathakammaṃ**, chỉ cho *thiện năng duyên* là 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp liên quan đến bố thí, giữ giới… từ trước.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ; **rāgo diṭṭhi** là chủ từ; **uppajjati** là thuật động từ. Các từ này cho biết *bất thiện sở duyên* là 8 tâm tham, có tham ái, tà kiến dẫn đầu.

i- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật

ii- *Người:* 4 Phàm, 2 Thánh quả Hữu học thấp

iii- *Cõi:* Cõi dục giới

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ý môn đồng lực bất thiện tham

Câu phụ 3. Jhānā là câu xuất xứ *(apādānapada)*. **Vuṭṭhahitvā** là bất biến quá khứ phân từ. **Jhānaṃ** là túc từ. Cả ba từ này cho biết *thiện năng duyên* là 9 tâm thiện đáo đại, 35 tâm sở hợp làm cảnh trưởng.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Assādeti abhinandati** là thuật động từ. Các từ này cho biết *bất thiện sở duyên* là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp, có tham ái, tà kiến mạnh mẽ.

i- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật

ii- *Người:* Phàm tam nhân, 3 Thánh quả Hữu học

iii- *Cõi:* 26 cõi vui hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Thiện năng duyên diễn tiến trong lộ thiền.

Bất thiện sở duyên diễn tiến trong tâm lộ ý môn có đồng lực bất thiện tham.

Dứt câu lọc thứ 2.

Câu 3. Câu vô ký.

Câu chính.

Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇādhiatipaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng cảnh trưởng duyên".

Câu phụ. Arahā maggā vuṭṭhahitvā maggaṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

"Bậc A La Hán xuất khỏi lộ đắc Tứ đạo, xem xét lại tâm Tứ đạo bằng tâm phấn chấn mạnh mẽ".

a- Phân tích câu

Câu chính. Kusalo dhammo là chủ cách, là câu chủ từ, cho biết *bất thiện năng duyên* là tâm Tứ đạo, 36 tâm sở hợp, có thực tính tốt là cảnh trưởng.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *vô ký sở duyên* là 4 tâm duy tác có trí dục giới, 33 tâm sở hợp xem xét lại.

Ārammaṇādhipatipaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh trưởng duyên. Có ba duyên có cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này: Cảnh trưởng duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo là câu thuật từ, cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên*: Tâm Tứ đạo, 36 tâm sở hợp làm thành cảnh trưởng thực tính.
- *Vô ký sở duyên*: 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) khi xem xét lại tâm Thánh đạo A La Hán.

c- Giải thích

Vị Thánh A La Hán xem xét lại tâm Thánh đạo A La Hán vừa chứng đạt được.

d- Câu này đối với

i- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật

ii- *Người:* Bậc Thánh A La Hán quả
iii- *Cõi:* 26 cõi vui hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ xem xét lại Thánh đạo A La Hán
v- *Giống:* Giống cảnh

e- Duyên phối hợp và Duyên không phối hợp

i- Duyên phối hợp

Có 3 duyên phối hợp trong câu lọc này là:

Thiện năng duyên là danh pháp làm cảnh trưởng, nên có: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên và Cảnh cận y duyên.

ii- Duyên không phối hợp

Có 5 duyên không phối hợp là:

Thiện năng duyên là **danh pháp** làm cảnh trưởng, nên không có: *Vật cảnh tiền sinh y duyên; Cảnh tiền sinh duyên; Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên; Vật cảnh tiền sinh hiện hữu duyên; Vật cảnh tiền sinh bất ly duyên.*

Câu phụ. Arahā là câu chủ từ, cho biết vị đang xem xét lại (paccavekkhati) là bậc Thánh quả A La Hán.

Maggā là câu xuất xứ *(apādānapada)*. **Vuṭṭhahitvā** là bất biến quá khứ phân từ. **Maggaṃ** là câu túc từ. Các từ này cho biết *thiện năng duyên* là tâm Thánh đạo A La Hán, là cảnh tốt theo thực tính đáng hài lòng.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Paccavekkhati** là câu thuật động từ. Cả hai từ này cho biết *vô ký sở duyên* là 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) của bậc Thánh quả A La Hán sinh lên để xem xét lại Thánh đạo A La Hán.

i- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật
ii- *Người:* Bậc Thánh quả A La Hán quả
iii- *Cõi:* 26 cõi vui hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Năng duyên diễn tiến trong lộ đắc Tứ đạo.

Sở duyên diễn tiến trong lộ xem xét lại Thánh đạo.

Dứt câu lọc thứ 3.

B. Pháp bất thiện

Pháp bất thiện đối với cảnh trưởng duyên có 1 câu lọc.

Câu 4. Câu bất thiện

Câu chính.

Akusalo dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇādhiatipaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng cảnh trưởng duyên".

Câu phụ 1. Rāgaṃ garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

"Người thoả thích, hài lòng với tham ái bằng tâm thích thú mạnh mẽ. Khi tâm thích thú làm cảnh lớn trội, tham ái, tà kiến sinh khởi".

Câu phụ 2. Diṭṭhiṃ garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

"Người thoả mãn hài lòng với tà kiến bằng sự thích thú mạnh mẽ. Khi tâm thích thú với tà kiến làm cảnh lớn trội, tham ái, tà kiến sinh khởi".

a- Phân tích câu

Câu chính. Akusalo dhammo là chủ cách, là câu chủ từ, cho biết *bất thiện năng duyên* là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp.

Akusalassa dhammassa là câu sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *bất thiện sở duyên* là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp mạnh mẽ.

Ārammaṇādhipatipaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh trưởng duyên. Có ba duyên phối hợp với câu này: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo là câu thuật từ, cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Bất thiện năng duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp làm cảnh lớn mạnh.
- *Bất thiện sở duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp.

c- Giải thích

Câu lọc này có các cách như sau:

i- Người có tham ái mạnh, khi nhớ lại phát sinh tham ái, tà kiến, ngã mạn.

ii- Người ưa thích tà kiến, khi nhớ lại phát sinh tham ái, tà kiến, ngã mạn.

d- Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học

iii- Cõi: 30 cõi hữu tâm

iv- Tâm lộ: Tâm lộ ý môn xem xét lại bất thiện tham, phát sinh đồng lực bất thiện tham

v- Giống: Giống cảnh

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Câu lọc này có ba duyên hợp trợ:

Năng duyên là danh pháp làm cảnh trưởng, nên có: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên và Cảnh cận y duyên.

ii- Duyên không hợp trợ

Có 5 duyên không hợp trợ là:

Năng duyên là danh pháp làm thành cảnh trưởng, nên không có: *Vật cảnh tiền sinh y duyên; Cảnh tiền sinh duyên; Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên; Vật cảnh tiền sinh hiện hữu duyên; Vật cảnh tiền sinh bất ly duyên.*

Câu phụ 1. Rāgaṃ là câu túc từ, cho biết *bất thiện năng duyên* là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp, thích ý.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ.

Assādeti abhinandati là thuật động từ, cho biết *bất thiện sở duyên* là 4 tâm tham thọ hỷ, 22 tâm sở hợp có sức mạnh.

Taṃ là túc từ thay thế cho **rāgaṃ**, chỉ cho *bất thiện năng duyên* là 8 tâm đại thiện, 22 tâm sở hợp lớn mạnh.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Rāgo diṭṭhi** là câu chủ từ. **Uppajjati** là câu thuật động từ. Ba từ này cho biết *bất thiện sở duyên* là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp, có tham ái, tà kiến mạnh.

i- Thời: Diễn tiến trong thời bình nhật

ii- Người: 4 phàm, 2 Thánh quả Hữu học thấp

iii- Cõi: Cõi tứ uẩn, Cõi ngũ uẩn

iv- Tâm lộ: Diễn tiến trong tâm lộ ý môn có đồng lực bất thiện tham

Câu phụ 2. Diṭṭhiṃ là túc từ, cho biết *bất thiện năng duyên* là 4 tâm tham hợp tà, 21 tâm sở hợp có tâm sở tà kiến lớn mạnh.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Assādeti abhinandati** là thuật động từ. Các từ này cho biết *bất thiện sở duyên* là 4 tâm tham thọ hỷ, 22 tâm sở hợp có sức mạnh lớn trội.

Taṃ là túc từ thay thế cho **diṭṭhiṃ**, chỉ cho *bất thiện năng duyên* là 4 tâm tham có tà kiến mạnh.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Rāgo diṭṭhi** là chủ từ. **Uppajjati** là thuật động từ. Các từ này cho biết *bất thiện sở duyên* là 8 tâm tham, có tham ái, tà kiến mạnh.

i- *Thời:* Diễn tiến trong thời bình nhật

ii- *Người:* 4 người Phàm

iii- *Cõi:* Cõi hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ý môn có đồng lực bất thiện tham

Dứt câu lọc 4 – Pháp bất thiện.

C. Pháp vô ký

Pháp vô ký với cảnh trưởng duyên có 3 câu lọc.

Câu 5. Câu vô ký.

Câu chính. Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa ārammaṇādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ pháp vô ký bằng cảnh trưởng duyên".

Câu phụ 1. Arahā phalaṃ garuṃ katvā paccavekkhati nibbānaṃ garuṃ katvā paccavekkhati.

"Bậc A La Hán xem xét lại tâm Tứ quả, Níp Bàn bằng tâm phấn chấn".

Câu phụ 2. Nibbānaṃ phalassa ārammaṇādhipatipaccayena paccayo.

"Níp Bàn làm duyên trợ cho 4 tâm quả siêu thế bằng cảnh trưởng duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính. Abyākato dhammo là chủ cách, là câu chủ từ, cho biết *vô ký năng duyên* là tâm Tứ quả và Níp Bàn đáng hài lòng, thích ý.

Abyākatassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *vô ký sở duyên* là 4 tâm đại tố có trí, 4 tâm Thánh quả, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần).

Ārammaṇādhipatipaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh trưởng duyên. Câu lọc này có ba duyên có cùng tính chất phối hợp, đó là: Cảnh trưởng duyên, Cảnh duyên, Cảnh cận y duyên.

Paccayo là câu thuật từ, cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Vô ký năng duyên*: Tâm Thánh quả A La Hán, 36 tâm sở hợp; Níp Bàn làm thành cảnh tốt theo thực tính, đáng hài lòng.
- *Vô ký sở duyên*: 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp; 4 tâm Thánh quả, 36 tâm sở hợp.

c- Giải thích

Câu lọc này có các cách như sau:

i- Vị vừa chứng đạt Thánh quả A La Hán, xem xét lại Thánh quả A La Hán vừa chứng đạt một cách chăm chú trong tâm lộ xem xét lại (paccavekkhanacittavīthi).

- *Vô ký năng duyên:* Tâm Thánh quả A La Hán, 36 tâm sở hợp, là cảnh đáng hài lòng, thích ý.
- *Vô ký sở duyên*: 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp.

ii- *Níp Bàn* trợ giúp cho 4 tâm Thánh quả cùng tâm sở hợp sinh lên.

- *Vô ký năng duyên:* Níp Bàn là cảnh đáng hài lòng theo thực tính tốt.
- *Vô ký sở duyên*: 4 tâm Thánh quả, 36 tâm sở hợp.

iii- Vị Thánh A La Hán xem xét lại Níp Bàn được chứng ngộ trong tâm lộ xem xét lại Níp Bàn.

- *Vô ký năng duyên:* Níp Bàn là cảnh đáng hài lòng theo thực tính.
- *Vô ký sở duyên*: 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp khi xem xét lại Níp Bàn đã chứng ngộ.

d- Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật

ii- *Người:* Bậc Thánh A La Hán

iii- *Cõi:* 26 cõi vui hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ đắc đạo, tâm lộ phản khán Thánh quả A La Hán, tâm lộ nhập thiền quả

v- *Giống:* Giống cảnh

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Câu lọc này có 3 duyên phối hợp.

Năng duyên là danh pháp làm thành cảnh tốt đẹp, nên có: Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên và Cảnh cận y duyên.

ii- Duyên không hợp trợ

Có 5 duyên không phối hợp trong câu lọc này.

Năng duyên là danh pháp làm cảnh tốt đẹp, nên không có: *Vật cảnh tiền sinh y duyên; Cảnh tiền sinh duyên; Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên; Vật cảnh tiền sinh hiện hữu duyên, Vật cảnh tiền sinh bất ly duyên.*

Câu phụ 1.

Arahā là câu chủ từ, cho biết vị Thánh A La Hán xem xét lại (paccavekkhati).

Phalaṃ nibbānaṃ là câu túc từ, cho biết *vô ký năng duyên* là tâm Tứ quả và Níp Bàn.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Paccavekkhati** là thuật động từ. Cả hai từ này cho biết *vô ký sở duyên* là 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) của bậc Thánh A La Hán sinh lên để xem xét lại Thánh quả A La Hán.

Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* Tâm thánh quả A La Hán, tâm sở hợp; Níp Bàn
- *Vô ký sở duyên:* 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Người:* Bậc Thánh A La Hán
- *Cõi:* 26 cõi vui hữu tâm
- *Tâm lộ:* Năng duyên diễn tiến trong lộ đắc Thánh đạo A La Hán, tâm lộ nhập thiền quả A La Hán.

Sở duyên diễn tiến trong lộ xem xét lại Thánh quả A La Hán.

Câu phụ 2.

Nibbānaṃ là câu chủ từ, cho biết *vô ký năng duyên* là Níp Bàn, là cảnh tốt thực tính đáng hài lòng.

Phalassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *vô ký sở duyên* là 4 tâm quả siêu thế, 36 tâm sở hợp.

Ārammaṇādhipatipaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ giúp của cảnh trưởng duyên. Có ba duyên có cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này.

Paccayo là câu thuật từ, cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* Tâm thánh quả A La Hán, 36 tâm sở hợp; Níp Bàn
- *Vô ký sở duyên:* 4 tâm Thánh quả siêu thế, 36 tâm sở hợp
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Người:* Bốn bậc Thánh quả
- *Cõi:* Cõi vui hữu tâm
- *Tâm lộ:* Tâm lộ đắc đạo, tâm lộ nhập thiền quả

Dứt câu lọc thứ 5.

Câu 6. Câu thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo kusalassa dhammassa ārammaṇādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ pháp thiện bằng cảnh trưởng duyên".

Câu phụ 1. Sekkhā phalaṃ garuṃ katvā paccavekkhanti nibbānaṃ garuṃ katvā paccavekkhanti.

"Các bậc Thánh quả Hữu học xem xét lại 3 tâm Thánh quả thấp và Níp Bàn tâm phấn chấn".

Câu phụ 2. Nibbānaṃ gotrabhussa vodānassa maggassa ārammaṇādhipatipaccayena paccayo.

"Níp Bàn trợ cho tâm chuyển tộc, tâm Tiến bậc, tâm Thánh đạo bằng cảnh trưởng duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Abyākato dhammo là câu chủ từ, cho biết *vô ký năng duyên* là 3 tâm Thánh quả bậc thấp và Níp Bàn là cảnh đáng hài lòng.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *thiện sở duyên* là 4 tâm đại thiện có trí, 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần).

b- Chi pháp

- *Vô ký năng duyên*: 3 tâm Thánh quả bậc thấp, 36 tâm sở hợp và Níp Bàn làm thành cảnh tốt.
- *Thiện sở duyên*: 4 tâm đại thiện có trí, 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần) có nơi tâm bậc Thánh quả Hữu học.

c- Giải thích

Trong câu này có các cách như sau:

i- Bậc Thánh quả Hữu học xem xét lại 3 Thánh quả Hữu học hay Níp Bàn bằng cách chăm chú đặc biệt trong tâm lộ xem xét lại (paccavekkhanacittavīthi).

- *Vô ký năng duyên:* 3 tâm Thánh quả bậc thấp, 36 tâm sở hợp, Níp Bàn là cảnh đáng hài lòng.
- *Thiện sở duyên*: 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần).

ii- Níp Bàn là cảnh tốt đẹp trợ giúp cho tâm Chuyển tánh (gotrabhū), tâm Tiến bậc (vodāna) và 4 tâm Thánh đạo sinh lên.

- *Vô ký năng duyên:* Níp Bàn là cảnh trưởng.
- *Thiện sở duyên*: 4 tâm đại thiện có trí, 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần).
- *Tâm Chuyển tánh* có nơi tâm phàm tam nhân.
- *Tâm Tiến bậc* có nơi tâm bậc Thánh quả Hữu học.

d- Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật

ii- *Người:* Phàm tam nhân, 4 Thánh đạo, 3 Thánh quả Hữu học

iii- *Cõi:* 26 cõi vui hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ đắc Thánh đạo, tâm lộ xem xét lại (paccavekkhanacittavīthi)

Có phàm tam nhân là chỉ cho tâm lộ đắc sơ đạo.

Có Níp Bàn trở giúp cho tâm chuyển tộc (gotrabhū).

v- *Giống:* Giống cảnh

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Cảnh trưởng duyên thuộc giống cảnh. Giống cảnh có 8 duyên. Trong câu lọc này có 3 duyên phối hợp.

Năng duyên là danh pháp làm cảnh trưởng nên có:

- Cảnh duyên (ārammaṇāpaccaya)
- Cảnh trưởng duyên (ārammaṇādhipatipaccaya)
- Cảnh cận y duyên (ārammaṇūpanissayapaccaya)

Như vậy, có 3 duyên hợp trợ.

ii- Duyên không hợp trợ

Năng duyên là danh pháp làm cảnh trưởng, nên không có 5 duyên:

1- Vật cảnh tiền sinh y duyên (vathārammaṇapurejātanissayaaccaya)

2- Cảnh tiền sinh duyên (ārammaṇapurejātanissayapaccaya)

3- Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (vatthārammaṇaurejātanippayuttapaccaya)

4- Vật cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (vatthārammaṇapurejātatthipaccaya)

5- Vật cảnh tiền sinh bất ly duyên (vatthārammaṇapurejātaavigatapaccaya)

Như vậy, có 5 duyên không phối hợp.

Câu phụ 1.

Sekkhā là câu chủ từ, cho biết bậc Thánh quả Hữu học xem xét lại (paccavekkhati).

Phalaṃ nibbānaṃ là câu túc từ, cho biết *vô ký năng duyên* là 3 tâm Thánh quả Hữu học và Níp Bàn, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần) làm cảnh thích ý.

Garuṃ katvā là bất biến quá khứ phân từ. **Paccavekkhanti** là thuật động từ. Cả hai từ này cho biết *thiện sở duyên* là 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) của bậc Thánh quả Hữu học sinh lên để xem xét lại Thánh quả đã chứng đạt, cùng Níp Bàn đã chứng ngộ với sự phấn chấn.

Nói về

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 3 Thánh quả hữu học

iii- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm

iv- Tâm lộ: Tâm lộ xem xét lại Thánh quả Hữu học và Níp Bàn của bậc Thánh Hữu học

Câu phụ 2.

Nibbānaṃ là câu chủ từ, cho biết *vô ký năng duyên* là Níp Bàn làm cảnh trưởng.

Gotrabhussa vodānassa maggassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *thiện sở duyên* là 4 tâm đại tố có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần), 4 tâm đạo, 36 tâm sở hợp (trừ vô lượng phần).

Nói về

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: Phàm tam nhân, 7 bậc Thánh (trừ bậc A La Hán quả)

iii- Cõi: 26 cõi vui hữu tâm

iv- Tâm lộ: Tâm lộ đắc 4 Thánh đạo

Ārammaṇādhipatipaccayena là sở dụng từ, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ sinh của cảnh trưởng duyên. Có 3 duyên có cùng tính chất phối hợp với nhau là:

- Cảnh duyên (ārammaṇāpaccaya)
- Cảnh trưởng duyên (ārammaṇādhipatipaccaya)
- Cảnh cận y duyên (ārammaṇūpanissayapaccaya)

Dứt câu lọc thứ 6.

Câu 7. Câu bất thiện.

Câu chính. Abyākato dhammo akusalassa dhammassa ārammaṇādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng cảnh trưởng duyên".

Câu phụ. Cakkhuṃ garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati sotaṃ ghānaṃ jivhaṃ kāyaṃ rūpe sadde gandhe rase phoṭṭhabbe vatthuṃ vipākābyākate kiriyābyākate khandhe garuṃ katvā assādeti abhinandati taṃ garuṃ katvā rāgo uppajjati diṭṭhi uppajjati.

"Người thỏa thích hài lòng về nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thinh, mùi, vị, xúc, sắc ý vật, uẩn vô ký quả, uẩn vô ký duy tác bằng tâm thích thú mạnh mẽ. Khi tâm thích thú đối với nhãn… làm cảnh thích ý, thì tham ái, tà kiến sinh khởi".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Abyākato dhammo là câu chủ từ, cho biết *vô ký năng duyên* là 18 hiển sắc tốt hiện tại, 31 tâm quả hiệp thế (trừ tâm thân thức thọ khổ), 20 tâm duy tác thích ý.

Akusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ, cho biết *bất thiện sở duyên* là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp có sức mạnh.

Ārammaṇādhipatipaccayena là sở dụng cách, là câu thực hiện, cho biết mãnh lực trợ sinh của cảnh trưởng duyên. Có 8 duyên có cùng tính chất phối hợp với nhau.

b- Chi pháp

- *Vô ký năng duyên*: 18 hiển sắc (nipphannarūpa) làm thành cảnh tốt, 51 tâm vô ký hiệp thế (trừ tâm thân thức thọ khổ)[1], 35 tâm sở hợp (trừ giới phần) làm thành cảnh thích ý.
- *Bất thiện sở duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp có sức mạnh.

c- Giải thích

Danh pháp vô ký làm thành cảnh trưởng, phải là danh pháp, tối thiểu cũng phải hợp với thọ xả. Ví như Đức vua thường xuyên dùng vật thực thượng vị, hiện tại tuy thấy món vật thực tốt đẹp, nhưng tâm vẫn thản nhiên.

Tâm thân thức thọ khổ không có được điều này nên thân thức thọ khổ không là năng duyên của cảnh trưởng duyên.

Những tâm Thánh quả là cảnh trưởng, nhưng để nhận biết nhận tâm Thánh quả phải là tâm đại thiện có trí hay tâm đại tố có trí. Nhưng sở duyên ở đây lại là tâm bất thiện tham, nên trong trường hợp này các tâm Thánh quả không là năng duyên cho tâm bất thiện.

Trong câu lọc này có các cách như sau:

i- Người ưa thích 5 trần cảnh, hoặc nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc ý vật với tâm có sự nắm giữ (là có ái mạnh), khi nghĩ đến, thời tham ái, tà kiến cùng sinh lên.

- *Vô ký năng duyên:* 18 hiển sắc làm cảnh trưởng.
- *Bất thiện sở duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp có sức mạnh.

ii- Người thích thú những quả an lạc sinh từ thiện nghiệp, có ý nắm giữ các an lạc hiệp thế ấy, khi nghĩ đến các an lạc hiệp thế, thời tham ái, tà kiến có thể phát sinh.

- *Vô ký năng duyên:* 31 tâm quả hiệp thế (trừ thân thức thọ khổ), 35 tâm sở hợp (trừ giới phần) làm thành cảnh hợp ý.
- *Bất thiện sở duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp có sức mạnh.

iii- Người có ý nắm giữ những quả bất lạc, khi nhận chúng làm cảnh, có thể phát sinh tham.

Như những đạo sĩ khổ hạnh, hay những người khi nhận cảnh xấu, có thể khởi lên tâm tham.

[1] 31 tâm quả hiệp thế (trừ thân thức thọ khổ) + 20 tâm duy tác

Hoặc hành giả khi niệm thể trược có khi khởi lên tâm tham.

Hoặc khi nhận cảnh xấu, có sự ao ước thoát ra khỏi cảnh bất lạc ấy.

- *Vô ký năng duyên:* Những tâm quả bất thiện (trừ thân thức thọ khổ), 11 tâm sở hợp làm thành cảnh hợp ý.
- *Bất thiện sở duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp có sức mạnh.

iv- Những vị có tha tâm thông, biết được tâm duy tác của bậc Thánh A La Hán, sau đó có thể khởi lên tâm ao ước.

- *Vô ký năng duyên:* 17 tâm duy tác hữu nhân, 35 tâm sở hợp làm thành cảnh hợp ý.
- *Bất thiện sở duyên*: 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp có sức mạnh.

d- Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 4 Phàm, 3 Thánh quả hữu học

iii- Cõi: 30 cõi hữu tâm

iv- Tâm lộ: Lộ ngũ môn, lộ ý môn có đổng lực tham

v- Giống: Giống cảnh

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Cảnh trưởng duyên thuộc giống cảnh. Giống cảnh có 8 duyên. Trong câu lọc này có 8 duyên phối hợp.

- Vô ký năng duyên bao gồm cả danh pháp lẫn sắc làm thành cảnh đáng ưa thích, đáng hài lòng nên có.
- Năng duyên làm thành cảnh nên có:

1- Cảnh duyên (ārammaṇāpaccaya)

- Năng duyên làm cảnh trưởng nên có:

2- Cảnh trưởng duyên (ārammaṇādhipatipaccaya)

3- Cảnh cận y duyên (ārammaṇūpanissayapaccaya)

- Năng duyên có sắc vật làm thành cảnh đáng hài lòng, cảnh hợp ý, nên có:

4- Cảnh tiền sinh duyên (ārammanapurejātapaccayo)

5- Vật cảnh tiền sinh y duyên (vatthārammaṇapurejātapaccaya)

- Năng duyên có sắc pháp, sở duyên là danh pháp, nên có:

6- Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (vatthārammaṇapurejātavippayuttapaccayo)

- Năng duyên và sở duyên cùng có mặt nên có:

7- Vật cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (vatthārammanapurejātanissayapaccayo)

8- Vật cảnh tiền sinh bất ly duyên (vatthārammaṇapurejātaavigatapaccaya)

Tổng cộng có 8 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không phối hợp

Trong giống cảnh không có duyên nào không phối hợp với câu lọc này.

Ghi chú

Cảnh cận y duyên có chi pháp trùng với **cảnh trưởng duyên**.

Lại nữa, khi phân tích câu lọc này lại có một duyên đặc biệt là **Vật cảnh tiền sinh duyên** (vatthārammaṇapurejātapaccaya), là vật sinh trước vừa là chỗ nương trú cho tâm cũng vừa làm cảnh cho tâm nhận biết. Đây là trường hợp đặc biệt xảy ra vào thời cận tử của người có tâm tham ái mạnh.

- *Vô ký năng duyên:* Sắc ý vật làm thành cảnh vào thời cận tử.
- *Bất thiện sở duyên*: Là 8 tâm tham, 22 tâm sở hợp có sức mạnh.

Dứt câu lọc thứ 7.

Thuần tuý số lượng câu
(Suddhasaṃkhayāvāra)

Tam đề thiện với cảnh trưởng duyên có 7 câu lọc.

1- Thiện trợ cho thiện bằng cảnh trưởng duyên.
2- Thiện trợ cho bất thiện bằng cảnh trưởng duyên.
3- Thiện trợ cho vô ký bằng cảnh trưởng duyên.
4- Bất thiện trợ cho bất thiện bằng cảnh trưởng duyên.
5- Vô ký trợ cho vô ký bằng cảnh trưởng duyên.
6- Vô ký trợ cho thiện bằng cảnh trưởng duyên.
7- Vô ký trợ cho bất thiện bằng cảnh trưởng duyên.

Cảnh trưởng duyên hợp lực (Sabhāga)

Có 7 duyên phối hợp (ghaṭanā) với cảnh trưởng duyên là:

1- Cảnh duyên (ārammaṇāpaccaya)
2- Vật cảnh tiền sinh y duyên (vatthārammaṇapurejātaaccaya)
3- Cảnh cận y duyên (ārammaṇūpanissayapaccaya)
4- Cảnh tiền sinh duyên (ārammanapurejātapaccaya)
5- Vật cảnh tiền sinh bất tương ưng duyên (vatthārammaṇaurejātavippayuttapaccaya)
6- Cảnh tiền sinh hiện hữu duyên (ārammanapurejātanissayaaccaya)
7- Cảnh tiền sinh bất ly duyên (ārammaṇapurejātaavigataaccaya)

Lưu ý

Việc **phân tích câu** của các duyên còn lại, như:

Kusalo dhammo là chủ cách, là câu chủ từ.

Kusalassa dhammassa là sở thuộc cách, là câu liên hệ.

Hetupaccayena là sở dụng cách, là câu liên hệ của các duyên còn lại; giống như cách thức của **nhân duyên**. Do vậy trong phần phân tích không cần phải lặp lại, độc giả tự tìm hiểu.

Thích giải tóm lược cảnh trưởng duyên

Có sáu cảnh là: cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc và cảnh pháp giúp cho tâm và tâm sở sinh lên. Sáu cảnh này có hai loại: Cảnh thông thường và *Cảnh lớn trội*.

Cảnh trưởng duyên là chỉ cho cảnh lớn trội. Đó là loại cảnh đặc biệt có hấp lực mạnh, làm cho danh pháp (tâm và tâm sở) hướng đến cảnh mãnh liệt, bám víu mạnh mẽ.

Cảnh làm trưởng phải là **cảnh tốt**, **cảnh đáng ưa thích**. Cảnh tốt đáng ưa thích này được phân thành hai loại:

a- *Cảnh tốt theo thực tính* (sabhāva itthārammaṇa): Là chỉ cho cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh mùi, cảnh vị và cảnh xúc tốt đúng theo bản chất, cho dù người thích hay không thích, cảnh vẫn tốt đúng theo thực tính. Như 32 đại nhân tướng của Đức Thế Tôn là cảnh tốt theo thực tính, cho dù ngoại giáo đồ không thích, 32 đại nhân tướng vẫn là cảnh tốt đúng nghĩa.

b- *Cảnh tốt theo hợp ý:* Là chỉ cho cảnh tốt đáng hài lòng thích hợp cho một số chúng sinh. Cảnh tốt theo hợp ý có thể là cảnh tốt theo thực tính, có thể là cảnh không tốt theo thực tính, như xác chết là cảnh đáng hài lòng thích ý cho chó, chó rừng, kên kên, quạ,…

Nghĩa là *"cảnh tốt theo hợp ý"* chỉ có đối với một số chúng sinh như người hay thú…

Cả hai cảnh tốt: cảnh tốt theo thực tính hay cảnh tốt theo hợp ý đều có thể khiến cho tâm và tâm sở sinh lên bám víu vào cảnh một cách mãnh liệt. Và như vậy, cảnh này được gọi là **cảnh trưởng**.

Dứt giải về cảnh trưởng duyên.

PHẦN II.

Bài 4:

II- TAM ĐỀ THIỆN VỚI ĐỒNG SINH TRƯỞNG DUYÊN

Gọi là **đồng sinh** *(sahajāta)* là chỉ cho pháp năng duyên về pháp sở duyên cùng sinh lên.

Gọi là **trưởng** *(adhipati)* vì trong pháp năng duyên có 1 trong 4 pháp trưởng, đó là:

1- **Dục trưởng** *(chandādhipati):* Là có sự ước muốn mãnh liệt, có sức mạnh vượt trội các pháp khác.

2- **Cần trưởng** *(vīriyādhipati):* Là có sự tinh tấn mãnh liệt, có sức mạnh vượt trội các pháp đồng sinh khác.

3- **Tâm trưởng** *(cittādhipati):* Là chỉ cho sự chứng đắc thiền có sức mạnh vượt trội hơn những pháp đồng sinh khác; hay có tâm lực vượt trội các pháp khác.

4- **Trí trưởng** *(vimaṃstādhipati):* Là chỉ cho trí tuệ có sức mạnh vượt trội hơn các pháp đồng sinh khác.

Trong một thời điểm hay một cái tâm, các pháp là tâm và tâm sở cùng sinh lên, nhưng khi có *pháp trưởng* thì chỉ có **một** mà thôi; có khi không có pháp trưởng nào cả.

Ngài Buddhaghosa trong bản sớ giải Tương ưng đại phẩm (Mahāvaggasaṃyuttaṃ) có cho biết trong thời Đức Phật có 4 vị Thánh A La Hán, mỗi vị điển hình cho một pháp trưởng, đó là:

1- Ngài Raṭṭhapāla nương vào **dục trưởng** (ước muốn mãnh liệt) chứng đắc Thánh quả A La Hán.

2- Ngài Soṇa Kolivisa nương vào **cần trưởng** (sự tinh tấn mãnh liệt) chứng đắc Thánh quả A La Hán.

3- Ngài Sambhūta nương vào **tâm trưởng** (sự chứng đắc thiền định) có sức mạnh vượt trội, chứng đắc thánh Thánh quả A La Hán.

4- Ngài Mogharāja nương vào **trí trưởng**, chứng đắc thánh Thánh quả A La Hán.

Tam đề thiện đối với đồng sinh trưởng duyên có tất cả 7 câu lọc.

Phân tích Đồng sinh trưởng duyên

Trong bốn pháp trưởng là: dục trưởng, cần trưởng, tâm trưởng và trí trưởng. Trong một sát na tâm, nếu có pháp trưởng chỉ có một mà thôi, các pháp còn lại cũng hợp lại theo cách đồng sinh (sahajāta).

a- Khi pháp dục (chanda) là pháp trưởng.

i- Chi Pháp

- *Năng duyên:* Tâm sở dục (chandacetasika) là pháp trưởng có trong tâm đổng lực nhị nhân.
- *Sở duyên:* 52 tâm đổng lực nhị nhân có pháp trưởng (trừ 2 tâm si và tâm sinh tiếu); 50 tâm sở hợp (trừ tâm sở hoài nghi và tâm sở dục); sắc tâm nhị nhân có pháp dục là trưởng.

ii- Duyên hợp trợ

Đồng sinh trưởng duyên thuộc giống đồng sinh. Giống đồng sinh có 15 duyên.

Hợp trợ với dục trưởng có 9 duyên cùng phối hợp.

1- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
2- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
3- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
4- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
5- Quả duyên (vipākapaccaya)
6- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)
7- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)
8- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
9- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)

Đây là chỉ cho dục trưởng trợ giúp cho sở duyên theo cảnh tổng quát.

∗Khi năng duyên là dục trưởng có trong tâm đổng lực 2 nhân hay 3 nhân (trừ tâm Thánh quả), trợ giúp cho danh uẩn tương ưng và sắc tâm trưởng; có 5 duyên phối hợp.

Trước tiên là 4 duyên biến hành.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)

＊Khi dục trưởng là năng duyên trợ giúp đặc biệt cho danh uẩn tương ưng phối hợp; có 7 duyên phối hợp là:

Trước tiên là 4 duyên biến hành.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
7- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)

＊Khi dục trưởng là năng duyên có trong tâm đồng lực 2 nhân hiệp thế, trợ giúp cho sắc tâm hữu trưởng; có 6 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

Khi dục trưởng là năng duyên trong 4 tâm quả siêu thế.

＊Trong tâm Thánh quả, năng duyên là dục trưởng trợ giúp danh uẩn tương ưng và sắc tâm Thánh quả hữu trưởng, có được 6 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Quả duyên (vipākapaccaya)

＊Trong tâm Thánh quả, năng duyên là dục trưởng trợ giúp danh uẩn tương ưng, có 8 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
7- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)
8- Quả duyên (vipākapaccaya)

＊Trong tâm Thánh quả, năng duyên là dục trưởng trợ giúp cho sắc tâm hữu trưởng, có 7 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Quả duyên (vipākapaccaya)

7- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

b- Khi tinh tấn (vīriya) là pháp trưởng.

i- Chi Pháp

- *Năng duyên:* Tâm sở cần (vīriyacetasika) có trong 50 tâm đổng lực 2 nhân hay 3 nhân (trừ 2 tâm si và tâm sinh tiếu) đang là pháp trưởng.

- *Sở duyên:* 52 tâm đổng lực 2 nhân, 50 tâm sở hợp (trừ tâm sở hoài nghi và tâm sở cần), sắc tâm hữu trưởng đồng sinh với cần trưởng.

ii- Duyên phối hợp

Đồng sinh trưởng duyên thuộc giống đồng sinh. Giống đồng sinh có 15 duyên.

Khi tâm sở cần là pháp trưởng, tổng quát có 11 duyên phối hợp, đó là:

4 duyên biến hành là:

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
7- Quả duyên (vipākapaccaya)
8- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
9- Đạo duyên (maggapaccaya)
10- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)
11- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

∗Khi năng duyên là cần trưởng có trong tâm đổng lực hiệp thế, trợ giúp cho danh uẩn tương ưng và sắc tâm hữu trưởng; có được 7 duyên phối hợp.

Trước tiên là 4 duyên biến hành.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
7- Đạo duyên (maggapaccaya)

∗Khi năng duyên là cần trưởng có trong tâm đổng lực 2 hay 3 nhân (ngoài tâm Thánh quả), trợ giúp cho danh uẩn tương ưng, có 9 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
7- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
8- Đạo duyên (maggapaccaya)
9- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)

∗Khi năng duyên là cần trưởng có trong tâm đổng lực 2 hay 3 nhân (ngoài tâm Thánh quả), trợ giúp cho sắc tâm hữu trưởng, có được 8 duyên phối hợp.

Trước tiên là 4 duyên đồng sinh biến hành.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)

6- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
7- Đạo duyên (maggapaccaya)
8- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

＊Khi năng duyên là cần trưởng có trong tâm Thánh quả, trợ giúp cho danh uẩn tương ưng với sắc tâm hữu trưởng, có được 8 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Quả duyên (vipākapaccaya)
7- Câu sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
8- Đạo duyên (maggapaccaya)

＊Khi năng duyên là cần trưởng có trong tâm Thánh quả, trợ giúp cho danh uẩn tương ưng, có được 10 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
7- Quả duyên (vipākapaccaya)
8- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
9- Đạo duyên (maggapaccaya)
10- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)

＊Khi năng duyên là cần trưởng có trong tâm Thánh quả, trợ giúp cho sắc tâm hữu trưởng, có được 9 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Quả duyên (vipākapaccaya)
7- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
8- Đạo duyên (maggapaccaya)
9- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

c- Khi tâm (citta) là pháp trưởng.

i- Chi Pháp

- *Năng duyên:* 52 tâm đồng lực 2 nhân hay 3 nhân (trừ 2 tâm si, tâm sinh tiếu).
- *Sở duyên:* 51 tâm sở hợp (trừ tâm sở hoài nghi), sắc tâm hữu trưởng đồng sinh với 52 tâm trưởng.

ii- Duyên phối hợp

Đồng sinh trưởng duyên thuộc giống đồng sinh. Giống đồng sinh có 15 duyên.

＊Khi năng duyên là tâm trưởng trợ giúp cho 3 danh uẩn tương ưng là thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn, cùng sắc tâm hữu trưởng. Tổng quát có 11 duyên phối hợp.

4 duyên biến hành (sabbaṭṭhānikapaccaya) là:

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)

6- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
7- Quả duyên (vipākapaccaya)
8- Danh vật thực duyên (nāmāhārapaccaya)
9- Câu sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
10- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)
11- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

Khi phân tích chi tiết thì có như sau.

∗Khi năng duyên là tâm trưởng, là tâm đổng lực 2 hay 3 nhân (ngoài tâm Thánh quả), trợ giúp cho 3 danh uẩn tương ưng cùng sắc tâm hữu trưởng cùng sinh lên; có được 7 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Danh vật thực duyên (nāmāhārapaccaya)
7- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)

∗Khi năng duyên là tâm trưởng, là tâm đổng lực 2 hay 3 nhân (ngoài tâm Thánh quả), trợ giúp cho 3 danh uẩn tương ưng; có được 9 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
7- Danh vật thực duyên (nāmāhārapaccaya)
8- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
9- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)

∗Khi năng duyên là tâm trưởng, là tâm đổng lực 2 hay 3 nhân (ngoài tâm Thánh quả), trợ giúp sắc tâm hữu trưởng; có được 8 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Danh vật thực duyên (nāmāhārapaccaya)
7- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
8- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

∗Khi năng duyên là tâm trưởng, là tâm Thánh quả, trợ giúp cho 3 danh uẩn tương ưng, có được 10 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
7- Quả duyên (vipākapaccaya)
8- Danh vật thực duyên (nāmāhārapaccaya)
9- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
10- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)

∗Khi năng duyên là tâm trưởng, là tâm Thánh quả trợ giúp cho sắc tâm hữu trưởng, có được 9 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Quả duyên (vipākapaccaya)
7- Danh vật thực duyên (nāmāhārapaccaya)
8- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
9- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

d- Khi trí là pháp trưởng.

i- Chi Pháp

- *Năng duyên:* Tâm sở trí có trong 34 tâm đổng lực có trí (8 đổng lực dục giới có trí, 16 đổng lực Đáo đại, 8 đổng lực Siêu thế).
- *Sở duyên:* 34 tâm đổng lực có trí, 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở trí) và sắc tâm hữu trưởng.

ii- Duyên hợp trợ

Đồng sinh trưởng duyên ở phần này, tổng quát có 12 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Nhân duyên (hetupaccaya)
7- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
8- Quả duyên (vipākapaccaya)
9- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
10- Đạo duyên (maggapaccaya)
11- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)
12- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

Khi năng duyên là trí trưởng, phân tích theo chi tiết thì có:

∗Khi năng duyên là trí trưởng có trong tâm đổng lực 3 nhân (ngoài tâm Thánh quả), trợ giúp danh uẩn tương ưng và sắc tâm hữu trưởng cùng sinh, có được 8 duyên phối hợp.

Trước tiên là 4 duyên biến hành.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Nhân duyên (hetupaccaya)
7- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
8- Đạo duyên (maggapaccaya)

∗Khi năng duyên là trí trưởng có trong tâm đổng lực 3 nhân, trợ giúp các danh uẩn tương ưng, có được 10 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Nhân duyên (hetupaccaya)

7- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
8- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
9- Đạo duyên (maggapaccaya)
10- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)

∗Khi năng duyên là trí trưởng có trong tâm đồng lực 3 nhân (trừ tâm Thánh quả), trợ giúp sắc tâm hữu trưởng cùng sinh, có được 9 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Nhân duyên (hetupaccaya)
7- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
8- Đạo duyên (maggapaccaya)
9- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

∗Khi năng duyên là trí trưởng có trong tâm đồng lực là Thánh quả, trợ giúp cho danh uẩn tương ưng và sắc tâm hữu trưởng cùng sinh, có được 9 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Nhân duyên (hetupaccaya)
7- Quả duyên (vipākapaccaya)
8- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
9- Đạo duyên (maggapaccaya)

∗Khi năng duyên là trí trưởng có trong tâm Thánh quả, trợ giúp cho danh uẩn tương ưng, có 11 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Nhân duyên (hetupaccaya)
7- Hỗ tương duyên (aññamaññapaccaya)
8- Quả duyên (vipākapaccaya)
9- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
10- Đạo duyên (maggapaccaya)
11- Tương ưng duyên (sampayuttapaccaya)

∗Khi năng duyên là trí trưởng có trong tâm Thánh quả, trợ giúp cho sắc tâm hữu trưởng, có 10 duyên phối hợp.

1- Đồng sinh duyên (sahajātapaccaya)
2- Đồng sinh y duyên (sahajātanissayapaccaya)
3- Đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthipaccaya)
4- Đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigatapaccaya)
5- Đồng sinh trưởng duyên (sahajātādhipatipaccaya)
6- Nhân duyên (hetupaccaya)
7- Quả duyên (vipākapaccaya)
8- Đồng sinh quyền duyên (sahajātindriyapaccaya)
9- Đạo duyên (maggapaccaya)

10- Đồng sinh bất tương ưng duyên (sahajātavippayuttapaccaya)

Pháp thiện đối với đồng sinh trưởng duyên.

Có 3 câu lọc.

A. Pháp thiện

Câu 1. Câu thiện.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ cho pháp thiện bằng đồng sinh trưởng duyên".

Câu phụ.

Kusalādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Trưởng thiện làm duyên trợ cho 4 hoặc 3 danh uẩn đồng sinh bằng đồng sinh trưởng duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính. Kusalo dhammo chỉ cho *thiện năng duyên* là một trong 4 pháp trưởng thiện: Dục, cần, trí hợp trong 21 tâm thiện.

Tâm trưởng là 21 tâm thiện.

Kusalassa dhammassa chỉ cho *thiện sở duyên* là: 3 hay 4 danh uẩn thiện (trừ pháp trưởng) đồng sinh với nhau.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực của Đồng sinh trưởng duyên. Có 11 duyên có cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên:* Tâm sở dục, tâm sở cần, tâm sở trí và 21 tâm thiện khi làm pháp trưởng.
- *Thiện sở duyên:* Tất cả pháp thiện (trừ pháp đang làm trưởng)

Phân tích

- Khi tâm sở dục là *thiện năng duyên* (là thiện pháp trưởng) thì *thiện sở duyên* là 21 tâm thiện, 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở dục).
- Khi tâm sở cần là *thiện năng duyên*, *thiện sở duyên* là 21 tâm thiện, 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở cần).
- Khi tâm sở trí là *thiện năng duyên*, *thiện sở duyên* là 21 tâm thiện, 37 tâm sở hợp (trừ tâm sở trí).
- Khi *thiện năng duyên* là 21 tâm thiện làm pháp trưởng, *thiện sở duyên* là 38 tâm sở hợp.

c- Giải thích

Câu lọc này có các cách như sau:

i- Người có ý muốn bố thí, giữ giới, xuất gia, cung kính, phục vụ,…

ii- Người thường xuyên thực hiện các thiện pháp như bố thí, giữ giới, tu thiền… Hay có trí hiểu biết "đây là thiện, đây là bất thiện", "đây là pháp nhân, đây là pháp quả"; "đây là pháp có tội, đây là pháp vô tội"…

Thiện năng duyên là "tâm sở dục", "tâm sở cần" hay "tâm sở trí" tuỳ theo trường hợp.

Thiện sở duyên là 21 tâm thiện và 37 tâm sở hợp (tuỳ theo trường hợp).

iii- Người có tâm muốn thành tựu thiện hạnh như giữ giới, chứng đạt thiền định, Thánh đạo,…

Thiện năng duyên là 1 trong 4 pháp trưởng.

Thiện sở duyên là 9 tâm thiện đáo đại, 4 tâm Thánh đạo, 38 tâm sở hợp tuỳ theo trường hợp.

Ở đây nên biết: Tâm Thánh đạo làm pháp trưởng khi hành giả chứng đạt thiền định trước, sau đó triển khai pháp Minh sát rồi chứng Thánh đạo.

d- Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật

ii- *Người:* 4 Phàm, 7 bậc Thánh Hữu học

iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đổng lực thiện dục giới, tâm lộ đắc thiền, tâm lộ nhập thiền, tâm lộ đắc đạo

v- *Giống:* Giống đồng sinh

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Giống đồng sinh có 15 duyên. Trong câu lọc này có 12 duyên phối hợp.

- Thiện năng duyên và thiện sở duyên cùng sinh lên nên có 4 duyên phối hợp là:

1- Đồng sinh duyên

2- Đồng sinh y duyên

3- Đồng sinh hiện hữu duyên

4- Đồng sinh bất ly duyên

- Thiện năng duyên là pháp trưởng nên có "Đồng sinh trưởng duyên" phối hợp.
- Thiện năng duyên có tâm sở trí, nên có 3 duyên phối hợp, đó là:

6- Nhân duyên

7- Đồng sinh quyền duyên (có tâm sở trí và tâm sở cần)

8- Đạo duyên (có tâm sở trí và tâm sở cần)

- Thiện năng duyên và thiện sở duyên hỗ trợ lẫn nhau, nên có "Hỗ tương duyên" phối hợp.
- Năng duyên có tâm thiện là pháp trưởng, nên có:

10- "Danh vật thực duyên" phối hợp.

- Thiện năng duyên và thiện sở duyên hoà hợp với nhau, nên có "Tương ưng duyên" phối hợp.

Tổng cộng có 11 duyên phối hợp.

ii- Duyên không phối hợp

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có "quả duyên" phối hợp.
- Năng duyên và sở duyên đều là danh pháp, nên không có "Đồng sinh bất tương ưng duyên" phối hợp.
- Năng duyên không có chi thiền, nên không có thiền duyên phối hợp.
- Năng duyên không có tâm sở tư, nên không có "Đồng sinh nghiệp duyên" phối hợp.

Có 4 duyên không phối hợp.

Về câu phụ.

Kusalādhipati cho biết *thiện năng duyên* làm trưởng là một trong 4 pháp trưởng thiện: Dục, cần, trí và tâm trưởng.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cho biết *thiện sở duyên* là 3 hay 4 danh uẩn thiện tương ưng với thiện năng duyên.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh và ủng hộ của "Đồng sinh trưởng duyên".

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

Về thời, người, cõi, tâm lộ và duyên hợp trợ cùng duyên không hợp trợ giống câu chính.

Dứt câu lọc 1.

Câu 2. Câu vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ cho pháp vô ký bằng đồng sinh trưởng duyên".

Câu phụ.

Kusalādhipati cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Trưởng thiện làm duyên trợ cho sắc tâm bằng đồng sinh trưởng duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính. Kusalo dhammo chỉ cho *thiện năng duyên* là "một trong bốn pháp trưởng thiện".

Abyākatassa dhammassa chỉ cho *vô ký sở duyên* là "sắc tâm hữu trưởng thiện", như: sắc, thinh, mùi, vị, xúc, thân biểu tri, ngữ biểu tri…

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên. Có 10 duyên có cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của các pháp.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên:* Một trong trong bốn pháp: Dục, cần, tâm, trí đang làm pháp trưởng.
- *Vô ký sở duyên:* Sắc tâm hữu trưởng

c- Giải thích

Như bà Gotamī muốn xuất gia trong Giáo pháp này, bà cùng 500 Thích nữ dòng Thích Ca đi bộ từ thành Kapilavatthu đến Mahāvana (Đại Lâu) ở xứ Vajji để xin được xuất gia.

Thiện năng duyên là tâm sở dục làm pháp trưởng. *Vô ký sở duyên* là sắc thân biểu tri hữu trưởng.

Hoặc như thanh niên Raṭṭhapāla sau khi nghe pháp, có ý muốn xuất gia trong Giáo pháp này, nhưng mẹ cha không chấp thuận. Thanh niên Raṭṭhapāla nằm lăn ra tại chỗ, không chịu ăn uống 7 ngày. Có người đến khuyên giải thì nói rằng: "Xuất gia hay là chết"; cuối cùng thanh niên Raṭṭhapāla được mẹ cha đồng ý cho xuất gia.

Thiện năng duyên là tâm sở dục làm pháp trưởng. *Vô ký sở duyên* là thân biểu tri hay ngữ biểu tri hữu trưởng.

Hoặc vị Tỳ Khưu vận dụng trí để giảng pháp.

Thiện năng duyên là tâm sở trí là pháp trưởng. *Vô ký sở duyên* là ngữ biểu tri hữu trưởng.

d- Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật

ii- *Người:* 4 Phàm, 7 bậc Thánh Hữu học

iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đồng lực thiện, tâm lộ đắc đạo

v- *Giống:* Giống đồng sinh

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Đồng sinh trưởng duyên thuộc giống đồng sinh. Giống đồng sinh có 15 duyên. Câu lọc có 10 duyên phối hợp.

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh khởi nên có bốn duyên căn bản:

1- Đồng sinh duyên

2- Đồng sinh y duyên

3- Đồng sinh hiện hữu duyên

4- Đồng sinh bất ly duyên

- Thiện năng duyên có tâm sở trí là trưởng nên có:

5- Nhân duyên

- Thiện năng duyên có tâm sở trí, tâm sở cần là pháp trưởng, nên có "Đạo duyên", "Đồng sinh quyền duyên".
- Năng duyên là pháp trưởng, nên có:

8- Đồng sinh trưởng duyên

- Năng duyên có tâm là pháp trưởng nên có:

9- Danh vật thực duyên

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên có:

10- Đồng sinh bất tương ưng duyên

Như vậy, có 10 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không phối hợp

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên không có:

1- Hỗ tương duyên

2- Tương ưng duyên

- Năng duyên không có chi thiền, nên không có:

3- Thiền duyên

- Năng duyên không có chi pháp là tâm sở tư, nên không có:

4- Đồng sinh nghiệp duyên

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có Quả duyên.

Như vậy, có 5 duyên không phối hợp.

Về câu phụ.

Kusalādhipati chỉ cho *thiện năng duyên* làm trưởng là một trong 4 pháp trưởng thiện.

Cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ chỉ cho *vô ký sở duyên* là sắc tâm hữu trưởng như: sắc, thinh, mùi, vị, xúc, thân biểu tri và ngữ biểu tri.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên. Có 10 duyên hợp trợ như câu chính.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

Nói về: Thời, người, cõi, tâm lộ giống như câu chính.

Dứt câu lọc 2.

Câu 3. Câu thiện và vô ký.

Câu chính. Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng đồng sinh trưởng duyên".

Câu phụ.

Kusalādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Trưởng thiện làm duyên trợ cho 3 hay 4 danh uẩn cùng sắc tâm hữu trưởng bằng đồng sinh trưởng duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính. Kusalo dhammo chỉ cho *thiện năng duyên* là một trong pháp thiện đang làm trưởng.

Kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa chỉ cho *thiện và vô ký sở duyên* là 3 hay 4 danh uẩn thiện và sắc tâm hữu trưởng.

Sahajātādhipatipaccayena chỉ cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên. Có 9 duyên có cùng tính chất phối hợp với nhau.

Paccayo chỉ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên:* Một trong trong bốn pháp: Dục, cần, trí và tâm đang làm pháp trưởng.

-*Thiện và vô ký sở duyên:* Pháp thiện (trừ pháp đang làm trưởng) cùng với sắc tâm hữu trưởng.

c- Giải thích

Năng duyên là một trong bốn pháp trưởng giúp cho 3 uẩn thiện hay 4 uẩn thiện sinh lên cùng với sắc tâm hữu trưởng.

d- Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 4 Phàm, 7 bậc Thánh Hữu học

iii- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn

iv- Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đổng lực thiện, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ đắc đạo

v- *Giống:* Giống đồng sinh

e- Duyên phối hợp và Duyên không phối hợp

i- Duyên phối hợp

Câu lọc này thuộc giống đồng sinh. Giống đồng sinh có 15 duyên. Phối hợp trong câu lọc này có 9 duyên là:

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có bốn duyên biến hành phối hợp:

1- Đồng sinh duyên

2- Đồng sinh y duyên

3- Đồng sinh hiện hữu duyên

4- Đồng sinh bất ly duyên

- Năng duyên là pháp trưởng nên có:

5- Đồng sinh trưởng duyên

- Năng duyên có tâm sở trí là pháp trưởng, nên có:

6- Nhân duyên

7- Đồng sinh quyền duyên

8- Đạo duyên

(Hai duyên đồng sinh quyền duyên và đạo duyên có cả tâm sở cần là pháp trưởng)

- Năng duyên có tâm là pháp trưởng, nên có:

9- Danh vật thực duyên

Như vậy, có 9 duyên phối hợp.

ii- Duyên không hợp trợ

- Năng duyên không có chi thiền, nên không có:

1- Thiền duyên phối hợp

- Năng duyên không có tâm sở tư, nên không có:

2- Đồng sinh nghiệp duyên phối hợp

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có:

3- Quả duyên phối hợp

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là danh pháp lẫn sắc pháp, nên không có:

4- Hỗ tương duyên

5- Tương ưng duyên

6- Đồng sinh bất tương ưng duyên

Như vậy, có 6 duyên không phối hợp.

Câu phụ.

Kusalādhipati cho biết *thiện năng duyên* là một trong 4 pháp trưởng.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ chỉ cho *thiện và vô ký sở duyên* là 3 hay 4 danh uẩn thiện, cùng với sắc tâm hữu trưởng.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã.

Chi pháp, đối với, duyên hợp trợ và duyên không hợp trợ giống như câu chính.

Dứt câu lọc 3.

B. Pháp bất thiện

Pháp bất thiện đối với đồng sinh trưởng duyên có 3 câu lọc.

Câu 4. Câu bất thiện.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng đồng sinh trưởng duyên".

Câu phụ.

Akusalādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Trưởng bất thiện làm duyên trợ cho 3 uẩn bất thiện hay 4 uẩn bất thiện bằng đồng sinh trưởng duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính. Akusalo dhammo chỉ cho *bất thiện năng duyên* là một trong ba pháp trưởng thiện: Dục, cần có trong 10 tâm bất thiện hai nhân; tâm bất thiện hai nhân (trừ tâm si) đang làm trưởng.

Akusalassa dhammassa chỉ cho *bất thiện sở duyên* là 3 hay 4 uẩn bất thiện đồng sinh với bất thiện năng duyên.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên. Có 10 duyên phối hợp trong câu lọc này (giống như pháp thiện trợ pháp thiện bằng đồng sinh trưởng duyên, trừ nhân duyên).

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Bất thiện năng duyên:* Tâm sở dục, tâm sở cần hợp trong 10 tâm bất thiện 2 nhân; 10 tâm bất thiện 2 nhân; tất cả đang làm pháp trưởng.
- *Bất thiện sở duyên:* Ba hay bốn uẩn bất thiện cùng sinh lên với pháp trưởng bằng 8 tâm tham, 2 tâm sân, 26 tâm sở hợp (trừ tâm sở hoài nghi).

Chú thích

Sở duyên nêu tóm gọn là như vậy, tuỳ theo pháp làm trưởng, có chi tiết như sau:

∗*Trong 8 tâm tham*

- Khi tâm sở dục là pháp trưởng thì sở duyên là 8 tâm tham, 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở dục).
- Khi tâm sở cần là pháp trưởng thì sở duyên là 8 tâm tham, 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở cần).
- Khi 8 tâm tham là pháp trưởng, thì sở duyên là 22 tâm sở hợp.

∗*Trong 2 tâm sân*

Tương tự như trên.

c- Giải thích

Trong câu lọc này có các cách như sau:

i- Người có sự ước muốn thọ hưởng năm dục lạc, khi nghĩ đến dục lạc, sinh khởi tham ái với dục lạc ấy.

- *Bất thiện năng duyên* là tâm sở dục làm trưởng có trong 8 tâm tham.
- *Bất thiện sở duyên* là 8 tâm tham, 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở dục).

ii- Có người cố gắng tìm cách trộm cắp tài sản của người khác.

- *Bất thiện năng duyên* là tâm sở cần có trong 8 tâm tham đang làm pháp trưởng.
- *Bất thiện sở duyên* là 8 tâm tham, 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở cần).

iii- Người có tâm tham ái mạnh, khi nghĩ đến sự tham ái, phát sinh sự hài lòng, thích ý…

- *Bất thiện năng duyên* là 8 tâm tham làm pháp trưởng.
- *Bất thiện sở duyên* là 22 tâm sở hợp.

iv- Người có sự mong muốn kẻ nghịch bị tai hại, hay cố gắng làm kẻ nghịch bị tai hại.

- *Bất thiện năng duyên* là tâm sở dục hay tâm sở cần có trong 2 tâm sân.
- *Bất thiện sở duyên* là 2 tâm sân, 21 tâm sở hợp (trừ tâm sở dục, hoặc tâm sở cần).

v- Người có tâm sân hận mãnh liệt, khi nghĩ kẻ nghịch, khởi lên sự phẫn nộ bất bình…

- *Bất thiện năng duyên* là 2 tâm sân làm pháp trưởng.
- *Bất thiện sở duyên* là 22 tâm sở hợp với 2 tâm sân.

d- Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 4 Phàm, 3 bậc Thánh quả Hữu học

(Bậc Thánh Tam quả không còn sân, nhưng còn tâm tham ái đối với cảnh thiền).

iii- Cõi: 30 cõi hữu tâm

iv- Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đồng lực tham hay đồng lực sân

v- Giống: Giống đồng sinh

e- Duyên phối hợp và Duyên không phối hợp

i- Duyên phối hợp

Câu lọc này thuộc giống đồng sinh. Giống đồng sinh có 15 duyên. Phối hợp với câu lọc này có 10 duyên.

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên nên có 4 duyên căn bản phối hợp:

1- Đồng sinh duyên
2- Đồng sinh y duyên
3- Đồng sinh hiện hữu duyên
4- Đồng sinh bất ly duyên

- Năng duyên là pháp trưởng, nên có:

5- Đồng sinh trưởng duyên

- Bất thiện năng duyên có tâm sở cần là trưởng, nên có:

6- Đồng sinh quyền duyên
7- Đạo duyên

- Bất thiện năng duyên và bất thiện sở duyên đều là danh pháp, nên có:

8- Hỗ tương duyên
9- Tương ưng duyên

- Bất thiện năng duyên có tâm là trưởng, nên có:

10- Danh vật thực duyên

Như vậy, có 10 duyên phối hợp.

ii- Duyên không phối hợp

- Năng duyên không có pháp nhân, nên không có:

1- Nhân duyên

- Năng duyên là pháp bất thiện, nên không có:

2- Quả duyên

- Năng duyên không có chi thiền, nên không có:

3- Thiền duyên

- Năng duyên không có tâm sở tư, nên không có:

4- Đồng sinh nghiệp duyên

- Năng duyên và sở duyên đều là danh pháp, nên không có:

5- Đồng sinh bất tương ưng duyên

Như vậy, có 5 duyên không phối hợp.

Về câu phụ.

Akusalādhipati chỉ cho *bất thiện năng duyên* là một trong 3 pháp trưởng thiện: Dục, cần và tâm làm trưởng (trừ 2 tâm si).

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ chỉ cho *bất thiện sở duyên* là 3 hoặc 4 danh uẩn bất thiện đồng sinh với trưởng bất thiện.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên. Có 10 duyên phối hợp như câu chính.

Paccayo chỉ ra đặc tính vô ngã của pháp.

Nói về: Thời, người, cõi, tâm lộ giống như câu chính.

Dứt câu lọc thứ 4.

Câu 5. Pháp vô ký.

Câu chính.

Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng đồng sinh trưởng duyên".

Câu phụ.

Akusalādhipati cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Trưởng bất thiện làm duyên trợ cho sắc tâm hữu trưởng bằng đồng sinh trưởng duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Akusalo dhammo chỉ *bất thiện năng duyên* là một trong 3 pháp trưởng bất thiện là: Dục, cần hợp trong tâm bất thiện hai nhân và tâm bất thiện hai nhân.

Abyākatassa dhammassa chỉ cho *vô ký sở duyên* là sắc tâm hữu trưởng thiện như: thân biểu tri, ngữ biểu tri…

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên.

Có 9 duyên có cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Bất thiện năng duyên:* Một trong trong ba pháp trong tâm bất thiện hai nhân
- *Vô ký sở duyên:* Sắc tâm hữu trưởng

c- Giải thích

Người có tâm bất thiện, đã thực hiện việc ác bằng tâm thân hay lời nói: Ở đây chỉ đề cập đến "sắc do tâm tạo".

Có các cách như sau:

i- Người có tâm tham, trộm cắp tài sản của người khác bằng thân, hoặc lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác bằng lời nói.

- *Bất thiện năng duyên:* Một trong ba pháp trưởng bất thiện
- *Vô ký sở duyên:* Sắc thân biểu tri hay ngữ biểu tri sinh khởi từ tâm tham

ii- Người có tâm sân, đánh đập hay sát hại chúng sinh khác bằng thân; hoặc mắng chửi chúng sinh khác bằng lời.

- *Bất thiện năng duyên:* Một trong hai pháp trưởng hợp trong tâm sân, hoặc tâm sân
- *Vô ký sở duyên:* Sắc thân biểu tri hay ngữ biểu tri sinh từ tâm sân

d- Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học

iii- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn

iv- Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đồng lực bất thiện hai nhân

v- Giống: Giống đồng sinh

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Câu lọc này thuộc giống đồng sinh. Giống đồng sinh có 15 duyên.

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh khởi nên có 4 duyên biến hành căn bản là:

1- Đồng sinh duyên
2- Đồng sinh y duyên
3- Đồng sinh hiện hữu duyên
4- Đồng sinh bất ly duyên

- Năng duyên là pháp trưởng, nên có:

5- Đồng sinh trưởng duyên

- Năng duyên có tâm sở cần là trưởng, nên có:

6- Đồng sinh quyền duyên
7- Đạo duyên

- Năng duyên có pháp trưởng là tâm, nên có:

8- Danh vật thực duyên

- Năng duyên có danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên có:

9- Đồng sinh bất tương ưng duyên

Như vậy, có tất cả 9 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không phối hợp

- Năng duyên không có pháp nhân, nên không có:

1- Nhân duyên phối hợp

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên không có:

2- Hỗ tương duyên phối hợp

- Năng duyên không có tâm sở tư, nên không có:

3- Đồng sinh nghiệp duyên phối hợp

- Năng duyên là pháp bất thiện, nên không có:

4- Quả duyên

- Năng duyên không có chi thiền, nên không có:

5- Thiền duyên phối hợp

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên không có:

6- Tương ưng duyên phối hợp

Như vậy, có 6 duyên không phối hợp.

Câu phụ. Akusalādhipati chỉ cho trưởng *bất thiện năng duyên* là 1 trong 3 pháp: dục, cần và tâm bất thiện nhị nhân.

Cittasamuṭṭhānānaṃ rūpānaṃ chỉ cho *vô ký sở duyên* là *sắc tâm hữu trưởng* như: thân biểu tri, ngữ biểu tri…

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của *Đồng sinh trưởng duyên.*

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Về chi pháp, thời, người, cõi, tâm lộ, giống và duyên hợp trợ, duyên không hợp trợ giống như câu chính.

Dứt câu lọc 5.

Câu 6. Câu bất thiện và vô ký.

Câu chính. Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện và vô ký bằng đồng sinh trưởng duyên".

Câu phụ. Akusalādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Trưởng bất thiện làm duyên trợ cho 3 hay 4 uẩn bất thiện và sắc tâm hữu trưởng bằng đồng sinh trưởng duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính. Akusalo dhammo chỉ cho *bất thiện năng duyên* là một trong ba pháp: Dục, cần và tâm đang làm trưởng.

Dục, cần hợp trong 10 tâm bất thiện hai nhân; tâm là chỉ cho tâm bất thiện hai nhân.

Akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa chỉ cho *bất thiện và vô ký sở duyên* là: 3 hay 4 danh uẩn bất thiện cùng với sắc tâm hữu trưởng.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên.

Có 8 duyên phối hợp trong câu lọc này.

Paccayo chỉ cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Bất thiện năng duyên:* Tâm sở dục hay tâm sở cần là pháp trưởng trong tâm bất thiện hai nhân; hoặc là tâm bất thiện hai nhân là pháp trưởng.
- *Bất thiện và vô ký sở duyên:* 10 tâm bất thiện 2 nhân, 26 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng), sắc tâm hữu trưởng.

c- Giải thích

Câu lọc này có những trường hợp như sau:

- Có trường hợp khởi lên pháp bất thiện, nhưng chưa thực hiện bằng thân hay lời nói. Đây là danh bất thiện trợ cho danh bất thiện. Như trường hợp người luyện chú thuật để hại người.
- Có trường hợp khởi lên ý bất thiện, rồi thực hiện bằng thân hoặc bằng lời nói. Đây là Danh bất thiện trợ cho Danh bất thiện và sắc tâm (Danh – Sắc bất thiện).

i- Một uẩn bất thiện như tâm sở dục, tâm sở cần làm trưởng trong tâm bất thiện hai nhân, trợ giúp cho các uẩn bất thiện còn lại cùng sinh lên luôn cả sắc tâm bất thiện.

ii- Thức uẩn bất thiện là tâm tham hay tâm sân trợ giúp cho 3 danh uẩn bất thiện và sắc tâm hữu trưởng cùng sinh lên.

d- Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học

iii- Cõi: 26 cõi ngũ uẩn

iv- Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn với đổng lực tham hay sân

v- Giống: Giống đồng sinh

e- Duyên phối hợp và Duyên không phối hợp

i- Duyên phối hợp

Câu lọc này thuộc giống đồng sinh. Giống đồng sinh có 15 duyên phối hợp. Câu lọc này có:

-Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có bốn duyên biến hành phối hợp là:

1- Đồng sinh duyên
2- Đồng sinh y duyên
3- Đồng sinh hiện hữu duyên
4- Đồng sinh bất ly duyên

-Năng duyên là pháp trưởng nên có:

5- Đồng sinh trưởng duyên

-Năng duyên có tâm sở cần là pháp trưởng, nên có:

6- Đồng sinh quyền duyên
7- Đạo duyên

-Năng duyên có tâm là pháp trưởng, nên có:

8- Danh vật thực duyên

Như vậy, có 8 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không hợp trợ

- Năng duyên không có pháp nhân, nên không có:
1- Nhân duyên phối hợp.
- Năng duyên là pháp bất thiện, nên không có:
2- Quả duyên
- Sở duyên có sắp pháp, nên không có:
3- Quả duyên
4- Tương ưng duyên
- Năng duyên không có chi thiền, nên không có:
5- Thiền duyên
- Năng duyên không có tâm sở tư, nên không có:
6- Đồng sinh nghiệp duyên
- Sở duyên có danh pháp, nên không có:
7- Đồng sinh bất tương ưng duyên phối hợp

Như vậy, có 7 duyên không phối hợp với câu lọc này.

Câu phụ. Akusalādhipati chỉ cho *bất thiện năng duyên* là một trong 3 pháp trưởng bất thiện.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ chỉ cho *bất thiện và vô ký sở duyên* là 3 hay 4 danh uẩn bất thiện cùng với sắc tâm hữu trưởng đồng sinh với pháp trưởng.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

Chi pháp, thời, người, cõi, tâm lộ, giống, duyên phối hợp và duyên không phối hợp giống như câu chính.

Dứt câu lọc 6.

B – Pháp vô ký

Câu 7. Câu vô ký.

Câu chính.

Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng đồng sinh trưởng duyên".

Câu phụ.

Vipākābyākatā kiriyābyākatādhipati sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ sahajātādhipatipaccayena paccayo.

"Trưởng quả - duy tác trợ giúp 3 hay 4 uẩn danh uẩn quả hay duy tác và sắc tâm hữu trưởng quả hay duy tác bằng đồng sinh trưởng duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Abyākato dhammo chỉ *vô ký năng duyên* là một trong bốn pháp trưởng thuộc pháp quả hay pháp duy tác: Dục, cần, trí hợp trong tâm quả siêu thế, tâm duy tác hữu nhân hay tâm quả siêu thế, tâm duy tác hữu nhân là pháp trưởng.

Abyākatassa dhammassa chỉ cho *vô ký sở duyên* là 3 hay 4 danh uẩn quả - duy tác, cùng sắc tâm hữu trưởng đồng sinh với pháp trưởng.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên. Có 13 duyên cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* Dục, cần, trí có trong 17 tâm duy tác hữu nhân; 4 tâm Thánh quả hay 17 tâm duy tác hữu nhân, 4 tâm Thánh quả đang làm pháp trưởng.
- *Vô ký sở duyên:* 21 tâm vô ký đổng lực hữu nhân, 38 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng); hoặc là 38 tâm sở hợp và sắc tâm vô ký hữu trưởng.

c- Giải thích

Câu lọc này khi phân tích có 3 trường hợp.

i. Danh vô ký trợ danh vô ký

- *Vô ký năng duyên:* một trong bốn pháp trưởng vô ký.
- *Vô ký sở duyên:* 21 tâm đổng lực vô ký hữu nhân, 38 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng).

Như vị Thánh A La Hán muốn tế độ người hữu duyên.

Vô ký năng duyên: Tâm sở dục làm trưởng

Vô ký sở duyên: 8 tâm duy tác hữu nhân dục giới, 34 tâm sở hợp (trừ giới phần, tâm sở dục)

- Vị Thánh A La Hán muốn an trú tâm trong thiền hiệp thế.

Vô ký năng duyên: Tâm sở dục

Vô ký sở duyên: 9 tâm duy tác đáo đại, 34 tâm sở hợp (trừ giới phần, tâm sở dục)

- Vị Thánh A La Hán muốn an trú tâm trong Thánh quả định.

Vô ký năng duyên: Tâm sở dục làm trưởng

Vô ký sở duyên: 4 tâm Thánh quả, 35 tâm sở hợp (trừ tâm sở dục)

Các pháp trưởng vô ký còn lại cũng tương tự.

d- Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 4 bậc Thánh quả

iii- Cõi: 26 cõi vui hữu

iv- Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả với đổng lực là tâm vô ký hữu nhân

v- Giống: Giống đồng sinh

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên phối hợp

Câu lọc này thuộc giống đồng sinh. Giống đồng sinh có 15 duyên.

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên có 4 duyên căn bản:

1- Đồng sinh duyên
2- Đồng sinh y duyên
3- Đồng sinh hiện hữu duyên
4- Đồng sinh bất ly duyên

- Năng duyên có tâm sở trí là pháp trưởng, nên có:

5- Nhân duyên

- Năng duyên có tâm sở trí và tâm sở cần là pháp trưởng, nên có:

6- Đồng sinh quyền duyên
7- Đạo duyên

- Năng duyên có 4 pháp trưởng, nên có:

8- Đồng sinh trưởng duyên

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên có tâm trưởng cũng là danh pháp, nên có:

9- Hỗ tương duyên

- Năng duyên có tâm Thánh quả là pháp trưởng, nên có:

10- Quả duyên
11- Danh vật thực duyên

- Năng duyên là danh pháp, nếu vô ký sở duyên cũng là danh pháp, nên có:

12- Tương ưng duyên

- Năng duyên là danh pháp, nếu vô ký sở duyên là sắc tâm vô ký hữu trưởng, nên có:

13- Đồng sinh bất tương ưng duyên

(Nếu vô ký sở duyên có cả danh lẫn sắc thì không có Tương ưng duyên lẫn Đồng sinh bất tương ưng duyên)

Như vậy, có 11 hay 13 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không phối hợp

- Năng duyên không có chi thiền, nên không có:

1- Thiền duyên phối hợp

- Năng duyên không có tâm sở tư, nên không có:

2- Đồng sinh nghiệp duyên phối hợp

Như vậy, có 2 duyên không phối hợp.

ii. Danh vô ký trợ cho sắc

Vô ký năng duyên: Một trong 4 pháp trưởng vô ký có trong tâm duy tác hữu nhân hay trong tâm Thánh quả.

Vô ký sở duyên: 17 sắc tâm vô ký hữu trưởng.

Như vị Thánh A La Hán thuyết pháp để tế độ chúng sinh.

Vô ký năng duyên: Một trong 4 pháp trưởng có trong 4 tâm đại tố có trí.

Vô ký sở duyên: Sắc ngữ biểu tri sinh từ tâm đại tố có trí với một trong 4 pháp trưởng.

Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 4 bậc Thánh quả

(Với 3 bậc Thánh quả thấp, vô ký sở duyên là sắc thân biểu tri khi vị ấy nhập thiền quả, hay trong tâm lộ đắc đạo)

iii- Cõi: 22 cõi vui ngũ uẩn

iv- Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đồng lực là duy tác hữu nhân dục giới, lộ nhập thiền của bậc Thánh A La Hán, tâm lộ đắc đạo.

v- Giống: Giống đồng sinh

Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

- Năng duyên và sở duyên cùng sinh lên, nên thuộc giống đồng sinh, có 4 duyên căn bản phối hợp là:

1- Đồng sinh duyên
2- Đồng sinh y duyên
3- Đồng sinh hiện hữu duyên
4- Đồng sinh bất ly duyên
- Năng duyên có tâm sở trí là trưởng, nên có:
5- Nhân duyên phối hợp
- Năng duyên có tâm sở trí, nên có:
6- Đồng sinh quyền duyên phối hợp
7- Đồng sinh trưởng duyên phối hợp
8- Đạo duyên
- Năng duyên có pháp quả, nên có:
9- Quả duyên phối hợp
- Năng duyên có tâm là pháp trưởng, nên có:
10- Danh vật thực duyên phối hợp
- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên có:
11- Đồng sinh bất tương ưng duyên

Như vậy, có 11 duyên phối hợp.

Duyên không phối hợp

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên có:
1- Hỗ tương duyên phối hợp
- Năng duyên không có tâm sở tư, nên không có:
2- Đồng sinh nghiệp duyên
- Năng duyên không có chi thiền, nên không có:
3- Thiền duyên
- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên có:
4- Tương ưng duyên

Như vậy, có 4 duyên không phối hợp.

iii. Danh vô ký trợ cho danh - sắc vô ký

Vô ký năng duyên: Một trong 4 pháp trưởng vô ký.

Vô ký sở duyên: 21 tâm đổng lực vô ký hữu nhân, 38 tâm sở hợp (trừ pháp đang làm trưởng), sắc tâm vô ký hữu trưởng.

Câu này kết hợp cả 2 câu trên.

Như Đức Thế Tôn muốn tế độ 1000 vị đạo sĩ thờ lửa có đạo sĩ Uruvela Kassapa là trưởng. Đức Thế Tôn đi đến rừng Uruvela.

Vô ký năng duyên: Tâm sở dục làm trưởng.

Vô ký sở duyên: 8 tâm đại tố, 34 tâm sở hợp (trừ giới phần, tâm sở dục), sắc thân biểu tri hữu trưởng.

Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật
ii- *Người:* Bậc Tứ quả
iii- *Cõi:* 22 cõi vui ngũ uẩn
iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đổng lực là 8 tâm đại tố, lộ đắc thiền, tâm lộ nhập thiền của bậc Thánh A La Hán, tâm lộ đắc đạo, tâm lộ nhập thiền quả, tâm lộ nhập thiền diệt của bậc Thánh A La Hán.
v- *Giống:* Thuộc giống đồng sinh

Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

Duyên hợp trợ

- Năng duyên và sở duyên thuộc giống đồng sinh, nên có 4 duyên căn bản phối hợp là:
1- Đồng sinh duyên
2- Đồng sinh y duyên

3- Đồng sinh hiện hữu duyên
4- Đồng sinh bất ly duyên
- Năng duyên có tâm sở trí là pháp trưởng, nên có:
5- Nhân duyên phối hợp
6- Đồng sinh trưởng duyên phối hợp
7- Đồng sinh quyền duyên phối hợp
8- Đạo duyên phối hợp
- Năng duyên có tâm Thánh quả là pháp trưởng, nên có:
9- Quả duyên phối hợp
10- Danh vật thực duyên phối hợp

Như vậy, có 10 duyên phối hợp trong câu lọc này.

Duyên không phối hợp

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên có sắc pháp, nên không có:
1- Hỗ tương duyên phối hợp
- Năng duyên không có chi thiền, nên không có:
2- Thiền duyên phối hợp
- Năng duyên không có tâm sở tư, nên không có:
3- Đồng sinh nghiệp duyên phối hợp
- Vô ký sở duyên có danh pháp lẫn sắc pháp, nên không có:
4- Tương ưng duyên phối hợp
5- Đồng sinh bất tương ưng duyên phối hợp

Như vậy, có 5 duyên không phối hợp.

Câu phụ.

Vipākābyākatā kiriyābyākatādhipati chỉ *vô ký năng duyên* là một trong bốn pháp trưởng như câu chính.

Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ cittasamuṭṭhānānañca rūpānaṃ chỉ cho *vô ký sở duyên*, chi pháp như câu chính.

Sahajātādhipatipaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của Đồng sinh trưởng duyên. Duyên phối hợp trong câu lọc này giống như câu chính.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Nói về: chi pháp, thời, người, cõi, tâm lộ, duyên phối hợp và không phối hợp như câu chính.

Dứt câu lọc thứ 7.

Tổng kết: Thuần tuý số lượng câu
(Suddhasaṃkhayāvāra) có tất cả là bảy câu:

1- Thiện trợ thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên
2- Thiện trợ vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên
3- Thiện trợ thiện và vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên
4- Bất thiện trợ bất thiện bằng Đồng sinh trưởng duyên
5- Bất thiện trợ vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên
6- Bất thiện trợ bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên
7- Vô ký trợ vô ký bằng Đồng sinh trưởng duyên

Tam đề thiện đối với Đồng sinh trưởng duyên
Hợp lực (sabhāga) với Đồng sinh trưởng duyên đối với Tam đề thiện

Có 12 duyên hợp lực với Đồng sinh trưởng duyên là:
Đồng sinh trưởng duyên thuộc giống đồng sinh nên có 4 duyên hợp lực là:

1- Đồng sinh duyên
2- Đồng sinh y duyên
3- Đồng sinh hiện hữu duyên
4- Đồng sinh bất ly duyên
- Năng duyên có tâm sở trí là pháp trưởng, nên có:
5- Nhân duyên
- Năng duyên là pháp trưởng; sở duyên cũng là danh pháp, nên có:
6- Hỗ tương duyên
7- Tương ưng duyên
- Năng duyên có tâm sở trí, tâm sở cần là pháp trưởng, nên có:
8- Đồng sinh trưởng duyên
9- Đạo duyên
- Năng duyên có tâm là pháp trưởng, nên có:
10- Danh vật thực duyên
- Năng duyên có tâm quả là trưởng, nên có:
11- Quả duyên
- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên có:
12- Đồng sinh bất tương ưng duyên

Như vậy, có 12 duyên phối hợp với Đồng sinh trưởng duyên.

Duyên không phối hợp với Đồng sinh trưởng duyên

- Năng duyên không có chi thiền, nên không có:
1- Thiền duyên phối hợp
- Năng duyên không có tâm sở tư nên không có:
2- Đồng sinh nghiệp duyên phối hợp

Như vậy, không có 2 duyên không phối hợp với Đồng sinh trưởng duyên.

Thích giải tóm lược

Đồng sinh trưởng duyên là chỉ cho danh pháp vừa có đặc tính là đồng sinh, vừa có đặc tính là lớn trội hơn các pháp đồng sinh khác.

- Khi tâm sở dục (ước muốn) lớn trội, gọi là dục trưởng.
- Khi tâm sở cần lớn mạnh, gọi là cần trưởng.
- Khi tâm sở trí lớn mạnh, gọi là trí trưởng.
- Khi tâm đồng lực nhị nhân lớn mạnh, gọi là tâm trưởng.

Gọi là pháp trưởng là chỉ cho một trong bốn pháp này, ngoài ra không có pháp nào khác.

Trong một sát na tâm chỉ có một pháp trưởng. Ví như trong một nước chỉ có một vị vua là lớn nhất.

Dứt Tam đề thiện với Đồng sinh trưởng duyên.

PHẦN II.

Bài 5:

III. TAM ĐỀ THIỆN VỚI VÔ GIÁN DUYÊN

Vô gián duyên (anantarapaccaya) là chỉ cho danh uẩn trước diệt đi trợ giúp cho danh uẩn sau sinh lên bằng mãnh lực "không gián đoạn".

Chi pháp tổng quát của vô gián duyên là:

Năng duyên: Tâm và tâm sở sinh trước diệt đi (trừ tâm tử của vị Thánh A La Hán) trợ giúp.

Sở duyên: Tâm và tâm sở sinh lên sau theo cách "không gián đoạn".

Phi sở duyên: Níp Bàn, chế định và sắc pháp.

Chi pháp của Vô gián duyên trùng với 4 duyên sau:

1. Đẳng vô gián duyên (samantarapaccaya)
2. Vô gián cận y duyên (anantarūpanissayapaccaya)
3. Vô hữu duyên (natthipaccaya)
4. Ly duyên (vigatapaccaya)

Chú thích

Pháp năng duyên diệt đi, pháp sở duyên mới sinh lên, do đó có "vô hữu duyên" và "ly duyên".

Tam đề thiện với vô gián duyên.

Có được 7 câu lọc.

A. Pháp thiện

Câu 1. Câu thiện.

Câu chính.

Kusalo dhammo kusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ pháp thiện bằng vô gián duyên".

Câu phụ 1.

Purimā purimā kusalā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo.

"Danh uẩn thiện trước trước trợ danh uẩn thiện sau sau bằng vô gián duyên".

Câu phụ 2.

Anulomaṃ gotrabhussa anulomaṃ vodānassa anantarapaccayena paccayo.

"Thuận thứ trợ cho Chuyển tánh, Tiến bậc bằng vô gián duyên".

Câu phụ 3.

Gotrabhū maggassa vodānaṃ maggassa anantarapaccayena paccayo.

"Chuyển tánh trợ đạo, Tiến bậc trợ đạo bằng vô gián duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Kusalo dhammo chỉ *thiện năng duyên* là 17 tâm thiện hiệp thế sinh trước (trừ đổng lực thiện sau cùng).

Kusalassa dhammassa chỉ *thiện sở duyên* là 21 tâm thiện sinh sau (trừ đổng lực thiện thứ nhất).

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 6 duyên có cùng tính chất phối hợp với câu lọc này.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của của pháp.

b- Chi pháp

Thiện năng duyên: 8 tâm đại thiện, 9 tâm thiện đáo đại, 38 tâm sở sinh trước (trừ tâm thiện đổng lực sau cùng).

Thiện sở duyên: 8 tâm đại thiện, 9 tâm thiện đáo đại, 4 Thánh đạo, 38 tâm sở hợp (trừ tâm đổng lực thiện thứ nhất) sinh sau.

c- Giải thích

Trong câu chính của câu lọc này, chỉ chung cho tâm lộ có đổng lực thiện, tâm lộ đắc thiền, tâm lộ nhập thiền thiện, tâm lộ đắc Thánh đạo.

i- *Tâm lộ ngũ môn hay tâm lộ ý môn có đổng lực thiện* (kusalajavanacitta)

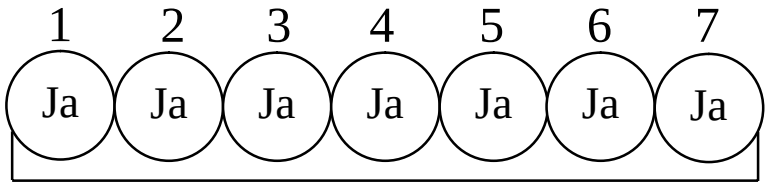

Lộ đổng lực (javanavīthi)

Ký hiệu: Ja = Javana (đổng lực)

Thông thường lộ tâm đổng lực có 7 sát na. Ở đây chỉ cho đổng lực thiện dục giới. Đổng lực thiện dục giới này có thể là tâm đại thiện nhị nhân hay tâm đại thiện tam nhân, 38 tâm sở hợp. Trong đó:

Thiện sát na thứ 1 là năng duyên; thiện sát na thứ 2 là sở duyên.

Thiện sát na thứ 2 diệt đi, trợ cho thiện sát na thứ 3 sinh lên. Như vậy:

Thiện sát na thứ 2 là năng duyên, thiện sát na thứ 3 là sở duyên.

Tiến trình này được diễn ra đến: Thiện sát na thứ 6 trợ giúp cho thiện sát na thứ 7 sinh lên là chấm dứt.

Như vậy, đổng lực thiện sát na thứ 1 chỉ là năng duyên.

Đổng lực thiện từ thứ 2 đến đổng lực thiện thứ 6, vừa là sở duyên cũng vừa là năng duyên.

Riêng đổng lực thiện thứ 7 chỉ là sở duyên.

ii- **Tâm lộ đắc thiền**

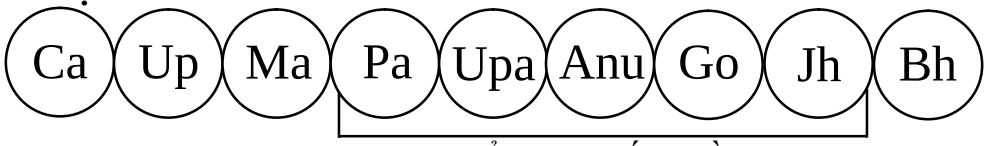

Đổng lực đắc thiền

Ký hiệu:

Ca = Bhavaṅgacalana (Hữu phần Rúng động)
Up = Bhavaṅga-upaccheda (Hữu phần Dứt dòng)
Ma = Manodvāravajjanacitta (Tâm hướng ý môn)
Pa = Parikammacitta (Tâm chuẩn bị)
Upa = Upacāracitta (Tâm cận hành)
Anu = Anulomacitta (Tâm Thuận thứ)
Go = Gotrabhūcitta (Tâm Chuyển tánh)
Jh = Jhānacitta (Tâm thiền)
Bh = Bhavaṅgacitta (Tâm hữu phần)

Ở đây chỉ khảo sát tâm lộ đổng lực đắc thiền thiện. Cả bốn sát na đổng lực: chuẩn bị, cận hành, Thuận thứ và Chuyển tánh là tâm đại thiện có trí, 35 tâm sở hợp (trừ giới phần).

Tâm thiền là 9 tâm thiện đáo đại cùng với tâm sở hợp.

- Sát na đổng lực thiện chuẩn bị là thiện năng duyên nhất định.
- Sát na thiền thiện là sở duyên nhất định.
- Sát na thiện đổng lực cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh vừa là sở duyên của đổng lực thiện trước, vừa là năng duyên của đổng lực thiện sau.

iii- **Tâm lộ nhập thiền thiện**

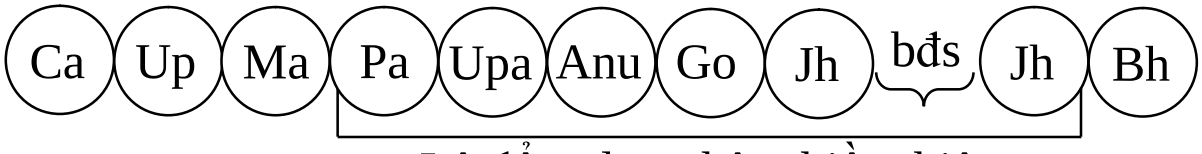

Lộ đồng lực nhập thiền thiện

Trong lộ đồng lực thiện này:

- Sát na đồng lực thiện chuẩn bị là năng duyên nhất định.
- Sát na thiền thiện cuối cùng là sở duyên nhất định.
- Những sát na thiện từ đồng lực thiện cận hành cho đến sát na đồng lực thiền thiện áp chót vừa là sở duyên, vừa là năng duyên.

iv- **Tâm lộ đắc đạo**

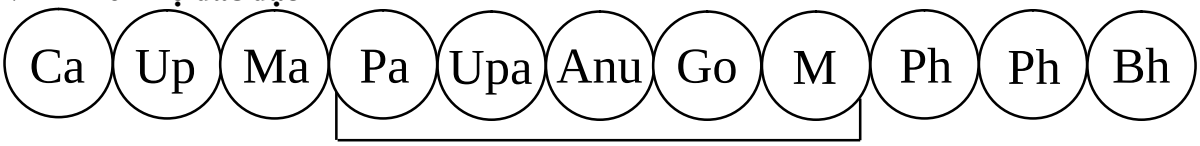

Đồng lực thiện

Ký hiệu:

M = Magga (đạo)

Ph = Phala (quả)

Trong lộ đồng lực thiện đắc đạo có:

- Sát na thiện đồng lực chuẩn bị trợ cho sát na thiện đồng lực thiện cận hành.
- Sát na thiện đồng lực cận hành trợ cho sát na thiện đồng lực Thuận thứ.
- Sát na thiện đồng lực Thuận thứ trợ cho sát na thiện đồng lực Chuyển tánh (hay Tiến bậc).
- Sát na thiện đồng lực Chuyển tánh (hay Tiến bậc) trợ cho sát na Thánh đạo.

Như vậy:

- Sát na thiện đồng lực Chuẩn bị là năng duyên nhất định.
- Sát na Thánh đạo là sở duyên nhất định.
- Các sát na thiện đồng lực Cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh (hay Tiến bậc) vừa là sở duyên, vừa là năng duyên.

Các sát na thiện đồng lực: chuẩn bị, cận hành, Thuận thứ, Chuyển tánh, Tiến bậc là 4 đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp.

- Tâm Thánh đạo là 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp.

d- Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật

ii- Người: 4 Phàm, 7 bậc Thánh Hữu học

iii- Cõi: 30 cõi hữu tâm

iv- Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đồng lực thiện, lộ đắc thiền, tâm lộ nhập thiền hiệp thế, tâm lộ đắc đạo, tâm lộ nhập thiền quả của bậc Thánh Hữu học.

v- Giống: Giống vô gián

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Câu lọc này thuộc giống vô gián. Giống vô gián có 7 duyên.

Câu lọc này thuộc vô gián duyên nên có:

1- Vô gián duyên
2- Đẳng vô gián duyên
3- Vô gián cận y duyên
4- Vô hữu duyên
5- Ly duyên

- Năng duyên là tâm thiện sinh trước giúp cho tâm thiện sinh sau được vững mạnh, nên có:

6- Tập hành duyên

Như vậy, có 6 duyên phối hợp.

ii- Duyên không hợp trợ

- Năng duyên không có tâm sở tư là chủ yếu nên không có:

1- Thường cận dị thời nghiệp duyên phối hợp.

Câu phụ 1.

Purimā purimā kusalā khandhā chỉ cho *thiện năng duyên* sinh trước trước. Chi pháp thiện năng duyên giống như thiện năng duyên trong câu chính.

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ kusalānaṃ khandhānaṃ chỉ cho *thiện sở duyên* sinh lên sau sau. Chi pháp thiện sở duyên giống như câu chính.

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của vô gián duyên.

Có 6 duyên có cùng tính chất phối hợp như câu chính.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

Nói về chi pháp, thời, người, cõi, tâm lộ, duyên hợp trợ và không hợp trợ như câu chính.

Câu phụ 2.

Anulomaṃ chỉ *thiện năng duyên* là 4 tâm đại thiện có trí, ở sát na đồng lực thiện Thuận thứ (anuloma).

Gotrabhussa vodānassa chỉ *thiện sở duyên* là 4 tâm đại thiện có trí ở sát na đồng lực Chuyển tánh hay sát na đồng lực Tiến bậc (vodāna).

Anantarapaccayena chỉ cho mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 6 duyên có cùng tính chất phối hợp.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

Nói về:

Chi pháp, thời giống như câu chính.

Người: Phàm tam nhân, 3 Thánh quả Hữu học

Cõi: 26 cõi vui hữu tâm

Tâm lộ: Tâm lộ đắc thiền, tâm lộ đắc thiền hiệp thế, tâm lộ đắc đạo

Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

Giống như câu chính.

Câu phụ 3.

Gotrabhū vodānaṃ chỉ cho *thiện năng duyên* là 4 tâm đại thiện có trí ở sát na chuyển tộc hay sát na Tiến bậc.

Maggassa chỉ cho *thiện sở duyên* là 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp.

Anantarapaccayena chỉ cho mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên:* 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp ở sát na đồng lực Chuyển tánh hay sát na đồng lực Tiến bậc.
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Người:* Phàm tam nhân, 3 bậc Thánh quả Hữu học
- *Cõi:* 22 cõi vui hữu tâm
- *Tâm lộ:* Tâm lộ đắc đạo

Duyên phối hợp và Duyên không phối hợp

Duyên hợp trợ

Có 6 duyên thuộc giống vô gián phối hợp:

1- Vô gián duyên
2- Đẳng vô gián duyên
3- Vô gián cận y duyên
4- Vô hữu duyên

5- Ly duyên
6- Tập hành duyên

Duyên không hợp trợ

Năng duyên không có tâm sở tư là chủ yếu, nên không có:

1- Thường cận y dị thời nghiệp duyên phối hợp.

Dứt câu lọc số 1.

Câu 2. Câu vô ký.

Câu chính.

Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ pháp vô ký bằng vô gián duyên".

Câu phụ 1.

Kusalaṃ vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo.

"Đổng lực thiện sau cùng trợ cho Na cảnh bằng vô gián duyên".

Câu phụ 2.

Maggo phalassa anantarapaccayena paccayo.

"Đạo trợ cho quả bằng vô gián duyên".

Câu phụ 3.

Anulomaṃ sekkhāya phalasamāpattiyā anantarapaccayena paccayo.

"Thuận thứ trợ cho thiền quả của bậc Thánh quả Hữu học bằng vô gián duyên".

Câu phụ 4.

Nirodhā vuṭṭhahantassa nevasaññānāsaññāyatanakusalaṃ phalasamāpattiyā anantarapaccayena paccayo.

"Thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ trợ cho tâm Tam quả của bậc Thánh A Na Hàm sinh lên khi xuất khỏi thiền diệt bằng vô gián duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Kusalo dhammo chỉ cho *thiện năng duyên* là 17 tâm thiện hiệp thế, 38 tâm sở hợp ở sát đổng lực thứ 7 hay thứ 6 sau cùng; 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp.

Abyākatassa dhammassa chỉ cho *vô ký sở duyên* là 11 tâm Na cảnh, 19 tâm hữu phần, 4 Thánh quả.

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên. Có 6 duyên có cùng tính chất phối hợp với câu lọc này.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của của pháp.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên:* 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp, sinh trước tâm quả
- *Vô ký sở duyên:* 24 tâm quả = 11 tâm Na cảnh, 9 tâm quả Đáo đại, 4 tâm Thánh quả; 38 tâm sở hợp

c- Giải thích

Sở dĩ có 38 tâm sở hợp là vì: với vị hành giả tu tập đề mục Bi vô lượng (karuṇā) hay Hỷ vô lượng tâm (muditā) nên trong tâm quả sở thiền, nhị thiền, tam thiền có vô lượng phần.

Trong 4 tâm Thánh quả có giới phần là: chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

- 8 tâm đại quả vừa là tâm hữu phần, vừa là [tâm Na cảnh].

Trong câu lọc này cần khảo sát 7 mô thức.

i- *Tâm lộ có đổng lực thiện, chót Na cảnh (tadālambanacitta)*

Diễn tiến như sau:

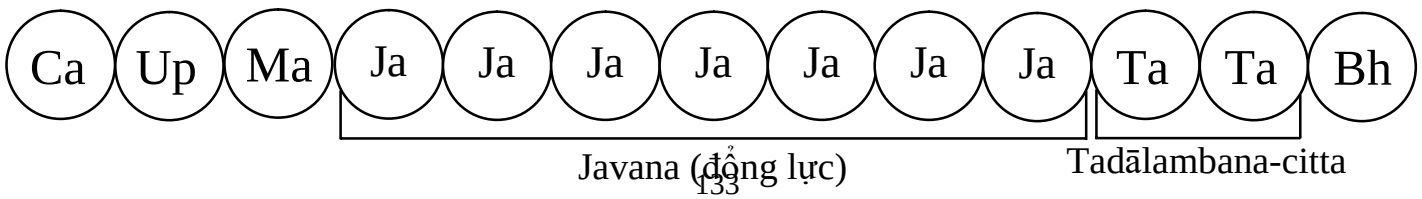

Ký hiệu:

Ca = Bhavaṅgacalana (Hữu phần Rúng động)
Up = Bhavaṅga-upaccheda (Hữu phần Dứt dòng)
Ma = Manodvāravajjanacitta (Tâm hướng ý môn)
Ja = Javanacitta (Tâm đổng lực)
Ta = Tadālambanacitta (Tâm Na cảnh)

Trong mô thức này có:

Thiện năng duyên: một trong 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp ở sát na đổng lực thứ 7 trợ sinh.

Vô ký sở duyên: một trong 11 tâm Na cảnh = 3 tâm quan sát, 8 tâm đại quả; 33 tâm sở hợp ở sát na Na cảnh đầu tiên.

Đây là thiện trợ cho vô ký bằng vô gián duyên.

ii- *Tâm lộ có đổng lực thiện, chót đổng lực*

Diễn tiến như sau:

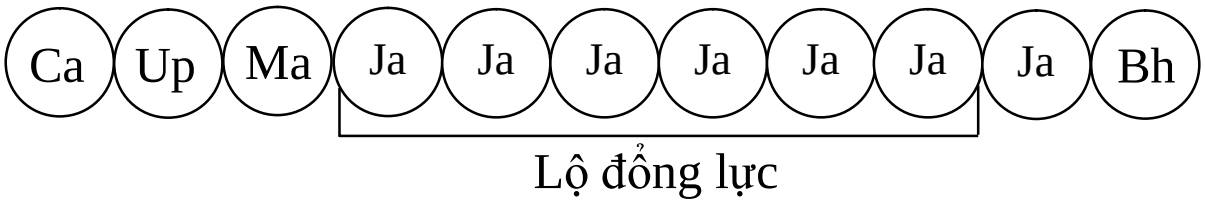

Lộ đổng lực

Bh = Bhavaṅgacitta (Tâm hữu phần)

Tâm lộ này có thể diễn ra ở cõi 5 uẩn hoặc 4 uẩn.

Trong mô thức này có:

Thiện năng duyên: Sát na thiện đổng lực thứ 7 (hay sát na đổng lực thiện thứ 6 trong lộ có 6 đổng lực thiện), là một trong 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên: Tâm hữu phần sinh lên tiếp theo sau sát na đổng lực thiện sau cùng trong lộ đổng lực, tâm hữu phần đó là một trong 19 tâm (2 tâm quan sát thọ xả, 8 tâm đại quả, 9 tâm quả Đáo đại) cùng tâm sở hợp.

Đây là mô thức thiện trợ cho vô ký bằng vô gián duyên.

iii- *Tâm lộ đắc thiền*

Diễn tiến như sau:

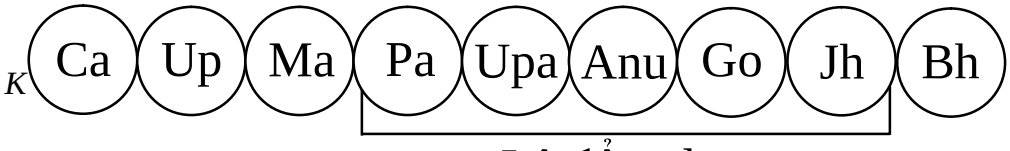

Lộ đổng lực

Ca = Bhavaṅgacalana (Hữu phần Rúng động)
Up = Bhavaṅga-upaccheda (Hữu phần Dứt dòng)
Ma = Manodvāravajjanacitta (Tâm hướng ý môn)
Pa = Parikammacitta (Tâm chuẩn bị)
Upa = Upacāracitta (Tâm cận hành)
Anu = Anulomacitta (Tâm Thuận thứ)
Go = Gotrabhūcitta (Tâm Chuyển tánh)
Jh = Jhānacitta (Tâm thiền)
Bh = Bhavaṅgacitta (Tâm hữu phần)

Bốn tâm: chuẩn bị, cận hành, Thuận thứ và Chuyển tánh là một trong 4 tâm đại thiện có trí.

Tâm thiền là một trong 9 tâm thiện Đáo đại.

Tâm hữu phần là một trong 13 tâm quả hiệp thế có trí.

Thiện năng duyên: Sát na tâm thiền cùng tâm sở hợp

Vô ký sở duyên: Tâm hữu phần

Đây là mô thức Thiện trợ cho vô ký bằng vô gián duyên.

iv- *Tâm lộ nhập thiền thiện*

Cũng tương tự như tâm lộ đắc thiền, chỉ khác chi tiết là tâm thiền sinh diệt vô số sát na.

v- *Tâm lộ đắc đạo*

Diễn tiến như sau:

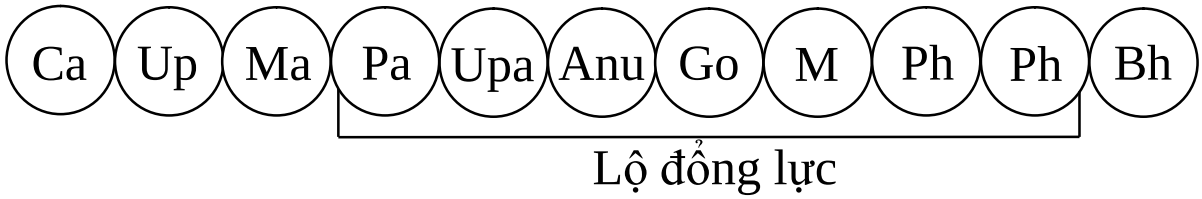

Ký hiệu:

M = Magga (Tâm Đạo)

Ph = Phala (Tâm Thánh quả)

Thiện năng duyên: Một trong 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp

Vô ký sở duyên: Một trong 4 tâm Thánh quả, 36 tâm sở hợp

Đây là mô thức thiện trợ cho vô ký bằng vô gián duyên.

vi- *Tâm lộ nhập thiền quả của bậc Thánh quả Hữu học*

Diễn tiến như sau:

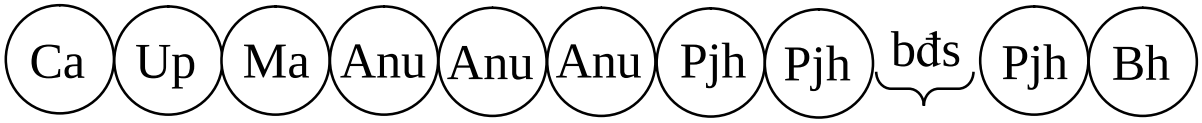

Ký hiệu:

Pjh = Phalajhānacitta (tâm thiền quả)

bđs = bất định số

Bốn sát na Thuận thứ (Anu) là một trong 4 tâm đại thiện có trí.

Thiền quả (Pjh) là một trong 3 Thánh quả Hữu học.

Thiện năng duyên: 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) ở sát na đồng lực Thuận thứ sau cùng

Vô ký sở duyên: 3 tâm Thánh quả thấp, 36 tâm sở hợp ở sát na Thánh quả đầu tiên

Đây là mô thức thiện trợ vô ký bằng vô gián duyên.

vii- *Tâm lộ nhập định diệt của bậc Thánh A Na Hàm*

Diễn tiến như sau:

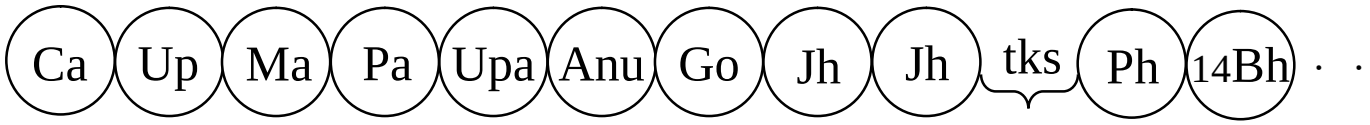

tks = Tâm không sinh

Jh = Jhānacitta (tâm thiền), là chỉ cho 2 sát na thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ

Ph = Phalacitta (tâm Thánh quả). Tâm Thánh quả ở đây là Thánh quả A Na Hàm ngũ thiền.

Bốn sát na Thuận thứ (anu) là một trong hai tâm đại thiện thọ xả có trí, 30 tâm sở hợp.

Thiện năng duyên: Sát na đồng lực thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ thứ 2; 30 tâm sở hợp

Vô ký sở duyên: Tâm Thánh quả A Na Hàm, 33 tâm sở hợp

Đây là mô thức thiện trợ vô ký bằng vô gián duyên.

d- Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật, thời cận tử

ii- *Người:* có 12 hạng người

iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đổng lực thiện hoặc chót Na cảnh hoặc chót đổng lực, tâm lộ đắc thiền, tâm lộ nhập thiền thiện, tâm lộ đắc đạo, tâm lộ nhập thiền quả, tâm lộ nhập định diệt của bậc Thánh A Na Hàm.

v- *Giống:* Giống vô gián

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Câu lọc này thuộc giống vô gián. Giống vô gián có 7 duyên. Trong câu lọc này có được:

1- Vô gián duyên
2- Đẳng vô gián duyên
3- Vô gián cận y duyên
4- Vô hữu duyên
5- Ly duyên
6- Thường cận y nghiệp dị thời duyên

Sở dĩ có vô gián cận y duyên, vì tâm Thánh quả siêu thế được vững mạnh do sự trợ sinh của tâm Thánh đạo trước đó.

Sở dĩ có thường cận y nghiệp dị thời duyên vị tâm sở tư trong tâm Thánh đạo trợ sinh cho tâm Thánh quả. Tâm Thánh đạo cách tâm Thánh quả một sát na.

Cũng có thể kể thêm "vô gián nghiệp duyên" phối hợp.

Như vậy, có 6 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không hợp trợ

Năng duyên là pháp thiện, sở duyên là pháp vô ký nên không có "tập hành duyên" phối hợp.

Câu phụ 1.

Kusalaṃ chỉ cho *thiện năng duyên* là một trong 17 tâm đổng lực thiện hiệp thế ở sát na sau cùng.

Vuṭṭhānassa chỉ *vô ký sở duyên* là 11 tâm Na cảnh, 19 tâm hữu phần sinh lên tiếp theo sát na đổng lực thiện hiệp thế sau cùng.

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất phối hợp.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên:* 17 tâm thiện hiệp thế ở sát na đổng lực sau cùng
- *Vô ký sở duyên:* 11 tâm Na cảnh, 19 tâm hữu phần ở sát na đầu sau sát na đổng lực thiện

c- Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật, thời cận tử

ii- *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học

iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, tâm lộ cận tử có đổng lực thiện, tâm lộ đắc thiền thiện hiệp thế, tâm lộ nhập thiền thiện hiệp thế.

v- *Giống:* Giống cảnh

d- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Câu này thuộc giống vô gián nên có:

- Vô gián duyên
- Vô gián cận y duyên
- Đẳng vô gián duyên
- Vô hữu duyên
- Ly duyên

ii- Duyên không phối hợp

Năng duyên là pháp thiện, sở duyên là pháp vô ký, nên không có:

1- Tập hành duyên
2- Thường cận y nghiệp dị thời duyên
Có hai duyên không phối hợp.

Câu phụ 2.

Maggo chỉ *thiện năng duyên* là 4 tâm Thánh quả, 36 tâm sở hợp.
Phalassa chỉ *vô ký sở duyên* là 4 tâm Thánh quả, 36 tâm sở hợp.
Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ giúp của vô gián duyên.
Có 6 duyên có cùng tính chất phối hợp trong câu này.
Paccayo cho đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi Pháp

- *Thiện năng duyên:* 4 tâm Thánh đạo, 36 tâm sở hợp
- *Vô ký sở duyên:* 4 tâm Thánh quả, 36 tâm sở hợp

c- Câu này đối với

i- *Thời:* Diễn tiến thời bình nhật
ii- *Người:* Phàm tam nhân, 8 bậc Thánh
iii- *Cõi:* 26 cõi vui hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ đắc đạo
v- *Giống:* Giống vô gián

d- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Câu này thuộc giống vô gián. Giống vô gián có 7 duyên. Câu lọc này có:
- Năng duyên trợ giúp sở duyên theo cách không gián đoạn, nên có:
1- Vô gián duyên
2- Đẳng vô gián duyên
3- Vô gián cận y duyên
4- Vô hữu duyên
5- Ly duyên
- Năng duyên là tâm Thánh đạo, sở duyên là tâm Thánh quả, nên có:
6- Thường cận y nghiệp dị thời duyên phối hợp.
Như vậy, có 6 duyên phối hợp với câu lọc này.

ii- Duyên không phối hợp

Năng duyên là pháp thiện, sở duyên là pháp vô ký, nên không có:
1- Tập hành duyên phối hợp

Câu phụ 3.

Anulomaṃ chỉ cho *thiện năng duyên* là 4 tâm đại thiện có trí ở sát na đồng lực Thuận thứ.
Sekkhāya phalasamāpattiyā chỉ cho *vô ký sở duyên* là "ba tâm Thánh quả bậc thấp" trong lộ nhập thiền quả.
Anantarapaccayena chỉ cho mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.
Có 6 duyên cùng tính chất phối hợp với câu lọc này.
Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Thiện năng duyên:* 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) ở sát na đồng lực Thuận thứ sau cùng.
- *Vô ký sở duyên:* 3 tâm Thánh quả bậc thấp, 36 tâm sở hợp; ở sát na đồng lực tiếp theo sát na đồng lực Thuận thứ sau cùng.

c- Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật
ii- *Người:* 3 bậc Thánh quả Hữu học
iii- *Cõi:* 22 cõi vui hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ nhập quả định (trừ Thánh quả A La Hán)
v- *Giống:* Giống cảnh

d- Duyên phối hợp và Duyên không phối hợp

i- Duyên hợp trợ

Câu này thuộc giống vô gián. Giống vô gián có 7 duyên, nên câu này có:

1- Vô gián duyên
2- Đẳng vô gián duyên
3- Vô gián cận y duyên
4- Vô hữu duyên
5- Ly duyên

Tâm Thánh đạo trợ sinh tâm Thánh quả kế tiếp, nên có:

6- Thường cận y nghiệp dị thời duyên

ii- Duyên không hợp trợ

Năng duyên là pháp thiện, sở duyên là pháp vô ký nên không có "Tập hành duyên" phối hợp.

Dứt câu lọc thứ 2.

B. Pháp bất thiện

Câu 3. Câu bất thiện.

Câu chính.

Akusalo dhammo akusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện bằng vô gián duyên".

Câu phụ.

Purimā purimā akusalā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo.

"Danh uẩn bất thiện sinh trước trước trợ sinh danh uẩn bất thiện sinh sau sau bằng vô gián duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Akusalo dhammo chỉ cho biết *bất thiện năng duyên* là 12 tâm đổng lực bất thiện trong lộ đổng lực, trừ sát na đổng lực bất thiện sau cùng.

Akusalassa dhammassa chỉ cho *bất thiện sở duyên* là 12 tâm bất thiện và tâm sở hợp trong lộ đổng lực, trừ đổng lực bất thiện thứ nhất.

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 6 duyên có cùng tính chất phối hợp với câu lọc này.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của của pháp.

b- Chi pháp

- *Bất thiện năng duyên:* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp trong tâm lộ đổng lực (trừ sát na đổng lực sau cùng).
- *Bất thiện sở duyên:* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp trong tâm lộ đổng lực (trừ sát na đổng lực thứ nhất).

c- Giải thích

Câu lọc này chỉ khảo sát lộ đổng lực bất thiện, diễn tiến như sau:

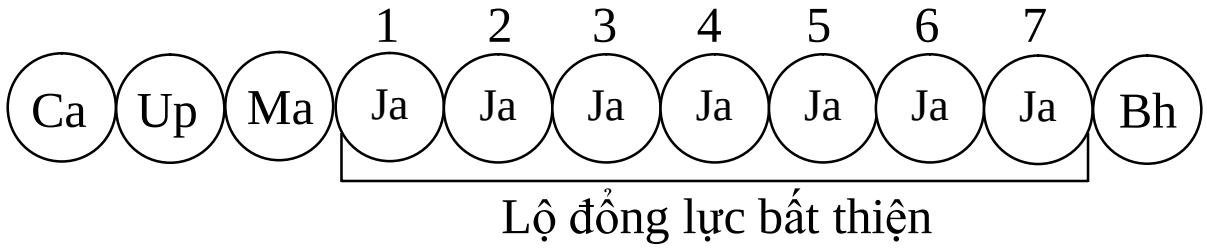

- Sát na đổng lực bất thiện thứ 1 trợ sinh cho sát na đổng lực bất thiện thứ 2.
- Sát na đổng lực bất thiện thứ 2 trợ sinh cho sát na đổng lực bất thiện thứ 3.

(Tiến trình này diễn ra như vậy, cho đến)

- Sát na đổng lực bất thiện thứ 6 trợ sinh cho sát na đổng lực bất thiện thứ 7 là chấm dứt.

Như vậy:

∗Sát na đổng lực bất thiện thứ nhất chỉ thuần là năng duyên.

∗Sát na đổng lực bất thiện sau cùng chỉ thuần là sở duyên.

∗Những sát na đổng lực bất thiện ở giữa (từ số 2 đến số 6) là sở duyên của sát na đổng lực trước đó, lại là năng duyên trợ sinh cho sát na đổng lực bất thiện sau đó.

d- Câu lọc này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật, thời cận tử

ii- *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học

iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, tâm lộ cận tử có đổng lực bất thiện

v- *Giống:* Giống vô gián

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Câu lọc này thuộc giống vô gián nên có:

1- Vô gián duyên

2- Đẳng vô gián duyên

3- Vô gián cận y duyên

4- Vô hữu duyên

5- Ly duyên

- Năng duyên và sở duyên đều là pháp bất thiện nên có:

6- Tập hành duyên

ii- Duyên không phối hợp

Năng duyên và sở duyên đều là pháp bất thiện, nên không có:

- Thường cận ý nghiệp dị thời duyên phối hợp.

Câu phụ.

Purimā purimā akusalā khandhā cho biết *bất thiện năng duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp sinh trước trước (trừ sát na đổng lực bất thiện sau cùng).

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ akusalānaṃ khandhānaṃ chỉ cho *bất thiện sở duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp (trừ sát na đổng lực bất thiện đầu tiên).

Anantarapaccayena chỉ cho mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Nói về: Chi pháp, thời, người, cõi, tâm lộ, giống, duyên phối hợp và duyên không phối hợp giống như câu chính.

Dứt câu lọc thứ 3.

Câu 4. Câu vô ký.

Câu chính.

Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký bằng vô gián duyên".

Câu phụ.

Akusalaṃ vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo.

"Tâm đổng lực bất thiện sau cùng trợ cho tâm Na cảnh và tâm hữu phần bằng vô gián duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Akusalo dhammo chỉ cho *bất thiện năng duyên* là 12 tâm bất thiện ở sát na sau cùng,

Abyākatassa dhammassa chỉ *vô ký sở duyên* là 20 tâm quả hiệp thế (3 tâm quan sát, 8 tâm đại quả, 9 tâm quả đáo đại), các tâm sở hợp; tiếp theo sau đổng lực bất thiện sau cùng.

Anantarapaccayena paccayo chỉ cho mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất phối hợp với câu lọc này.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Bất thiện năng duyên:*12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp ở sát na đổng lực sau cùng.
- *Vô ký sở duyên:* 20 tâm quả hiệp thế (11 tâm Na cảnh, 9 tâm quả Đáo đại), 35 tâm sở hợp (trừ giới phần) sinh kế tiếp đổng lực bất thiện sau cùng.

c- Giải thích

Pháp bất thiện trợ cho pháp vô ký là xét về lộ đổng lực bất thiện.

Lộ đổng lực bất thiện có 2 mô thức.

i- *Tâm lộ có đổng lực bất thiện, chót Na cảnh*

Diễn tiến như sau:

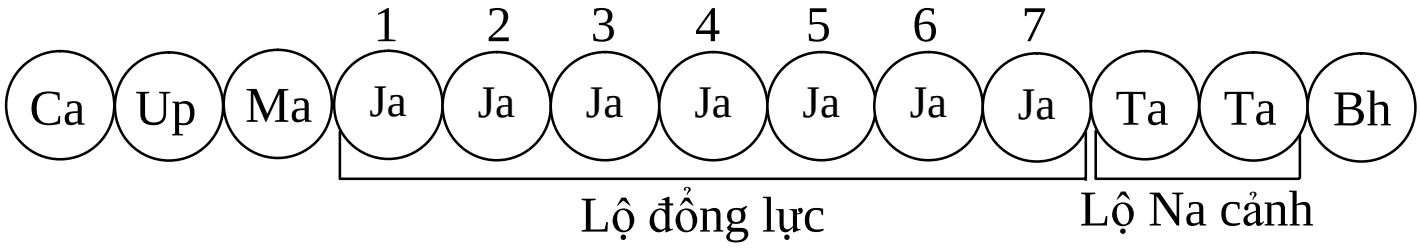

Ta = Tadālambanacitta (Tâm Na cảnh)

Đổng lực bất thiện sát na đổng lực thứ 7 trợ sinh cho tâm Na cảnh sát na thứ nhất bằng vô gián duyên.

ii- *Tâm lộ có đổng lực bất thiện, chót đổng lực*

Diễn tiến như sau:

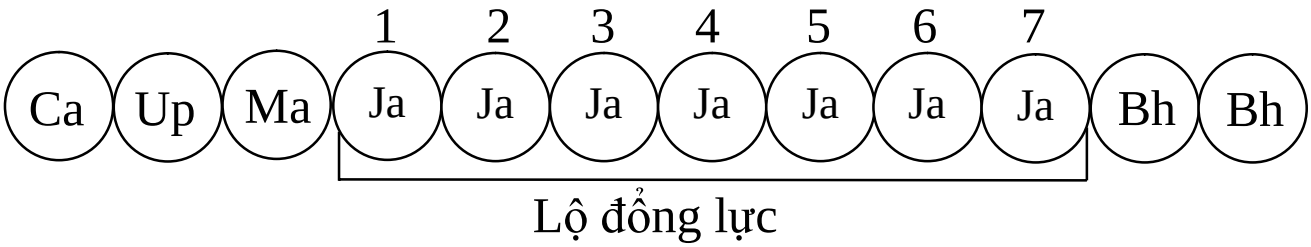

Sát na đổng lực bất thiện thứ 7 trợ sinh cho tâm hữu phần (Bh) thứ nhất.

Đây là mô thức pháp bất thiện trợ sinh pháp vô ký bằng vô gián duyên.

Bất thiện trợ cho vô ký bằng vô gián duyên cần phân tích chi tiết như sau:

- Tâm lộ đổng lực bất thiện chót Na cảnh; tâm lộ này chỉ có ở 11 cõi dục giới.
- Tâm lộ chót đổng lực bất thiện.

∗Nếu ở cõi dục giới thì bất thiện đổng lực trợ sinh cho 10 tâm hữu phần (2 tâm tiếp thu, 8 tâm đại quả)

∗Nếu ở cõi sắc giới (không có đổng lực sân) thì đổng lực bất thiện tham, si trợ sinh cho 5 tâm quả sắc giới.

∗Nếu ở cõi vô sắc giới (không có đổng lực bất thiện sân), đổng lực bất thiện tham, si trợ sinh cho 4 tâm quả vô sắc giới.

d- Câu này đối với

i- Thời: Thời bình nhật, thời cận tử

ii- Người: 4 Phàm, 3 bậc Thánh quả Hữu học

iii- Cõi: 30 cõi hữu tâm

iv- Tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, tâm lộ cận tử có đổng lực bất thiện.

v- Giống: Giống cảnh

e- Duyên phối hợp trợ và Duyên không phối hợp

i- Duyên phối hợp

Câu lọc này thuộc giống vô gián. Giống vô gián có 7 duyên.

- Năng duyên và sở duyên thuộc giống vô gián, nên có:

1- Vô gián duyên
2- Đẳng vô gián duyên
3- Vô gián cận y duyên
4- Vô hữu duyên
5- Ly duyên

Như vậy, có 5 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không phối hợp

- Năng duyên là pháp bất thiện, sở duyên là pháp vô ký nên không có:

1- Tập hành duyên phối hợp

- Sở duyên tuy là pháp quả nhưng không sinh trực tiếp từ tâm bất thiện, nên không có:

2- Thường cận y nghiệp dị thời duyên phối hợp

Câu phụ.

Akusalānaṃ chỉ cho *bất thiện năng duyên* như **câu chính**.

Vuṭṭhānassa chỉ *vô ký sở duyên*, giống như **câu chính**.

Anantarapaccayena như câu chính.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Dứt câu lọc số 4.

C. Pháp vô ký

Câu 5. Câu vô ký.

Câu chính.

Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng vô gián duyên".

Câu phụ 1.

Purimā purimā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā pacchimānaṃ pacchimānaṃ vipākābyākatānaṃ kiriyābyākatānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo.

"Danh uẩn quả và vô ký sinh trước trước trợ sinh danh quả và vô ký sinh sau sau bằng vô gián duyên".

Câu phụ 2.

Bhavaṅgaṃ āvajjanāya anantarapaccayena paccayo.

"Hữu phần trợ cho tâm khai môn bằng vô gián duyên".

Câu phụ 3.

Kiriyaṃ vuṭṭhānassa anantarapaccayena paccayo.

"Đổng lực duy tác sau cùng trợ cho tâm Na cảnh hoặc tâm hữu phần; tâm phán đoán (voṭṭhapanacitta) thứ 1 hay thứ 3 trợ cho tâm hữu phần bằng vô gián duyên".

Câu phụ 4.

Arahato anulomaṃ phalasamāpattiyā anantarapaccayena paccayo.

"Thuận thứ của bậc A La Hán trợ cho nhập quả định bằng vô gián duyên".

Câu phụ 5.

Nirodhā vuṭṭhahantassa nevasaññānāsaññāyatanakiriyaṃ phalasamāpattiyā anantarapaccayena paccayo.

"Tâm Duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ trợ cho tâm Tứ quả khi xuất khỏi định diệt bằng vô gián duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Abyākato dhammo chỉ cho *vô ký năng duyên* là 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp sinh trước trước (trừ tâm tử của vị Thánh A La Hán).

Abyākatassa dhammassa chỉ *vô ký sở duyên* là 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp sinh sau sau cùng với tâm tử của vị Thánh A La Hán.

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 6 duyên có cùng tính chất phối hợp với câu lọc này.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của của pháp.

b- Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, 38 tâm sở hợp sinh trước trước (trừ tâm tử của vị Thánh A La Hán).
- *Vô ký sở duyên:* 56 tâm vô ký, 38 tâm sở hợp sinh sau sau.

c- Giải thích

Câu lọc này có các cách như sau:

- 19 tâm tục sinh, 33 tâm sở hợp trợ sinh, 19 tâm hữu phần, 33 tâm sở hợp sinh sau bằng vô gián duyên.
- 19 tâm tục sinh, 33 tâm sở hợp sinh trước, 19 tâm hữu phần, 33 tâm sở hợp sinh sau bằng vô gián duyên.

i- Trong cõi năm uẩn

- 15 tâm hữu phần Dứt dòng (bhavaṅgupaccheda) trợ sinh cho hai tâm Hướng môn (dvāravajjana) bằng vô gián duyên.
- Tâm Hướng ngũ môn (pañcadvāravajjanacitta) trợ sinh cho "một trong năm đôi thức" bằng vô gián duyên.
- Một trong năm đôi thức trợ sinh tâm Tiếp thu (sampaṭicchanacitta) bằng vô gián duyên.
- Tâm Quan sát trợ sinh tâm Đoán định (voṭṭhapanacitta) bằng vô gián duyên.

∗*Với tâm lộ ngũ môn chót đổng lực của vị Thánh A La Hán*

- Tâm Đoán định (hay tâm Hướng ý môn) trợ sinh 8 đổng lực đại tố ở sát na đổng lực thứ 1 bằng vô gián duyên.
- Sát na đổng lực đại hạnh thứ 1 trợ sinh sát na đổng lực đại hạnh thứ 2 bằng vô gián duyên.
- … Sát na đổng lực đại hạnh thứ 6 trợ sinh sát na đổng lực thứ 7 bằng vô gián duyên.
- Sát na đổng lực đại hạnh thứ 7 trợ sinh cho tâm hữu phần đại quả có trí bằng vô gián duyên.

Tương tự như thế với tâm sinh tiếu (hasituppādacitta).

∗*Với tâm lộ ngũ môn chót Na cảnh của vị Thánh A La Hán*

- Tâm đại tố ở sát na đổng lực thứ 7 trợ sinh cho tâm Na cảnh 1 bằng vô gián duyên.
- Sát na Na cảnh 1 trợ sinh cho sát na Na cảnh 2 bằng vô gián duyên.
- Sát na Na cảnh 2 trợ sinh tâm hữu phần đại quả có trí bằng vô gián duyên.

∗*Trong tâm lộ ngũ môn cảnh nhỏ*

Tâm lộ cảnh nhỏ không sinh khởi tâm đổng lực, chỉ diễn tiến đến tâm Đoán định (voṭṭhapanacitta).

Tâm Đoán định sinh lên 2 hay 3 sát na rồi trở về tâm hữu phần. Như vậy:

- Tâm đoán định thứ 1 trợ sinh tâm đoán định thứ 2 bằng vô gián duyên.
- Tâm đoán định thứ 2 trợ sinh tâm đoán định thứ 3 bằng vô gián duyên.
- Tâm đoán định thứ 3 trợ sinh 15 tâm hữu phần bằng vô gián duyên.

∗*Tâm lộ ý môn chót đổng lực của vị Thánh A La Hán*

- Sát na tâm Hướng ý môn (manodvāravajjana) trợ sinh sát na đổng lực đại tố thứ 1 bằng vô gián duyên.
- Sát na đổng lực đại tố thứ 1 trợ sinh sát na đổng lực đại tố thứ 2 bằng vô gián duyên…
- Sát na đổng lực đại tố thứ 7 trợ sinh 9 tâm hữu phần có trí ở cõi ngũ uẩn (vào sát na hữu phần thứ 1) bằng vô gián duyên.

ii- *Trong cõi vô sắc*

Trong cõi vô sắc tương tự như tâm lộ ý môn ở cõi năm uẩn.

＊Trong tâm lộ đắc thiền hiệp thế hay nhập thiền hiệp thế của bậc Thánh A La Hán

Bốn tâm đại tố có trí trợ sinh 9 tâm thiền tố của vị Thánh A La Hán.

＊Trong tâm lộ nhập quả định của bậc Thánh Hữu học

Sát na Thánh quả thứ nhất trợ cho sát na Thánh quả thứ 2 bằng vô gián duyên…

＊Trong tâm lộ nhập quả định của bậc Thánh A La Hán

Bốn tâm đại tố có trí ở sát na Thuận thứ sau cùng trợ sinh tâm Thánh quả A La Hán bằng vô gián duyên.

Lại nữa, 9 tâm thiền duy tác trợ sinh 13 tâm hữu phần có trí khi vị Thánh A La Hán đắc thiền hay xuất ra khỏi thiền chứng.

＊Trong tâm lộ nhập quả định diệt của bậc Thánh A La Hán

Sát na tâm thiền tố phi tưởng phi phi tưởng xứ trợ sinh tâm Thánh quả A La Hán bằng vô gián duyên. Khi vị Thánh A La Hán xuất khỏi định diệt.

＊Trong tâm lộ đắc đạo

- Sát na Thánh quả thứ 1 trợ sinh Thánh quả thứ 2 bằng vô gián duyên.
- Sát na Thánh quả sau cùng trợ sinh cho 13 tâm hữu phần bằng vô gián duyên.

＊Trong tâm lộ cận tử (maraṇāsanncittavīthi)

Có hai tâm lộ cận tử là:

- Tâm lộ ngũ môn cận tử (pañcadvāramaraṇāsannacittavīthi)
- Tâm lộ ý môn cận tử (manodvāramaraṇāsannacittavīthi)

Cả hai tâm lộ cận tử đều có 4 mô thức:

1- Đổng lực, Na cảnh, Hữu phần, tâm tử
2- Đổng lực, Na cảnh, tâm tử
3- Đổng lực, Hữu phần, tâm tử
4- Đổng lực, tâm tử

Tâm lộ cận tử ngũ môn không có cho hai bậc Thánh quả là bậc Tam quả và Tứ quả.

Tâm lộ cận tử có Na cảnh chỉ có ở 11 cõi Dục.

1- *Mô thức Đổng lực, Na cảnh, hữu phần, tâm tử*

Mô thức này có trong 11 cõi dục nên tâm hữu phần và tâm tử là 10 tâm quả dục giới (2 tâm Quan sát thọ xả, 8 tâm đại quả).

- Sát na hữu phần trợ sinh cho tâm tử bằng vô gián duyên.

2- *Mô thức Đổng lực, Na cảnh, tâm tử*

- Sát na Na cảnh thứ 1 trợ sinh sát na Na cảnh 2 bằng vô gián duyên.
- Sát na Na cảnh 2 trợ sinh tâm tử bằng vô gián duyên.

3- *Mô thức Hữu phần, tâm tử*

Mô thức này có trong 30 cõi hữu tâm, nên tâm hữu phần và tâm tử là một trong 19 tâm làm việc tục sinh.

- Sát na tâm hữu phần trợ sinh tâm tử bằng vô gián duyên.

＊Trong tâm lộ tử còn tục sinh (paṭisandhi)

Nghĩa là tâm tử trợ cho tâm tục sinh (paṭisandhiviññāṇa) sinh lên theo cách vô gián duyên.

Có các cách như sau:

i- 2 tâm tử vô nhân, 4 tâm tử nhị nhân trợ sinh 10 tâm tục sinh Dục giới bằng vô gián duyên

(Người khổ, người lạc vô nhân và người nhị nhân trong kiếp ấy không thể chứng thiền hay Thánh đạo. Do vậy, khi mệnh chung chỉ tái sinh về Dục giới).

ii- 4 tâm tử tam nhân Dục giới trợ sinh 19 tâm tục sinh bằng vô gián duyên

iii- 5 tâm tử sắc giới trợ sinh 17 tâm tục sinh hữu nhân bằng vô gián duyên

(Điều này cho thấy vị Phạm thiên sắc giới khi mệnh chung, có thể tái sinh là người nhị nhân cõi Dục giới).

iv- Tâm tử Không vô biên xứ trợ sinh cho 4 tâm tam nhân tục sinh cõi Dục giới, 4 tâm quả tục sinh cõi vô sắc giới bằng vô gián duyên

v- Tâm tử Thức vô biên xứ trợ sinh cho 4 tâm tam nhân tục sinh cõi Dục giới, 3 tâm quả tục sinh cõi vô sắc giới (trừ tâm quả Không vô biên xứ) bằng vô gián duyên

vi- Tâm tử Vô sở hữu xứ trợ sinh cho 4 tâm tam nhân tục sinh cõi Dục giới, 2 tâm tái sinh cõi vô sắc giới (trừ tâm quả Không vô biên xứ và tâm quả Thức Vô biên xứ)

vii- Tâm tử Phi tưởng phi phi tưởng xứ sinh cho 4 tâm tam nhân tục sinh cõi Dục giới, tâm quả Phi tưởng phi phi tưởng xứ bằng vô gián duyên

** Tâm lộ viên tịch (parinibbānacittavīthi)*

Tâm lộ viên tịch của vị Thánh A La Hán có 2 cách:

- Tâm lộ viên tịch thông thường
- Tâm lộ viên tịch đặc biệt

1- Tâm lộ viên tịch thông thường

Có 4 mô thức như tâm lộ cận tử.

- *Mô thức Na cảnh rồi viên tịch*

Sát na Na cảnh thứ 2 (chỉ cho 11 tâm Na cảnh) trợ sinh tâm viên tịch (chỉ cho 1 trong 4 tâm đại quả có trí) bằng vô gián duyên.

- *Mô thức hữu phần rồi viên tịch*

Sát na tâm hữu phần (chỉ cho 1 trong 13 tâm hữu phần tam nhân có trí) trợ sinh tâm viên tịch (chỉ cho 1 trong 13 tâm tử tam nhân).

- *Mô thức đổng lực rồi viên tịch*

Sát na tâm đổng lực thứ 5 (chỉ cho một trong 4 tâm đại tố có trí) trợ sinh cho tâm viên tịch (chỉ cho 1 trong 13 tâm tử có trí).

2- Tâm lộ viên tịch đặc biệt

1) Tâm lộ viên tịch liên thiền (jhānasamanantaravīthi)

2) Tâm lộ viên tịch liên phản khán (paccavekkhanasamanantara-vīthi)

3) Tâm lộ viên tịch liên thông (abhiññāsamanantaravīthi)

4) Tâm lộ viên tịch chí mạng (jīvitasamasīsīvīthi)

Mỗi tâm lộ đều có hai trường hợp:

- Đổng lực, hữu phần, viên tịch
- Đổng lực, viên tịch

Phương thức hữu phần rồi viên tịch giống như tâm lộ viên tịch thông thường.

1- *Tâm lộ viên tịch liên thiền*

Là vị Thánh A La hán trước khi viên tịch, Ngài an trú tâm vào các tầng thiền chứng đạt được, khi xuất ra ở tầng thiền vị ấy muốn, rồi viên tịch.

Sát na tâm thiền tố (chỉ cho 5 tầng thiền sắc giới, 4 tầng thiền vô sắc) trợ sinh tâm viên tịch bằng vô gián duyên.

2- Tâm lộ viên tịch liên phản khán chi thiền

Tâm lộ này có cho vị Thánh A La Hán có trí già mạnh. Vị Thánh A La Hán an trú tâm vào định vức, khi xuất định đưa tâm quán xét các chi thiền, tâm lộ quán xét chi thiền khởi lên có hàng trăm, hàng ngàn, hàng trăm ngàn lộ theo thích ứng, khi xuất ra khỏi lộ xem xét chi thiền sau cùng, vị Thánh A La hán liền viên tịch.

Sát na phản khán chi thiền sau cùng (chỉ cho một trong 4 đại hạnh có trí) trợ sinh tâm viên tịch bằng vô gián duyên.

3- Tâm lộ viên tịch liên thông

Là vị Thánh A La hán trước khi viên tịch, Ngài thể hiện năng lực thần thông. Khi tâm thông diệt trừ tâm viên tịch sinh lên.

Tâm thông trợ sinh tâm viên tịch bằng vô gián duyên.

4- Tâm lộ viên tịch chí mạng

Là chỉ cho vị Phàm tam nhân hay bậc Thánh Hữu học trước giây phút mệnh chung đã nỗ lực chứng đắc Thánh đạo A La Hán như Đại thần Santati hay vua Suddhodana.

Sau khi chứng Thánh đạo A La Hán, vị Thánh trải qua hằng trăm lộ xem xét lại rồi viên tịch.

Lộ này chỉ có cho vị có trí tuệ mạnh và sắc bén.

d- Câu lọc này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật, thời cận tử, thời tục sinh

ii- *Người:* 4 Phàm, 4 Thánh quả

iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, tâm lộ đắc thiền duy tác, tâm lộ nhập thiền duy tác, tâm lộ nhập quả định, tâm lộ nhập định diệt, tâm lộ đắc đạo, tâm lộ cận tử, tâm lộ viên tịch, tâm lộ tục sinh.

v- *Giống:* Giống vô gián

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Câu lọc này thuộc giống vô gián, nên có:

1- Vô gián duyên

2- Vô gián cận y duyên

3- Đẳng vô gián duyên

4- Vô hữu duyên

5- Ly duyên

- Năng duyên và sở duyên đều là pháp vô ký nên có:

6- Tập hành duyên trong lộ đồng lực tâm duy tác.

Như vậy, có 6 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không hợp trợ

Năng duyên là pháp vô ký, nên không có:

- Thường cận ý nghiệp biệt thời duyên phối hợp.

Câu phụ 1.

Purimā purimā vipākābyākatā kiriyābyākatā khandhā chỉ cho *vô ký năng duyên* là 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, 38 tâm sở sinh trước trước (trừ tâm tử của vị Thánh A La Hán).

Pacchimānaṃ pacchimānaṃ vipākābyākatānaṃ kiriyābyākatānaṃ khandhānaṃ chỉ cho *vô ký sở duyên* là 36 tâm quả, 20 tâm duy tác, 38 tâm sở sinh sau sau.

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 6 duyên có cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

Nói về chi pháp, thời, người, cõi, tâm lộ, giống, duyên hợp trợ và duyên không hợp trợ; giống như câu chính.

Câu phụ 2.

Bhavaṅgaṃ chỉ *vô ký năng duyên* là 19 tâm hữu phần.

Āvajjanāya chỉ *vô ký sở duyên* là tâm Hướng ngũ môn (pañcadvāravajjanacitta) và tâm Hướng ý môn (manodvāravaj-janacitta).

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất phối hợp với nhau.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* 19 tâm hữu phần, 35 tâm sở hợp sinh trước
- *Vô ký sở duyên:* Tâm hướng ngũ môn, tâm hướng ý môn, 11 tâm sở hợp sinh sau

Câu này đối với

i- *Thời:* Diễn tiến thời bình nhật

ii- *Người:* 4 Phàm, 4 Thánh quả

iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm

iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đồng lực dục giới hay đồng lực kiên cố

v- *Giống:* Giống vô gián

Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

Duyên hợp trợ

Năng duyên thuộc giống vô gián nên có:

1- Vô gián duyên
2- Vô gián cận y duyên
3- Đẳng vô gián duyên
4- Vô hữu duyên
5- Ly duyên

Duyên không hợp trợ

- Năng duyên và sở duyên không nằm trong lộ đồng lực nên không có:

1- Tập hành duyên phối hợp

- Năng duyên là pháp vô ký, nên không có:

2- Thường cận y nghiệp dị thời duyên phối hợp

Câu phụ 3.

Kiriyaṃ chỉ cho *vô ký năng duyên* là 18 tâm đồng lực duy tác ở sát na sau cùng, hay tâm đoán định thứ 2 hoặc thứ 3 trong tâm lộ ngũ môn cảnh nhỏ.

Vuṭṭhānassa chỉ cho *vô ký sở duyên* là 11 tâm Na cảnh, hay 19 tâm hữu phần.

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất phối hợp với câu lọc này.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* 18 tâm đồng lực duy tác ở sát na đồng lực sau cùng; tâm Đoán định thứ 2 hay thứ 3 trong tâm lộ ngũ môn cảnh nhỏ, tâm Hướng ý môn thứ 2 hay thứ 3 trong tâm lộ ý môn cảnh không rõ; 12 tâm sở hợp
- *Vô ký sở duyên:* 11 tâm Na cảnh, 19 tâm hữu phần, cùng tâm sở hợp

Câu này đối với

i- *Thời:* Diễn tiến thời bình nhật
ii- *Người:* 4 Phàm, 4 Thánh quả
iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn chặng Đoán định, tâm lộ ý môn chặng Khán ý môn; tâm lộ ngũ môn có đồng lực duy tác dục giới, có tâm Na cảnh
v- *Giống:* Giống vô gián

Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Năng duyên thuộc giống vô gián, nên có:

1- Vô gián duyên
2- Vô gián cận y duyên
3- Đẳng vô gián duyên
4- Vô hữu duyên
5- Ly duyên

ii- Duyên không hợp trợ

Năng duyên và sở duyên không nằm trong lộ đồng lực, nên không có:

1- Tập hành duyên phối hợp hợp trợ
2- Thường cận y nghiệp dị thời duyên hợp trợ

Câu phụ 4.

Anulomaṃ chỉ *vô ký năng duyên* là 4 tâm đại tố có trí ở sát na Thuận thứ sau cùng.

Arahato phalasamāpattiyā chỉ *vô ký sở duyên* là tâm Tứ quả.

Anantarapaccayena cho biết mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất phối hợp (như câu phụ 3).

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Chi pháp.

- *Vô ký năng duyên:* 4 tâm đại tố có trí ở sát na Thuận thứ sau cùng
- *Vô ký sở duyên:* Tâm Tứ quả, 36 tâm sở hợp ở sát na đầu tiên của lộ nhập quả định

Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật
ii- *Người:* Bậc Tứ quả
iii- *Cõi:* 26 cõi vui hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ nhập quả định của bậc A La Hán
v- *Giống:* Giống vô gián

Duyên phối hợp và Duyên không phối hợp

Giống như câu phụ 3.

Câu phụ 5.

Nevasaññānāsaññāyatanakiriyaṃ chỉ *vô ký năng duyên* là tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ thứ 2 trong tâm lộ nhập định diệt của vị Thánh A La Hán.

Nirodhā vuṭṭhahantassa phalasamāpattiyā chỉ *vô ký sở duyên* là tâm Tứ quả khi xuất khỏi định diệt.

Anantarapaccayena chỉ cho mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này (giống như câu phụ 3).

Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật
ii- *Người:* Bậc Tứ quả
iii- *Cõi:* 22 cõi vui ngũ uẩn = 7 cõi vui dục giới + 15 cõi sắc giới hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ nhập định diệt
v- *Giống:* Giống vô gián

Dứt câu lọc số 5.

Câu 6. Câu thiện.

Câu chính.

Abyākato dhammo kusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ cho pháp thiện bằng vô gián duyên".

Câu phụ.

Āvajjanā kusalānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo.

"Tâm Hướng ý môn trợ cho uẩn thiện bằng vô gián duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Abyākato dhammo chỉ cho *vô ký năng duyên* là tâm Hướng ý môn (manodvāravajjana).

Kusalassa dhammassa chỉ *vô ký sở duyên* là sát na đồng lực thiện thứ nhất (của 7 đồng lực thiện)

Anantarapaccayena chỉ mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất phối hợp trong câu lọc này.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của của pháp.

b- Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* Tâm Hướng ý môn, 12 tâm sở hợp ở sát na trước sát na đồng lực thiện số 1 trong lộ đồng lực thiện.
- *Vô ký sở duyên:* 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp ở sát na đồng lực số 1 trong lộ đồng lực thiện.

c- Giải thích

Câu lọc này có các cách như sau:

∗Trong lộ ngũ môn có đồng lực thiện tâm Đoán định (voṭṭhapanacitta) cũng chính là tâm Hướng ý môn (manodvāra-vajjanacitta) trợ sinh cho sát na đồng lực thiện thứ 1 bằng vô gián duyên.

∗Trong tâm lộ ý môn có đổng lực thiện, tâm Hướng ý môn trợ sinh sát na đổng lực thiện thứ 1 bằng vô gián duyên.

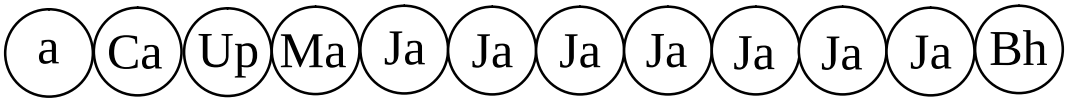

Ký hiệu:

a = Hữu phần vừa (atītabhavaṅgacalana)
Ca = Hữu phần Rúng động (bhavaṅgacalana)
Up = Hữu phần Dứt dòng (bhavaṅga-upaccheda)
Pañ = Tâm hướng ngũ môn (pañcadvāravajjanacitta)
Cak = Nhãn thức (cakkhuviññāṇa)
S = Tâm tiếp thu (Sampaṭicchanacitta)
Sa = Tâm quan sát (Santīrānacitta)
Vo = Tâm Đoán định (Voṭṭhapanacitta)
Ja = Tâm đổng lực (javana)
Bh = Tâm hữu phần (bhavaṅga)
Ma = Tâm hướng ý môn (Manodvāravajjanacitta)

Cả hai cách đều có:

- *Vô ký năng duyên:* Tâm Hướng ý môn, 11 tâm sở hợp sinh trước đó
- *Thiện sở duyên:* 8 tâm đại thiện, 38 tâm sở hợp ở vào sát na đổng lực thiện thứ nhất

∗Trong tâm lộ chứng thiền của Phàm tam nhân và 3 bậc Thánh quả. Tâm Hướng ý môn trợ sinh tâm chuẩn bị (parikammacitta) hay tâm cận hành (upacāracitta) của lộ chứng thiền.

- *Vô ký năng duyên:* Tâm Hướng ý môn, 11 tâm sở hợp
- *Thiện Sở duyên:* 4 tâm đại thiện có trí, 35 tâm sở hợp (trừ giới phần: sở dĩ có Bi (karuṇā) và Tuỳ hỷ (muditā) và vị hành giả đang tu tập đề mục Bi vô lượng tâm và Hỷ vô lượng tâm)

∗Trong tâm lộ trú thiền hiệp thế, tâm Hướng ý môn trợ sinh tâm chuẩn bị hay tâm cận hành chi pháp giống như trên.

∗Trong tâm lộ nhập quả định của bậc Thánh quả Hữu học. Tâm Hướng ý môn trợ sinh tâm Thuận thứ thứ nhất.

- *Vô ký năng duyên:* Tâm Hướng ý môn, 11 tâm sở hợp
- *Thiện sở duyên:* 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp

∗Trong tâm lộ phản khán chi thiền thiện của Phàm tam nhân hay của ba bậc Thánh quả thấp. Tâm Hướng ý môn trợ sinh cho tâm đại thiện bằng vô gián duyên.

∗Trong tâm lộ đắc đạo, tâm Hướng ý môn trợ sinh cho 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp ở sát na đổng lực chuẩn bị hay cận hành.

- *Vô ký năng duyên:* Tâm Hướng ý môn, 11 tâm sở hợp
- *Thiện sở duyên:* 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp (trừ giới phần, vô lượng phần) ở sát na chuẩn bị hay cận hành

∗Trong tâm lộ xem xét lại Đạo, tâm Hướng ý môn trợ sinh 4 tâm đại thiện có trí, 33 tâm sở hợp ở sát na đổng lực thiện đầu tiên.

d- Câu lọc này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật, thời cận tử có đổng lực thiện
ii- *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học
iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, tâm lộ cận tử, tâm lộ đắc thiền, tâm lộ trú thiền, tâm lộ phản khán chi thiền, tâm lộ đắc đạo, tâm lộ xem xét lại đạo.

v- *Giống:* Giống vô gián

e- Duyên hợp trợ và Duyên không hợp trợ

i- Duyên hợp trợ

Năng duyên và sở duyên thuộc giống vô gián, nên có:

1- Vô gián duyên
2- Đẳng vô gián duyên
3- Vô gián cận y duyên
4- Vô hữu duyên
5- Ly duyên

Có 5 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không hợp trợ

- Năng duyên và sở duyên không cùng chung tâm lộ đồng lực, nên không có:

1- Tập hành duyên trong lộ đồng lực tâm duy tác.

- Năng duyên là pháp vô ký, sở duyên là pháp thiện, nên không có:

2- Thường cận ý nghiệp biệt thời duyên phối hợp.

Có hai duyên không phối hợp.

Câu phụ.

Āvajjanā chỉ cho *vô ký sở duyên* là tâm Hướng ý môn (giống như câu chính).

Kusalānaṃ khandhānaṃ chỉ *thiện sở duyên* chi pháp giống như câu chính.

Anantarapaccayena chỉ cho mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất phối hợp như câu chính.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

Nói về: Chi pháp, thời, người, cõi, tâm lộ, giống, như câu chính.

Dứt câu lọc số 6.

Câu 7. Câu bất thiện

Câu chính.

Abyākato dhammo akusalassa dhammassa anantarapaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ pháp bất thiện bằng vô gián duyên".

Câu phụ.

Āvajjanā kusalānaṃ khandhānaṃ anantarapaccayena paccayo.

"Tâm Hướng ý môn trợ cho các uẩn bất thiện bằng vô gián duyên".

a- Phân tích câu

Câu chính.

Abyākato dhammo chỉ *vô ký năng duyên* là tâm Đoán định hay tâm Hướng ý môn trong lộ có đồng lực bất thiện.

Akusalassa dhammassa chỉ *bất thiện sở duyên* là 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp ở sát na đồng lực đầu tiên của tâm đồng lực.

Anantarapaccayena chỉ cho mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên.

Có 5 duyên có cùng tính chất phối hợp với câu lọc này.

Paccayo cho biết đặc tính vô ngã của pháp.

b- Chi pháp

- *Vô ký năng duyên:* Tâm Hướng ý môn, 11 tâm sở hợp sinh trước tâm bất thiện một sát na

- *Bất thiện sở duyên:* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp ở sát na đồng lực bất thiện đầu tiên trong lộ đồng lực

c- Giải thích

Trong lộ ngũ môn có đồng lực bất thiện, tâm Hướng ý môn là sát na tâm Đoán định (voṭṭhpana). Trong lộ ý môn có đồng lực bất thiện là tâm Hướng ý môn.

Sát na đồng lực bất thiện thứ 1 được tâm Hướng ý môn trợ sinh bằng vô gián duyên.

d- Câu này đối với

i- *Thời:* Thời bình nhật, thời cận tử
ii- *Người:* 4 Phàm, 3 Thánh quả Hữu học
iii- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
iv- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, tâm lộ cận tử có đồng lực bất thiện
v- *Giống:* Giống vô gián

e- Duyên phối hợp và Duyên không phối hợp

i- Duyên phối hợp

Câu lọc này thuộc giống vô gián. Giống vô gián có 7 duyên.
- Năng duyên và sở duyên thuộc giống vô gián nên có:
1- Vô gián duyên
2- Đẳng vô gián duyên
3- Vô gián cận y duyên
4- Vô hữu duyên
5- Ly duyên

Có 5 duyên phối hợp trong câu lọc này.

ii- Duyên không phối hợp

- Năng duyên và sở duyên không cùng nằm trong lộ đồng lực, nên không có:
1- Tập hành duyên phối hợp
- Năng duyên là pháp vô ký, sở duyên là pháp bất thiện, nên không có:
2- Thường cận y nghiệp dị thời duyên phối hợp

Có hai duyên không phối hợp.

Câu phụ.

Āvajjanā chỉ *vô ký năng duyên* là tâm Hướng ý môn, 11 tâm sở hợp.

Akusalānaṃ khandhānaṃ chỉ cho *bất thiện sở duyên* là uẩn bất thiện, giống **như câu chính**.

Anantarapaccayena chỉ cho mãnh lực trợ sinh của vô gián duyên, giống **như câu chính**.

Paccayo chỉ cho đặc tính vô ngã của pháp.

Nói về: Chi pháp, thời, người, cõi… giống như **câu chính**.

Dứt câu lọc số 7.

Thuần tuý số lượng câu (Suddhasaṃkhayāvāra)

Trong vô gián duyên thuần tuý có 7 câu lọc:
1- Thiện trợ thiện bằng vô gián duyên
2- Thiện trợ vô ký bằng vô gián duyên
3- Bất thiện trợ bất thiện bằng vô gián duyên
4- Bất thiện trợ vô ký bằng vô gián duyên
5- Vô ký trợ vô ký bằng vô gián duyên
6- Vô ký trợ thiện bằng vô gián duyên
7- Vô ký trợ bất thiện bằng vô gián duyên

Dứt Tam đề thiện với vô gián duyên.

PHẦN II.
Bài 6:

ĐỒNG SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

Đồng sinh duyên là năng duyên trợ giúp ủng hộ cho sở duyên được vững mạnh theo cách "cùng sinh".

Đồng sinh duyên thuộc giống đồng sinh, là một trong bốn duyên trong nhóm đồng sinh phổ thông, nên chỉ có 7 duyên hợp trợ (theo thích nghi) đó là: 3 duyên phổ thông còn lại và 4 duyên thuộc nhóm trung bình.

Chi pháp tổng quát.

- **Năng duyên:** Tâm + tâm sở hợp; Sắc tứ đại; Sắc ý vật tục sinh.
- **Sở duyên:** Tứ danh uẩn; Sắc pháp.

Khi phân tích năng duyên, sở duyên của Đồng sinh duyên (Sahajātapaccaya) cần lưu ý hai thời điểm.

- **Thời tục sinh:**

Ở cõi ngũ uẩn, sắc ý vật tục sinh và 4 danh uẩn của 15 tâm tục sinh cõi ngũ uẩn (trừ 4 tâm quả vô sắc) hỗ trợ lẫn nhau bằng Hỗ tương đồng sinh duyên.

Năng duyên: 4 danh uẩn tục sinh, sắc ý vật tục sinh.
Sở duyên: 4 danh uẩn tục sinh, sắc ý vật tục sinh.

- **Thời bình nhật.**

Năng duyên: Tứ danh uẩn, sắc tứ đại hỗ trợ lẫn nhau theo cách Hỗ tương đồng sinh.
Sở duyên: Tứ danh uẩn, sắc tứ đại, sắc do tâm tạo.

Đồng sinh duyên có 3 duyên trùng là: Đồng sinh y duyên (sahajātanissaya paccaya); đồng sinh hiện hữu duyên (sahajātatthi paccaya) và đồng sinh bất ly duyên (sahajāta-avigata paccaya); vì có cùng chi pháp.

Đồng sinh duyên đối với tam đề thiện có 9 câu lọc.

A. Pháp thiện:

Có 3 câu lọc.

Câu 1: Kusalo dhammo kusalassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.
"Pháp thiện trợ pháp thiện bằng Đồng sinh duyên."

a. Định nghĩa:

Là pháp thiện trợ giúp pháp thiện sinh lên được vững mạnh theo cách Đồng sinh.

b. Chi pháp:

Thiện năng duyên: 21 tâm thiện + 38 tâm sở hợp.
Thiện sở duyên: 21 tâm thiện + 38 tâm sở hợp.

c. Giải thích:

Có các cách như sau:

i. Một uẩn thiện trợ ba uẩn thiện còn lại theo cách đồng sinh, như.

- Tâm sở thọ thiện trợ giúp ba danh uẩn thiện còn lại sinh lên theo cách đồng sinh.

Năng duyên: Tâm sở thọ thiện.
Sở duyên: Ba danh uẩn thiện còn lại.

ii. Hai uẩn thiện trợ giúp hai uẩn thiện còn lại sinh lên theo cách đồng sinh, như:

Tâm sở thọ thiện và tâm sở tưởng thiện trợ giúp hai uẩn thiện còn lại sinh lên theo cách đồng sinh.

- Ba uẩn thiện trợ giúp cho một uẩn thiện còn lại sinh lên theo cách đồng sinh.

d. Phân tích:

Câu này đối với.

- *Người:* 11 người (trừ bậc Tứ quả)
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đổng lực thiện, lộ đắc thánh đạo, lộ đắc thiền thiện, lộ nhập thiền thiện, lộ phản khán có đổng lực thiện.
- *Giống:* Giống đồng sinh.

e. Duyên hợp trợ.

Hợp trợ

Nên lưu ý: ở đây chỉ đề cập đến tính cách chung là "đồng sinh "thông thường", không đề cập đến tính cách "đồng sinh đặc biệt" như: Nhân duyên, trưởng duyên…

Tổng quát đồng sinh duyên có được 7 duyên hợp trợ, nên câu lọc này thuộc giống đồng sinh nên có:

- Bốn duyên đồng sinh phổ thông hợp trợ
- Năng duyên là danh pháp, sở duyên cũng là danh pháp nên có Hỗ tương duyên và Tương ưng duyên hợp trợ

Như vậy câu lọc này có sáu duyên hợp trợ.

Không hợp trợ:

- Năng duyên là pháp thiện nên không có quả duyên hợp trợ.
- Năng duyên và sở duyên đều là danh pháp, nên không có Đồng sinh bất tương ưng hợp trợ.

Câu 2: Kusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ cho pháp vô lý bằng đồng sinh duyên."

a. Định nghĩa:

Là pháp thiện trợ cho pháp vô ký sinh lên theo cách đồng sinh.

b. Chi pháp:

- *Thiện năng duyên:* 21 tâm thiện + 38 tâm sở hợp.
- *Vô ký sở duyên:* Sắc tâm thiện đồng sinh với tâm thiện.

c. Giải thích:

- Với tâm thiện, phàm nhân hay vị Thánh Hữu Học đảnh lễ Đức Thế Tôn.

Thiện năng duyên: Là tâm thiện hay tâm sở tín.

Vô ký sở duyên: Sắc tâm thiện thân biểu tri

- Phàm nhân có trí hay vị Thánh Hữu Học giảng pháp, như Ngài Ānanda giảng kinh Nhất dạ hiền giả đến các vị Tỳ Khưu (xem M.iii,189)

Thiện năng duyên: Bốn tâm thiện dục giới có trí

Vô ký sở duyên: Sắc tâm thiện khẩu biểu tri, hay sắc tâm thiện thân biểu tri.

d. Phân tích:

Câu này đối với.

- *Người:* 4 phàm, 3 thánh quả Hữu học
- *Cõi:* Cõi ngũ uẩn
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ, tâm lộ ý với đổng lực thiện.
- *Giống:* Giống đồng sinh.

e. Duyên phối hợp.

Hợp trợ.

Câu lọc này thuộc giống Đồng sinh, nên có 4 duyên đồng sinh phổ thông hợp trợ.

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp nên có đồng sinh bất tương ưng duyên hợp trợ.

Như vậy có 5 duyên hợp trợ với câu lọc này.

Không hợp trợ.

- Năng duyên là pháp thiện, nên không có Quả duyên phối hợp.
- Năng duyên là danh pháp, Sở duyên là sắc pháp nên không có: Hỗ tương duyên và Đồng sinh bất tương ưng hợp trợ.

Như vậy có ba duyên không phối hợp.

Câu 3: Kusalo dhammo kusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

"Pháp thiện trợ cho pháp thiện và vô ký bằng đồng sinh duyên."

a. Định nghĩa:

Là pháp thiện trợ giúp cho pháp thiện và pháp vô ký sinh lên được vững mạnh theo cách đồng sinh.

b. Chi pháp:

- Thiện năng duyên: 21 tâm thiện, 38 tâm sở hợp
- Thiện và vô ký sở duyên: Tất cả pháp thiện, sắc tâm thiện.

c. Giải thích:

Câu lọc này có các cách như sau.

- Một uẩn thiện trợ giúp cho 3 uẩn thiện còn lại cùng với sắc tâm thiện sinh lên theo cách đồng sinh.
- Hai danh uẩn thiện trợ giúp cho hai danh uẩn thiện còn lại cùng với sắc tâm thiện sinh lên được vững mạnh theo các đồng sinh.
- Ba uẩn thiện trợ giúp cho một uẩn thiện còn lại và sắc tâm thiện sinh lên theo cách đồng sinh.

d. Phân tích:

Câu này đối với.

- *Người:* 4 phàm, 3 Thánh quả Hữu học.
- *Cõi:* 26 cõi ngũ uẩn
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ, tâm lộ ý có đổng lực thiện, lộ đắc thiền, lộ nhập thiền thiện, lộ đắc đạo, lộ phản khán với tâm thiện.

e. Duyên hợp trợ.

Hợp trợ: Câu này thuộc giống Đồng sinh nên có 4 duyên đồng sinh phổ thông hợp trợ.

- Năng duyên là pháp thiện nên không có Quả duyên hợp trợ.
- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là danh pháp và sắc pháp nên không có Hỗ tương duyên, Tương ưng duyên và Đồng sinh bất tương ưng hợp trợ.

Như vậy, câu lọc này có bốn duyên hợp trợ và bốn duyên không hợp trợ.

B. Pháp bất thiện.

Câu 4: Akusalo dhammo akusalassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ cho pháp bất thiện bằng Đồng sinh duyên."

a. Định nghĩa:

Là pháp bất thiện trợ giúp cho pháp bất thiện sinh lên được vững mạnh theo cách đồng sinh.

b. Chi pháp.

- *Bất thiện năng duyên:* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.
- *Bất thiện sở duyên:* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.

c. Giải thích.

Có các cách như sau:

- Một danh uẩn bất thiện trợ cho ba danh uẩn bất thiện còn lại theo cách đồng sinh.
- Hai danh uẩn bất thiện trợ giúp hai danh uẩn bất thiện còn lại được sinh lên theo cách đồng sinh.
- Ba danh uẩn bất thiện trợ cho một danh uẩn bất thiện còn lại được sinh khởi theo cách đồng sinh.

d. Phân tích.

Câu này đối với.

- *Người:* 4 phàm, 3 bậc Thánh Hữu học.
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
  (Cõi sắc giới và vô sắc giới không có bất thiện sân).
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ, tâm lộ ý có đổng lực bất thiện.
- *Giống:* Giống đồng sinh.

e. Duyên phối hợp.

Hợp trợ

Câu lọc này thuộc giống đồng sinh, nên có bốn duyên trong nhóm đồng sinh phổ thông phối hợp.

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là danh pháp nên có Hỗ tương duyên và Tương ưng duyên phối hợp.

Như vậy câu lọc này có 6 duyên phối hợp.

Không hợp trợ

- Năng duyên là pháp bất thiện nên không có Quả duyên phối hợp.
- Năng duyên và sở duyên là danh pháp nên không có Đồng sinh bất tương ưng duyên phối hợp.

Như vậy có hai duyên không hợp trợ.

Câu 5: Akusalo dhammo abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ giúp pháp vô ký bằng Đồng sinh duyên."

a. Định nghĩa.

Là pháp bất thiện trợ giúp sắc tâm bất thiện sinh lên theo cách đồng sinh.

b. Chi pháp

- *Bất thiện năng duyên:* Pháp bất thiện
- *Vô ký sở duyên:* Sắc tâm bất thiện

c. Giải thích

- Uẩn bất thiện trợ cho sắc tâm bất thiện thân biểu tri sinh khởi như: Người có tâm sân dùng tay đánh đập chúng sinh khác.

- Uẩn bất thiện trợ giúp cho sắc tâm bất thiện khẩu biểu tri sinh lên, như người có tâm lừa gạt người khác đã cố tình nói dối, nói vu khống, nói xuyên tạc người khác.

d. Phân tích.

Câu này đối với.

- *Người:* 4 phàm, 3 Thánh quả Hữu học.
- *Cõi:* 26 cõi ngũ uẩn
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đổng lực bất thiện.
- *Giống:* Giống đồng sinh

e. Duyên phối hợp

Hợp trợ:

Câu này thuộc giống đồng sinh nên có 4 duyên trong nhóm Đồng sinh phổ thông hợp trợ.

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp nên có Đồng sinh bất tương ưng hợp trợ.

Như vậy cây này có năm duyên phối hợp.

Không hợp trợ:

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp nên không có Hỗ tương duyên phối hợp. Không có Tương ưng duyên phối hợp.
- Năng duyên là pháp bất thiện nên không có Quả duyên phối hợp

Như vậy không có ba duyên phối hợp.

Câu 6: Akusalo dhammo akusalassa ca abyākatassa ca dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện trợ pháp bất thiện và vô ký bằng Đồng sinh duyên."

a. Định nghĩa.

Là pháp bất thiện trợ giúp pháp bất thiện cùng với sắc tâm bất thiện sinh lên được vững mạnh theo cách Đồng sinh.

b. Chi pháp

- *Bất thiện năng duyên.* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp.
- *Bất thiện và vô ký sở duyên.* 12 tâm bất thiện, 27 tâm sở hợp và sắc tâm bất thiện.

c. Giải thích.

Trong câu lọc này có các cách như sau.

- Một uẩn bất thiện trợ giúp cho ba uẩn bất thiện còn lại và sắc tâm bất thiện sinh lên theo cách Đồng sinh.
- Hai uẩn bất thiện trợ giúp hai uẩn bất thiện còn lại cùng sắc tâm bất thiện sinh lên theo cách Đồng sinh.
- Ba uẩn bất thiện trợ giúp một uẩn bất thiện còn lại và sắc tâm bất thiện sinh lên theo cách Đồng sinh.

d. Phân tích:

Câu này đối với.

- *Người:* 4 phàm, 3 bậc Thánh quả Hữu học.
- *Cõi:* 26 cõi ngũ uẩn
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn có đổng lực bất thiện.
- *Giống:* Giống đồng sinh.

e. Duyên phối hợp.

Hợp trợ

- Câu lọc này thuộc giống đồng sinh nên có bốn duyên trong nhóm Đồng sinh phổ thông phối hợp.

Không hợp trợ.

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là danh pháp cùng sắc pháp, nên không có Hỗ tương duyên, Tương ưng duyên lẫn Đồng sinh bất tương ưng duyên phối hợp.
- Năng duyên là pháp bất thiện nên không có quả duyên phối hợp.

Như vậy có bốn duyên không phối hợp.

Câu 7: Abyākato dhammo abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

"Pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng đồng sinh duyên."

a. Định nghĩa.

Là pháp vô ký trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên được vững mạnh theo cách đồng sinh.

b. Chi pháp.

Vô ký năng duyên: 56 tâm vô ký (32 tâm quả hiệp thế, 4 tâm quả siêu thế, 20 tâm duy tác) + 38 tâm sở hợp; sắc tứ đại, sắc y sinh.

Vô ký sở duyên: 56 tâm vô ký + 38 tâm sở hợp, sắc tâm tục sinh, sắc nghiệp tục sinh, sắc tâm bình nhật, sắc nghiệp bình nhật, sắc thời tiết, sắc vật thực.

c. Giải thích:

Trong câu lọc này có các mô thức như sau:

i. Danh vô ký trợ cho danh vô ký theo cách Đồng sinh
ii. Danh vô ký trợ cho sắc
iii. Danh vô ký trợ cho danh sắc vô ký
iv. Sắc trợ cho sắc

i. Danh vô ký trợ cho danh vô ký theo cách Đồng sinh

Mô thức này diễn tiến trong 30 cõi hữu tâm trong thời bình nhật, như:

- Một danh uẩn quả (hay Duy tác) trợ giúp cho ba danh uẩn quả (hay Duy tác) còn lại được sinh lên vững mjanh theo cách đồng sinh.
- Hai danh uẩn quả (hay Duy tác) trợ giúp cho ba danh uẩn quả (hay Duy tác) còn lại sinh lên vững mạnh theo cách đồng sinh.
- Ba danh uẩn quả (hay Duy tác) trợ giúp cho một danh uẩn quả (hay Duy tác) còn lại sinh lên vững mạnh theo cách đồng sinh.
- *Vô ký năng duyên:* 56 tâm vô ký + 38 tâm sở hợp
- *Vô ký sở duyên:* 56 tâm vô ký + 38 tâm sở hợp.
- *Người:* 4 phàm + 4 Thánh quả
- *Cõi:* 30 cõi hữu tâm
- *Thời:* Thời bình nhật, tục sinh và tử.
- *Tâm lộ:* Ở cõi ngũ uẩn có hai tâm lộ: Tâm lộ ngũ môn, tâm lộ ý môn, tâm lộ đắc đạo, tâm lộ nhập thiền duy tác, tâm lộ chứng thiền duy tác, tâm lộ nhập thiền quả.
- *Duyên hợp trợ:*
- Mô thức này thuộc giống đồng sinh nên có 4 duyên Đồng sinh phổ thông hợp trợ.
- Năng duyên và sở duyên đều là danh pháp, nên có Hỗ tương duyên hợp trợ, có Tương ưng duyên.
- Năng duyên và sở duyên là vô ký quả thì có quả duyên hợp trợ.

Nếu là vô ký duy tác thì không có quả duyên hợp trợ.

Như vậy nếu là năng duyên là vô ký quả thì có 7 duyên hợp trợ.

Nếu năng duyên là vô ký duy tác thì có sáu duyên hợp trợ.

- *Không hợp trợ:*

Đồng sinh duyên có 7 duyên đặc biệt trong giống đồng sinh không hợp trợ nhất định.

Ngoài ra, trong câu lọc này có.

Năng duyên và sở duyên đều là danh pháp nên không có đồng sinh bất tương ưng duyên hợp trợ.

Như vậy có 8 duyên hoặc một duyên không hợp trợ.

ii. Danh vô ký trợ sắc bằng cách Đồng sinh

Câu này chỉ có nơi 26 cõi ngũ uẩn.

Thời bình nhật.

- Bốn danh uẩn quả hay 4 danh uẩn duy tác (trừ năm đôi thức) trợ giúp cho sắc tâm quả hay sắc tâm duy tác sinh lên theo cách đồng sinh.

Vô ký năng duyên. 46 tâm vô ký (trừ năm đôi thức) + 38 tâm sở hợp.

Vô ký sở duyên: Sắc tâm quả hay sắc tâm hạnh.

- *Người:* 4 phàm, 4 Thánh quả
- *Cõi:* 26 cõi ngũ uẩn
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ, tâm lộ ý.
- *Thời:* Thời bình nhật

Duyên hợp trợ

Có 4 duyên đồng sinh phổ thông hợp trợ, ngoài ra với vô ký năng duyên là uẩn quả thì có quả duyên hợp trợ, còn vô ký năng duyên là uẩn duy tác thì không có quả duyên hợp trợ.

Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp, nên có Đồng sinh bất tương ưng hợp trợ.

Như vậy có 6 duyên hợp trợ (với danh uẩn quả), với danh uẩn duy tác thì có 5 duyên hợp trợ.

Không hợp trợ.

- Năng duyên là danh pháp, sở duyên là sắc pháp nên không có Hỗ tương duyên và Tương ưng duyên phối hợp.

Như vậy có hai duyên (hay 9 duyên) không hợp trợ.

Thời tục sinh và thời tử.

Vào thời tục sinh. Bốn uẩn quả tục sinh trợ cho sắc tâm tục sinh (trừ 4 uẩn quả cõi vô sắc).

Vào thời tử. Bốn uẩn quả trợ cho sắc tâm tử (trừ 4 tâm quả vô sắc và tâm tử vị Thánh A la hán).

iii. Danh vô ký trợ cho danh sắc vô ký bằng cách Đồng sinh.

Trong phần này có các cách như sau.

- Một danh uẩn quả (hay Duy tác) trợ cho các danh uẩn quả (hoặc Duy tác) còn lại cùng với sắc tâm quả (hoặc sắc tâm duy tác) sinh lên theo cách Đồng sinh.
- Hai danh uẩn quả (hay sắc tâm duy tác) trợ cho hai danh uẩn quả (hay Duy tác) cùng sắc tâm quả (hay sắc tâm Duy tác) sinh lên theo cách Đồng sinh.
- Ba danh uẩn quả (hay Duy tác) trợ giúp cho một danh uẩn quả (hay Duy tác) còn lại cùng sắc tâm quả (hay sắc tâm Duy tác) sinh lên theo cách Đồng sing.

Phân tích:

- *Người:* 4 phàm, 3 Thánh quả Hữu học
- *Cõi:* 26 cõi ngũ uẩn
- *Thời:* Thời bình nhật

- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ, tâm lộ ý

Duyên hợp trợ

Câu lọc này thuộc giống đồng sinh nên có 4 duyên đồng sinh phổ thông phối hợp.

- Năng duyên là danh pháp quả thì có quả duyên phối hợp. Năng duyên là pháp duy tác thì không có quả duyên hợp trợ.

Như vậy có 5 duyên hợp trợ.

Duyên không hợp trợ

- Ngoài 7 duyên đồng sinh đặc biệt không hợp trợ nhất định, còn có.

Năng duyên là danh pháp, sở duyên là danh sắc nên không có Hỗ tương duyên, Tương ưng duyên và Đồng sinh bất tương ưng duyên

Tổng cộng có 10 duyên không hợp trợ.

Thời tục sinh và thời tử

Thời tục sinh và thời tử không có uẩn duy tác và sắc tâm duy tác. Tâm tử của vị Thánh A la hán không có sắc tâm tử sinh lên, có các cách như sau:

- Một uẩn tục sinh hay uẩn quả trợ giúp cho ba uẩn quả tục sinh và sắc tục sinh (hay sắc tâm tử) sinh lên theo cách đồng sinh.
- Hai uẩn tục sinh hay uẩn quả trợ giúp cho hai uẩn quả tục sinh và sắc tục sinh (hay sắc tâm tử) sinh lên theo cách đồng sinh.
- Một uẩn quả tục sinh trợ cho ba uẩn quả tục sinh và sắc tục sinh (hay sắc tâm tử) sinh lên theo cách Đồng sinh.

Phân tích:

- *Người:* 4 phàm, 3 Thánh quả Hữu học tục sinh trong cõi ngũ uẩn.
- *Cõi:* 26 cõi ngũ uẩn
- *Tâm lộ:* Tâm lộ tục sinh, tâm lộ tử
- *Thời:* Thời tục sinh, thời tử.

Duyên hợp trợ

Ngoài bốn duyên đồng sinh sinh phổ thông, còn có.

Năng duyên là danh uẩn quả nên có Quả duyên phối hợp

Sở duyên có sắc y vật tục sinh nên có Hỗ tương duyên phối hợp.

Như vậy có 6 duyên phối hợp

Không có 9 duyên phối hợp.

iv. Sắc trợ cho sắc

Có các cách như sau.

*Một sắc tứ đại trợ cho 3 sắc tứ đại.

- Hai sắc tứ đại trợ cho 2 sắc tứ đại
- Ba sắc tứ đại trợ cho 1 sắc tứ đại

(Học viên cần xem xét theo cõi ngũ uẩn hay cõi vô tưởng)

Lại nữa:

- Nói về sắc tứ đại có 4 loại sắc tứ đại là

Sắc tứ đại do nghiệp tạo, sắc tứ đại do tâm tạo, sắc tứ đại do thời tiết tạo, sắc tứ đại do vật thực tạo.

Ngoài ra còn có

- Sắc tứ đại nghiệp trợ cho sắc y sinh nghiệp sinh lên.
- Sắc tứ đại tâm trợ cho sắc sắc y sinh tâm sinh lên.
- Sắc tứ đại thời tiết trợ cho sắc y sinh thời tiết sinh lên.

- Sắc tứ đại vật thực trợ cho sắc y sinh vật thực sinh lên.

Trong cõi vô tưởng

- Một, hai, hay ba sắc tứ đại trợ cho một sắc tứ đại vãi vô tưởng sinh lên theo cách Đồng sinh.
- Bốn sắc tứ đại cõi vô tưởng trợ cho sắc y sinh cõi vô tưởng sinh lên.

Câu 8: Kusalo ca abyākatassa ca dhammā abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

"Pháp thiện và pháp vô ký trợ cho pháp vô ký bằng đồng sinh duyên."

a. Định nghĩa.

Là pháp thiện cùng pháp vô ký trợ cho pháp vô ký sinh lên theo cách đồng sinh.

b. Chi pháp

Thiện và vô ký năng duyên: Tất cả pháp thiện và sắc tâm tứ đại thiện.

Vô ký sở duyên: Sắc tâm thiện

c. Giải thích:

- Một, hai, ba hoặc bốn danh uẩn thiện cùng một, hai hay ba sắc tứ đại trợ cho sắc tứ đại còn lại sinh lên theo cách Đồng sinh.
- Cả 4 danh uẩn thiện cùng sắc tứ đại tâm thiện trợ giúp cho sắc y sinh tâm thiện sinh lên theo cách Đồng sinh.

d. Phân tích

Câu này đối với.

- *Người:* 4 phàm, 4 Thánh đạo, 3 Thánh quả Hữu học
- *Cõi:* 26 cõi ngũ uẩn
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ, tâm lộ ý (có đổng lực thiện), lộ đắc thiền, lộ nhập thiền hiệp thế, lộ đắc đạo, lộ nhập thiền quả Hữu học.

e. Duyên hợp trợ

Hợp trợ

- Câu này thuộc giống Đồng sinh nên có bốn duyên đồng sinh phổ thông hợp trợ. Ngoài ra còn có Đồng sinh bất tương ưng duyên

Không hợp trợ

- Năng duyên là danh pháp lẫn sắc pháp
- Sở duyên là sắc pháp nên không có: Hỗ tương duyên, Tương ưng duyên.
- Năng duyên là uẩn thiện nên không có Quả duyên hợp trợ.

Như vậy không có 3 duyên hay 10 duyên không hợp trợ.

Câu 9: Akusalo ca abyākato ca dhammā abyākatassa dhammassa sahajātapaccayena paccayo.

"Pháp bất thiện và pháp vô ký trợc cho pháp vô ký bằng đồng sinh duyên."

a. Định nghĩa:

Là pháp bất thiện cùng pháp vô ký trợ giúp cho pháp vô ký sinh lên theo cách đồng sinh.

b. Chi pháp:

- *Bất thiện và vô ký năng duyên:* Pháp bất thiện cùng với sắc tâm tứ đại bất thiện.
- *Vô ký sở duyên:* Là sắc tâm bất thiện.

c. Giải thích:

Có các cách sau.

- Một, hai, ba hay bốn uẩn bất thiện cùng với một, hai, hay ba sắc tứ đại tâm bất thiện trợ giúp cho sắc tứ đại tâm còn lại sinh lên theo cách Đồng sinh.

- Bốn danh uẩn bất thiện cùng sắc tứ đại tâm bất thiện trợ giúp cho sắc y sinh tâm bất thiện sinh lên bằng cách đồng sinh.

d. Phân tích.

Câu này đối với.

- *Người:* 4 phàm + 3 Thánh quả Hữu học
- *Cõi:* 26 cõi ngũ uẩn
- *Thời:* Thời bình nhật
- *Tâm lộ:* Tâm lộ ngũ, tâm lộ ý có đổng lực bất thiện.
- *Giống:* Giống đồng sinh

e. Duyên hợp trợ

Hợp trợ

- Câu này thuộc giống đồng sinh nên có 4 duyên phổ thông hợp trợ là:

- Đồng sinh duyên
- Đồng sinh y duyên
- Đồng sinh hiện hữu duyên
- Đồng sinh bất ly duyên

- Năng duyên là danh sắc, sở duyên là sắc pháp nên có đồng sinh bất tương ưng hợp trợ.

Không hợp trợ

- Năng duyên là danh sắc, sở duyên là sắc pháp, nên không có Hỗ tương duyên, Tương ưng duyên hợp trợ.

- Năng duyên là pháp bất thiện nên không có quả duyên hợp trợ.

Như vậy có ba duyên không hợp trợ.